

**Huỳnh Ái Tông**

# Truyện của tôi

**Hiên PHẬT HỌC**

# MỤC LỤC



|                                                 |     |
|-------------------------------------------------|-----|
| 1. Vài lời vào truyện .....                     | 3   |
| 2. Làng tôi .....                               | 5   |
| 3. Trường tôi ( 1 ) .....                       | 23  |
| 4. Trường tôi ( 2 ) Ban Cao Đẳng SPKT .....     | 77  |
| 5. Trường tôi ( 3 ) Đại Học Vạn Hạnh .....      | 85  |
| 6. Trường tôi ( 4 ) Trường KT Banmêthuôt .....  | 105 |
| 7. Trường tôi ( 5 ) THPT Nguyễn Trường Tộ ..... | 139 |
| 8. Trường tôi ( 6 ) Trở lại Trường cũ .....     | 183 |
| 9. Thăm lại Trường xưa ĐHSPTTĐ.....             | 203 |
| 10. Nghiệp Nhà giáo của tôi .....               | 207 |
| 11. Tôi đi lính .....                           | 233 |
| 12. Những ngày tù tội .....                     | 267 |
| 13. Gia phả của tôi .....                       | 273 |
| 14. Bảy mươi năm nhìn lại cuộc đời .....        | 279 |

## Vài lời vào truyện

\*

Tôi không có cao vọng viết để trở thành nhà văn, vì biết mình không có khiếu văn chương, học thuật cả đến các môn thể thao.

Viết để ghi lại dòng cảm nghĩ và hồi tưởng của mình, là kinh nghiệm sống, một đời tôi không có tham vọng, cũng không có mưu cầu, chuyện phải tới, nó đã tới như thế đó.

Khi phải làm việc chi, tôi muốn nỗ lực để hoàn thành cho được tốt đẹp, để không phụ lòng người khác.

Đời sống của tôi đơn giản, thế nên tôi viết đơn giản về nó.

Louisville, ngày 11 tháng 11 năm 2011

Huỳnh Ái Tông



HUỲNH ÁI TÔNG

## Làng tôi

Làng tôi là một cù lao nằm trên sông Hậu, trong Đại Nam Nhất Thống Chí ghi đó là Cù lao Năng Gù có nhiều tre gai. Cù lao này dài khoảng 10 cây số, ngang chỗ rộng nhất nằm giữa cù lao khoảng 3 cây số. Thời xưa có tên là làng Bình Lâm, thời Pháp thuộc có tên là làng Bình Thủy, thuộc Tổng Định Thành, quận Châu Thành, tỉnh Long Xuyên. Làng Bình Thủy trên đất cù lao Năng gù có ba ấp là Bình Phú, Bình Thới, Bình Hòa còn có thêm ấp Bình An nằm bên phần đất liền, giáp ranh với phần đất phía Đông tỉnh Châu Đốc.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Cù Lao Năng Gù phía Bắc là sông Hậu Giang, bên kia sông là làng Mỹ Hội Đông, thuộc quận Chợ Mới, phía Nam là phụ lưu sông Hậu Giang, tách ra từ đầu cù lao và nhập lại vào cuối cù lao, bên kia sông là con đường liên tỉnh 10 Long Xuyên – Châu Đốc thuộc xã Bình Mỹ, phía Đông giáp với làng Bình Hòa, phía Tây ở Ấp Bình An giáp với làng Bình Mỹ. Trên cù lao có hai con rạch : Rạch Cát chạy từ đầu cù lao đến cuối cù lao, cách sông Hậu Giang chừng 500 thước; Rạch Chanh chạy từ đầu cù lao, chạy song song với nhánh sông, rồi đổ ra nhánh sông ở khoảng giữa cù lao, nơi đó có ngôi đình làng, nơi đây làng cho đào một con kinh cắt ngang cù lao, để nhánh sông thông qua sông Hậu Giang, thuận tiện cho việc lưu thông thủy bộ trong làng.



Tam quan Đình Bình Thủy

Về mặt tôn giáo, ấp Bình Phú và Bình Thới hầu hết theo đạo Phật sau năm 1939, đa số chuyển sang đạo Phật Giáo Hòa Hảo,

## TRUYỆN CỦA TÔI

ấp Bình Hòa có một số tín đồ Tứ Ân của Phật Thầy Tây An, thường gọi là đạo Hiếu Nghĩa, riêng ấp Bình An toàn thể theo Thiên Chúa Giáo, có một ngôi nhà thờ Năng Gù xây dựng từ thời Pháp thuộc. Khi còn nhỏ, tôi nghe có Linh mục Poulo cai quản giáo xứ Bình An này, nhưng khi lớn lên, vào quân đội đóng ở Sóc Trăng, người địa phương cho biết Giám mục Poulo cai quản địa phận từ Nam Vang chạy dài xuống theo dòng sông Hậu, qua các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ cho tới Sóc Trăng.



Nhà thờ Năng Gù

## HUỖNH ÁI TÔNG

Sau năm 1975, thời ba tỉnh nhập một Long Châu Hà, có một nhân vật cách mạng quê ở Cái Dầu, lấy vợ ở cù lao Năng Gù, ông ta đã nâng thị trấn Cái Dầu thành Huyện lỵ Châu Phú, rồi đem cù lao Năng Gù sáp nhập vào huyện Châu Phú với sự thay đổi là tách ấp Bình An ra khỏi làng Bình Thủy, lập thêm một ấp Bình Quới, làm cho làng Bình Thủy nằm trọn trên cù lao Năng gù có bốn ấp: Bình Phú, Bình Quới, Bình Thới và Bình Hòa, làng Bình Thủy trở lại là làng Phật Giáo, có nhiều giáo phái, có một ngôi chùa làng, một ngôi chùa tư, một ngôi đình cổ, một ngôi trường học có từ lâu đời và một ngôi chợ ở đầu làng.

Còn ấp Bình An tách ra khỏi làng Bình Thủy, cộng thêm một phần đất xã Bình Hòa lập thành xã Bình An, vẫn thuộc huyện Châu thành tỉnh An Giang. Là một xã có đạo Thiên Chúa giáo.

Ở đầu làng có một ngôi chợ, nơi đó có một bến đò thường gọi là bến đò Năng gù, về sau gần đó có một bến Bắc (phà), những người phụ xế (lơ) xe đò, không rành về địa phương, thấy bến bắc gần bến đò Năng gù, nên họ đặt tên là “Bắc Năng Gù”, thật ra chiếc Bắc này đưa người đi từ làng Bình Mỹ sang Hòa Hảo và ngược lại, không dính dáng chi đến cù lao Năng gù cả. Đây là sự sai lầm mà chúng tôi muốn giải thích nguyên do vì sao có tên là “Bắc Năng Gù”.

Địa danh “Năng Gù”, có lẽ cũng như “Chắc Cà Dao”, “Mặc Cần Dung”, không phải nguồn gốc từ tiếng Việt, có thể địa danh của người Khmer còn để lại.

Theo lời truyền tụng lại, ngày xưa có một ông họ Dương đem gia đình, gia nhân đến cù lao Năng Gù khai hoang, lập làng được gọi là ông Tiền Hiền, ông có bài vị thờ trong đình làng.

Gia đình tôi có liên hệ đến ông Tiền Hiền, nguyên xưa kia ông Sơ tôi nghèo, sau vụ mùa lúa, ông đi xuống miệt dưới (Sa đéc,



## TRUYỆN CỦA TÔI

Cần Thơ, Vĩnh Long ...), để làm thuê, trong khi đó bà Sơ tôi ở nhà sanh ra ông Cố tôi, khi ông Sơ tôi trở về, bị ông bà thân của bà Sơ tôi bắt lỗi là vợ sanh mà không ở nhà lo cho vợ con, cấm tuyệt không cho ông Sơ tôi vào nhà, ông Sơ tôi ngồi ở bên cạnh nhà, khóc suốt đêm rồi bỏ đi biệt tâm từ đó.

Về sau bà Sơ tôi lấy chồng khác, đem ông Cố tôi cho làm con nuôi quan Phủ Nguyễn Bá Thanh, nên được lấy họ Nguyễn, nhờ là con nuôi của quan Phủ nên ông Cố tôi cưới được con gái út của nhà họ Dương, thuộc dòng dõi ông Tiền Hiền kể trên. Ngày nay trên phần đất họ Dương chia cho bà Cố tôi có ngôi mộ của ông Tiền Hiền. Còn phần mộ ông bà Cố tôi lại nằm trong phần đất gần khu mộ của gia đình ông Phủ. Chính bên ngoài của Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ cũng thuộc dòng dõi họ Dương của ông Tiền Hiền này.



Phủ thờ họ Dương

Khoảng cuối thập niên 50, con cháu họ Dương cất một phủ thờ trên phần đất họ Dương bên cạnh đình làng, rước bài vị họ

Dương từ đình sang phủ thờ tế tự từ đó. Ý kiến cất một phủ thờ riêng cho ông Tiên Hiền, cha tôi là cháu ngoại họ Dương, là Hương chức trong làng có nêu ý kiến là khi lập phủ thờ, ông Tiên Hiền chỉ được con cháu họ Dương cúng kiến mỗi năm một lần vào ngày giỗ, còn nếu vẫn để bài vị trong đình thì mỗi năm được Hương chức làng đứng ra cúng kiến mỗi năm ba lễ tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chạp không phải là cao quý hơn sao ? Nhưng những người gánh họ Dương quyết tâm xây cất phủ thờ họ Dương.

Hồi tôi còn nhỏ, khoảng 4 tuổi, tôi nhớ được ngôi nhà cũ của cha tôi, đó là ngôi nhà của ông bà để lại, nhà ba căn, cất sát ngay cạnh nền nhà của ông Phủ ngày xưa, sau đó cha tôi đã dời nhà về miếng đất mới mua, cất ngôi nhà mới chưa hoàn tất thì đất nước xảy ra cuộc cách mạng mùa thu năm 1945.

Bên cạnh ngôi nhà cũ, cô tôi thường kể có nhà bà mụ Ba, chồng bà mụ Ba cũng là con nuôi của quan Phủ, Bà mụ Ba thật có thiên tài, sanh cho những người bị nhao choàng rất dễ dàng, có ai rước bà đi sanh, bà hỏi tuổi của người mẹ rồi đánh tay, biết người mẹ sanh con vào lúc nào, có khi sau khi đánh tay xong, bà bảo người đi rước mụ hãy để cho bà ăn trà, uống nước thư thả rồi hẳn đi vì sản phụ chưa sanh, có lúc bà hỏi thúc người rước mụ đưa bà đi nhanh lên, kéo không kịp đến nơi thì sản phụ đã sanh, có khi bà bảo cho người đi rước biết là sản phụ đã sanh rồi, trăm lần như một đều đúng không sai một mảy mai.

Nhưng mà trong làng có bà mụ Ngũ còn danh tiếng hơn, chuyện sau đây được truyền tụng sang các làng khác, cho đến ngày nay vẫn còn được nhắc nhở như sau :

Một đêm khuya, có việc bà mụ Ngũ ra khỏi nhà, liền gặp ngay một con cạp đang nằm phục sẵn trước mặt bà. Bà mụ sợ hãi nhưng còn kịp suy nghĩ nên khẩn nguyện với con cạp.

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Tôi là người hiền lương, nếu ngài cần chi tôi sẵn lòng giúp, xin ngài đừng hại tội nghiệp.

Cọp như nghe được tiếng người, liền tỏ vẻ cung kính và như mời bà mẹ lên lưng. Mặc dù sợ cọp nhưng bà mẹ cũng đánh liều leo lên lưng cọp.

Cọp liền cõng bà mẹ đi, qua vài con rạch len lõi trong những bụi tre rừng, vài đám sậy, chừng một khắc thì đến dưới một góc cây to. Bà mẹ thấy ở đó có một con cọp cái đang hung hăng chừng như đau đớn lắm, bà ta định bụng chắc cọp cái đang có chữa sắp sanh liền nói:

- Nếu như ngài muốn cho tôi sanh con ngài êm ái, xin ngài nằm yên, đừng làm cho tôi sợ hãi, tôi sẽ hết lòng giúp ngài.

Cọp cái lúc ấy nằm yên, bà mẹ giúp cọp cái sanh con. Xong xuôi cọp đực liền mẹ xuống, bà mẹ lúc này đã yên tâm leo lên lưng cho cọp mang về.

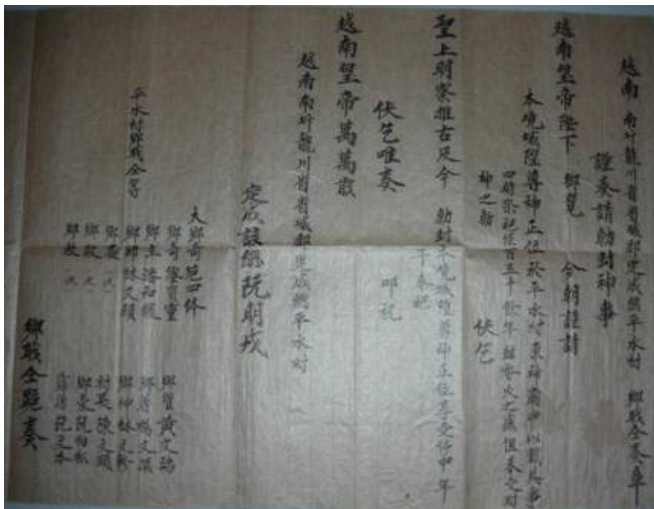
Lúc bà mẹ bị cọp cõng đi trong nhà không ai hay biết, lúc hay được, báo tin cho hàng xóm, dân làng đốt đuốc, gõ mõ đưa nhau đi tìm, tìm mãi mà không thấy nhưng đến khoảng canh tư thì bà mẹ được cọp cõng về trả ở sau vườn, bà đi vào nhà thuật lại chuyện được cọp mời đi sanh cọp con, mọi người bán tín bán nghi.

Đến ba hôm sau, trời vừa hừng sáng, bà mẹ dậy sớm ra quét sân thấy có một con heo đứng tạ, vừa bị cọp vồ đặt giữa sân. Dân làng biết được đến xem heo và thấy dấu chân cọp họ mới tin, nhưng sợ là cọp đã vồ heo trong làng, nên cho người đi các nơi dò hỏi dân trong làng và làng bên kia sông, kết quả không có ai mất heo. Gia đình bà mẹ lúc đó mới yên tâm làm heo ăn mừng, và chừa lại cái đầu, tối đến bà mẹ đem đầu heo ra sân kiến lại cho cọp, đem đó cọp về tha đầu heo đi mất.

## HUỲNH ÁI TÔNG

Từ đó người ta tin tưởng cộp ở trong làng, không làm hại ai cả mà lại còn có nghĩa, nên Hương chức trong làng họp lại làm một tờ cử. Cử cộp làm ông xã trưởng, mỗi năm cứ đến dịp đình cúng lễ Kỳ yên, dân làng đều có dành kiến cho ông Xã cộp một đầu heo và làm một tờ cử mới, năm nào cũng như năm nào sau đêm cúng, sáng ra người ta thấy có dấu chân cộp về tha đầu heo đi, để lại tờ cử cũ năm trước và lấy tờ cử mới. Ai cũng lấy làm lạ, về tờ cử cũ không biết ông Xã cộp cất giấu ở đâu, mà suốt năm tờ cử vẫn còn mới nguyên.

Mỗi năm dân cư mỗi đông, ruộng đất được khai khẩn thêm, biến những tre rừng, lau sậy um tùm thành ruộng đất xanh tươi, từ đó ông Xã cộp không còn nơi ở, không nhận tờ cử mới và đầu heo. Nhưng trong những ngôi miếu trước sân đình, có một ngôi miếu nhỏ dưới gốc cây thị to vẫn còn chỗ thờ phượng ông Xã cộp. Ngày nay người ta đã biến thành miếu Thổ thần, vẫn có người đem đem con khó nuôi đến miếu, ký bán con mình để được dễ nuôi ngon ăn chóng lớn.



Tấu chương cầu xin Sắc phong Thần hoàng

## TRUYỆN CỦA TÔI

Mặc dù đất Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, nhưng cũng như những ngôi đình khác, Thần hoàng phải có sắc phong của vua Nam triều, nên vào thập niên 30, Ban Hội Tề làng Bình Thủy đã làm Sớ gửi tới triều đình Huế, dưới thời vua Bảo Đại để xin thỉnh cầu sắc phong thần hoàng đã tôn thờ ở đình làng, Sớ viết chữ Hán:

Phiên âm:

Việt Nam Nam Kỳ Long Xuyên tỉnh  
Tỉnh Thành quận Định Thành tổng Bình Thủy thôn

Hương chức đồng tấu chương

Cần tấu thỉnh sắc phong thần sự

Việt Nam Hoàng Đế giai hạ

Ngự lãm

Kim triều cần thỉnh:

Bốn cảnh thần hoàng tôn thần chính vị ư Bình Thủy thôn, nguyên thần miếu trung, dĩ thừa kỳ sự, tứ thời tế tự kinh bách ngũ thập dư niên, tuy hương hỏa chi thịnh, dân vị thụ phong thần chi sắc.

Phục khất:

Thánh Thượng minh xét thôi cổ cập kim  
Sắc phong bốn cảnh thành hoàng tôn thần chính vị, hưởng thụ đình trung niên niên phụng tế.

Phục khất duy tấu.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Khẩu chúc: Việt Nam Hoàng đế vạn vạn tuế.

Việt Nam Nam Kỳ Long Xuyên tỉnh Tỉnh Thành quận Định  
Thành tổng Bình Thủy thôn

- Định Thành Cai tổng Nguyễn Minh Nhung

Bình Thủy thôn Hương chức đồng đẳng:

- Đại Hương Cả Phạm Tứ Thế
- Hương Cả Lê Bửu Linh
- Hương Chủ Phan Hòa Huân
- Hương Sư Lâm Văn Nguyên
- Hương Trưởng (khuyết)
- Hương Chánh (khuyết)
- Hương Giáo (khuyết)
- Hương Quản Huỳnh Văn Đoan
- Hương Bộ Dương Văn Cừ
- Hương Thân Lâm Văn Chấn
- Thôn Trưởng Trần Văn Chấn
- Hương Hào Nguyễn Bá Tông
- Chánh Lục Bộ Nguyễn Văn Bồn

Hương chức đồng quy tấu

Sắc phong Thần hoàng làng Bình Thủy của Hoàng đế Bảo Đại.

Phiên âm:

Sắc Long Xuyên tỉnh, Tỉnh Thành quận, Định Thành tổng,  
Bình Thủy thôn phụng sự bốn cảnh thần hoàng tôn thần hộ  
quốc tể dân niệm trứ linh ứng tư kim phi thừa.

Cảnh mệnh miến niệm thần hưu trứ phong vi tinh hậu dục bảo  
trung hưng trung đẳng thần chuẩn kỳ phụng sự tịch cơ thần kỳ  
tương hựu bảo ngã lê dân khâm tai.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Bảo Đại thập cửu niên tam nguyệt nhị thập nhị nhật.



Sắc của Hoàng đế Bảo Đại phong Thần hoàng làng Bình Thủy

Tướng cũng cần nhắc lại Hương chức gồm có 12 người gọi là Ban Hội Tề, do nghị định của Toàn Quyền Đông Dương ban hành ngày 30 tháng 10 năm 1927, qui định chức vụ và quyền hạn của 12 Hương chức trong Ban Hội Tề như sau:

- Hương Cả: Chủ tịch.
- Hương Chủ: Phó Chủ tịch kiêm Thủ quỹ.
- Hương Sur: Giám sát các hương chức khác.
- Hương Trưởng: Trông nom việc học.
- Hương Chánh: Cố vấn cho Hương Thân, Xã Trưởng, Hương Hào
- Hương Giáo: Chỉ bảo cho Hương chức cấp thấp không nằm trong Ban Hội Tề
- Hương Quản: Đảm trách việc cảnh sát, hành chánh và tư pháp.
- Hương bộ hay Thủ bộ: Giữ sổ sách thuế bộ như thuế thân, thuế ghe, thuyền, thuế trâu bò, địa bộ và các sổ sách khác của làng.

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Thương Thân: Đứng đầu Ban Chấp Hành (Hương Thân, Xã Trưởng, Hương Hào) có nhiệm vụ liên lạc giữa Ban Hội Tề với quan trên.
- Xã Trưởng hay Thôn Trưởng: Làm môi giới giữa xã thôn và nhà nước.
- Hương Hào: Cõi việc tuần tra ở trong làng xã.
  - Chánh Lục Bộ: Chịu trách nhiệm về Khai sanh, Khai tử, Hôn thú.

Nhiều làng có chức Đại Hương Cả, là Chủ tịch danh dự hay là cố vấn cho Ban Hội Tề.

Người ta tin rằng, thần hoàng của làng Bình Thủy rất linh thiêng, tôi có nghe mấy chuyện kể như sau:

Sau lễ cúng đình, gạo còn dư nhiều, ông từ ăn không hết sợ để lâu gạo bị mốc, có anh kia nhận mượn một tào gạo đem về nhà ăn, đến lễ cúng sau sẽ trả lại, rồi đến mùa gặt lúa, anh ta đi làm xa, ngày lo làm, tối về mệt ngủ, không nhớ đến lễ cúng đình, một đêm kia anh ta nghe bên tai có ai bảo: “Lo liệu đem tào gạo trả lại để cúng đình”, sáng ra anh ta tức tốc bơi xuồng trở về nhà, kịp xay lúa, giã gạo trả cho đình để cúng lễ Kỳ yên.

\*

Chú Bảy Đăng một hôm bơi xuồng đi chợ, khi gần đến bến chợ vô tình chú thấy có người đàn bà rút cái quần đang phơi của ghe bên cạnh, lúc chú đến chợ, vừa mới cập xuồng cột vào bến, thì nghe chị đàn bà nọ hỏi chị kia:

- Chị có lấy cái quần của tôi phơi ở đây không? Làm ơn trả lại cho tôi.
- Sao chị lại hỏi kỳ vậy, bộ chị nghi tôi lấy của chị hay sao? Chị không thấy thì đừng có nói bậy nghe !



## TRUYỆN CỦA TÔI

- Vậy chớ tôi hỏi chị, chỉ có ghe của chị và ghe của tôi đậu nơi đây, sao cái quần của tôi bị mất đi ? Chị nói chị không lấy, vậy chị có dám kêu linh thần thề hay không?

- Sao lại không! Tôi mà có lấy cái quần của chị cho ông Thần vật tôi chết đi!

Chú Bảy Đăng đã thấy chị đàn bà đó lấy cái quần rõ ràng, vậy mà chị ấy lại dám thề độc như vậy, chú nghĩ thầm: “Ai cũng nói ông thần rất linh thiêng, chuyện này để coi ông thần sẽ làm sao ?”. Tối đêm ấy, chú nằm chiêm bao thấy một ông già phương phi, râu tóc bạc phơ nói với chú :

- Này bảy Đăng! Chẳng lẽ, chỉ vì một cái quần của đàn bà, mà ta phải làm cho ra chuyện dối người đàn bà nghèo khổ, đáng thương đó hay sao?

Sáng ra, nhớ lại giấc chiêm bao, chú bảy Đăng liền bắt một con vịt luộc rồi đem tới đình, cúng tạ lỗi với linh thần, vì chú đã có ý nghĩ bất kính.

\*

Còn chuyện chính ông thân sinh ra tôi kể lại. Khoảng thập niên 30 đến giữa 40, ông thân tôi có làm Hương chức làng, một buổi tối chừng 10, 11 giờ đêm - ở nhà quê, xưa kia như vậy đã là khuya lắm rồi, không còn ai đi lại – ông thân tôi có việc, trên đường về đi ngang qua đình. Khi đạp xe ngang qua đó, nghe trong nhà hội của đình có tiếng nói lao xao, ông thân tôi nghĩ là ông từ chưa bài, xe chạy qua khỏi đình rồi, ông thân tôi quay lại đi vào nhà hội, khi vào sân đình vẫn còn nghe tiếng lao xao, nên ông thân tôi nghi quyết là có sòng bài, nhưng vào tới nhà hội thì nghe im lặng, ông thân tôi nghĩ chắc có người báo nên mấy tay chơi bài im lặng, ông thân tôi gõ cửa gọi ông từ. Ông từ lục đục rồi mở cửa, hỏi ông thân giọng còn ngáy ngủ:

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Ông Hương sư gọi tôi đêm tối, có việc chi không ?

- Bộ anh chứa bài hả ?

- Đâu mà có !

- Sao chạy xe ngoài đường, tôi nghe trong này có tiếng nói chuyện ồn ào, không có sòng bài thì là gì ?

Ông từ chậm rãi giải thích:

- Ông Hương sư không biết đó, mỗi lần gần tới lễ cúng đình, mấy ông về chia phần cải cộ với nhau, có khi xóc chén đĩa rộn ràng thiếu điều muốn bể hết. Chớ có ai mà dám chứa bài ở đây !

Ông thân tôi nghe xong, thăm phục cho ông từ là người dạn dĩ, luôn luôn chỉ có một mình ngủ ở đình từ năm nọ qua năm kia.

\*

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, mỗi làng có hai Cảnh Sát viên để giúp Hội Đồng Xã trông coi trật tự, làng tôi cũng vậy có hai anh Cảnh sát. Có một anh Cảnh sát luôn luôn giúp đỡ dân làng, nhất là mỗi lần có hành quân bắt quân dịch, anh ta ngầm thông báo cho thanh niên trong hạng tuổi quân dịch biết để trốn tránh, nhờ vậy nhiều người rất biết ơn anh ta.

Một hôm, ở quán cà-phê anh Cảnh sát ấy nói với mấy người bạn, viên chức trong làng:

- Đêm hôm tôi nằm chiêm bao thấy có một ông già râu tóc bạc phơ, cặp cổ dẫn tôi đi chơi, tới một chỗ phong cảnh rất đẹp.

Một người vui vẻ nói:

## TRUYỆN CỦA TÔI

Anh không biết đó, ông già ấy chẳng ai khác hơn là thần hoàng ở đình này, vì ngài nhận thấy anh luôn luôn giúp đỡ dân trong làng, nên cho anh thấy ngài, cũng như tưởng thưởng anh đó !

Có lẽ vào đầu thế kỷ 20, trong Nam có ông Lưu Văn Lang tốt nghiệp Kỹ sư Cầu Cống ở Pháp về, người ta gọi ông là Bác vật Lang. Bác vật Lang có đến làng tôi, xem xét địa thế rồi ông cho biết phần đất phía sông Hậu Giang, cách đầu cù lao một đoạn chừng 2 cây số, đất sẽ bồi thêm ra, ông nội tôi và một số Hương chức trong làng, nghe thể tin lời ông Bác vật, nên đã khấn mỗi người vài chục công đất.

Cho đến thập niên 60, chú tôi cùng một số con cháu những người khấn đất xưa, thuê Ty điền địa đo đạc, phân ranh, làm giấy tờ địa bộ. Phần đất ông nội tôi khấn 32 công, đất bồi được 16 công, những người kia cũng vậy, đều được khoản phân nửa số đất đã khấn.

Nhưng số đất trên, đều bị người ta chiếm canh, cho nên khi có chánh sách “Người cày có ruộng”, tất cả đều bị truất hữu. Từ không ra có, rồi lại trở về không như lời đức Phật dạy, nhưng đáng khâm phục Bác vật Lang, nhìn thể đất, nhìn giòng nước chảy, biết chỗ bồi chỗ lở, thể mới biết thực tài và sở học của ông.

Mùa thu năm 1945, Nhật đảo chánh Tây, nào là phong trào Thanh Niên Tiền Phong, Việt Minh, lực lượng Hòa Hảo nổi lên, Ban Hội Tề không còn quyền hành, tuy nhiên họ vẫn đảm nhiệm việc cúng tế đình thần. Làng tôi, Hương Cả là người theo đạo Thiên Chúa nên không cúng tế, vì thế Hương Chủ là Chánh bái, ông ta lại theo Phật Giáo Hòa Hảo nhiệt thành, nên quyết định cúng đình là cúng chay để tránh sát sanh. Nhưng cúng được vài lệ trong làng xảy ra nhiều chuyện bất an, nào là bệnh dịch, nào mùa màng thất bát. Do đó những Hương chức cũ trong ban cúng tế, đưa ra ý kiến:

Thần hoàng không phải là ông Phật, Phật ăn chay còn Thần ăn mặn, nên cúng đình phải cúng mặn như cũ chớ không cúng chay nữa. Ông cựu Hương Chủ phải nghe theo số đông, ông nhường chức Chánh bái lại cho người khác, cúng đình trở lại cúng mặn như xưa, làng xã trở lại bình an như cũ.

Bà cố tôi kể trên họ Dương là bà ngoại của ông thân tôi, còn bà cố họ Phạm là bà nội của ông thân tôi, bà có một người anh thứ ba làm đến chức Cai đội, dưới trướng của Quản Cơ Thành, đức cố Quân sau theo đức Phật Thầy Tây An, ông Cai Ba của tôi cũng quy y đầu Phật, làm đệ tử của đức Phật Thầy.

Khi ông Cai Ba cất nhà mới, ông xin đức Phật Thầy chú nguyện cho, nhằm để gia đình được an khang, tu nhân tích đức, đức Phật Thầy dạy cột chỉ đeo sơ sơ bên ngoài, không nên bào láng rồi đức Phật viết mấy chữ lên trên đầu một cây cột cái. Về sau, gia đình ông Cai Ba khá giả hơn, gả một người con gái cho một anh thợ mộc là thợ chánh, ông thợ chánh này bàn với gia đình bên vợ là gia đình đã khá giả, ở một ngôi nhà cột không bào, trông không mỹ thuật và nhất là không xứng đáng với hoàn cảnh gia đình, ông hứa sẽ đem tài thợ chánh của mình ra cất lại nhà mới đẹp đẽ hơn. Nghe chàng rể và các con bàn bạc, ông Cai Ba rút cuộc đồng ý, giao cho con rể cất nhà mới, nhà cũ cột kèo cũng còn tốt nên bán rẻ cho nhà giàu khác, họ mua về để cất chuồng bò.

Khoảng chục năm sau, nhà giàu mua nhà ông Cai Ba cất chuồng bò, tán gia bại sản; gia thế con cháu ông Cai Ba cũng suy sụp, có người bỏ xứ đi xa. Đến những năm loạn lạc 1945, tôi còn nhớ cháu nội ông Cai Ba trở về làng, nghèo đến nỗi phải mặc bao bố tời ! Một cái nhà đức Phật Thầy đã chú nguyện, vì vô tình làm sai mà cả hai gia đình đều gặp phải cảnh suy sụp đáng thương!

## TRUYỆN CỦA TÔI

Làng tôi không xa làng Hòa Hảo, nơi đức Huỳnh Phú Sổ khai sáng đạo ngày mười chín tháng năm năm Kỷ Mão (1939), hai làng chỉ cách nhau con sông Hậu, như đã nói làng tôi cũng có nhiều tín đồ Hòa Hảo, vậy mà từ năm khai sáng đạo, cho đến năm ngài bị Bửu Vinh sát hại tại Đốc Vàng năm 1947, dù có đi ngang qua nhiều lần nhưng chưa bao giờ Giáo chủ đến làng tôi giảng đạo. Sau này người ta có nhận xét, nơi nào Giáo chủ Hòa Hảo đến giảng đạo, nơi đó có giặc giã, chỉ có làng tôi ngài không đến lại được bình an.



Tôi xa làng từ khi mười ba tuổi, hè hay tết tôi mới lại về chơi, bạn bè ngày xưa cùng chơi đá dế, leo cây bắt chim, ngủ xuồng khi giăng lưới ban đêm, chơi u ấp, bắn bi, nhảy cò cò hay cùng nhau tắm mưa, lội sông nay đều có cháu nội cháu ngoại, gặp lại nhau không còn thân thiết như xưa. Nhìn tấm ảnh chụp hai lớp học ở Trường làng năm 1951, hai Thầy giáo mặc áo sơ-mi quần sọt, học trò hoặc mặc bộ pyjama, hoặc mặc bộ bà ba hay

mặc quần đùi áo sơ-mi, tôi không còn nhận ra ai là bạn học cũ của mình nữa.

Đình vẫn cúng nhưng người ra vô ồn ào, không còn được trang nghiêm nữa. Phải chăng tín ngưỡng có thay đổi? Xưa nơi bàn thờ Thần không ai được vào, trừ Hương chức có phận sự, nay thì già, trẻ, lớn, bé đều có thể vào tất. Nếu Thần hoàng cần bày tỏ chắc ngài phải nói: “ Hoàng đế phong cho ta hưởng lộc ở đình làng này, ngài đòi cho được đất Nam kỳ trả lại cho nước Nam ta, rồi vật đổi sao dời ngài không còn đất dung thân, ta lại là thần dân của ngài, làm sao tránh khỏi như ngài !”.

Ngày còn nhỏ, từ đầu làng cho đến cuối cù lao, tôi nhớ được từng nhà, từng người, hơn năm mươi năm sau trở về làng, đi từ nhà đến đình làng chỉ khoảng một cây số, những căn nhà cũ còn in trong trí tôi, ngày nay không còn nữa, mỗi mỗi đều thay đổi, người ta nhìn tôi, nhận ra tôi là một khách lạ từ xa mới tới. Tôi tự hỏi “Phải vậy hay không ?”

Louisville, 20-01-2007

# Trường tôi



Vì một Nhóm cựu học sinh Cao Thắng đã hình thành, tôi muốn viết một bài về trường Cao Thắng, nhưng còn những trường khác, tôi đã mài đũng quần trên bàn ghế ở đó thì sao, cho nên tôi muốn viết đủ hết những trường, nhất là những ngôi trường nhỏ, trường làng, trường đầu đời tôi đã cập vớ đến học.

Tôi sinh ra ở một cù lao sông Hậu, nhà của cha mẹ tôi nhìn ra sông, con sông nhỏ thuộc sông Hậu Giang, chạy dọc theo con lộ đá đường Long Xuyên Châu Đốc, ai đã từng đi xe đồ trên đường này, sẽ nghe tới địa danh Bắc Năng Gù. Tên ấy theo tôi mấy anh xe đồ ngày xưa đã quen miệng, đặt sai tên. Vì chiếc Bắc ấy chạy từ chợ Bình Mỹ đi sang vùng thánh địa Hòa Hảo, nơi đó là sông Hậu Giang, bị cù lao chia thành nhiều nhánh, có một nhánh chảy qua làng tôi, đó là cù lao Năng Gù, một nhánh

nữa chảy qua nối với Tiền giang. Chiếc bắc ấy không phát xuất từ Năng Gù, không chạy tới Năng Gù, nó chỉ chạy ngang qua trên đường chạy của nó, nhưng chạy gần đuôi của một cù lao kia hơn là đầu cù lao Năng Gù, cho nên Năng Gù và chiếc bắc ấy không có gì dính dáng nhau, và cù lao Năng Gù có ghi trong Đại Nam Nhất Thống Chí, nay là làng Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Tôi đã đi hơi xa một chút, xin trở lại bên kia sông là con lộ đá đường Liên Tỉnh 10, nối liền Long Xuyên Châu Đốc, bạn có biết tại sao gọi là Liên Tỉnh 10 không ? Ngày xưa sau khi Lục Tỉnh mất luôn vào tay Pháp, họ chia đất Nam Kỳ ra làm 20 Tỉnh, mỗi Tỉnh xếp theo Thứ Tự sau đây : 1. Gia Định, 2. Châu Đốc, 3. Hà Tiên, 4. Rạch Giá, 5. Trà Vinh, 6. Sa Đéc, 7. Bến Tre, 8 Long Xuyên ... để dễ nhớ, người ta ghép thành một bài Tứ Tuyệt :

*Gia Châu Hà Rạch Trà  
Sa Bến Long Tân Sóc  
Thủ Tây Biên Mỹ Bà  
Chợ Vĩnh Gò Cần Bạc.*

Về sau thêm Vũng Tàu thành một tỉnh, tổng cộng là 21 tỉnh

Tỉnh Châu Đốc thứ tự 2, tỉnh Long Xuyên thứ tự 8, do đó hai tỉnh cộng lại là 10. Ghe ngày xưa cũng có số, ví dụ ghe nào số HF 1 là ghe của chủ ở Gia Định, HF 6 là ghe của chủ ở Sa Đéc. Tôi lại đi xa nữa rồi.

Bên kia sông có một ngôi trường, xây tường gạch, lợp ngói móc, có ba lớp và một căn phòng nhỏ, bên tay phải chừng bằng phần ba lớp học, các lớp nằm trên nền xây đá cao hơn sân trên một thước tây, chú tôi dạy và làm Trưởng giáo của Trường này, thời Pháp tên của nó là ECOLE DE BÌNH MỸ, hồi mới dạy, chú tôi ở ngay phòng bên cạnh lớp, sau chú tôi cất nhà bên



## TRUYỆN CỦA TÔI

cạnh trường, sau nữa chú tôi mua đất trong làng, dời nhà về bên cù lao, hàng ngày đi dạy, chú tôi bơi xuồng qua sông chở theo con và cháu đi học.

Cách nhà tôi chừng 200 thước, cũng có ngôi trường làng, cũng xây giống như ngôi trường Bình Mỹ, nhưng xây thấp hơn, nền chỉ cao hơn sân chừng 4 tấc tây, và có xây lan can ngăn chia giữa hành lang với sân trường. Trước sân trường có trồng mấy cây Ô Môi, gần Tết ô Môi trổ hoa màu tím trông rất đẹp, trái ô môi bằng cườm tay dài từ 3. 4 tấc đến một thước, bên trong có những miếng ngăn, cách nhau chừng đầu đũa ăn, mỗi miếng này có cái hột dẹp và có những cơm màu nâu sậm đen, ăn nó ngọt, ăn nhiều bị táo bón, nhiều người rất thích ăn ô môi.

Tôi sanh năm Tân Tỵ (1941), lúc tôi biết, hàng ngày chú tôi bơi xuồng sang sông, chở theo anh tôi, con chú tôi, do đó cha tôi cũng cho tôi theo anh sang bên kia sông học, anh tôi lớn hơn tôi ba tuổi nên học với chú tôi dạy chung trong một lớp, hai trình độ Cour Moyen và Cour Supérieur, ai ở Châu đốc biết thầy giáo Huỳnh Bá Nhệ ấy là chú tôi.

Tôi học Cour Élémentaire với thầy giáo Lê Văn Thọ, thầy vợ lòng của tôi, ai là học sinh Cao Thắng có bằng Tú Tài Kỹ Thuật, lật phía sau lưng, có thể thấy chữ ký và tên của người viết bằng Lê Văn Thọ, đó là thầy tôi, sau này về làm việc tại Phòng Khảo Thí Nha Kỹ Thuật Học Vụ.

Trường đầu đời này tôi có nhiều kỷ niệm, tôi nhớ sau khi đi học đã mấy ngày, một hôm tập viết, thầy tôi bảo lấy thước gạch hàng, tôi không có thước vừa khóc vừa chạy sang lớp anh tôi để mượn cây thước của anh ấy. Chú tôi đang ngồi dạy ở bàn thầy giáo, thấy tôi vừa khóc vừa lấy thước đi về lớp, chú bảo tôi :

- *Nín đi! Đi học mà khóc cái gì !*

## HUỲNH ÁI TÔNG



Thầy Lê Văn Thọ, Huỳnh Ái Tông, con Thầy - Lê Văn Khải -

Tôi nhớ mỗi lớp có hai dãy bàn, có 2 tấm bản đen, mỗi bản đặt nằm trên một cái giá, bàn thầy giáo dựa tường nằm giữa hai tấm bản, tôi ngồi bàn đầu, phía tay phải của tôi là anh học trò tên Độ, nhà anh ở phía tay trái của trường, cách miếng đất trống, bên tay trái của tôi là Trai và kế bên Trai là Lê Văn Khải con của thầy. Hồi nhỏ chúng tôi thường gọi là trò Độ, trò Trai, trò Khải.

Một hôm thầy kêu Trai đọc bài, Trai đứng lên để nhìn bản đọc, Khải và tôi mỗi người một bên nắm quần xà lỏn của Trai, Trai chẳng để ý, đứng lên, quần bị tuột xuống, Trai phải ngồi xuống. Thầy tưởng Trai không vâng lệnh, Thầy gọi lên đánh Trai hết mấy khê tay, tội nghiệp Trai bị khê tay mà chẳng than phiền chúng tôi, lần khác Thầy gọi, Trai chẳng dám đứng lên, Thầy định khê tay nữa, có vài anh học trò lớn bắt mãi liền mét

## TRUYỆN CỦA TÔI

với Thầy nguyên do vì chúng tôi nắm chiếc quần xà lỏn Trai không dám đứng lên.

Biết rõ lý do, thầy gọi Khải và tôi lên bàn, thầy lấy cây thước bản (cây thước dài chừng 2 thước, thầy giáo dùng để chỉ lên bảng giảng bài), bắt chúng tôi chum năm ngón tay lại, thầy đánh hai chúng tôi mỗi đứa 3 cái, đau ôi là đau thấu xương từ đó chúng tôi không dám nắm quần đùi trò Trai nữa.

Trong sân trường về phía nhà trò Độ có cái đu, chúng tôi tha hồ đánh đu, học trò gái chơi chuyền chuyền hay nhảy dây, hoặc họ chơi cò cò, sân trường phía nhà trò Trai có một cây, mùa Hè hoa nở đỏ, mọi người đều gọi là Điệp Tây, có lẽ hồi xưa trong Nam không có thứ cây này, Pháp đến rồi họ trồng gọi là Điệp Tây, cũng như giữa sân đình làng tôi có trồng cây Chuối Tây. Sau này tôi mới nghe Điệp Tây là Phượng Vỹ. Ở cạnh đó có cây dừa cao bị sét đánh cháy phân nửa những tàu lá. Trai kể cho chúng tôi nghe, ban đêm ở đó có con quỷ mẹ vào những đêm mưa lâm râm hay trời không trăng, tối thui, con quỷ mẹ ru con ngủ, tiếng ru lạnh lút, tiếng võng đưa cọt kẹt, nên một hôm trời mưa, Thiên Lôi đến cắm cờ trên đọt cây dừa, rồi ông Trời đánh một cái rầm, cây dừa bị cháy lá, cây Điệp Tây bị gãy nhánh, Trai còn dặn chúng tôi, khi nào trời mưa coi chừng bị Trời đánh, đi dưới mưa thỉnh thoảng nên rờ lên đầu coi có bị Thiên Lôi cắm cờ không, nếu bị thì rút cờ ném xuống đất mà chạy, còn ở trong nhà thì dọn cơm ra mà ăn, ai ăn cơm ông Trời không bao giờ đánh, vì “*Trời đánh còn tránh bữa ăn*”. Chúng tôi ai cũng say sưa nghe Trai kể chuyện Trời đánh, vừa sợ ma vừa sợ trời đánh và cũng phục Trai biết nhiều.

Có một lần trò Hàn, ngồi ở cuối lớp thầy gọi tập đọc, đánh vần chữ TÔI, trò Hàn cứ đánh vần T, Ô, TÔ, I, TUI, thầy dạy: “*Mày phải đánh vần T, Ô, I, TÔI*”, trò Hàn: “*Dạ*”, rồi cũng cứ T, Ô, TÔ, I, TUI, thầy đánh mấy lần, trò ấy cũng cứ TUI chớ không làm sao đọc TÔI, thầy bỏ qua, gọi trò khác.

Thầy dạy học, hết giờ thầy kéo kẹo, đến ra chơi thím bán kẹo kéo cho chúng tôi ăn, một lần giờ ra chơi, tôi ở ngoài sân chú tôi đến bên móc ví, lấy cho tôi một cục, tôi nhớ tờ giấy Hào hay mười xu ấy là một tờ giấy nho nhỏ, in màu vàng, còn tờ giấy hai Hào lớn hơn một chút, in màu nâu, được tiền chú cho, tôi chạy mua kẹo kéo ăn, kẹo xốp giòn, bên ngoài còn dính lớp bột trắng, nhờ đó những cây kẹo để chung không dính với nhau. Kẹo ấy làm là dùng đường nấu (gọi là thắng) cho đặc lại, rồi dùng đũa kéo nó ra, nhập nó lại rồi kéo nó ra, cứ kéo ra, kéo vô cho đến khi thành kẹo, nên gọi là kẹo kéo.

Hồi đó trai gái học chung, con gái cha mẹ cho đi học rất ít, lớp trên tôi có chị Phấn, lớp tôi có cô Phe và những trò gái khác tất cả đều để tóc dài, kẹp lại phía sau lưng.

Sau đó Việt Minh cướp chánh quyền, Thanh Niên tiên phong tập hợp thành hàng ngũ, họ vác tầm vông vạt nhọn, tập đi tới, đi lui với hàng ngang, hàng dọc, rồi họ tập võ, rồi chú tôi và Thầy Thọ bỏ Trường về tỉnh, trường gần nhà tôi thầy giáo cũng bỏ đi, cả hai trường đều đóng cửa, học trò nhỏ tuổi được ở nhà chơi, lớn tuổi hơn lo công việc đồng áng, ban đêm thanh niên ở làng tôi chèo ghe qua bên kia sông đào đường, chặt cây cản lộ, ban ngày dân bên kia sông bị bắt đi lấp đường, phá cản cho xe nhà binh, xe đồ chạy. Tỉnh thoảng Tây Trắng, Tây đen đi bố ráp, tuy nhỏ tôi cũng phải chạy theo mẹ theo anh. Có một hôm tôi thấy một chiếc tàu lớn lắm, lầy lã dờ che phủ ở trên, ghé vào trường tôi ở mấy hôm, những người ở trên tàu thấp lùn, cha tôi bảo đó là lính Nhật.

Nhớ lại năm ấy là năm Ất Dậu 1945, tôi sinh năm 1941, như vậy tôi đi học sớm lắm, mới có 4 tuổi, người ta chưa tới tuổi cập vô đến trường thì tôi đã bị thất học rồi.

Sau khi chú tôi về Tỉnh một thời gian, cha tôi được thư của chú, bảo anh tôi và con của người chú khác, bơi xuồng sang

## TRUYỆN CỦA TÔI

sông chở tủ sách của chú, đem về để ở nhà tôi, một hay hai năm sau chú tôi mới về mở tủ lấy sách mang đi, cha tôi mượn lại bộ sách đạo Niết Bàn Tập Chí, cô tôi không chồng ở chung nhà, mượn giữ lại bộ Tiểu Thuyết Thứ Bảy và chú tôi để lại mấy quyển sách Luân Lý, Cách Trí, Quốc Văn Giáo Khoa Thư các lớp Đồng Ấu, Dự Bị và Cao Đẳng, cho anh em tôi học.

Cha tôi làm Hương Sư, các thầy giáo bỏ trường Bình Thủy ra đi, giao chìa khóa trường lại cho cha tôi, có đạo anh Hai tôi đi Tân Châu học dệt vải, vải dệt từ bông vải gọi là vải ta, sợi chỉ to nên vải dày, trông thô, còn dệt từ sợi tơ của tằm, sợi tơ rất nhỏ, vải mịn và chắc gọi là lụa, quận Tân Châu ở Châu Đốc nổi tiếng là Lụa Mỹ A cũng gọi là Lãnh Mỹ A, có lẽ vì lụa ấy mặc vào nó mát lạnh nên gọi là Lãnh, quần Lãnh Mỹ A mới may, mặc đi nghe sột sạt, chỉ có một màu đen, nhuộm với trái Mạt Nưa, chỉ dùng may quần cho phụ nữ và giá rất đắt tiền.

Rồi một thời gian sau vải nhập cảng, anh tôi không công ăn việc làm, lấy chìa khóa cùng với anh Hoài mở cửa trường, lấy lớp dạy tư, tôi không có đi học, dạy vài tháng anh tôi bỏ đi Sài Gòn làm cho nhà thuốc Nhành Mai, ở bên hông chợ Sài Gòn số 36 Saboraine sau đổi là Tạ Thu Thâu, chuyên bán thuốc dán Con Rắn và thuốc Dưỡng Thai. Còn thầy Hoài sau làm chủ nhà thuốc Bình Sanh, chạy ghe máy bán khắp nơi trong vùng Long Xuyên, như Sơn Đông Mãi Vỡ. Năm 1969, đi lính về phép gặp được anh trong quán nhậu tại thị xã Long Xuyên, cùng với anh một ly tràn đầy bọt bia.

Rồi lúc nào đó chú Nguyễn Hoa Hẫu lấy trường mở lớp dạy tư, chú là con của thầy giáo Nguyễn Văn Đe, tôi nghe nói ông Bảy Đe hồi đó dạy tại Long Xuyên, chú tôi theo học với ông, sau ông đổi đi dạy trường tỉnh Sa Đéc. Chú Hai Hẫu cũng như anh Hai tôi có đi học lớp nhứt trường tỉnh, nhưng cả hai không đậu được bằng Primaire. Cha tôi cho tôi đi học với chú Hai, lớp học này chỉ có một dãy bàn, mỗi bàn rất dài, đóng ván sao dày gần

## HUỖNH ÁI TÔNG

2 phân nân rất chắc và nặng khỏi chê. Lớp học chỉ có một cửa và một lối vào ra, một bên là tường một bên là dãi bàn học, hai cửa sổ, hai tấm bản và cái bàn thầy giáo, trên tường có treo tranh vẽ khá lớn cảnh bến tàu và chợ Sài Gòn, những hôm trời mưa lớp tối tù mù vì không có đèn đóm chi cả.

Trường có một cái trống, chú Hai không treo lên, để nó ở gần bàn chú ngồi và chỉ mình chú đánh trống vào lớp, trống ra chơi, trống tan trường, chú đánh bằng cái dùi to chừng bắp tay, có nhiều hôm giận quá khi dạy học trò không hiểu, không thuộc bài, chú sẵn tay quơ cái dùi trống đánh luôn lợc trò vào lưng nghe thỉnh thỉnh gần giống như chú đánh trống tan trường.



Một hôm chú dùng cây thước kẻ đánh luôn vào mặt trò Đơn, cây thước ấy là cây thước vuông bằng gỗ, bốn cạnh của nó được người thợ mộc khéo tay xẻ bốn đường, khảm vào đó 4 miếng thau, là cây thước cung của học trò nhà giàu, cạnh thước đó chú đánh vào xương gò má trò Đơn tét một đường chảy

## TRUYỆN CỦA TÔI

máu, giờ ra chơi tôi phải đưa trò Đơn về nhà, lấy muối bột chấm miếng nước xát vào chỗ vết thương, trò Đơn tội nghiệp lo sợ than thở với tôi : - *Tao bị vậy, về nhà cha tao thấy, chắc ông đánh tao nữa.*

Đến năm 1950, chú Hai Hàu, tôi thường gọi là Chú Hai chớ không gọi thầy, tổ chức cho học trò xuống Long Xuyên thi, một số đóng góp tiền thuê một chiếc ghe, xuống đậu ở bên sông gần trường Nam Tiểu Học Long Xuyên để dự thi, gia đình tôi có người quen làm Police ở dải phố gần Rạp hát Thanh Liêm, tôi và người em con ông chú ở đó, ngày đi thi tôi ngồi ở phòng học cột tràm, lợp lá vách cũng không che được kín, dải ấy sát với hàng rào dây kẽm gai, phía sau là ao, hồ, có nhà vệ sinh cất trên ao cá, học sinh muốn đi còn phải đi qua chiếc cầu khỉ bằng tre, sau này chỗ ấy lấp đi để xây Trường Trung Học Thoại Ngọc Hầu.

Sau một ngày thi, tôi vẫn về ở nhà quen, đến hôm kêu Résulta, lúc ấy chừng 10 giờ sáng, tôi không rõ có bao nhiêu thí sinh thi, nhưng đi nghe lèo tèo chừng vài chục lỗ nhỏ đứng chờ ở giữa sân cò, một ông thầy giáo ra đứng trên cái ghế giữa sân trường, bắt sĩ tử phải xếp hàng, xong ông ta mới lấy cái loa làm bằng kẽm, sơn trắng đọc danh sách những người đậu, gồm có số báo danh, họ tên và nơi sanh.

Tôi nghe đọc tên Huỳnh Hữu Tâm đậu, Tâm đứng gần đó cũng nghe như thế, còn tôi không có tên, biết mình đã thi rớt, tôi ra bến xe đi về nhà.

Xuống xe, tôi lo sợ về nhà sẽ bị cha tôi đánh đòn vì thi rớt, chị tôi bơi xuống qua đón, chị hỏi :

- *Đi mấy ngày nay thi đậu hay rớt ?*

Tôi buồn bã đáp :

- Rớt rồi chị Ba.

Chị tôi mỉm cười nói thêm:

- *Vậy là từ nay thay họ đổi tên thành Bùi Kiệm rồi!*

Nghe chị nói tôi còn buồn hơn, xuống chị tôi chưa cập bến, có một anh hàng xóm tên là Vương Triều Hón, năm ấy anh ta cũng gần năm mươi, thấy tôi anh ta hỏi :

- *Sao chú mày đậu rớt ?*

Tôi buồn bã trả lời :

- *Rớt rồi anh Năm!*

Anh ta cười ruồi nói với tôi :

- *Cậu Ba có một bầy dê, mày sẽ làm ông Tô Vồ, chăn dê đến khi nào dê đực đẻ thì mới thôi đó nghe mày!*

Tôi đã sợ bị đòn, anh ta nói đùa, tôi không mấy vui, từ chỗ xuống cập bến về tới nhà chừng 200 thước, anh Năm Hón nói xong đi về nhà của anh, tôi đi về nhà tôi, hai hướng khác nhau, còn lại một mình, tôi tư tưởng, cha tôi trước kia ăn chay trường được 10 năm rồi bị lao phổi, đi bệnh viện Long Xuyên được Bác Sĩ Bằng trị hết, khuyên dứt cha tôi ăn mặn, và có người khuyên nuôi dê, lấy sữa dê uống cho bổ, vì vậy cha tôi nuôi một bầy dê Bắc Thảo, giống to con, màu tím lốm đốm trắng, sữa nhiều. Nếu thi đậu, tôi có thể xuống tỉnh học lớp Nhì, còn nay thi rớt, nhà cha mẹ tôi lại không dư ăn dư để, anh kể tôi đang học ở Long Xuyên, nên tôi phải ở nhà chăn bầy dê là cái chắc, dê thứ chi cũng ăn, phải chăn giữ để chúng đừng ăn của người ta, lại còn phải trông nom bảo vệ chúng để khỏi bị chó cắn.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Về tích Tô Vũ, tôi đã nghe người ta nói, ngày xưa ông ta làm quan, vua Hán phái đi sứ sang Hung Nô, vua Hung Nô không coi sứ ra chi, bắt đầy ông Tô Vũ đi chăn dê, dạy rằng khi nào dê đẻ đẻ thì tha cho về Hán. Khi bị đầy chăn dê, ông Tô Vũ vẫn coi mình là sứ giả, về sau vua Hán cho quân đánh Hung Nô, tìm ra Tô Vũ râu tóc bạc phơ, tay vẫn cầm cò sứ rách nát te tua.

Bước vào nhà, cha tôi đang vẽ tranh, không nhìn tôi, ông hỏi :

- *Thi đậu rớt mậy ?*

Tôi trả lời ngay :

- *Dạ rớt rồi cha!*

- *Vậy thì mậy cũng ném được mùi thi cử!*

Cha tôi không nói thêm nữa, tôi mừng vì khỏi bị đòn, anh em tôi sợ những trận đòn của cha, đánh mà không cho khóc, không cho ai can, má hay cô tôi can thì chúng tôi còn bị đòn nhiều hơn.

Khi tôi xuống tỉnh dự thi, tôi ở nhà anh Police quen, còn anh tôi ở trọ dưới Cái Sơn, lúc thi rớt ra về tôi cũng không nói cho anh tôi hay. Vài hôm sau đến Chủ Nhật, anh tôi về, gặp tôi ngoài sân, anh cười nói với tôi :

- *Thi đậu rồi sướng quá hé!*

Tôi năn nỉ anh tôi :

- *Thôi mà! Thi rớt rồi anh còn mĩa mai nữa chi vậy ?*

- *Không mậy thi đậu rồi mà!*

*- Thôi đi anh ơi, tôi đứng gần ông thầy cầm cái loa, ông đọc tên thằng Tâm con chú Chín, chứ đâu có tên tôi!*

Anh tôi cãi lại :

*- Sao kỳ vậy ? Thằng Tâm rớt mấy đậu mà!*

Cha tôi trong nhà nghe hai anh em cãi lầy thi đậu rớt, liền gọi anh tôi vào hỏi cho rõ, anh tôi nói là xem bảng thấy rõ tên tôi, còn Tâm con chú tôi bị gạch đỏ cũng như những đứa thi rớt khác. Cha tôi nói :

*- Vậy mà mấy bữa nay nó nói nó rớt.*

Tôi thấy khi rớt, cha tôi chẳng buồn và rầy rà, khi thi đậu cha tôi chẳng những không vui mà lại còn có nét suy tư và buồn bã, sau này tôi mới biết, đáng lẽ thi đậu gia đình phải cho tôi xuống Long Xuyên học tiếp, nhưng cha mẹ tôi không có tiền, tôi phải thất học, cũng là con, hai anh tôi đều được xuống tỉnh học, còn tôi thì không được như vậy, cha mẹ nào lại không buồn, mẹ tôi vốn ít nói, nên cũng chẳng nói chi về việc thi cử của tôi. Có người đưa ý kiến, cho tôi lên Châu Đốc ở nhà chú tôi đi học. Cha tôi nói : *- Chú nó tốt, nhưng còn thím.*

Vài năm sau, anh tôi lãnh bằng đem về cho tôi đó là Văn Bằng Sơ Đẳng Tiểu Học, có chữ ký của Thanh Tra Hàng Tỉnh Long Xuyên Trương Văn Đức và Giám Đốc Sở Học Chánh Nam Việt Trần Bá Chức, đây là mảnh bằng đầu đời, ngày nay tôi vẫn còn giữ được.

Rồi năm sau, năm 1951, chú Hai Hẫu xin làm thầy giáo, chú xin thêm thầy về dạy đó là thầy Giáo Chín, quê ông ở Chợ Mới, thầy đến cùng gia đình ở một chiếc ghe nhỏ, con thầy có anh Quan, anh Quân, chị Liệt, chị Tuyết và con gái út tên

## TRUYỆN CỦA TÔI

So, da trắng, môi son, tóc hớt ngắn như con trai, cô ta đẹp và dễ thương.

Tôi thì, nhà chưa có đủ tiền đi học ở dưới tỉnh, cha tôi xin chú Hai cho tôi học buổi sáng, buổi chiều ở nhà chăn dê. Nhà tôi gần trường, cha tôi từng làm Hương Quản rồi Hương Sur nên mỗi ngày, lúc giờ chơi chú Hai và thầy giáo Chín thường đến nhà tôi uống trà, bàn chuyện Đông Tây, kim cổ.

Một hôm, cha tôi đưa quyển Tam Thiên Tự, sách đóng bìa cứng, bảo tôi đem theo, lúc rảnh lấy ra đọc và viết xuống đất cho nhớ, tôi đã học *Thiên: Trời, Địa: Đất, Cử: Cát, Tôn: Còn, Tử: Con, Tôn: Cháu, Lục: Sáu, Tam: Ba, Gia: Nhà, Quốc: Nước, Tiền: Trước, Hậu: Sau, Ngưu: Trâu, Mã: Ngựa* cho đến bây giờ tôi chỉ còn nhớ bấy nhiêu đó.

Tôi đi chăn dê trong cánh đồng, thường đi một mình nên lấy Tiểu Thuyết Thứ Bảy theo đọc, những chuyện Cô Giáo Minh của Nguyễn Công Hoan, Hòm Đựng Người của Nguyễn Triệu Luật, Bóng Cờ Trắng Trong Sương Mù của Ngọc Giao (?), tôi không nhớ có thơ TTKH hay không, vì ngày đó tôi không đọc thơ., tôi đã đọc hầu hết những chuyện ngắn trong những quyển tiểu thuyết của chú tôi. Thời gian đó tôi còn đọc Tế Diên Hòa Thượng, Hòa Thiêu Hồng Liên Tự, Thăng Bờm, Thần Hồ của TCHYA (Đái Đức Tuấn), cho nên tôi bị nhiễm tiểu thuyết.

Đã vài năm mà không có tiền cho tôi xuống tỉnh học, cha tôi cho tôi ở nhà luôn, tôi không nhớ duyên cớ gì tôi lấy giấy học trò, viết mực tím gửi cho cô So, đó là thơ tình, thứ tình như con nít chơi nhà chòi, làm đám cưới, đi đám giỗ ... thư tôi nhờ chú út Thừng, nhà chú giữa trường học và nhà tôi, trường học nay thầy giáo Chín đưa gia đình về ở phòng bên cạnh lớp. Chú Thừng hơn tôi chừng 2 tuổi, chú không được thông minh, tôi nghĩ chú không đọc thư tôi mới nhờ. Hôm sau, chú Thừng đưa lại cho tôi thư cô So, nay tôi không còn nhớ hết cô đã viết chi

trên tờ giấy học trò, mực tím, tôi chỉ nhớ lấy có một hàng quan trọng: “...*Em cũng thương anh, anh thương em thì để bụng, giấu kín đừng nói cho ai biết hết nghe...*” Tôi dấu kỹ lá thư ấy, dấu kỹ đến nỗi tôi không nhớ nó ở đâu và tôi làm y như lời cô So dặn, tôi không nói với ai hết, ngay với cô tôi cũng chẳng nói thêm tiếng nào.

Sau này lên Sài Gòn học, cuối năm đầu tiên ấy, Tâm và tôi đi đến quê cô, tận bên đò Bà Vệ ở Kiến An, Chợ Mới, ngủ lại đó đêm mùng một tết, tôi cũng chẳng nói được với cô ta lời nào. Sao này nghe nói cô làm cô giáo, lập gia đình với một thầy giáo. Năm 1986, hơn 30 năm sau, có dịp đi huyện Chợ Mới, tôi lại ghé thăm thầy Chín, thím chỉ lên bàn thờ, bảo thầy chết vừa mới mãn tang. Thầy không dạy tôi, tưởng tình bạn vong niên với cha tôi, tôi thấp hươu lạy thầy.

Rồi cô giáo So cùng với con ở đâu gần đó về nhà thăm mẹ, thấy tôi khách, cô cuối đầu chào, tôi cũng cuối đầu chào lại. Cô nói thêm với thím giáo vài câu rồi đi ra. Tôi ngồi nán lại một chốc rồi xin phép ra về, từ nhà ấy ra ngõ, tôi thấy cô giáo So đứng ở cửa hông nhà bên cạnh, có nhìn thấy tôi, chẳng ai nói tiếng nào, thật tôi đã làm đúng lời cô dặn năm xưa: “*Thương em thì để bụng.*”

Năm 1954, cha tôi qua đời, anh tôi ở Pháp viết thư về, nhờ chú giúp dùm tôi đi học, do đó tôi lên Châu Đốc vào học Trường Nam Tiểu Học, lớp nhì với thầy Lê Quang Điện, lớp Nhì H của chúng tôi ở dãy lớp lợp lá, vách lá, nền đất, phía tay phải cuối dãy xa là Trường Trung Học Thủ Khoa Nghĩa, có lớp Nhứt gần đó, thầy Châu Văn Tính dạy, con gái thầy thi rớt vào Đề Thất, nên thầy cho cô Dung học chung với con trai của lớp thầy, như thế năm ấy trường có một bóng hồng. Thầy Châu Văn Tính có một người con trai sau hy sinh vì tổ quốc, người ta lấy tên anh đặt cho tên trại Lực Lượng Đặc Biệt trên đường Trần Quốc Toản, gần Trường đua ngựa đó là Trại Châu Minh

## TRUYỆN CỦA TÔI

Kiến. Thầy dạy vỡ lòng của tôi, thầy Lê Văn Thọ cũng dạy lớp nhì F trường đó.

Từ đó tôi xa ngôi trường học vỡ lòng, xa ngôi trường làng, những lần về quê, khi đi ngang ngôi trường thuở ấu thơ, tôi nhớ tới nhiều người bạn học, Ngát cháu ngoại của cô tôi đã ra người thiên cổ được mấy năm rồi, cô Dậu, xấp xỉ rất xinh, con chú chệt Soạn, chú chạy xe đạp rao bán thịt heo trong làng, chú ở gần nhà Cô tôi, xa trường nên cùng với cháu Ngát, trưa về nhà tôi ăn cơm rồi leo lên võng ngủ một giấc, thức dậy lại đi học buổi chiều. Nhớ lại hồi đó chú thím Tư Soạn có con gái lớn là Chị Muối đã đến tuổi lấy chồng, mấy người hàng xóm chỗ tôi hay đùa chú với giọng Chệt nói tiếng Việt : *“Con bà cũng lớn rồi, gã cho thành ló thì cũng xừn”* (Con bà cũng lớn rồi, gã cho thành đó thì cũng mừng), hay *“Cái đồn đó đông thật là đông”*, chú Tư nghe người ta nhái giọng thì cười chớ không giận, người ta hỏi sao chú không giận hờn chi hết, chú trả lời : *“ - Há ngộ dân làm chi? Lẽ ngộ bán thịt kiếm tiền mua gạo mà! Bớ nào ló mua, bớ ló một miếng thịt hà!”*. Chú thím Tư Soạn đã chết từ lâu, cô Dậu đã lấy chồng, đã nhiều năm không gặp lại cô ấy, chắc cháu nội ngoại nay cũng đã nhiều.

Những khi có ca sĩ hát: *“Trường làng tôi, cây xanh lá vẫy quanh. Muôn chim hót vang lên trên cánh ...”*, luôn luôn làm cho tôi nhớ tới ngôi trường tôi đã học vỡ lòng hơn là ngôi trường làng gần nhà.

Qua bài hát này, tôi nghĩ những ngôi trường xưa, giữ biết bao nhiêu tình cảm của thuở học trò, thật là đậm đà trình trắng của tuổi thơ.

Tôi vào học, mấy ngày đầu bài toán nhân, chia tôi làm sai bét, tôi quên hết cửu chương, chú tôi bắt học cửu chương đọc xuôi, đọc ngược, rồi hỏi đâu trả lời đó, tháng đầu tôi đứng gần hạng

bết, nhưng từ tháng thứ hai trở đi tôi đã tiến bộ nhiều, vài tháng sau vị thứ tôi ở vào nhứt, nhì, ba, tư mà thôi.

Một hôm, sáng sớm tôi sắp sửa đi học thì có tin báo cho biết mẹ tôi đau nặng, bảo phải về gấp, chú tôi cho phép nghỉ học về thăm mẹ, hôm ấy đi xe đò về Năng gù rồi cùng anh rể tôi đi Long Xuyên từ Long Xuyên đi xe đạp vào Vĩnh Chánh, đến nơi trời đã về chiều, gia đình đã đưa mẹ tôi đến ngôi chùa làng, nơi ngày xưa mẹ tôi đã quy y, chị tôi bảo:

*- Má chờ em đó, lại nằm với má đi!*

Tôi đến nằm bên cạnh má tôi, nơi bộ ván ngựa trái manh đệm kê ở hậu liêu của chùa, nhìn sang má tôi, người đã mê man rồi. Chị tôi lay gọi :

*- Má ơi má! Thăng Tông nó về nằm bên cạnh má đó!*

Tôi chỉ nghe má tôi thốt giọng ư ư yếu ớt, cũng không mở mắt nhìn ai nữa, đêm ấy mẹ tôi từ trần, người nhà nhìn đồng hồ treo trên cột báo là 10 giờ. Tôi đã mất thêm mẹ, trở nên mồ côi từ năm 13 tuổi.

Trường Nam Tiểu Học, hồi đó có ba dãy xây tường lợp ngói, chỉ riêng có dãy tôi học là lợp lá, nằm sát hàng rào, bên kia thuộc khu đồn trú của quân đội, nhưng cách xa nên lau sậy mọc tràn lan, quanh năm không có bóng người. Sân trường trồng những cây bả đậu, cây điệp loại cây to hoa tím nhỏ, ở chính giữa bốn dãy lớp là cột cờ, mỗi ngày vào buổi sáng, học sinh đều phải xếp hàng chào quốc kỳ, hát quốc ca rồi mới đi vào lớp, mỗi lần đến phiên trực, lớp tôi có Thu đứng ra bắt nhịp cho học sinh cả trường hát quốc ca, về sau Thầy Điện tập cho tôi bắt nhịp ở trong lớp vài lần, rồi bắt tôi ra bắt nhịp cho học sinh hát, từ đó trở đi Thu và tôi thay phiên nhau bắt giọng và đánh nhịp: *Này Công dân ơi! Quốc gia đến ngày giải phóng!*

## TRUYỆN CỦA TÔI

*Hai! Ba Tất cả học sinh theo đó đồng ca: Này Công dân ơi !  
Quốc gia đến ngày giải phóng....*

Trong lớp, thỉnh thoảng Thầy dạy cho cả lớp cùng hát những bài hát ngắn, nay tôi chỉ còn nhớ bài Lên Đường “*Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đường, kiếm nguồn tươi sáng, ta nguyện đồng lòng điểm tô non sông tự nay ra sức anh tài, đoàn ta chen vai nể chỉ chông gai lên đường...*”

Và có một lần mỗi học sinh phải làm một món thủ công, thầy chấm điểm sau đó tất cả những thủ công có điểm cao của tất cả các lớp, đem tới Phòng Thông Tin để triển lãm, tôi được triển lãm thủ công con trâu nắn đất sét.

Ngày nay lớp này tôi chỉ còn nhớ có Tỏ ở đâu Bình Di Bắc Nam chi đó, gần biên giới Miên xuống học, có Lê Quang Nản con của Thầy Điện.

Trường ở tại tỉnh lỵ, nhưng có những học sinh từ Núi Sam, từ Mỹ Đức, từ Cồn Tiên bên kia sông phía trước chợ Châu Đốc đến học, phía Cồn Tiên là làng Khánh Hậu hình như quê của nữ nghệ sĩ Bạch Tuyết ở đó, còn ở chỗ bến Bắc đi sang bên kia là Châu Giang, nơi đó là làng Chấm, không có người sang học ở Châu Đốc, làng Chấm đó tôi không hiểu sao họ lưu lạc đến đó và lập nghiệp từ bao giờ. Hồi nhỏ, có mấy người làm nghề đánh cá, vào khoảng tháng Ba tháng Tư họ hay đi chài vùng sông chỗ tôi, chiều họ về đậu bến sông và hay lên nhà tôi chơi, tôi còn nhớ có anh Ali và Ama cũng còn nhỏ tuổi, anh tôi xin anh Ali dạy gông, anh ta dạy anh tôi ngồi và luyện chi đó, tôi nghe anh tôi tập thở phò, chỉ có vậy mà thôi.

Sau họ không chài cá nữa, nhưng mỗi năm có người đàn bà Chấm tôi gọi là Bác Tư, cứ mấy ngày tết là xuống thăm cha mẹ tôi, Bác ấy ở đó chơi vài hôm mới về, khách tới thăm chơi trong nhà phải com nước, khi Bác Tư về mẹ tôi cho bánh tết,

bánh phồng, trà mứt và gạo nếp, cho đến năm nào đó, cha tôi nói chi tôi không rõ, bác khóc với mẹ tôi và nói sẽ không xuống nữa, từ đó tôi không thấy Bác Tư Chà trở lại. Có khi tôi muốn tìm thăm Bác Tư Chà và anh Ama hay Ali nhưng tôi không biết nhà bác chỗ nào bên làng Châu Giang.

Sang năm sau tôi lên lớp Nhứt E, học với Thầy Châu Văn Tính, cuối năm có chụp hình nên tôi còn nhớ nhiều bạn học cùng lớp như Huỳnh Bảo Toàn con chú tôi, Lê Văn Khả con thầy Thọ, Tiên, em của Tỉnh Trưởng, Châu Minh Quyền con của Thầy Tính, Hồ Văn Tri và em ruột Hồ Văn Phú cùng học chung lớp nhà ở Mỹ Đức, Đồng con chủ lò bún ở Đường Rầy Xe Lửa, Dễ, Bé ở khu Thánh Thất Cao Đài. Có một anh chàng em của người tài xế xe Công Tào chạy đường Châu Đốc Sài Gòn, sau anh ta là nhạc sĩ gặp tôi vài lần khi thang thang trên hè phố Sài Gòn, anh chàng Nu cao lêu nghêu nghe nói sau này làm ở Hội Việt Mỹ, và còn nhiều người nữa tôi không thể nhớ hết vì ít khi gặp lại.

Học lớp Nhứt E này, thầy Tính khuyến khích học sinh làm toán cho nhanh, mỗi ngày đều có toán đố, 10 học sinh lên trước được thầy chấm, những học sinh còn lại sẽ không được điểm, cho nên học sinh phải làm nhanh và chạy cho lẹ, có hôm tôi đã vô ý nguyên bình mực tím đổ khắp quần áo bộ bà ba trắng tôi mặc đi học, cũng vì muốn đi nhanh đem vở lên cho thầy.

Tôi hãnh diện vì được Thầy giao cho chép bảng những bài Cách Trí, Địa Lý, Sử Ký cho những học sinh khác chép theo vì chữ tôi đẹp, thường những bài luận của tôi Thầy cho tới 8 điểm, thầy sửa vài chỗ rồi lấy làm bài mẫu cho học sinh, tôi còn hãnh diện với các học sinh cùng lớp vì cuối tuần thầy giao cho tôi mang sổ về nhà cộng điểm, xếp hạng. Nhớ lại thuở nhỏ đó là vinh dự lớn của người học trò, được thầy tin cần mới cho làm việc ấy.





Vì tôi đi học lại đã quá tuổi thi vào Trung Học, nên bác tôi phải làm Thế Vi Khai Sinh cho tôi, tôi sinh năm 1941, nay phải sửa lại 1943 để còn đủ tuổi thi vào Đệ Thất. Thế Vi Khai Sinh ấy giả nhưng mà nó là thật vì phải Tòa Hòa Giải Rộng Quyền ở Cần Thơ ký vào sổ bộ, nó thật nhưng mà giả vì ngày sinh tháng đẻ của tôi nào phải vậy. Chiến tranh vì học hành, thi cử vì trốn lính nhiều người phải làm giấy tờ giả vài tuổi cho đến 10 tuổi. Rồi sau này không còn chiến tranh, nhưng để thoát khỏi chế độ Cộng sản người ta phải làm giấy tờ giả, anh chị giả làm cha mẹ, em út thành ra con cái, tuổi trẻ hóa già, tuổi lớn hóa nhỏ...

Ở Châu Đốc, có những hôm muốn đi núi chơi, chúng tôi học sinh rủ nhau vài người, ra chợ mua vài ổ bánh mì, vài hộp cá mòi mang theo ăn, hoặc mua một nải chuối già với một hai cân khoai mì mang theo ăn. Ngày đó, chúng tôi đã được dạy hát bài Suy tôn Thủ Tướng Ngô Đình Diệm: *'Ai bao năm từng lê gót nơi quê người, cứu đất nước thề tranh đấu cho tự do ... Ngô*

*Thủ Tướng! Ngô Thủ Tướng muôn năm! Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Thủ Tướng. Thời đó học trò chúng tôi sửa lại : Khoai mì chuối! Khoai mì chuối muôn năm! Toàn dân Việt Nam nhớ ơn khoai mì chuối ‘. Sáng sớm đi, chừng một giờ đồng hồ vào tới chân núi Sam, ngày xưa hai bên lộ không có nhà cửa, nhìn hai bên đồng mông hiu quạnh, nhìn chẳng xa chi lắm là kinh Vĩnh Tế do ông Thoại Ngọc Hầu trong nom dân phu đào cấp theo ranh giới Việt Miên, từ Châu Đốc sang tới Hà Tiên*

Khi vào tới chân núi là gặp ngay chùa Tây An, nơi đó có ngôi mộ của Đức Phật Thầy, rẽ tay phải sẽ đến miếu bà Chúa Xứ, nằm bên tay phải, xé đó bên tay trái là lăng của Thoại Ngọc Hầu, nơi đây trong khuôn viên lăng có mộ của mười mấy người, ấy là những đào kép hát, hình như họ bị bức tử chôn theo Thoại Ngọc Hầu. Nếu đi nữa sẽ tới Bạch Vân Tịnh xá, nơi đây có tượng Phật ngồi tham thiền, từ đây có đường leo lên đỉnh núi, nếu đi nữa sẽ tới chùa hang cũng có đường lên núi. Nhưng nếu từ Châu Đốc vào rẽ trái một khoảng sẽ có đường đi lên đỉnh núi, ngày xưa Pháp làm cho xe hơi chạy lên tận đỉnh, đường cho xe quan chạy nên có tên là Đường Quan, cũng như trước dinh tỉnh trưởng, có chiếc cầu sắt bắc ra sông cho tàu của quan đậu, gọi là Cầu Quan, trên đỉnh có một ngôi nhà xây người ta gọi là pháo đài, dùng để canh gác, lúc tôi đến đó, tôi nghĩ có lẽ là nhà nghỉ mát, trên đỉnh cao, gió thổi lồng lộng. Lên đến đây bày thức ăn ra ăn, rồi ngã lưng nằm, ngủ một giấc thoải mái, đến gần chiều từ từ theo đường quan xuống núi, đường tuy xa nhưng dễ đi và không nguy hiểm, vì không phải leo trèo qua những vồ đá cheo leo.

Ở Chợ Châu Đốc, có một món ăn rất nổi tiếng gọi là Bún Nước Lèo, ăn mới biết hương vị, hình như đó là món ăn của người Chăm hay người Miên chứ không phải của người Việt. Còn người Việt thì có đặc sản Mắm Thái, mắm thái là mắm con cá lóc, sau khi làm mắm, người ta xắt thịt con mắm cá lóc thành

## TRUYỆN CỦA TÔI

từng sợi nhỏ bằng đầu đũa ăn, rồi trộn với đu đủ, gừng, ớt, tỏi. Khi ăn chúng ta cuốn với cải xà lách, kèm thêm thịt ba rọi luộc xắt lát mỏng, thêm bún, khế, chuối chát, gừng, ớt xắt lát. Chúng ta có đủ hương vị : cay, nồng, béo, chua, chát, mặn, ngọt. Còn Mắm Ruột là làm từ ruột cá lóc, vì ruột thì ít cho nên hiếm, giá đắt.

Tại trung tâm tỉnh lỵ Châu Đốc, còn có một cây Bồ Đề chánh gốc Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ, nơi đức Phật đã thành đạo, Hội Thông Thiên Học Quốc Tế trụ sở tại Ấn Độ, Hội ấy tặng cho ông Phạm Ngọc Đa, Hội Trưởng Hội Thông Thiên Học Việt Nam, Hiệu Trưởng đầu tiên của Thủ Khoa Nghĩa, ông được Tỉnh Trưởng cấp đất nên hạ thổ trồng vào năm 1952.

Cuối năm học, tôi đứng hạng nhất của lớp, ngày phát thưởng tổ chức tại rạp hát Lạc Thanh, rạp duy nhất của tỉnh, nằm ngay tại đầu chợ. Phần thưởng tôi lãnh được quyển Việt Nam Tự Điển, sách Văn Phạm của Trần Trọng Kim ...

Thầy Châu Văn Tính là thầy giáo dạy rất giỏi, có lương tâm chức nghiệp, sau thầy làm Hiệu Trưởng trường đó rồi làm Thanh Tra học chánh tỉnh Châu Đốc. Khi về hưu, Thầy mua nhà trong cư xá Lữ Gia, tôi có đến thăm thầy một lần.

Gần cuối năm học lớp Nhất, một hôm chú kêu tôi hỏi :

*"- Người ta nói nhất nghệ tinh nhất thân vinh, chú muốn cho con học trường Bách Nghệ ở Sài Gòn, con có chịu không ?"*

Tôi nhớ trong năm mình có làm bài luận, Nhất nghệ tinh nhất thân vinh, nhưng lúc này, tôi đâu cần chi hơn là được đi Sài Gòn học, nên tôi chịu liền. Chú tôi viết thư xin cho tôi dự thi, nộp giấy thế vì khai sinh..., sau đó trường Cao Thắng gửi thư cho chú tôi biết ngày và nơi thi, yêu cầu gần đến ngày thi, tôi lên trường Cao Thắng số 65 Đỗ Hữu Vị lấy phiếu báo danh.

## HUỲNH ÁI TÔNG

Tôi mong nhanh chóng tới ngày thi vào Cao Thắng, năm 1948 hay 1949, tôi có lên Sài Gòn một lần, ở nhà thuốc Nhành Mai nơi anh tôi làm việc ở đó, vào khoảng tháng 8 ta. Tôi còn nhớ, đêm Trung Thu con gái ông chủ nhà thuốc Nhành Mai gọi tôi lên lầu, chị đưa bánh Trung Thu cho tôi ăn, ban ngày tôi và một thằng bé cháu ông chủ Nhành Mai, đi quanh đó lượm nút chai, đến bến xe đò xem xe chở khách, Sài Gòn với cyclo, xe điện với đèn xanh, đèn đỏ muôn màu, lời cuốn tôi lúc tuổi còn thơ.

Khi thi tuyển vào Trung Học Thủ Khoa Nghĩa, tôi làm trệt hết cả 2 bài toán, nhưng nhờ bài Luận văn và Câu Hỏi Thường Thức, tôi đậu hạng 51/300 học sinh trúng tuyển. Bé người đứng hạnh nhì trong lớp, đậu thủ khoa, Toàn con chú tôi đậu hạng 36.

Sắp đến ngày thi vào Trường Cao Thắng, chú tôi bảo cho đi thi, có thi rớt cũng như thường cho tôi một chuyến đi chơi ở Sài Gòn.

Năm 1956, thi tuyển vào Cao Thắng, tôi dự thi tại trường Nữ Trung Học Gia Long với 3000 sĩ tử. Buổi trưa đi bộ xuống chợ Sài Gòn ăn cơm, ăn xong trở lại vườn Tao Đàn nằm nghỉ chờ tới chiều thi lại, nằm trên băng đá vườn Tao Đàn tôi nhớ tới Thăng Được, Thăng Bì trong tiểu thuyết Cay Đắng Múi Đồi của Hồ Biểu Chánh.

Thi xong về nhà, tôi được chú cho biết nhà trường thưởng cho tôi một chuyến đi Vũng Tàu 21 ngày, thế là tôi làm giấy tờ rồi vài hôm sau đi, từ các tỉnh, học sinh lên Sài Gòn tập trung ở Trường Tiểu Học Lê Văn Duyệt ngủ một đêm, hôm sau mới lên đường ra Vũng Tàu.

Trại do Thanh Tra Xường ở Vĩnh Long làm Trại trưởng, mỗi tỉnh cử 2 thầy hay cô giáo dạy thể dục thể thao đi theo, năm đó

## TRUYỆN CỦA TÔI

bộ Giáo Dục mua 2 dãy nhà của người Pháp, lập nhà nghỉ của học sinh, nó nằm trên đường đi Bãi Sau cách chợ Vũng Tàu chừng 300 thước, cách bờ biển cũng chừng 200 thước, nơi đó cũng là trung tâm thành phố.

Học sinh chia thành từng Đội, đội chúng tôi là nhóm học sinh Châu Đốc với Học Sinh Chu Văn An Sài Gòn, nói chung trại sinh tuổi từ 8 cho đến 16 hay 17, trai có, gái có, giàu nghèo đều có, ai học giỏi đi khỏi đóng tiền, còn những học sinh khác đi Trại phải trả chi phí mất 800 đồng.

Sinh hoạt của trại thì ngày ăn ba bữa, đi tắm biển thường xuyên, đi tham quan đền pha trên đỉnh núi, đền thờ cá ông, xuống tàu Hải Quân đi Cần Giờ nhưng mới ra khơi nhiều người say sóng, tàu đành quay trở lại.

Trại sinh tất cả khoảng trên 300, 2 dãy nhà ấy mỗi nhà gồm hai tầng, mỗi tầng phải kê giường chồng mới đủ chỗ nằm, có những cậu còn nhỏ ban đêm ngủ mơ còn gọi Má ơi! Má ơi! Có cậu ngủ nửa đêm thức dậy la lối om xòm vì cậu nằm trên tè xuống !

Một hôm cũng gần đến ngày về, buổi sáng điểm danh mất hết hai trại sinh 9, 10 tuổi, có người cho biết hai cậu ấy nhớ nhà quá, tối cứ khóc nhớ mẹ, trại đi báo bắt Cảnh Sát, cách đó chừng 100 thước, rồi trại sinh theo chương trình sinh hoạt trong ngày, chẳng ngờ đến 3 giờ chiều, hai cậu bé được Cảnh sát mang giao lại cho Trại, chúng đã trốn lên xe đồ về tới Biên Hòa bị Cảnh Sát chặn lại gửi trả về cho trại. Tội nghiệp cho hai cậu bé, thầy cô phải khuyên nhủ và an ủi.

Thi vào Trường Cao Thắng, tôi chỉ làm trúng có một bài toán, tôi nghĩ là mình thi rớt rồi, có bị rớt, tôi vẫn được học ở Thủ Khoa Nghĩa, hạng 51 vẫn có học bổng.

Trại Hè Vũng Tàu chấm dứt, về lại Trường Lê Văn Duyệt nghỉ tạm, tôi đi xe buýt vào Chợ Lớn thăm chị ruột tôi ở đó, chị ấy cho biết tôi đã thi đậu, chuyển về tôi mới cuộc bộ từ Bùng Binh Sài Gòn đến Trường Cao Thắng để xem kết quả, tôi thấy tên mình ở hạng 132 trong 250 học sinh được trúng tuyển. Dù vậy tôi không biết chú tôi có cho tôi đi học ở Sài Gòn không? Cuối cùng chú tôi quyết định cho tôi đi học ở Sài Gòn.

Từ đó tôi xa Châu Đốc, sau này mỗi lần về thăm nhà, ban đêm tôi thích ra ngồi cầu tàu trước chợ Châu Đốc, để nhìn xuống lòng sông, ghe, xuồng qua lại, nhìn qua bên kia Cồn Tiên, bên nọ Châu Giang, và nhất là tại chỗ đó tôi hiểu được câu Ca dao :

*Đèn nào cao cho bằng đèn Châu Đốc,  
Gió nào độc cho bằng gió Gò Công  
Thổi ngọn gió Đông,  
Lạc vợ xa chồng.  
Năm đêm nghĩ lại nước mắt hồng tuôn rơi !.*

Đêm tĩnh mịch thức giấc, thỉnh thoảng nghe tiếng trống điểm canh đêm đêm của nhà việc Châu Phú. Tiếng trống thường gọi cho chúng ta nhớ đến thời xa xưa, đến người của những năm tháng cũ. Chú tôi, thầy tôi nay yên giấc đã nhiều. Có ai về Châu Đốc, xin cho tôi nhắn hỏi:

*- Tiếng trống sang canh còn đó hay không ?*

Sau này tôi mới biết Nhà việc làng Châu Phú ở giữa Phòng Thông Tin và Bảo Trợ Nhi Đồng bị phá hủy trong trận Mậu Thân, nên ngày nay không còn nữa.

**Trường Tôi nay là Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng  
65 đường Đỗ Hữu Vị  
Quận I - Thủ đô Sài Gòn**



Tôi lên Sài Gòn, trước tiên ở nhà anh Police ngày xưa, nay anh đã chuyển sang ngành an ninh, chỗ anh làm có giam giữ tù nhân, nó nằm bên cạnh Xã Tây Chợ Lớn cũ, nhà anh thì ở khu gia binh sau trường Chu Văn An ngày nay, xưa là gần khu nhà xác của bệnh viện Hồng Bàng, đi học thì đi xe buýt, từ ngã sáu Chợ Lớn ra Lê Văn Duyệt rồi cuộc bộ lên Trường Kỹ Thuật Phan Đình Phùng, nằm trong khuôn viên Nha Kỹ Thuật và Mỹ Thuật Học Vụ số 48 đường Phan Đình Phùng, chênh chếch trước mặt là Đài Phát Thanh Sài Gòn, bên hông là đường Phạm Đăng Hưng, có nhà thờ dòng Saint Francier. Sau này Nha ấy đổi thành Nha Kỹ Thuật Học Vụ.

Trường Kỹ Thuật Phan Đình Phùng là chi nhánh của Trường Cao Thắng, nơi đó có một dãy nhà, ngay cổng ra vào số 2 Phạm Đăng Hưng có nhà cho Gác Dan, bên cạnh có phòng cho Giám Thị làm việc, kế đó là 6 phòng học được xếp lớp Đệ Thất A, B, C, D và E còn một phòng nữa, mấy tháng sau trở thành lớp học của Trường Kỹ Sư Công Nghệ khóa đầu tiên, do cụ Phạm Xuân Độ điều hành, qua khỏi đó là nhà vệ sinh. Trong khu này,

ban đêm còn có Trường Quốc Gia Âm Nhạc do ông Nguyễn Phụng làm Giám Đốc, nơi đây tôi từng thấy nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi, Nguyễn Hữu Ba..., do đó trong mỗi phòng chúng tôi học, đều có một cây Dương Cầm, năm đó chúng tôi học nhạc với nhạc sĩ Nguyễn Văn Khánh, ông thường đàn cho chúng tôi hát những bài ông dạy.

Học vẽ và Công Tác Xưởng thì phải về trường Cao Thắng học. Nếu tôi nhớ không lầm thì năm tôi vào học là ông Khoan làm Hiệu Trưởng vừa Trường Cao Thắng vừa Trường Thực Nghiệp sau này đổi tên là Trường Nguyễn Trường Tộ, Trường này lâu đời nằm trên đường Hồng Thập Tự, một bên là bót Cảnh Sát Quận Nhứt, một bên là Tòa Đại Sứ Pháp, và phía sau là Tòa Đại Sứ Mỹ.

Sau này tôi có dịp đọc tài liệu mới biết, Pháp đến Việt Nam, để sửa chữa tàu hơ cho lập Trường Thực Nghiệp tên của nó là Ecole d' Apprentissage, đến đầu thế kỷ thứ 20, để nói rộng, mới cất thêm chi nhánh là Trường Cao Thắng, nên hiệu trưởng chỉ là một ông điều khiển hai trường. Học sinh ra trường thường theo ngành Hàng Hải hay Hải quân, do đó những Đô Đốc Trần Văn Chơn, Đề Đốc Chung Tấn Cang ... xuất thân từ trường này, Hồ Chí Minh, Tôn Đức Thắng cũng học trường này. Theo lời ông Phan Kim Báu Hiệu Trưởng Nguyễn Trường Tộ thuật lại: Năm 1945, Nhật đảo chánh Tây, họ chiếm đóng trường và đem hồ sơ ra đốt hết, gồm cả học bạ, cho nên ngày nay không ai còn tìm ra chứng tích. Còn phải nói thêm, ông Nguyễn Hùng Trương, Giám Đốc nhà sách Khai Trí cũng học Cao Thắng, và người cuối cùng tôi muốn nói đến đó là Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng học Trường Cao Thắng. Ngày xưa mỗi lần Tổng Thống đi công du, các Tổng, Thứ, Bộ Trưởng, Giám Đốc phải ra sân bay tiễn đưa, hay chào đón lúc về, Tổng Thống Thiệu gặp ông Giám Đốc Nha Kỹ Thuật Học Vụ Lý Kim Chân vốn là thầy cũ, Tổng Thống Thiệu lễ phép, chấp tay cúi đầu chào, phần đông người ta chỉ biết học sinh Cao Thắng dao to



## TRUYỆN CỦA TÔI

búa lớn, ít ai biết rằng họ rất lễ phép với Thầy mình, có dịp tôi sẽ nói thêm.

Giáo sư thì đa số là Giáo sư dạy giờ như Trần Đức Can, Hiệu Trưởng trường Tiểu Học Đinh Tiên Hoàng dạy Pháp Văn, ông luôn luôn mặc Veston, đội nón Flechet, tay mang găng, giáo sư Sơn tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội đã về hưu, dạy học đi bằng xe Fiat, Bác sĩ Kim dạy Việt Văn, ông có phòng mạch ở Quận Tư, ông trích giảng truyện chi đó tôi đã quên tên, trong ấy có nhân vật Bảy Hồ, tên này chúng tôi đặt thành biệt danh cho Nguyễn Thanh Tòng, nay anh ở San Jose, Bác sĩ Kim còn đem thơ Thanh Tâm Tuyền ra giảng cho chúng tôi nghe, ông bắt học thuộc lòng, tôi không còn nhớ tựa bài chỉ nhớ được vài câu:

*Mưa bên kia sông,  
Mưa nửa giòng nước.  
Hồn nhiên tôi trở thành thi sĩ ca dao ...*

Dạy Hóa Học tôi không còn nhớ tên ông giáo sư ấy, ông hay nói: *Thí rượu*, Xưởng thi học với Giáo sư Lê Văn Chia, ngày ấy ông đi chiếc Traction đen, Kỹ Nghệ Họa thì học với Giáo sư Trần Văn Đặng, Anh văn học với giáo sư Phan Hữu Tạt ở Pháp mới về, ông đi dạy bằng xe Wolfwagen.

Hai ông giám thị, trong ấy có ông Giám Thị Tài, mang kiếng cận, người thật mập, giống như hình biểu thị vô xe Michelin, ông phạt gắt lắm, hờ mỗi chút là Consigne, anh em mới đặt cho ông biệt danh là ông Michelin. Tôi cắt móng tay trong lớp, lúc không có giáo sư dạy, nên ông lại ngồi trong lớp để giữ trật tự, ông nghe được tiếng lách cách ấy, tôi bị double zero conduite và consigné một tuần. Sở Consigne ông ký đầy hết, nhưng đến Lễ Quốc Khánh 26-10-1956 ông bèn vào lớp tuyên bố : “*Do ăn mừng Lễ Quốc Khánh, tôi tha phạt hết cho các trò*”. Học sinh mừng hết lớn!

## HUỲNH ÁI TÔNG



Huỳnh Ái Tông, Bùi Văn Chính, Nguyễn Thanh Tòng

Năm Đệ Thất tôi học lớp E với Nguyễn Thanh Tòng, Trương Công Phước, Bùi Văn Chính, Lương Minh Mẫn, Lương Minh Đạt, Nguyễn Văn Hòa, Mai Hữu Tâm, Lý Phụng Toàn, Tăng Tấn Tài, Lý Phước Châu, Trần Xuân Vĩnh Quê, Lương Văn Sĩ, Trần Văn Đất, Trần Văn Trường, Lê Văn Thơm, Nguyễn Hữu Hiệp, Phan Tùng... Đến 50 mạng và gần 50 năm qua rồi kể từ năm 1956 đó, khó mà nhớ hết. Trong số học sinh lớp ấy có Mai Hữu Tâm đi học bằng xe Push xanh, còn Lý Phụng Toàn Push đỏ, Lợi đi Gobel.

Vào năm Đệ Thất, anh em học sinh có phong trào đi học Nhu Đạo ở sân Phan Đình Phùng với giáo sư Hồ Cẩm Ngạc, hình như trong số đó có Nguyễn Định An theo đuổi lâu năm. có thi cử và có đẳng cấp.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Một số khác đi học vẽ với họa sĩ Vương Quốc Đạt ở Hòa Hưng hay Ngã bảy, trong đó có Dương Văn Thơm và Thạch Minh Thông, một số học làm thơ để thực hiện hoài bão trở thành thi sĩ. Sau 1975 gặp lại Dương Văn Thơm anh cho biết cùng với Thạch Minh Thông lấy gỗ mít khắc tượng Phật bán cho cửa hàng bán đồ cổ ở đường Trần Quý Cáp, sau chuyển ra Lê Văn Duyệt (nay là Cách Mạng Tháng 8), các anh chỉ nhận được 2 chỉ vàng, họ bán ra trên 2 cây.



Tôi ở trọ nhà anh An trong ngã sáu được một tháng anh bị thuyền chuyển, tôi chuyển ra ở trọ nhà người quen trong hẻm, trước Rạp hát Việt Long, hai tháng sau lại dọn về ở nhà Họa sĩ Phạm Thăng, vài tháng sau, tôi xin vào ở trọ ngay trong Trường Phan Đình Phùng, nơi đây đã có Trần Văn Tự, Nguyễn Văn Sĩ, Trần Văn Long, Nguyễn Trung Trực, Trần Xuân Vĩnh Quế, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Giáp tự Giao, Nguyễn Tiến Minh bút hiệu Nhất Giang, Huỳnh Văn Huê cũng có vài người của Trường Quốc Gia Âm Nhạc, nay tôi còn nhớ là anh

Nguyễn Quang Vui. Và hồi đó có mở lớp Sư Phạm Kỹ Thuật cấp tốc học một năm, lại có thêm anh Huỳnh Phương cũng ở đó, sau này anh có đi tu nghiệp ở Mỹ và dạy ở Trường Đà Nẵng. Sau 1975 anh vào Sài Gòn, thỉnh thoảng tôi cũng gặp anh, cho đến khi anh đi anh đi định cư ở Mỹ vào khoảng năm 1990.

Chúng tôi ăn cơm tháng ở quán Ba Đồn chỗ ngã tư Phan Đình Phùng và Nguyễn bình Khiêm, thường ngày là cơm đĩa với cá kèo kho hột vịt và đậu xào, một thời gian sau vài anh em tự nấu ăn, mua một cái Réseau đốt dầu hôi, một cái nồi nhôm, một cái soon, đôi đũa cái chén là xong, thức ăn mua ở chợ Đa Kao.

Ngủ thì, mỗi người một cái ghế bố, tối trải ra, sáng xếp lại, đặt ở góc nào đó. Ở đó có những kỷ niệm khó quên, có những đêm Huỳnh Văn Huệ, Trần Xuân Vĩnh Quế và tôi đi bộ qua Cầu Bông, qua Lăng Ông đến một Cư xá sau này nằm trên đường Nguyễn Huệ hay Thích Quảng Đức, để Huỳnh Văn Huệ xin tiền của người chị, rồi lội bộ ra Ngã Tư Phú Nhuận, theo đường Hai Bà Trưng, đến Trần Quang Khải trở về Chợ Đa Kao, gần đền thờ Phan Chu Trinh có hiệu Kem, mỗi đứa mua ăn một cây kem Eskimos, về tới trường cũng khoảng 10 giờ đêm, có khi cổng đã khóa, phải gọi anh Gác Dan Gourd Salan, người Ấn lai mở cổng.

Có những đêm chừng 9 hay 10 giờ, đi ra ngoài sân nhìn lên Building công chức ở đó, trên tầng lầu tư, đôi khi có cô ca sĩ vợ ông giáo sư kia ra đứng balcon, hai tay bà chống xuống lan can để chịu thân mình, đứng cuối nhìn xuống đất, trong nhà đèn mở sáng trưng, chiếu rõ người phụ nữ không mặc áo, đứng yên lặng một mình, trông như một pho tượng tuyệt đẹp. Gourd Salan chép miệng nói : “ *Trông thân hình tuyệt đẹp mà bà ta cũng tự nhiên quá. Chẳng lẽ mình đứng ngắm hoài !* ” Những năm gần đây tôi còn được vài lần xem bà ta trình diễn trong Video, bà ta tuy tuổi đã cao, nhưng vẫn còn nét đẹp, còn đủ quyến rũ gọi tôi nhớ đến hình ảnh năm xưa.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Trong những người ở chung nơi đây, nay mỗi người một phương trời, kẻ mất người còn. Nguyễn Trung Trực tôi có gặp anh cấp bậc Trung Úy ở Trại Lực Lượng Đặc Biệt Ban Mê Thuộc, Hà cũng Trung Úy Quân Cụ, Trần Xuân Vĩnh Quế đã hy sinh cho tổ quốc trước Mậu Thân.

Anh Nguyễn Quang Vui cùng tôi gần bó như tình ruột thịt, nay anh ở San Jose, nhớ ngày nào tôi thi rớt Tú Tài, anh thuê nhà cho tôi có chỗ học bài, anh giới thiệu cho tôi cô em họ của anh ở Huế, tôi ra đó cô mời về nhà ăn cơm, lần khác anh cô đưa tôi đi Ciné rồi đi ăn chè ở Ga xe lửa, rồi về nhà ngủ lại trong thành nội, một lần cô đưa tôi đi xe bus về vùng quê ở Kim Long. Có một lần cô vào Sài Gòn, chúng tôi đi ăn chè Hiền Khánh ở đường Phan Đình Phùng, đi xem phim Giã Từ Vũ Khí ở Rạp Văn Hoa Đa Kao, chúng tôi chỉ có duyên chớ không có nợ, Nếu ngày nay tôi viết cho nàng: *“Tình chỉ đẹp khi còn dang dở”*, nàng chẳng phụ họa *“Đời mất vui khi đã trọn câu thề”*, đó là bài thơ Ngập Ngừng của Hồ Dzếnh như sau :

*Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé.  
Tôi sẽ trách- cố nhiên - nhưng rất nhẹ;  
Nếu trót đi, em hãy gắng quay về.  
Tình mất vui lúc đã vẹn câu thề,  
Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở.  
Thơ viết đừng xong, thuyền trôi chớ đỗ,  
Cho nghìn sau... lơ lửng....với nghìn xưa.*

Còn người nữa, tôi cũng khó quên, đó là Nguyễn Tiến Minh, bút hiệu Nhất Giang. Minh người Bắc, thỉnh thoảng có người đàn ông ở Đà Lạt xuống tìm Minh, Minh gọi là Bố, nhưng khi ông ta về rồi, Minh nói với tôi : - *Ông ta không phải là bố ruột của tôi, mẹ tôi ngày xưa đi buôn, một hôm bị tên cướp hãm hiếp sau sinh ra tôi.* Tôi không tin lời Minh nói, tôi cho rằng hán tiểu thuyết hóa cho đời hán có thêm huyền thoại. Minh đi học, có lúc không tiền ăn, nhịn đói vài hôm, khi có tiền nhuận

bút hần mua chả quế, bánh dày ăn thật hả hê, bù lại những bữa đói, cuộc đời văn nghiệp của Nhất Giang Nguyễn Tiến Minh bắt đầu với chuyện Chú Chuột Chù, hần viết rồi gửi tới nhà văn Lê Văn Siêu in trong sách viết cho trẻ con như Đế Mèn Phiêu Lưu Ký của Tô Hoài. Sau khi sách Chú Chuột Chù của Minh được in năm 1958 hay 1959, Minh trở thành nhà văn Nhất Giang từ đó, sau này khoảng năm 1959, Kỹ Sư Cầu Cống Trần Văn Bạch thôi chức Giám Đốc Nha Kỹ Thuật và Mỹ Thuật, Kỹ sư Nguyễn Được từ Pháp về thay làm Giám Đốc, Trần Lưu Cung làm Phó, chúng tôi không được ở trong khuôn viên Nha Kỹ Thuật nữa, Minh học trên tôi một lớp, tôi không rõ Minh bỏ học năm nào, có được mảnh bằng chi. Đã là văn sĩ Minh còn cần chi bằng kỹ thuật ấy.

Khoảng năm 1960, một hôm gặp Minh ngồi xích lô trên đường Pasteur gần ngã tư Hồng Thập Tự, Minh cho biết vừa ở tù ra, hiện ở đường Trương Tấn Bửu, cho số nhà bảo tôi đến chơi, căn nhà ấy tôi có đến thăm Minh, nhưng Minh đứng trên gác, tôi đứng dưới đường nói chuyện với nhau.

Về sau, Minh mua căn nhà nhỏ trong hẻm đường Lê Văn Duyệt, gần đình Phú Thạnh (?), chỗ có quán Ba Ninh chuyên bán thức ăn Huế. Rồi Minh lấy vợ bắt tôi làm rể phụ bụng khai trầu rượu, vợ Minh Lý Mỹ Bạch, nhà ở trong hẻm đường Tô Hiến Thành, gốc người Sa Đéc. Sau khi đãi ăn ở nhà hàng ra về, vợ chồng Minh mời tôi và cô dâu phụ về tổ yến ương của Minh, ăn xôi gà, rồi họ nhờ tôi đưa cô dâu phụ Trần Thị Thu Cúc về nhà.

Tôi lấy Taxi đưa Cúc về nhà ở đường Phan Văn Trị, gần ngã năm Bình Hoà, từ đó tôi quen Cúc, đêm đêm tôi có đến nhà kèm nàng học toán để thi Tú Tài. Năm tôi lập gia đình, tôi không mời và báo tin cho Cúc, đêm nhóm họ nàng đến nhà trọ gửi cho tôi món quà, hôm sau mở quà ra là một đĩa hát, trong

## TRUYỆN CỦA TÔI

đó Phương Dung hát bài Thương Hoài Ngàn Năm và một Album, Cúc ghi hai hàng chữ :

*Thương hoài ngàn năm ....  
Em nghĩ đó là tình của anh với chị.*

Buổi tiệc cưới chúng tôi ở Đồng Khánh, Cúc mặc toàn trắng, chào chúng tôi đang đón khách và nói: - *Tối hôm qua, em tưởng anh có nhà, em mang quà tới mừng anh chị, không gặp anh, em đã gửi lại, bây giờ em xin phép về.*

Chúng tôi cố mời nhưng Cúc từ chối, lấy lý do nhà xa, lại nữa Sài Gòn giới nghiêm quá sớm, vào lúc 10 giờ đêm.

Sau này Minh mua nhà ở đường Nguyễn Cảnh Chân, xây lầu đúc 3 tầng, chạy xe đua, mở nhà xuất bản Chiêu Dương. Minh đã khuyến khích tôi viết sách, nhờ đó tôi đã viết quyển Kỹ Nghệ Họa lớp 9, để giảm chi phí, Minh tìm họa sĩ viết chữ, hình tôi vẽ, sách ấy in ra 5 ngàn quyển, Minh bán hết cho Khai Trí và tôi được 60 ngàn đồng, năm đó có lẽ 1971, năm sau tôi soạn sách Bài Tập Vẽ Kỹ Thuật, tôi mang đến cho ông Khai Trí xuất bản, và còn mấy quyển Kỹ Nghệ Họa lớp 8, lớp 10 ông Khai Trí đã mua nhưng chưa xuất bản.

Tôi vẫn thường đến chơi với Minh, có lúc hấn lên voi mà cũng có lúc xuống đất. Một hôm tôi đến, Minh đi khỏi, Bạch vợ Minh trông coi công nhân đóng sách trên lầu, bảo tôi lên lầu vì đang bận khách. Tôi lên đến nơi mới biết có Cúc ở đó, Bạch đang xem xấp ảnh của Cúc, rồi vừa cười đưa cho tôi một tấm ảnh và nói :

- *Anh Tông xem tấm ảnh này đẹp nè !*

Tôi vừa cầm ảnh mới xem qua, Cúc vội la lên :

- *Ấy! Anh đừng xem, em mắc cỡ lắm!*

Đó là tấm ảnh màu, Cúc đang cho con bú, chắc là chồng Cúc đã chụp ảnh thằng bé đang bú sữa căng đầy ngực nàng.

Từ đó tôi không gặp Cúc nữa, tôi nhớ hồi đó có lần đi Ban Mê Thuộc, tôi có gặp Cúc ở Phi Trường Tân Sơn Nhất, Cúc bảo tôi : - *Em đã đi dạy học ở Bình Long, anh em làm Hiệu Trưởng trên ấy.* Sau này Bình Long mất, tôi tự hỏi bây giờ Cúc và gia đình ở đâu ? Còn Minh sau 1975, có lúc mua xe đồ lở, chở khách chạy đường Sài Gòn Cần Thơ, rồi cả gia đình vượt biên sang Úc.

Sau nghe người ta nói, ở Úc Minh lại làm báo Chiêu Dương, sau khi tôi rời Việt Nam, nghe nói Minh đã về lại Việt Nam, chiêu đãi bạn bè và đã kinh doanh ở đó. Hồi còn ở Việt Nam tôi có gửi thư cho Minh ở địa chỉ báo Chiêu Dương, gần đây anh Nguyễn Thanh Bình cho tôi địa chỉ Website Âu Cơ ở Úc, cơ sở kinh doanh của gia đình Minh, tôi gửi Email tới thăm, tất cả đều không có hồi âm.

Năm Đệ Lục, tất cả học sinh về Cao Thắng học, Trường Kỹ Thuật Phan Đình Phùng xóa tên, sau này nơi đó mở Trường Quốc Gia Thương Mại do Thầy Phan Hữu Tạt làm Hiệu Trưởng, Trường Nữ Công Gia Chánh Bà Nữ vợ ông Giám Thị Tập làm Hiệu trưởng, về sau khi các Trường Quốc Gia Âm Nhạc dời về vườn Tao Đàn, Thương Mại, Nữ Công dời lên Trường Bách Khoa Phú Thọ, nơi đây mở Trung Tâm Phan Đình Phùng dạy tiểu thủ công nghiệp do họa sĩ Nguyễn Văn Bình làm Hiệu Trưởng, sau nữa Toà Đại Sứ Mỹ lấy Trường Nguyễn Trường Tộ (trước là Trường Thực Nghiệp) để mở rộng thêm Toà Đại Sứ, đổi lại họ sẽ cất Trường Nguyễn Trường Tộ, gần khu Bến Xe An Đông, nơi cơ sở Trường Quân Y cũ. Đến Tết Mậu Thân chánh phủ lấy chỗ đó cho nạn nhân tạm trú, rồi họ chiếm luôn, Mỹ phải xây cất trên Thủ Đức, vì cơ sở quá



kháng trang nên Bộ Giáo Dục dành cho Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, lấy tên là Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thủ Đức, ông Nguyễn Văn Ái nguyên Giám Thị Cao Thắng, hồi đó ông thường mặc áo sơ mi ngắn tay trắng, quần vải Kaki vàng. Ông có du học ở Mỹ lấy được bằng Tiến sĩ giáo dục, được bổ nhiệm làm khoa trưởng, còn Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ thì vẫn ở tạm trong khuôn viên Nha Kỹ Thuật cho đến ngày nay.

Tôi nhớ năm Đệ Lục học Xưởng Gò học với Thầy Quan, sau Thầy làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Cần Thơ và một Thầy nữa là ba của Đại, học Rèn với Thầy Hồ Văn Vây, Lê Văn Kiệt và học Machine à Vapeur với Thầy Tỷ, khổ ơi là khổ, toàn bài là Pháp Văn, phải học thuộc lòng về mô tả cơ cấu, vận chuyển của những bộ phận.

Ở lớp Pháp Văn học với Thầy Khuê, nghe nói xưa Thầy từng làm quận Trưởng ở quận nào đó, Thầy vào lớp cho học sinh chép bài rồi nằm dưới bàn học trò để nghỉ lưng. Thầy chọn những bài văn hay để dạy, tôi còn nhớ một bài đại ý như sau :

Có một gánh hát dạo ở Pháp, đến làng kia hát, anh hề diễn một câu thể nào đó làm mịch lòng khán giả, họ buộc anh ta phải xin lỗi, anh ta cho rằng mình không có lỗi. Ông bầu bảo anh ta xin lỗi anh ta cũng không khứng chịu. Sau ông bầu nói rằng vì miếng cơm manh áo, anh ta nên xin lỗi để cho mọi người được nhờ. Do đó anh ta bằng lòng và ra sân khấu xin lỗi, anh ta nói :

*- Tôi xin lỗi quý vị là tôi có lỗi !*

Khán giả chẳng những hài lòng mà còn vỗ tay tán thưởng anh ta, khi lui vào hậu trường, có đào kép hát hỏi, tại sao ban đầu bảo anh ta xin lỗi, anh ta đã nhất định không xin lỗi, sao bây giờ lại chịu xin lỗi, anh ta bảo :

*- Hãy nghe cho kỹ lời tôi nói, tôi nào có xin lỗi chi đâu, vì nếu tôi xin lỗi thì đó là tôi có lỗi.*

Lúc đó mọi người mới hiểu là anh ta chơi chữ.

Thầy Phan Hữu Tật vẫn dạy Anh Văn, Sử Địa học với Thầy Nguyễn Ngọc Ân, Thầy cũng có du học ở Pháp. Toán học với Thầy Lê Bạc Sang, Thầy Sang với Thầy Trần Ngọc Đánh, giờ học sinh ra chơi hai Thầy thường thả bộ, trò chuyện với nhau trong sân trường, hình như hai Thầy là đồng hương, quê ở tỉnh Cần Thơ.

Năm Đệ Ngũ, tôi và vài bạn cùng lớp bị chuyển sang Đệ Ngũ D, học chung với Hồ Ngọc Thu (con của Thầy Hồ Văn Vầy), Nguyễn Đắc Thận, Lê Kim Nghĩa, Dương Văn Thơm, Lê Văn Thơm, Trần Xuân Minh (?), Trần Thái Thông, Thạch Minh Thông, Tá, Nam, một cậu nữa lông tay rất dài, do báo Sài Gòn Mới của bà Bút Tra đăng bài có người lấy khi đẻ con, nên anh em gọi anh ta là con khi của bà Bút Trà.

Năm này học Máy Nỗ với Thầy Phan Văn Mão, Thầy rất khó, học với Thầy lớp im phăng phắc, mỗi lần Thầy gọi tới 2 học sinh lên trả bài. Anh em thường bảo giờ Thầy Mão ruồi bay ngang biết đực hay cái.

Thầy Nghiêm Xuân Sương dạy Lý Hóa, giọng Thầy hơi ngọng, bị học sinh nháy, một hôm Thầy nói : - Tôi nói ngọng là do Trời sinh, các em đừng cười, người có tật nguyên mình đáng thương mới phải, cho nên *“Cái gì của Cesar hãy trả lại cho Cesar”*. Câu nói của Thầy, tôi vẫn thắc mắc về *“Cái gì của Cesar hãy trả lại cho Cesar”* Chừng 30 năm sau, tôi mới tìm thấy ý nghĩa trong Thánh Kinh. Câu nói ấy xảy ra lúc Chúa đương thời, La Mã cai trị người Do Thái, dân Do Thái vì đó chống lại nhà cầm quyền La Mã, người ta muốn hại chúa, nên hỏi Chúa có nên đóng thuế hay không ? Nếu Chúa bảo nên

đóng thuế tức là Chúa không chống La Mã, dân Do Thái sẽ chống Chúa, nếu Chúa bảo đừng đóng thuế tức chống lại La Mã sẽ được lòng dân Do Thái, nhưng nhà cầm quyền La Mã sẽ bắt bỏ tù Chúa vì tội xúi dân chống nhà cầm quyền, lúc được hỏi như thế, chúa trả lời:

*- Cái gì của Cesar hãy trả lại cho Cesar.*

Mà Cesar là Đại Đế La Mã, có hình tượng in trên đồng tiền sử dụng thời bấy giờ.

Công Dân học với Thầy Lê Trọng Lễ, Thầy Lễ đang học Luật, em Thầy là luật sư Lê Trọng Nghĩa, nghe nói khi tập sự người ta đưa cho Thầy bào chữa cho một tên Việt Cộng, tội tử hình là cái chắc, cho nên anh em bảo gặp Thầy Lễ thì chỉ còn nước bị tử hình.

Tôi nhớ hình như năm này Thầy Phạm Văn Luật thân phụ của Phạm Minh Luân làm Giám Thị kiêm Giáo sư hướng dẫn Hiệu Đoàn, cuối năm Thầy khuyến khích Dương Văn Thơm và tôi in Ronéo đặc san của Lớp, Thầy Lê Nguyễn Bá Tước dạy Việt Văn cho một mớ Stencil, Thầy Luật bảo tôi sang thư viện Quốc Gia nằm trước mặt Bộ Kinh Tế (sau này là Nha Động Viên của Tướng Trần Đình Đạm, có xưởng ngôn viên tiếng nói động viên Huỳnh Hữu Trí), mượn sách mà viết về Thất Sơn Huyền Bí, Thầy viết thư giới thiệu, tôi sang gặp ông Lê Ngọc Trụ đồng tác giả với thầy Luật về quyển Sải Vải của Nguyễn Cư Trinh, ông Trụ còn là tác giả Việt ngữ Chánh tả tự vị ...., ông Trụ đưa cho tôi quyển sách Pháp văn viết về địa lý miền Nam của Trương Vĩnh Ký, tôi đem về nhà đọc cả tuần không thấy thú vị, không trích được bài nào, bây giờ nghĩ lại thấy mình quá dại, sách của đại văn hào, tại mình dốt đó thôi. Ông Luật còn xía tay vào định mệnh của tôi, nếu có định mệnh, tôi sẽ nói tới sau.

Còn tờ báo Xuân, thuê đó Thơm và tôi tìm được một hiệu Ronéo ở gần Trường Trần Lục Tân Định, bìa Thơm vẽ cảnh mai vàng, với 4 tờ Stencils để in 4 màu: Xanh dương, vàng, đỏ, đen, và trộn 4 màu thành ra technicolor, đạt được kỹ thuật cao, đẹp hơn tất cả báo xuân cùng quay Ronéo trong năm đó.

Xưởng máy ô tô, thuê đó được Toà Đại Sứ Anh cho một động cơ JET, để gần bàn Thầy Mão, anh học sinh nào cũng hành diện vì trường mình có máy móc tân tiến, nhưng nhìn chớ không dám sờ tới.

Có hôm học với Thầy Huỳnh Văn Thức, thân phụ của Huỳnh Hữu Trí, ông đem động cơ nổ ra bảo tháo hết ra rồi lắp lại, làm cho tới chiều mới xong, lắp rất cẩn thận nhưng khi xong thì còn dư cả nắm tay nào nào bù lông, đai ốc, vòng đệm. Dem mấy món lục cục ấy hỏi Thầy Phạm Văn Tới, Thầy bảo: “ - *Máy em coi có cái lỗ nào đó, liệng hết nó vào trong máy đi, máy này cũ lắm rồi, bao nhiêu năm chẳng ai rớ tới, máy cũ lúc sửa chữa người ta thêm chỗ nọ chỗ kia, mình lắp đúng kỹ thuật thì nó dư. Tại buổi sáng các em làm mất trật tự, ông Thầy phạt bắt tháo máy học hành gì cái máy cỡ lỗ sĩ đó!*” Học sinh có anh nói : “ - *Hèn chi!*” Còn mớ kia, anh em lén liệng luôn vô thùng rác.

Thầy Thức nói giọng Nam rặc, Trí nói giọng Bắc rặc, hỏi Thầy tại sao vậy ? Thầy trả lời :

- *Có chi khó đâu ! Hồi 1945 tôi đi tàu ra Hải Phòng, kẹt ở đó, nó sanh ở Bắc, lớn lên ở Bắc nên nói giọng Bắc rặc ròng.*

Còn Thầy Hồ Văn Vây, đến năm 1969 tôi xuống đơn vị Quân Cụ ở Sóc Trăng, mới vào trình diện với Đại Úy Đại Đội Trưởng, ông đang căn dặn tôi chỗ ăn ngủ vừa xong, một anh Trung Sĩ nhất chào tôi cái cụp :

## TRUYỆN CỦA TÔI

*- Thưa Thiếu Úy! Có người mời Thiếu Úy ra quán.*

Tôi còn đang phân vân, Đại Đội Trưởng khuyên tôi :

*- Có anh em mời thì anh đi chơi đi, chỗ lạ có người quan thì tốt cho mình.*

Tôi chào Đại Đội Trưởng rồi theo anh Trung sĩ đi chẳng mấy bước tới chiếc cầu xi măng nhỏ, bên cạnh cầu là cái quán lá đơn sơ, bước vào quán nhìn thấy Hồ Ngọc Thu ngồi đó, chung quanh với một số đàn em. Hắn đẩy về phía tôi ly cối đầy bia nói :

*- Ngồi xuống uống đi mày! Giới thiệu với anh em, Chuẩn Úy Tông là bạn học cùng lớp, bạn đồng nghiệp cùng dạy trường kỹ Thuật, nay bạn đồng lý của đời binh nghiệp.*

Đó là ngày binh nghiệp đầu tiên của tôi, từ đó Thu và tôi be bét nhậu, có những bữa uống với Mỹ, chúng say mềm, một hôm có anh Mỹ cố vấn Trung đoàn, mời chúng tôi về nhà hắn nhậu, vợ hắn là cô gái người Việt chuẩn bị cho chúng tôi thức ăn đầy bàn, rượu mấy thùng bia hộp. Thu thì cứ hát nhạc Trịnh Công Sơn : “*Người con gái Việt Nam da vàng, yêu đô la hơn yêu nòi giống...*”, chị ta tránh mặt chúng tôi, nói từ trong buồn vọng ra :

*- Uống dùm đi mấy anh ơi! Ai có phận nấy mà, chúng ta đâu có muốn mà được, thương nhau không thương thì uống dùm đi, chớ cay đắng chi cho tội nghiệp thân em.*

Thu thì vẫn cứ hát, mà tôi thì xót xa cho thân phận con người nhất là người Việt Nam, trong thời buổi chiến tranh, nay còn , mai mất, thân phận nhược tiểu, ai cũng như ai. Nhưng mà không phải Thu chế diễu, khinh bạc, bởi vì nghe giọng Thu hát, nhìn đôi mắt hắn đoan trang lễ ứa. Thu hẳn có tâm hồn, hắn chơi nhạc được và cũng vẽ được những bức tranh, xem ra nhà

Thu bên cạnh Trường Mỹ Thuật Gia Định, chắc Thu có hoa tay hơn là học lóm.

Một hôm tôi bận việc ký các Phiếu hệ sửa chữa không đi uống bia được, Thu đi với các sĩ quan tài chánh đơn vị, đến chiều khoảng 6 giờ tôi đi ăn cơm về tới công, thì được hạ sĩ quan trực báo cáo có Thầy Vây đi kiểm Thu, tôi mời Thầy lên xe jeep, chở Thầy đi Bãi Xảo không gặp, phải ra tận đường đi Vũng Thơm mới tìm thấy Thu.

Chúng tôi chở Thầy về thành phố, vào một cái quán ở bờ sông vắng khách ngồi, Thầy lấy trong túi bàng ra một chai Johnny Walker nhãn đỏ, đặt trên bàn Thầy cười nhẹ nhàng và nói :

*- Thấy con lâu về, ba má nhớ con, má con không khỏe nên ba đi thăm, có chai này nhậu đỡ.*

Thầy Vây và Thu, chuyện vãng qua loa, chậm rãi hớp từng ngụm Whisky pha Soda, tôi uống ít nhưng thấm nhiều về tình phụ tử của Thầy Vây và Thu, họ có khoảng cách tôn kính vừa đủ để không làm mất sự thân yêu, cha bao giờ cũng ít bày tỏ tình cảm với con, nhưng qua ánh mắt, qua từng hớp rượu tôi thấy họ đã trao cho nhau tình cảm sâu sắc đậm đà. Cho đến gần 11 giờ đêm, chúng tôi đưa Thầy về ngủ trong trại, sáng dậy sớm đưa Thầy ra quán Cây Dương ăn điểm tâm, rồi tiễn Thầy ra về.

Tôi nhớ những vị Hiệu Trưởng như là ông Khoan, ông Trà cụ Phạm Xuân Độ, rồi Ký sự Cao Thanh Đánh, Giám Học là ông Minh, ông Lý Kim Chân, ông Lê Thanh Vân, ông Phan Văn Long, Tổng Giám Xưởng có ông Phòng, Phan Văn Mão, Nguyễn Thành Đức, Tổng Giám Thị Có Lê Văn Chia, Giám Thị có ông Phòng, ông Kim, ông Luật, ông Tài, ông Khoa, ông Nén, ông Ái, ông Ngạc.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Ông Lý Kim Chân sau đi làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Vĩnh Long, trước khi làm Giám Đốc Nha Kỹ Thuật, Lê Văn Chia đi làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Long Xuyên, Nguyễn Thành Đức làm Hiệu Trưởng Trường Nguyễn Trường Tộ.

Khi Kỹ sư Cao Thanh Đảnh làm Hiệu Trưởng, ông xếp những học sinh giỏi vào lớp A, rồi B, rồi C... năm Đệ Tứ, tôi học Tứ A trong đó có Trần Văn Xê, Se Văn An, Nguyễn Đình An, Mai Văn Khoa, Trần Bình Đức, Trần Hưng Bang, Dư Quang Thuấn, Trần Thanh Quang, Lý Thất, Lê Kim Nghĩa, Vũ Duy Dân, Ngô Phước Tường, Nguyễn Văn Thuận, Lê Văn Quang, Nguyễn Kim Biên, Nguyễn Đắc Thận, Nguyễn Hữu Thế là một lớp học sinh giỏi về sau ra Kỹ sư có Nguyễn Đắc Thận, Dư Quang Thuấn, Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật có Lý Thất, Lê Kim Nghĩa và tôi. Riêng Trần Bình Đức, năm đồ Tú Tài 2 Kỹ Thuật hạng Bình, đậu luôn Math G ở Đại Học Khoa Học, nhưng ngày kêu kết quả Tú Tài là ngày đưa anh vào bệnh viện Grall, vì anh bị đau màng óc, anh trời lại các em đừng cố học như anh, rồi anh từ trần năm đó.

Pháp Văn học với ông Nguyễn Văn Chiêu nguyên Thanh Tra quân đội ở ngoài Bắc thời chánh phủ Nguyễn Văn Tâm, Việt Văn học với Lê Nguyễn Bá Tước.

Học Kỹ Nghệ Họa với ông Dương Khắc Long, ông Long dạy có in bài Ronéo phát, đỡ phải chép bài, cho tới nay tôi vẫn còn tìm cách lý giải, câu hỏi của Thầy Long là: *“Tại sao người ta nói mình ên ? Ví dụ như tôi đi có một mình ên. Chữ ên do đâu mà ra?”*

Sử Địa thì học với Thầy Nguyễn Khánh Nhuận, Thầy Nhuận đi dạy bằng xe hơi, ăn mặc đúng mode, đầu chải láng, theo như chính Thầy kể, xưa Thầy học trường Sư Phạm để ra dạy cho con em của Pháp, vợ của Thủ tướng Lào Souvanaouvong

hay Phouma là bạn học với Thầy lúc ấy, sau Thầy được bổ dụng qua dạy ở Vientaine Lào, rồi 1945 xảy ra, Thầy phải chạy sang Thái Lan lánh nạn và làm nghề thầy bói, Thầy có làm Hiệu Trưởng Trường Đông Tây Học Đường, trường này đóng cửa trước khi tôi lên Sài Gòn học, nhưng cơ sở vẫn còn thấy ở đường Hai Bà Trưng, sau Trung Quốc mua cất thành Tòa Đại Sứ Quán Trung Hoa Quốc Gia ở Sài Gòn, nghe nói Thầy Nhuận là anh em với các tiệm vàng Nguyễn Thế Năng và Nguyễn Thế Tài, tôi không chắc là anh em ruột, vì Nguyễn Thế Năng, Nguyễn Thế Tài thì phải Nguyễn Thế Nhuận, Khánh và Thế khác nhau.

Năm 1974, tôi được đề cử làm Hiệu Trưởng Trường Nguyễn Trường Tộ, Thầy Lưu Minh Tuấn - em của Thầy Lưu Luân Trọng, chú của Lưu Bá Đại dạy Kỹ Nghệ Họa ở Cao Thắng - góp ý kiến tôi nên nhờ Thầy Nhuận xem cho ngày bàn giao, tôi phải nghe lời. Thầy Tuấn chở xe gắn máy đưa tôi đến nhà Thầy Nhuận ở một hẻm chênh chéch trước chợ Tân Định, Thầy xem cho ngày bàn giao phù hợp với ngày giờ anh Phạm Văn Tài muốn bàn giao sớm. Chưa đầy một năm Việt Cộng đã vào, cho nên tôi không biết được có gì hên xui không, vì mọi việc trường vẫn bình thường.

Tôi không nhớ thời điểm bắt đầu, nhưng khoảng thời gian này thì có chị Chín, có xe bán nước ngọt đặt gần xưởng Nguội, sau lại có thêm cô Liên, chừng 16 hay 17 tuổi phụ giúp bán với chị Chín, cô Liên trở thành cây Si cho nhiều người trồng, nên xe nước chị Chín đông khách hơn trước kia.

Ngoài cổng trường, những xe đồ hột xí ngẫu lác, ăn bò vò viên, xe bột chiên, bánh mì thịt, khô mực ... bán chiếm lòng lề đường, cảnh sát quận nhất đuổi chạy qua bên kia là quận nhì, quận nhì đuổi chạy lại quận nhất, ranh giới chỉ là con đường Công Lý.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Thầy Phan Hữu Thành là huấn luyện viên Thể Dục lâu năm của trường, sau có thêm Thầy Phạm Văn Sửu, năm Đệ Tam trường bắt học sinh lớp Đệ Tam tham gia thể dục đồng diễn, anh em tập nhiều tuần lễ dưới sự hướng dẫn của Thầy Thành, đến ngày trình diễn ở sân Tao Đàn, có Tổng Thống Ngô Đình Diệm chủ tọa, tôi nhớ đến đoạn ngồi hai chân duỗi thẳng cúi mình ra trước, hai tay chạm vào ngón cái lấy đà, lộn nhào một cái, rồi đứng ở thế thấp, bấp vế nằm ngang, hai tay đưa về phía trước, động tác này anh Sa ở Đệ Tam B hay C người hơi thô, nên chân anh cứ dựng đứng lên trời, Tổng Thống Diệm phì cười. Ngày ấy đủ các trường Gia Long, Trưng Vương, Trương Vĩnh Ký, Chu Văn An ...

Năm Đệ Tam này, tôi nhớ học Toán với Thầy Nguyễn Mạnh Cung là Giám Đốc Phi Trường Tân Sơn Nhất, Thầy có đưa anh em lên phi trường tham quan, đặc biệt Thầy đưa lên đài không lưu chỉ rõ những đường bay, những hỏa hiệu.

Học Kỹ Nghệ Họa với Kỹ sư Lâm Trường khu Bắc Công Chánh ở Sài Gòn, Lý Hóa học với Trần Ngọc Đảnh.

Tôi nhớ học Pháp Văn với giáo sư Lương Thọ Phát, tiến sĩ Văn Chương Pháp, ông dạy về Le Cid của Corneil, nay tôi chỉ còn nhớ mỗi câu: “ - *Je peur tout autre que vous* ”.

Anh Văn học với ông Bửu Nghi, Giám Đốc Đài Phát Thanh Sài Gòn, chính ông Bửu Nghi tiết lộ khi cuộc đảo chánh của Đại Tá Nguyễn Chánh Thi 11-11-1960, nhảy dù bao vây Dinh Độc Lập nhưng Đài Phát Thanh họ không kiểm soát, Dinh Độc Lập nội bất xuất, ngoại bất nhập đâu có làm sao đem băng từ trong đó ra để đài phát. Đài đã nhờ một người nhái giọng Tổng Thống đề gọi Đại Tá Trần Thiện Khiêm và Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu đem quân từ Sư Đoàn 7 ở Mỹ Tho về cứu giá.

Tuy ông Bửu Nghi không cho biết người có tài nhái giọng ấy là ai, nhưng chúng ta đều biết chỉ có quái kiệt Trần Văn Trạch, biệt tài của ông đã làm cho cuộc đảo chánh thất bại. Bửu Nghi từ Phó Giám Đốc được đề cử Giám Đốc thay vào chỗ nhạc sĩ Thẩm Oánh đã về hưu trước đó.

Kỹ sư Lâm dạy Kỹ Nghệ Họa một thời gian ngắn, ông bận việc nên giao cho Kỹ sư Nguyễn Văn Quang xuất thân từ trường Công Nghệ, kỹ sư Quang dạy chiều Thứ Bảy, ông đặt vấn đề: *“Các anh nghe giảng xong bài Kỹ Thuật Họa, đến giờ Về muốn làm chi thì làm, miễn hết giờ góp bài làm tuần trước cho tôi là đủ”*. Thế là sau khi nghe giảng xong phần kỹ thuật, anh em đa số bỏ lớp đi quanh chợ Sài Gòn hay chui vào các Rạp Hồng Bàng, ở đường Pasteur, bên hông Trường Cao Thắng, rạp Nam Việt đường Tôn Thất Thiệp ( ? ), Casino Sài Gòn nằm trên đường Pasteur, Lê Lợi ở gần ngã tư Lê Thánh Tôn, Nguyễn Trung Trực, Vĩnh Lợi nằm cạnh bệnh viện Sài Gòn, đa số anh em thích đi Lê Lợi hơn vì nơi đó có treo chiếc đồng hồ, phía tường bên cạnh màn ảnh, cho nên dễ biết giờ giấc ra về.

Trên đường Lê Lợi còn có các nhà sách Lê Phan, Văn Hữu, Khai Trí, Việt Bằng để anh em xem sách, còn anh nào có tiền ngồi quán Kim Sơn ngay góc Nguyễn Trung Trực Lê Lợi để nhìn nam thanh, nữ tú đi mua sắm, cũng có khi người ta nói: *“để nhìn ông đi qua bà đi lại”* hoặc là *“để rửa mắt”*.

Học Cao Thắng, tôi tin rằng anh nào cũng có dịp hàng tuần đi dạo một lần cho thanh thần tâm hồn.

Năm Đệ Tam và Đệ Nhị học sinh lớp A không thay đổi, năm Đệ Nhị A tôi nhớ học Pháp Văn với giáo sư Nguyễn Văn Kiết. Sài Gòn có Giáo Sư Kiết và Giáo sư Lúa dạy Pháp Văn, gặp một trong hai ông ấy coi như đi đong, chỉ trừ anh nào xưa kia có học trường Pháp hay đang theo học Alliance Francaise thì còn có điểm. Một hôm học trên lầu phía ngoài đường, dãy lớp nằm

## TRUYỆN CỦA TÔI

sát văn phòng, ông Kiệt gọi Vũ Đình Dần lên bảng viết một câu Pháp văn, Dần viết không xuôi, ông giận quá bước lại định nắm anh Dần ném xuống lầu, nhưng ông bước đến nhìn thấy anh Dần cao hơn ông, ông mới phì cười. Ông Kiệt có bằng Cao Học Triết của Pháp, sau ông dạy Văn Khoa, Vạn Hạnh rồi Mậu Thân, ông vào bưng tham gia Chính Phủ Giải Phóng Miền Nam giữ chức Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục.



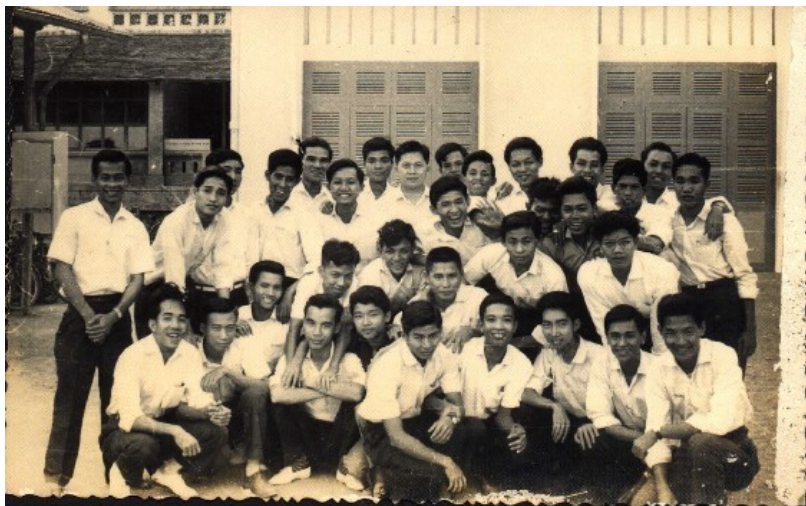
Kỹ sư Nguyễn Văn Phúc mang kính đứng chính giữa

Kỹ Nghệ Họa học với kỹ sư Nguyễn Văn Phúc, được vài tháng ông Phúc đi tu nghiệp ở Hoa Kỳ, kỹ sư Lê Tài Quốc dạy thể, sau ông Quốc ra ứng cử Thượng Nghị Sĩ trong liên danh Bông Sen cùng với Bác sĩ Tôn Thất Niệm, Trần Quang Thuận ...

Lý Hóa học với Thầy Đào Đức Vĩnh, hình như Thầy Vĩnh là giáo sư Võ Trường Toản, Thầy dạy sách của ông Lâm nhưng các bài tập Thầy đọc thuộc lòng cho học sinh chép.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Toán học với Kỹ sư Khí Tượng Hoàng Hồng, có hôm Thầy nghe học sinh tình nguyện đi Thủ Đức, Thầy lập lại lời của người xưa : “*Quốc Gia hữu sự thất phu hữu trách*”. Sau Thầy Hồng bị động viên, có học sinh truyền tin Thầy bỏ nhiệm sở, đi trốn lính chớ không đi theo tiếng gọi của quê hương. Thiệt hư tôi chẳng biết.



Kỹ sư Lê Tài Quốc đứng chính giữa

Cuối năm học tôi đứng hạng tư trên 37 học sinh, có được phần thưởng, vậy mà tôi thi rớt Tú Tài, người ta chỉ thi rớt 2 keo là đau lắm rồi, vậy mà năm đó tôi rớt tới 4 keo trong 1 năm. Hai lần thi kỹ thuật và hai lần thi phổ thông.

Thi rớt, tôi buồn quá bỏ về quê, chẳng thiết đến những chuyện khác, đến khai trường lại, bị xếp vào học lớp Đệ Nhị 5, là lớp cuối cùng của 5 lớp Đệ Nhị, hỏi ra tôi mới biết là kể từ năm học đó Trường chỉ có 1 sinh ngữ, học sinh phải chọn Anh hay Pháp, có 4 lớp Pháp Văn và 1 lớp Anh Văn. Tôi bị đưa vào lớp Anh Văn vì tôi bỏ Sài Gòn về quê, không nộp đơn học lại, đến

## TRUYỆN CỦA TÔI

ngày hết hạn, ông Giám thị Phạm Văn Luật làm đơn cho tôi, không biết tôi chọn Pháp hay Anh Văn, ông tìm học bạ thấy Pháp Văn tôi được 13 điểm của giáo sư Kiệt còn Anh văn, tôi được 14 điểm của giáo sư Nguyễn Đình Hải vốn là chuyên viên của Unesco, cuộc đời tôi bị giám thị Luật xía vào số mạng từ đó. Thật ra tôi đâu có giỏi Anh Văn, chẳng qua tôi làm nhiệm vụ ôm sổ ghi danh, sổ ghi đầu bài, giáo sư Hải hiếm gọi tôi đọc Quatrième Bleu, nhưng thương hại cứ cho tôi 14 điểm. Được thầy thương cũng là tai họa.

Nhưng bù lại, Hiệu trưởng Cao Thanh Đánh cho toàn là giáo sư giỏi dạy lớp ấy : Việt Văn với Giáo sư Lê Nguyễn Bá Tước, Sử Địa Nguyễn Khánh Nhuận, Anh Văn Phùng Thịnh thực hành với bà Le Blanche, Kinh Tế học Luật sư Vũ Tứ Cầu, Toán Cù An Hưng, Hóa giáo sư Bùi Xiêm, Lý Kỹ sư Quyền dạy ở Trường Cao Đẳng Điện Học Phú Thọ, Kỹ Nghệ Họa Lê Tài Quắc, Xưởng Huỳnh Văn Thúc.



Giáo sư Cù An Hưng

Học sinh ở lại lớp với tôi có Huỳnh Ngọc Diệp, Hồ Ngọc Điền, Võ Duy Khiết, Ngô Phước Tường, những học sinh ở lớp sau lên học chung có Huỳnh Hữu Lộc, Hoàng Thanh, Trần Văn Thành, Nguyễn Văn Nghia, Phan Thành Tura...

Tôi có học chung với Huỳnh Ngọc Diệp lớp Ngũ D lúc đó các anh học làm thơ, sau đó Diệp trở thành thi sĩ, anh có thơ đăng trong Tập San Sáng Dội Miền Nam do Tchya Đái Đức Tuấn làm chủ nhiệm. Hoàng Thanh là con của Nghị sĩ Hoàng Thế Phiệt được phong hiệp sĩ của Tòa thánh La Mã, sau anh tốt nghiệp Kỹ sư công nghệ rồi du học ở Pháp, riêng Huỳnh Hữu Lộc thường đưa tôi sang rạp Hồng Bàng tán tỉnh cô bán vé, cô ấy trông rất đẹp và thủy mị dễ thương, nhưng còn nữa Lộc quen với Hạc con của Hoàng Trọng Miên, Hạc đẹp lắm, nước da trắng, môi son đỏ, tóc hót ngắn, ba chúng tôi thường đi dạo phố Lê Lợi, chúng tôi chơi thân thiết nhau, ra đường nhiều người đi qua còn phải ngoái lại nhìn Hạc. Có hôm tôi đến nhà Hạc ở đường Phạm Ngũ Lão (gần chùa An Lạc), gặp chị Phụng, tôi biết chị đang hoạt động cho bên kia, té ra chị là em của ông Thanh Nghị người viết Tự Điển Việt Nam cũng là nhà Văn Hoàng Trọng Miên, chị là cô của Hạc.

Sau 1975, tôi không gặp chị Phụng, không biết chị ra sao, riêng Hạc năm 2000, gặp lại bạn bè ở Cali, cho biết Hạc đã lấy vợ và định cư ở Pháp, còn Lộc sau khi ra trường Cao Thắng du học ở Nhật về Việt Nam làm Phó Giám Đốc Vikyno, sau làm Giám Đốc, vượt biên bị bắt ở Bến Tre, thành phố Hồ Chí Minh can thiệp để Lộc về làm việc cho thành phố. Võ Duy Khiết học Luật, sau làm Biện lý tỉnh Phước Tuy.

Cuối năm học này, tôi đạt được hạng 2 trên 38 học sinh, và tôi đã đỗ Tú Tài 1 hạng Bình Thứ, năm ấy học sinh lớp Nhị 5, tỉ số đậu cao hơn các lớp khác, nhờ có các giáo sư dạy giỏi, nhất là Cù An Hưng.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Năm học này tôi chịu ảnh hưởng của Luật sư Vũ Tứ Cầu, ông viết chữ nhỏ, dùng bút bi nhiều màu để viết tựa, những mục, tiểu mục, chú thích, tôi đã theo cách thức ông trình bày bài học và bài giảng sau này khi tôi đi dạy học.

Năm Đệ Nhất, còn lại 3 lớp, chúng tôi lớp Anh Văn Đệ Nhứt 3, học Sử Địa với giáo sư Nguyễn Bá Nhẫn ông xuất thân từ trường Cao Cấp Kinh Doanh của Pháp, lúc đó ông làm Giám Đốc nhà máy xi măng Hà Tiên, sau làm Tổng Cục Trưởng Tiếp Tế. Anh Văn học với giáo sư Phạm Văn Rao, Triết Học với giáo sư Nguyễn Mẫn, Toán và Lý Hóa với giáo sư Vũ Mộng Hà, Kỹ Nghệ Hóa với giáo sư Trần Thế Can, Công Tác Xưởng với Thầy Lưu Luân Trọng.

Sau này vào học Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, tôi còn học với Thầy Phạm Văn Rao, Vũ Mộng Hà và nhiều giờ nhất là Trần Thế Can mỗi tuần 20 giờ trong năm học đầu tiên.

Đôi khi xem lại bài vẽ Kỹ Nghệ Hóa cũ, có một bài tên của tôi, nhưng nét vẽ không phải của tôi. Cố moi óc nhớ chuyện năm xưa lúc còn đi học, lục tìm mãi rồi cũng nhớ ra. Năm 1964 tôi ra thăm Huế, đứng nhìn hàng trăm nữ sinh với tà áo trắng đi trên cầu Tràng Tiền có Sáu Vài Mười Hai Nhịp, đi với người con gái xứ Huế dạo đến Kim Long, chia tay nhau với giọt lệ vẫn dài ở phi trường Phú Bài, tôi hưởng những giờ phút vui tươi nơi cố đô, sánh vai với người đẹp đất thần kinh, thì Hoàng Thanh ở nhà cặm cụi vẽ bài dùm tôi để nộp cho Thầy Trần Thế Can.

Thầy Vũ Mộng Hà có nhiều giai thoại ở Trường Cao Thắng, ngày Thầy đi dạy đầu tiên bị gác dan và Giám Thị không cho Thầy vào trường, Thầy phải nhắn mời Giám Học ra đưa Thầy vào, chỉ vì Thầy đi dạy còn rất trẻ có dáng thư sinh “ *Trời gà không chặt* ”, giám thị nghĩ Thầy là học sinh không mặc đồng phục, nên không cho vào trường, từ đó về sau Thầy Hà đi dạy

phải thất cả vật để cho Giám Thị phân biệt, tôi nhớ mấy chuyện chứng tỏ Thầy Hà có trí thông minh tuyệt vời, Thầy dạy Toán, Lý Hóa Đệ Nhất, đang đọc bài cho học sinh chép, chuông reo hết giờ, Thầy bỏ ra khỏi lớp, tuần sau đọc tiếp cho học sinh chép. Bài tập Thầy chấm xong trả lại cho học sinh, sau đó chỉ gọi vài học sinh để ghi điểm, những học sinh khác Thầy ghi theo trí nhớ.

Còn một chuyện nữa, để tôi kể theo thời gian. Hôm đó đi nghe kết quả thi Tú Tài 2, kết quả kêu vào khoảng 11 giờ, Ngô Phước Tường và tôi đến trường sớm nên đi ra Nguyễn Huệ chơi rồi theo đường Huỳnh Thúc Kháng trở về, khi đi qua ngã tư Pasteur, từ phía kia một chiếc cyclo chạy ngược chiều, trên xe chở một Á Xăm, cô ta mặc váy đầm, vô ý gió thổi để tóc cái bùng rên lên, Tường nhìn tôi cười rồi nói : “ - *Chết cha rồi ! Đi nghe kết quả mà gặp cái điệu này, rút là cái chắc!* ”. Tường có vẻ lo âu, vào trường chúng tôi đi ngang phòng Hiệu Trưởng, gặp Vũ Mộng Hà từ hướng Hội Đồng Thi ở phòng Giáo Sư đi tới, tôi hỏi cầu may :

- *Thưa Thầy hai đứa em đậu rớt ?*

Thầy cười và trả lời không chút suy nghĩ:

- *Cả hai anh đều đậu.*

Tường và tôi không tin chút nào, vì trước đó chúng tôi đâu có gặp đề nhờ Thầy xem điểm, vậy thì làm sao Thầy quan tâm đến, chẳng lẽ Thầy phải nhớ hết học sinh các lớp Đệ Nhất 1, 2 và 3.

Rồi kết quả được dán lên bảng, cả Tường và tôi đều đậu, chúng tôi phục trí nhớ của Thầy Vũ Mộng Hà.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Tường và tôi còn một chuyện vui nữa, một hôm hai chúng tôi đạp xe về tới cái đồng hồ Chợ Bến Thành, có anh Cảnh sát đứng gác trong lồng chim, thổi còi chặn các xe dừng lại cho người đi bộ qua đường, trước mặt chúng tôi có hai cô gái tuổi chừng hai mươi, chở nhau trên xe Velo Solex, cô ngồi sau ăn mặc thật hấp dẫn, Tường buộc miệng nói : “ *Chà Cô này ăn mặc Văm quá !*” Cô ấy nguýt Tường một cái rồi nói : “- *Muốn không ? Tao cời ra cho mà coi !*” Tường đáp ngay: “- *Ấy Cảnh sát kia ! Đừng có làm ầu nghe!*”. Tiếng còi Cảnh Sát ré lên, chiếc Velo vọt lẹ, Tường lắc đầu nói: “- *Con gái gì mà dạn mỏng, dạn miệng thế!*”

Trong năm học cuối đó, một hôm vợ họa sĩ Phạm Thăng, đi làm ở Sở Vệ Sinh về, chị nói với tôi :

- *Chú Sáu à ! Để chị giới thiệu cho chú một cô, đẹp và dễ thương, cùng làm sở với chị, nếu hợp chú có thể tiến tới hôn nhân.*

Tôi ở trọ nhà họa sĩ Phạm Thăng, anh chị xem tôi như ruột thịt, nghe chị nói tôi nghĩ mình cũng không phải tệ, không làm quen với mấy cô được hay sao mà phải đợi có người giới thiệu. Nhưng nghĩ lại có gặp mặt cô nào đó thì cũng có hại chi đâu. Thế là hai hôm sau ngày Thứ Năm tôi đến Sở Vệ Sinh ở đường Hiền Vương, cô ta có buổi tu nghiệp tôi không gặp được. Hai hôm sau tôi trở lại mới gặp, từ buổi gặp mặt đầu tiên đó, nhen nhúm trong tôi một cảm tình, sau đó tôi đến thăm chơi ở nhà, tôi biết nàng là học sinh Gia Long.

Tôi nhớ lại, năm xưa thời cụ Độ làm Hiệu Trưởng, có anh Tốt cầu thủ bóng tròn của trường, không hiểu vì sao lại phóng uế bên bờ rào của Trường Nữ Trung Học Gia Long, bị cảnh sát bắt giải tòa về tội “*Công Xúc Tu Sĩ*”. Thầy Phan Hữu Tạt nói: Cụ Phạm Xuân Độ Hiệu Trưởng Cao Thắng với bà Nguyễn

## HUỖNH ÁI TÔNG

Thị Hội Hiệu Trường Gia Long có chuyện gây cấn nên : *“Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết”*.

Học sinh còn thường kháo nhau, cho là nữ sinh Gia Long chỉ để ý đến học sinh Petrus Ký, còn nữ sinh Trưng Vương chỉ để ý tới học sinh Chu Văn An, cho nên tôi cũng còn bị ám ảnh : Vội cho được nữ sinh Gia Long không phải dễ. Chính vì vậy, tôi tự nhủ phải chinh phục cho được người đẹp, mà quả thật tôi đã được, đó là nhà tôi ngày nay.



Cho phép tôi được cảm ơn nhà tôi, người đã khuyến khích, an ủi tôi nhiều mặt, lúc thành công cũng như khi thất bại, những

## TRUYỆN CỦA TÔI

dòng ghi này nếu không có nhà tôi như nguồn cảm hứng thúc dục, chắc tôi cũng chẳng ghi chép được dòng nào. Nhạc mẫu tôi, học Trường Áo Tím, nhà tôi học Trường Gia Long, con gái út của tôi học Trường Nguyễn Thị Minh Khai, 3 thế hệ có ba tên gọi khác nhau, nhưng cũng chỉ là một Trường Nữ Trung Học danh tiếng ở miền Nam

Cũng như những trường khác là Petrus Ký, Gia Long, Bác Ái, Marie Curie... Trường Cao Thắng cũng có cái đồng hồ thật to, đặt trên lầu của dãy Xưởng, đối diện với văn phòng, một số phòng học cũng có thể nhìn thấy, nó đặc biệt là đứng ngoài đường cũng như ở trong sân trường đều có thể nhìn thấy giờ giấc trên chiếc đồng hồ này.



Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng Sài Gòn

Trường tôi, Trường Kỹ Thuật Cao Thắng, Trường Máy, Trường Bách Nghệ, nhiều người học ở đó, mỗi người có kỷ

## HUỲNH ÁI TÔNG

niệm khác nhau, nơi đó Tôn Đức Thắng, Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Thiệu những người làm nên lịch sử đã từng theo học, công với tôi còn để nghìn sau, với tôi cũng như nhiều người khác đã là học sinh của Trường Cao Thắng, sẽ không quên được những kỷ niệm về trường học của mình, nó còn gắn liền với chợ Bến Thành với đường Lê Lợi. Đó là trung tâm, là nơi buôn bán sầm quất của thủ đô miền Nam. Xin mượn thơ của Nguyễn Du để diễn tả nơi ấy :

*Dập dìu tài tử giai nhân,  
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm*

**Louisville, ngày 31 tháng 3 năm 2001**



## Trường Tôi (2)

### Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật



Tôi thi rớt vào Trường Kỹ sư Công Nghệ, thật ra thì tôi bỏ thi đúng hơn. Lý do: Sau một ngày thi viết đã qua, ngày thứ hai thi thực hành vẽ kỹ nghệ họa vào buổi chiều và ngày hôm sau nữa thi Công tác xưởng. Vì buổi sáng không thi nên tôi đi chơi, về nhà ăn cơm, ngủ một giấc, sau khi thức dậy đẩy xe Vélo Solex ra đi thi, xe bỗng chướng không nổ máy, chạy đi tìm chỗ sửa, người thợ hì hục sửa bộ phận điện, bơm xăng ... cuối cùng xe vẫn không chịu nổ máy, nhìn lại đồng hồ đeo tay, còn 15 phút phải đạp từ chợ Hòa Hưng lên Ngã tư Bảy Hiền, rồi chạy đến Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật Phú Thọ ít ra cũng mất đến nửa giờ, thế là quá trễ giờ thi, cho nên tôi bỏ thi.

Tuần sau thi vào Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, Trường lấy vào 10 người, tôi đứng hạng thứ 12, tôi sinh học dự thính, Trường chấp thuận, cuối cùng chỉ có 6 người theo học, tôi được lấy vào chánh thức. Học Sư Phạm cảm bằng mình sẽ ra Trường, nên tôi vừa học vừa chơi, có lần tôi bỏ học cả tuần để đi Huế, đi Quảng Trị chơi năm 1965. Nên khi ra Trường tôi đứng hạng thứ ba, hai anh ưu tiên hơn tôi một anh chọn về Trường Kỹ Thuật Long Xuyên vì bạn gái của anh đang làm y tá ở Bệnh viện Long Xuyên, anh thứ hai chọn Trường Kỹ Thuật Vĩnh Long, tôi chọn Trường Kỹ Thuật Ban Mê Thuột, anh kế tôi phải chọn xa hơn nữa là Trường Kỹ Thuật Đà Nẵng. Còn lại 2 người không có nhu cầu nên Trường giữ lại, học thêm 2 năm nữa ra Giáo sư Chuyên nghiệp Độ nhị cấp.

Vào năm 1957 hay 58, thời ông kỹ sư cầu cống Trần Văn Bạch làm Giám Đốc Nha Kỹ Thuật Và Mỹ Thuật Học Vụ, tôi học lớp Độ lục hay Độ ngũ trường Kỹ Thuật Cao Thắng, được nhà trường điều động lên Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ để làm hàng rào danh dự, chào đón ông Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục đến chủ tọa lễ đặt viên đá đầu tiên, xây cất Trường Bách Khoa Trung Cấp Phú Thọ.

Hình như cũng trong thời gian đó, trường Quốc Gia Thương Mại được thành lập do ông Phan Hữu Tật làm Hiệu Trưởng và Trường Nữ Công Gia Chánh do bà Nữ phu nhân của Giám Thị Cao Thắng Nguyễn Văn Tập làm Hiệu Trưởng, cả hai trường dùng các lớp học trong khuôn viên Nha Kỹ Thuật và Mỹ Thuật Học Vụ để giảng dạy.

Đến năm 1960, Trường Bách Khoa Trung Cấp xây cất xong, thu nhận khóa đầu tiên theo học, gồm học sinh các Trường Cao Thắng và Thực Nghiệp thi tuyển vào, các trường Thương Mại và Nữ Công Gia Chánh cũng được dời về Trường Bách Khoa Trung Cấp, mỗi Trường này chiếm một dải lớp gồm hai tầng lầu.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Năm 1962, dưới thời Kỹ sư Nguyễn Được làm Giám Đốc Nha Kỹ Thuật Học Vụ, Ban Cao Đẳng Sư Phạm được thành lập, Ban này do ông Trần Lưu Cung kỹ sư viễn thông, Phụ tá Giám Đốc Nha làm Giám Đốc Ban này, kiêm Giám Đốc Trường Bách Khoa Trung Cấp, Ban Cao Đẳng dùng chung cơ sở của Trường Bách Khoa Trung Cấp để đào tạo Giáo sư Chuyên Nghiệp Đệ Nhất và Đệ Nhị Cấp, gồm các Ban: Khoa Học Áp Dụng, Kỹ Nghệ Họa, Máy Dụng Cụ, Điện Lạnh, Điện tử, Kỹ Nghệ Sắt, Kỹ Nghệ Gỗ, đến năm 1964 mới mở thêm Ban Nữ Công Gia Chánh và Thương Mại.



Huỳnh Ái Tông & Nguyễn Văn Bài

Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật là hệ Cao Đẳng như Cao Đẳng Công Chánh, Cao Đẳng Điện, Cao Đẳng Hóa Học, chuyên đào tạo Trung cấp và Đại Học, nhưng Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật không chính thức là một Trường Cao Đẳng, nó chỉ là Ban Cao Đẳng, trực thuộc Nha Kỹ Thuật Học Vụ, sinh viên tốt nghiệp 2 năm, chỉ số 320 và tốt nghiệp 4 năm, chỉ số 480. Mãi đến năm 1972, Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật mới có cơ sở riêng ở Thủ Đức với tên Trung Tâm Giáo Dục Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ. Năm 1974, được cải danh Trường Đại Học Giáo Dục Thủ Đức.

Năm đầu tiên, tôi học Toán với giáo sư Vũ Mộng Hà, Anh Văn giáo sư Phạm Văn Rao, vốn là giáo sư Cao Thắng, Công tác Xưởng học Kỹ Nghệ Gỗ với giáo sư Trần Minh Hoàng, Cơ Học kỹ sư Tôn Thất Tiêu, Kỹ Nghệ Họa 20 giờ/tuần học với kỹ sư Trần Thế Can, hồi ở Cao Thắng, tôi đã học với ông về Kỹ Nghệ Họa 5 giờ/tuần và Đại số.

Tôi không nhớ rõ lắm, nhưng mỗi tuần chúng tôi học chừng 40 giờ và mỗi sinh viên đương nhiên có học bổng hàng tháng một ngàn đồng.

Những ngày đầu, kể cả tôi, gồm có 9, 10 người theo học, trong đó có một số lại đổ vào Kỹ sư Công nghệ, ai cũng muốn học kỹ sư, nhưng theo học kỹ sư mất 4 năm, còn Ban Kỹ Nghệ Họa chúng tôi năm đó chỉ lấy 10 người, học 2 năm, mỗi tháng đều có học bổng, cho nên có người học vài ngày rồi bỏ để theo học Kỹ sư Công nghệ, riêng chỉ có anh Nguyễn Văn Bài bỏ kỹ sư, theo học sư phạm; theo tôi, anh vì hoàn cảnh gia đình.

Lớp chúng tôi gồm có: Nguyễn Văn Bài, Phạm Văn Đức, Nguyễn Hữu Lộc, Lương Văn Nhơn, Trịnh Như Tích và tôi. Riêng Trịnh Như Tích là học sinh tốt nghiệp Tú Tài 2 phổ thông thi vào, phải nói là chúng tôi thật sự không hiểu vì sao anh đã đậu, tính ra chúng tôi đã học 7 năm Kỹ nghệ họa, mỗi



## TRUYỆN CỦA TÔI

tuần từ 4 giờ ở Độ Nhất Cấp và 5 giờ ở Độ Nhị Cấp, vị chi ít nhất phải học từ A đến Z chừng 800 giờ. Vậy mà anh Trịnh Như Tích lại trúng tuyển môn thi anh không học có hệ số 4 !

Trước khi chúng tôi vào học, Ban Kỹ Nghệ Họa có đến 2 giáo sư của Trường Đại Học Southern Illinois University, gọi tắt là phái đoàn SIU, sang dạy, lúc chúng tôi mới vào học, 2 giáo sư này hết hạn, đang chuẩn bị về nước, riêng Xưởng Kỹ Nghệ Gỗ vẫn còn một giáo sư cổ vẫn Mỹ.

Trong môn chính học Kỹ Nghệ Họa, ngoài việc học vẽ, kỹ thuật học, chúng tôi còn phải dịch các tài liệu kỹ thuật từ sách báo Mỹ ra Việt Văn, sau khi dịch xong, in Ditto ra phát cho mỗi người một bản để người dịch trình bày và cả lớp cùng thảo luận, một là nhằm mục đích tập cho sinh viên dịch tài liệu, hai là tập thuyết trình cũng là hai thứ chánh yếu cần thiết để giảng dạy sau này.

Ngày đó đã có Ronéo, Photocopy rất giới hạn, in Ditto cũng gần giống như in thạch hay in bột. Trên một tờ giấy để in Ditto, người ta tráng lên một lớp hóa chất chứa phẩm màu tím, rồi dùng tờ giấy khác che lại, không cho tiếp xúc với giấy hay vật khác. Muốn in người ta dùng cây bút đặt biệt đầu nhọn, tròn như hòn bi, viết lên mặt trước của tờ giấy tráng phẩm tím, nó sẽ kẻ lên tờ giấy bên kia màu tím những gì ta viết, vẽ hay đánh máy, sau đó đem tờ giấy có in những gì ta viết vẽ hay đánh máy, dán lên ống trụ của máy Ditto, khi máy chạy alcohol sẽ thấm vào tờ giấy này, nó sẽ in qua ống trụ khác, các chữ số sẽ ngược đi, ống trụ này sẽ lăn qua tờ giấy trắng, in lại những hình, chữ số sẽ thuận trở lại, giống như máy chục năm trước, khoảng năm 1945, muốn in truyền đơn, người ta in thạch hay bột vậy.

Năm thứ hai, chúng tôi học Kỹ Nghệ Họa với kỹ sư Nguyễn Năng Cường, Anh Văn với giáo sư Nguyễn Hoàng Trinh, Máy

## HUỲNH ÁI TÔNG

Dụng Cụ với giáo sư Nguyễn Văn Giáp, Toán với kỹ sư Trần Lưu Cung, Cơ Học cũng với giáo sư Tôn Thất Tiêu, Sư Phạm với Thanh Tra Văn Văn Đây.



Lương Văn Nhon, Nguyễn Văn Đức, Huỳnh Ái Tông,  
Nguyễn Đức Lộc (thiếu Trịnh Như Tích, Nguyễn V. Bài)

Trong một lần bầu cử Ban Đại Diện Sinh Viên Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, có hai liên danh, tôi được anh chị em mời vào một liên danh gồm có 5 người, nay tôi đã quên gồm những ai, chỉ nhớ trong đó có chị Triệu Thị Chơi Nữ Công Gia Chánh, chị dễ nhớ vì chồng chị anh Trần Phát Lạc ra khóa đầu tiên Ban Kỹ Nghệ Họa Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật. Liên danh chúng tôi thất cử, liên danh kia đắc cử có anh Phạm Văn Tài sau làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, người đã đề bạt tôi làm Hiệu Trưởng Trường này kế nhiệm anh.

Tôi nhớ trong thời gian này, sinh viên có những cuộc biểu tình, bày tỏ lập trường với chánh phủ và sinh viên Ban Cao Đẳng Sư

## TRUYỆN CỦA TÔI

Phạm Kỹ Thuật đã họp Đại Hội Đồng để Bất tín nhiệm Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn và Ban Đại Diện Sinh Viên Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật do Nguyễn Minh Sử làm Trưởng Ban Đại Diện.

Tôi muốn nói thêm một chút về anh Nguyễn Minh Sử, sau khi tốt nghiệp 2 năm, anh không đi nhận nhiệm sở, ở lại tiếp tục học 4 năm để ra giáo sư đệ nhị cấp. Sau này đi làm anh là Công Cán Ủy Viên của Tổng Trưởng Giáo Dục Ngô Khắc Tinh, anh được đi học trường Đại Học Quốc Phòng số 2 đại lộ Thống Nhất, Trường dành cho Sĩ Quan cao cấp và Hành chánh từ Giám Đốc trở lên.

Có lần Bộ Giáo Dục họp, Tổng Trưởng bận công vụ không thể chủ tọa, Nguyễn Minh Sử thay thế Tổng Trưởng Giáo Dục chủ tọa, tham dự có các Thứ Trưởng, các Giám Đốc, trong đó có Thứ Trưởng Trần Lưu Cung vốn là Thầy và là Giám Đốc Trường đào tạo nghề giáo của anh vài năm trước đó.

Sau 1975, khoảng năm 1980, Nguyễn Minh Sử làm Trưởng phòng Giáo Vụ của Trường Lê Thị Hồng Gấm, tại Sài Gòn.

Anh có xuất bản một quyển sách nhỏ, hướng dẫn phương pháp làm Luận án tốt nghiệp của Sinh viên. Anh quả thật có tài “Gấp thời thế, thế thời phải thế!”

Trong các nữ sinh viên Sư Phạm thời đó, hình như có người đẹp Hoàng Lan sau kết duyên với Trường Ty điện lực Tây Ninh ? Cô Huyền tên xứng danh với nước da của cô, cũng nổi tiếng vì có duyên hơn là đẹp.

Cầm bằng như học hết chương trình rồi sẽ ra Trường đi dạy, nên tôi học cầm chừng, có lúc tôi bỏ học cả tuần để đi Huế chơi. Còn hàng ngày sau khi hết giờ học, tôi chạy tới chùa Xá Lợi để theo học tại Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân

## HUỖNH ÁI TÔNG

Văn của Đại Học Vạn Hạnh mới mở, nên khi ra Trường, tôi đứng hạng ba trong số bốn người tốt nghiệp năm đó gồm có: Nguyễn Văn Bài (VN), Lương Văn Nhơn (Ohio), tôi (Kentucky) và Trịnh Như Tích (California).

Mỗi sinh viên Ban Cao Đẳng Sư Phạm ra Trường đều có làm một Luận án tốt nghiệp. Luận án của tôi trình bày về Bánh xe răng khoảng 30 trang đánh máy.

Hai năm học Sư Phạm Kỹ Thuật, trôi qua lặng lẽ trong đời, nơi đây tôi học tập được nhiều điều hay để đem ra thực hành giảng dạy sau này, tôi cũng rút ra được những kinh nghiệm để dịch và viết sách kỹ thuật bán cho nhà sách Khai Trí. Một nhà sách đứng thứ nhất trong những nhà xuất bản danh tiếng thời bấy giờ tại Thủ đô Sài Gòn.

**21-2-2009**

## Trường Tôi ( 3 )

# Đại Học Vạn Hạnh



Sau khi vào học Cao Đẳng Sư Phạm, một tuần có đến 28 giờ thực hành, trên 10 giờ học Toán, Sinh ngữ ... nên còn nhiều thì giờ rảnh, lúc đó Viện Đại Học Vạn Hạnh mới mở, tôi rủ vài bạn học cùng lớp ghi danh theo học tại Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn, mặc dù tôi biết có Phân Khoa Phật Học, dù là một Phật tử nhưng tôi thích học Văn Khoa hơn, vì hồi còn nhỏ tôi đã mê đọc tạp chí **Tiểu Thuyết Thứ Bảy**, lớn lên một chút đọc các tiểu thuyết của **Tự Lực Văn Đoàn**.

## HUỲNH ÁI TÔNG

Tôi nhớ cũng có vài anh ở Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật cùng ghi danh học với tôi, nhưng qua một mùa học thì chỉ còn lại mình tôi thôi.

Tưởng cũng cần nhắc lại, sau khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập, Giáo Hội tiến tới việc xây dựng cơ sở vật chất là Việt Nam Quốc Tự tại số 16 đường Trần Quốc Toản, có chương trình đào tạo Tăng tài như thành lập Viện Cao Đẳng Phật Học, mượn chùa Pháp Hội làm văn phòng và lớp học, Viện do Hòa Thượng Thích Trí Thủ làm Giám Đốc.

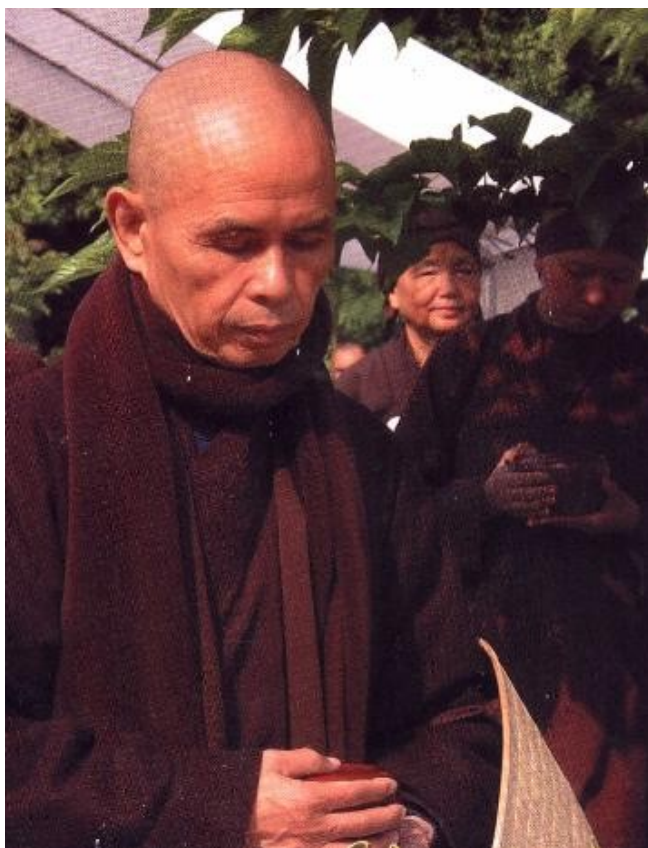


Hòa Thượng Thích Minh Châu

Sau đó, Giáo Hội xin phép chính phủ thành lập Viện Đại Học Vạn Hạnh, cử Thượng Tọa Thích Minh Châu làm Viện Trưởng, ông Hồ Hữu Tường Phó Viện Trưởng, ông Trần

## TRUYỆN CỦA TÔI

Quang Thuận Tổng Thư ký, thành lập thêm Phân khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn do Đại Đức Thích Thiên Ân, tốt nghiệp tiến sĩ văn chương ở Nhật làm Khoa Trưởng, mượn cơ sở chùa Xá Lợi của Hội Phật Học Nam Việt làm văn phòng và lớp học. Thành lập Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội do Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh làm Giám Đốc, mượn chùa Ấn Quang làm trụ sở văn phòng và lớp học. Viện Cao Đẳng Phật Học trở thành Phân Khoa Phật Học vẫn đặt Văn phòng và các lớp học tại chùa Pháp Hội



Thiền sư Thích Nhất Hạnh

## HUỲNH ÁI TÔNG

Viện Đại Học Vạn Hạnh mượn một dãy nhà của chùa Pháp Hội làm văn phòng, dãy nhà này gồm có 3 tầng, tầng dưới làm phòng hành chánh, Văn phòng Phân khoa Phật Học, tầng giữa văn phòng Viện Trưởng, Phó Viện trưởng, Tổng Thư ký, tầng trên có dành một phòng cho Thầy Nhất Hạnh ở, Thượng Tọa Viện Trưởng ở phía sau Chánh điện chùa Pháp Hội, đó là tầng lầu như chùa Xá Lợi.

Vì theo học Phân khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn nên tôi còn nhớ khai giảng niên khóa đầu tiên năm 1964-1965 tại Giảng đường chùa Xá Lợi, văn phòng gồm có ông Nguyễn Văn Tấn làm Trưởng phòng hành chánh và học vụ, ông là tác giả của những quyển Lịch sử Nhật Bản do cơ sở Tự Do xuất bản, có cô Dung làm thư ký, về học phí Sinh viên đóng tiền tại Ngân hàng, cô thư ký này chỉ lo sổ sách giấy tờ, phân phát bài vở cho những sinh viên có mua bài học.

Các lớp học tổ chức vào 6 giờ chiều trở đi. Giáo sư Phân khoa này có ông Nguyễn Đăng Thục dạy Triết Đông, Thầy Nhất Hạnh dạy Tôn giáo ti giáo học, ông Mai Thọ Truyền dạy Tôn giáo học, giáo sư Nghiêm Thẩm dạy Thẩm Mỹ học, giáo sư Nguyễn Khắc Kham dạy về Cổ văn Việt Nam, giáo sư Nguyễn Văn Kiết dạy về Triết Tây Phương, giáo sư Phạm Cao Dương dạy về Sử học, ông Hồ Hữu Tường dạy về Xã hội học, về sau còn có giáo sư Lê Tôn Nghiêm dạy về Triết Tây, giáo sư Lê Thành Trị dạy triết học Hiện sinh Descartes, ông Thu Giang Nguyễn Duy Cần dạy về Triết Đông, giáo sư Phan Hồng Lạc dạy Hán Văn...

Thoạt đầu, Viện Đại Học Vạn Hạnh áp dụng chế độ học theo Tín chỉ, một năm chia ra làm hai mùa học: Khóa mùa Xuân và khóa mùa Thu, muốn lấy bằng Cử Nhân phải có 8 Tín chỉ.

Trong năm đầu tiên ông Hồ Hữu Tường mượn chủ Ân Quang và nhờ Đào Mộng Nam mở dạy một lớp Sơ Cấp miễn phí “Hán



## TRUYỆN CỦA TÔI

Văn Cơ Bản”, trong lớp này có rất nhiều người theo học, trong đó có cô con gái ở Hữu Tường chừng 15 hay 16 tuổi, nghe nói cô ấy biết cả ngoại ngữ La Tinh.



Học giả Hồ Hữu Tường

Nếu tôi nhớ không lầm thì vào buổi sáng ngày 12 tháng Giêng năm 1965, lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng các cơ sở Viện Đại Học Vạn Hạnh tọa lạc tại số 222 Trương Minh Giảng, Quận Ba, Sài Gòn. Khu đất này của Dược sĩ Nguyễn Cao Thăng hiến cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Để chuẩn bị cho buổi lễ, nơi đây xây dựng hai khán đài, một khán đài chính nhìn ra đường Trương Minh Giảng, một khán đài phụ, dựng cấp theo con hẻm, bên kia con đường hẻm là chùa Pháp Hoa của Thượng Tọa Tuệ Hải, chùa cất dọc theo kinh Nhiêu Lộc.

Tôi không nhớ rõ quan khách gồm có những ai, dĩ nhiên là có đại diện Bộ Giáo Dục, chủ Tể Viện Hóa Đạo, Thượng Tọa Viện Trưởng Thích Minh Châu, quý vị Khoa trưởng, Giám

## HUỖNH ÁI TÔNG

Độc, Giáo sư các Phân khoa Phật Học, Văn Học và Khoa Học Nhân Văn, Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, quan khách ngồi ở khán đài chính, còn sinh viên ngồi ở khán đài phụ.



Đại Học Vạn Hạnh 222 Trương Minh Giảng, Sài Gòn 3

Buổi lễ tổ chức đơn giản, cũng chào cờ, diễn văn, đặt viên đá ... sau khi lễ xong, hình như tự phát, sinh viên tham dự lễ thành lập liên danh tranh cử Ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh, mọi người đều hăng hái tham gia hay cổ động tranh cử tuy không có bích chương, truyền đơn quảng bá, nhưng buổi tranh cử diễn ra không kém sôi nổi ngay tại khán đài này.

Tôi được Đại Đức Thích Chơn Thiện mời vào liên danh - Đại Đức Thích Chơn Thiện biết tôi là một Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử quen thân với anh của Đại Đức cũng là Huỳnh Trưởng – và Đại Đức nhờ tôi giới thiệu thêm người, tôi đã giới thiệu

## TRUYỆN CỦA TÔI

Huynh Trưởng Nguyễn Đình Nam vốn là học sinh cùng trường Kỹ Thuật Cao Thắng với tôi.

Sau khi bầu cử, liên danh chúng tôi đắc cử, sau đó liên danh sắp xếp các chức vụ trong Ban Chấp hành như sau:

- Luật sư Trần Tiến Tự, SV Phật khoa Chủ tịch
- ĐĐ. Thích Chơn Thiện, SV Phật khoa Phó Chủ tịch Ngoại vụ
- Huỳnh Ái Tông, SV VK&KHNV Phó chủ tịch Nội vụ
- Trần Thiện Bất, SV Phật khoa Tổng thư ký
- Nguyễn Đình Nam, SV Phật khoa Phó Tổng thư ký
- Nguyễn Thị Nghĩa, SV Phật khoa Thủ quỹ.

Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh được Viện cho đặt văn phòng chung với Tòa Viện Trưởng, tức là trên tầng lầu một. Ban Chấp Hành được Viện trang bị cho một chiếc bàn, khi dọn những ngăn kéo, tôi mới biết đó là bàn làm việc của Tổng Thư Ký Viện, ông Trần Quang Thuận vừa mới từ chức và ông Nguyễn Văn Minh lên thay, không hiểu vì lý do chi, ông Minh đã không dùng cái bàn ấy để làm việc, nhờ đó Ban Chấp hành được một cái bàn làm việc có bề thế.

Việc đầu tiên và quan trọng hơn hết là Ban Chấp Hành cần soạn thảo Điều Lệ cho Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh, tôi được Ban Chấp Hành ủy nhiệm thành lập Ủy ban soạn thảo bản Điều Lệ, Ủy ban này gồm có đại diện của các Phân khoa. Theo gợi ý ban đầu, Ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh là cơ quan thống nhất Sinh Viên Vạn Hạnh, sinh viên bầu trực tiếp Tổng Hội, Tổng Hội điều hành các ban Đại Diện Phân Khoa. Từ đó Ủy ban chúng tôi đã họp nhiều phiên họp, trong đó có anh Đồng (PK), chị Lan (VK), một sinh viên rất đẹp và rất tích cực hoạt động, mỗi tuần họp một kỳ, hơn một tháng mới hoàn tất Bản Điều Lệ để Tổng Hội Sinh Viên ban hành.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Gần đến Hè năm 1965, Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh, được thư của anh Vĩnh Kha, Chủ Tịch Tổng Hội Sinh Viên Quốc Gia Việt Nam, triệu tập Đại Hội các Tổng Hội Sinh Viên Huế, Sài Gòn, Đà Lạt, Vạn Hạnh để bầu lại Ban Chấp hành cho nhiệm kỳ mới.

Ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh cử một phái đoàn phó hội gồm có:

- Bác sĩ Trần Tiến Trâm, Cố Vấn
- Trần Tiến Tự Trưởng Đoàn
- Thích Chơn Thiện Phó Đoàn
- Huỳnh Ái Tông Phó Đoàn
- Trần Thiện Bật Thư ký

Vì không có quỹ, nên phải nhờ ông Hồ Hữu Tường, Phó Viện Trưởng có con trai là Kỹ sư Hồ Xích Tú làm Phó Tổng Giám Đốc Hàng Không Việt Nam, can thiệp xin cho chúng tôi năm vé phi cơ khứ hồi của Hàng Không Việt Nam đi từ Sài Gòn đến Huế.

Phái đoàn Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh ra Huế sớm hơn vài hôm, vì sớm quá nên Tổng Hội Sinh Viên Huế chưa lo kịp chỗ ăn ở, do đó hôm đầu tiên chúng tôi phải trú ngụ ở chùa Tường Vân của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, đương kiêm Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, ngài là bốn sư của Thầy Chơn Thiện, còn anh Trần Tiến Tự về nhà của anh trong Thành nội.

Hôm sau, trong khi chờ đợi Tổng Hội Sinh Viên thu xếp chỗ ăn ở của Phái đoàn, Thầy Chơn Thiện nhờ một bác Phật tử có xe Peugeot đưa chúng tôi đi ăn bánh bèo Vĩ Dạ, người ta thường bảo đến Huế mà chưa ăn bánh bèo Vĩ Dạ, cơm Âm phủ, quên mua Tré, nem chua, nón lá bài thơ, chưa nhìn cảnh nữ sinh Đồng Khánh đi qua cầu Tràng Tiền khi tan học về thì cũng như

## TRUYỆN CỦA TÔI

chưa đến Huế, người có tâm hồn hơn bảo đến Huế mà chưa ngủ đò trên sông Hương cũng còn thiếu dù đã vào Đại Nội hay đã viếng lăng tẩm các vua.

Nói đến Vĩ Dạ, chúng ta không thể nào không nhắc đến chuyện vì người đẹp Hoàng Thị Kim Cúc, sau làm Tổng Giám Thị Trường Đồng Khánh, đã mất vì tai nạn tại Sài Gòn ngày 3-2-1989, ông đã dựng tứ làm bài thơ nổi tiếng sau đây:

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ ?  
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên.  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc,  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

\*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,  
Giòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó ?  
Có chở trăng về kịp tối nay ?*

\*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa,  
Áo em trắng quá nhìn không ra.  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,  
Ai biết tình ai có đậm đà.*

Chiều hôm đó, chúng tôi được dành cho hai phòng ngủ ở khách sạn Hương Giang trên đường Phan Bội Châu, một phòng Bác sĩ Trâm và anh Bật ở, phòng còn lại anh Tụ và tôi, nhưng anh Tụ ra tới Huế là về nhà, cho nên anh chẳng cần ở khách sạn, ở đó gần chợ Đông Ba, bước vài bước ra chợ ăn sáng, trưa, chiều, tối cũng tiện cho. Riêng Thầy Chơn Thiện thì về ở chùa.

Tối hôm ấy, chúng tôi được Ban Chấp Hành Tổng Hội mời đi ăn cơm Âm phủ, nơi ấy nghe nói ở cạnh sân vận động, ăn cơm vào buổi tối đèn đuốc lơ mờ, tối tăm như cõi âm, nên mới có tên là cơm Âm phủ, bữa ăn có các anh Vĩnh Kha, anh Kiêm, anh Tuấn, anh Phước, phía chúng tôi không có Thầy Chơn Thiện.

Sáng hôm sau, anh Tự hướng dẫn ba chúng tôi đi với anh đến Viện Đại Học Huế, thăm xã giao ông Viện Trưởng Bùi Tường Huân, ông Huân và anh Tự có quen biết nhau trước nên cuộc thăm viếng rất cởi mở, thân tình. Rồi văn phòng Viện Trưởng, chúng tôi trở lại cầu Đông Ba để vào thăm Thành nội, trên đường đi, có ghé ngang nhà anh Tự, một ngôi nhà trang trí nhiều đồ xưa nào bàn, ghế, bình phong ... đều là những thứ chạm trổ, gỗ quý. Rồi chúng tôi đến cửa Ngọ môn, leo lên trên vào buổi trưa, gió hiu hiu thổi, chỉ muốn nằm ngủ một giấc nhưng lúc ấy người nhà anh Tự tìm đến, trao cho anh một bức điện tín, anh xé ra xem và cho chúng tôi biết, anh có việc nhà phải về Sài Gòn gấp. Anh tuyên bố trao quyền Trưởng phái đoàn phó hội cho tôi.

Tưởng anh làm Trưởng đoàn và Thổ công để đưa chúng tôi thăm viếng các nơi trong Thành nội, nay anh về Sài Gòn gấp, không có người hướng dẫn, chúng tôi không còn hứng thú để đi thăm viếng thêm nên trở về khách sạn chờ phái đoàn Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn và Đà Lạt ra để hôm sau Đại Hội.

Chiều hôm đó, được tin Phái đoàn Đà Lạt đã ra đến Huế, được bố trí ở Morin, nhưng Phái đoàn Sài Gòn chưa ra, họ liên lạc và cuối cùng được Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn cho họ biết là không ra tham dự Đại hội. Trước tình hình đó, Phái đoàn chúng tôi thảo luận và có nhận định rằng Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn biết Tổng Hội Sinh Viên Huế và Vạn Hạnh đã liên kết với nhau, họ khó giành được chức Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Quốc Gia Việt Nam nên không ra phó hội và Vĩnh Kha đã mẫn

## TRUYỆN CỦA TÔI

nhệm, nếu không bầu được Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ mới, thì không Ban Chấp Hành nào được quyền tuyên bố là Đại Diện cho Sinh Viên toàn quốc, cho nên Phái đoàn chúng tôi đề nghị ba phái đoàn Sinh Viên họp lại ra một thông báo chung là không có bất kỳ cá nhân hay đoàn thể nào được quyền thay mặt cho Sinh viên toàn quốc để tuyên bố bất cứ điều gì.

Do vậy, ba phái đoàn Tổng Hội Sinh Viên của ba Viện Đại Học đã họp và ra thông báo chung nội dung gồm có chấp nhận mãn nhiệm của Ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên Quốc Gia, trong thời gian chưa bầu được Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ mới thì không có bất cứ tổ chức Sinh Viên hay Sinh Viên nào có quyền đại diện cho Sinh Viên Quốc Gia Việt Nam.

Mấy hôm sau về Sài Gòn, chúng tôi có gửi đến tất cả Nhật báo tại Thủ đô để nhờ đăng tải thông báo chung này.

Tôi nhớ trong khoảng thời gian Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh ở Huế, có ngày Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu và Chủ tịch Ủy Ban hành Pháp Trung Ương Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ ra Huế, được Thiếu tướng Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh Vùng I tổ chức cuộc đón tiếp tại rạp hát trên đường Phan Bội Châu. Phái đoàn chúng tôi có dự nghe cuộc nói chuyện này, khi gần chấm dứt thì các anh Tổng Hội Sinh Viên Huế nói riêng với chúng tôi: "Bây giờ mời các anh đi ra trước và nên tránh khỏi nơi đây, để chúng tôi bắt đầu làm việc."

Khi ra khỏi rạp hát, chúng tôi đã thấy nhiều chiếc xe bus dàn trước cửa rạp hát, quần chúng và Sinh viên Huế chuẩn bị biểu tình phản đối chính phủ, chúng tôi về khách sạn nghỉ.

Một hôm khác, anh Phước và vài anh nữa trong Tổng Hội Sinh Viên Huế, đưa chúng tôi ra cửa Thuận An để tắm biển, cửa biển Thuận An cách cố đô Huế không xa nhưng ngoài Sinh

## HUỲNH ÁI TÔNG

viên chúng tôi, không có ai tắm biển hôm đó và trên bãi tắm cũng không hề có hàng quán, không có bóng người lai vãng.

Một hôm đi ngang qua đầu cầu phía thành nội, thấy có những người bày biện lễ vật ra cả lề đường, khói nhang nghi ngút, họ đang vái lạy. Nơi đó không nhà cửa ai cả, có người cho biết đó là họ cúng Cô hồn trận Kinh thành thất thủ ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu ( năm 5-7-1885 ), trong *Hạnh Thực ca* của Nguyễn Nhược Thị còn ghi lại :

.....  
*Liệu chừng thuốc đạn đã mòn,  
Giấy lên, Tây mới thành môn bắn vào.  
Nhường như sấm sét ầm ào,  
Dầu là núi cũng phải chao, hướng thành!  
Quân ta khôn sức đua tranh,  
Dem nhau trốn chạy tan tành bèo trôi.*  
.....

Về Sài Gòn, chúng tôi mới biết rằng anh Trần Tiến Tự có việc riêng cần về Sài Gòn gấp, đó là việc anh có chân trong phái đoàn Sinh Viên Việt Nam đi Mỹ, việc làm ấy hoàn toàn trái ngược với đường lối chủ trương của Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh, do đó Tổng Hội đã bãi nhiệm chức Chủ tịch của anh và tôi được ủy nhiệm Quyền Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh từ đó cho đến hết nhiệm kỳ.

Hè năm đó, Sinh viên Huế có tổ chức Trại Hè của Sinh viên tại Đà Nẵng, lúc ở Huế, phái đoàn chúng tôi đã nhận lời cử Sinh Viên ra dự Trại Hè này. Do vậy, Ban Chấp Hành đã đề cử anh Nguyễn Đình Nam, Phó Tổng Thư ký làm Trưởng đoàn cùng với Sinh Viên các Phân khoa tham dự Trại Hè Sinh Viên năm 1965 tại Đà Nẵng.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Sang niên khóa 1965-1966, tôi không có ý định ra ứng cử, một là tôi không có ê-kíp làm việc, hai là tôi sẽ ra trường Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, tôi sẽ được bổ nhiệm một chân giáo sư, việc này không cho phép tôi đảm nhiệm trách vụ đến cuối nhiệm kỳ. Ban Chấp Hành sắp mãn nhiệm nên thành lập Ban Tổ chức Bầu cử Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh nhiệm kỳ 2, 1965-1966.

Anh Đỗ Văn Khôn, sinh viên Phật Khoa, cũng là một Huynh Trưởng tìm gặp tôi, anh đưa ra hai đề nghị: Một là tôi thành lập liên danh ra ứng cử, hai là tham gia vào liên danh của chị Cao Ngọc Phượng- ngày đó tôi chưa hề quen biết chị với chị Phượng – Nhưng theo lời anh Khôn, chị Phượng muốn tôi ra ứng cử, chị và Nhóm Sinh Viên Phật Khoa đang theo Thầy Nhất Hạnh sẽ ủng hộ liên danh của tôi. Tôi chấp nhận tham gia vào liên danh của chị Phượng.

Cuối cùng liên danh của chị Cao Ngọc Phượng đắc cử Ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh nhiệm kỳ 2. Liên danh này gồm có :

- Giáo sư Cao Ngọc Phượng SV PK, Chủ tịch
- Chị Nguyễn Thị Thanh SV PK, Phó Chủ tịch Nội vụ
- Anh Huỳnh Ái Tông SV KHNV Phó Chủ tịch Ngoại Vụ
- Anh Đỗ Văn Khôn SV PK Tổng Thư ký
- Chị Uyên SV PK Phó Tổng Thư ký
- Chị Nhất Chi Mai SV PK Thủ quỹ

Trong Ban Chấp Hành Tổng Hội nhiệm kỳ này, tôi được biết Chị Cao Ngọc Phượng du học ở Pháp về, giáo sư dạy ở Đại Học Khoa Học, anh Đỗ Văn Khôn làm việc ở phòng Thuế vụ Quận 10, chị Uyên sinh viên thuần túy, chị Nhất Chi Mai, theo trí nhớ của tôi, chị là y tá nhưng trong các tài liệu của Thượng Tọa Thích Thiện Hoa hay Hòa Thượng Thích Trí Quang đều

## HUỖNH ÁI TÔNG

ghi chị là giáo viên, và có một em học sinh trường Tiểu Học Tân Định đọc bài **Những Ngày Đầu Của Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh**, bày tỏ lòng tôn kính của em đối với chị vừa là cô giáo, vừa là mẹ nuôi của em. Như vậy chị là Giáo viên.



Phan Thị Mai tự Nhất Chi Mai (1934-1967)  
Pháp danh Diệu Huỳnh

Ban Chấp Hành Tổng Hội nhiệm kỳ này đã tổ chức một bữa cơm gây quỹ, một kỳ họp báo và tham gia biểu tình chống chính phủ đã bị Thượng Tọa Viện Trưởng Thích Minh Châu không đồng ý – Lần biểu tình đó, tôi về quê không tham dự được, khi lên Sài Gòn chị Phụng cho biết Thầy Viện Trưởng và Ban Chấp Hành có mâu thuẫn lớn, Thầy không đồng ý Tổng Hội tham gia biểu tình theo đường lối của Viện Hóa Đạo, chị Phụng yêu cầu tôi vào gặp Thầy Minh Châu để thỉnh cầu Thầy ủng hộ Tổng Hội hoạt động theo đường lối của Viện Hóa

## TRUYỆN CỦA TÔI

Đạo. Về việc này, tôi đã vào phòng Thầy ở trên lầu chùa Pháp Hội xin Thầy thông cảm cho hoạt động của Ban Chấp Hành đã thi hành theo chủ trương của Viện Hóa Đạo. Thầy đã nói với tôi là Thầy không đồng ý Ban Chấp Hành Tổng Hội có những hoạt động theo đường lối của Viện Hóa Đạo chống chánh phủ, đem lại sự bất lợi cho Viện, vì chánh phủ có thể lấy lý do đó đóng cửa, rút giấy phép của Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Sau khi gặp Thầy Viện Trưởng, tôi đã báo cáo rõ cho chị Cao Ngọc Phượng biết đường lối của Tổng Hội như hiện nay không được Thượng Tọa Viện Trưởng đồng ý, tuy nhiên Tổng Hội độc lập với Viện, Ban Chấp Hành phải đi theo nguyện vọng chính đáng của Sinh Viên. Những bất đồng của Viện và Ban Chấp Hành Tổng Hội bắt đầu từ đó, nhưng thật ra nguyên nhân còn sâu xa hơn mà cho đến nhiều năm sau này, tôi mới hiểu được. Lúc đó tôi chỉ thắc mắc tự hỏi: Viện Đại Học Vạn Hạnh là của Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Giáo Hội đang đòi hỏi chánh phủ thực thi dân chủ, tiếng nói của Sinh Viên có sức mạnh cho công cuộc đấu tranh, tại sao Thượng Tọa Viện Trưởng lại không muốn dùng tới sức mạnh này ?

Vào khoảng tháng 2 hay 3 năm 1966, có sinh viên Hoa Kỳ Philip, Chủ tịch hội Liên Hiệp Sinh Viên Học Sinh Mỹ đến Việt Nam tìm hiểu tình hình và nguyện vọng của dân chúng Việt Nam. Anh có xin gặp Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh. Buổi họp đã diễn ra tại phòng họp của THSVVH, trên lầu của Viện Đại Học, đi theo anh Philip có một người thông dịch của Tòa Đại sứ Mỹ. Anh Philip có cho biết, chánh phủ Mỹ chủ trương đánh cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam phải quỳ gối xuống xin đầu hàng. Chị Phượng thay mặt THSVVH cho biết rằng Hoa Kỳ nên giúp cho hai bên lâm chiến ngồi lại với nhau, giải quyết cuộc chiến qua hội nghị, thương thuyết hơn là dùng vũ lực, thắng hay bại cũng đều gây cảnh tang thương cho dân chúng Việt Nam và chiến binh Mỹ. Sau đó Thầy Nhất Hạnh

bước vào phòng họp, Ban Chấp Hành giới thiệu Thầy là Cố Vấn Ban Chấp Hành, Thầy đã nói với anh Philip rằng chiến tranh Việt Nam dù bên nào thắng hay bại, cũng gây cho người dân vô tội chết chóc thương tâm, Mỹ chủ trương đánh cho MTGPMN phải quỳ gối xin hàng, điều này không thể thực hiện được, vì chiến tranh du kích không có giới tuyến, bất quy tắc, nên khó tiêu diệt. Do đó, Hoa Kỳ nên đề cho hai bên lâm chiến ngồi vào hội nghị, giải quyết với nhau trong tình Huynh đệ của người Việt Nam.

Đầu tháng 9 năm đó, tôi rời Sài Gòn để lên vùng Cao nguyên dạy học, trước khi đi, ngày 23-8-1966, Ban Chấp Hành Tổng Hội có đãi tôi một bữa cơm chay tại quán Thanh Lạc Trai, quán này nằm trên đường Trần Quốc Toản, đối diện với Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Trong bữa cơm chia tay này, Ban Chấp Hành tặng cho tôi nhiều cuốn sách của nhà xuất bản Lá Bối, trong đó có quyển "nói với tuổi hai mươi" của Thầy Nhất Hạnh, tôi quý cuốn sách này vì trong ấy có chữ ký của Thầy và mấy dòng chữ viết của chị Cao Ngọc Phụng "Quà của Ban Chấp Hành T.H.S.V.V.H Thân tặng anh Huỳnh Ái Tông T.M. Ban Chấp Hành" và chữ ký của chị Phụng. Sau bữa ăn, chị Nhất Chi Mai đã đưa tôi về nhà bằng chiếc xe Volkswagen của chị, đó là lần cuối cùng tôi gặp chị Nhất Chi Mai. Cũng là lần cuối cùng tôi gặp chị Cao Ngọc Phụng, vì chị đã "cắt ái ly gia, xuất phiền não gia, xuất tam giới gia" hiện nay là Sư Cô Chân Không, đệ tử thân cận và triệt đệ y giáo phụng hành các pháp môn mới của Thiền sư Nhất Hạnh, ở Làng Mai, Pháp quốc.

Anh Trần Tiến Tự vào thập niên 80, tôi có gặp lại anh ở trên đường Lê Văn Duyệt, chúng tôi vui vẻ chào hỏi nhau, tôi thấy anh vẫn như ngày nào, không khác mấy dù đã gần 20 năm mới gặp lại, anh rủ tôi đi sinh hoạt ở Hội Trí Thức Yêu Nước, có trụ sở ở đường Nguyễn Thông, Quận Ba, tôi chỉ cười thay cho trả

## TRUYỆN CỦA TÔI

lời, không ngờ đó cũng là lần cuối tôi gặp Luật sư Trần Tiến Tựu.

Tôi lên Cao nguyên dạy học, bị động viên vào quân trường, rồi biệt phái về Cao nguyên lại nên không có tiếp tục học ở Vạn Hạnh, thời gian này tôi có ghi danh học ở Luật Khoa, có lấy bài vở đầy đủ, nhưng cũng không thời giờ học, không có thi cử chi hết.

Đến năm 1970, tôi được chuyển về Sài Gòn, nên ghi danh theo tiếp tục học lại ở Phân Khoa Văn Học Và Khoa Học Nhân Văn, vì tôi đã có mấy tín chỉ, hơn nữa tôi đã tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật nên được ghi danh học năm thứ ba. Viện đã cải tổ học trình theo chế độ năm, không còn chế độ Tín chỉ nữa. Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn phát bằng Cử Nhân Văn Học Việt Nam, Cử Nhân Văn Chương Anh Mỹ, Cử Nhân Báo Chí.



Lễ Phát bằng kỳ 3 năm 1973

## HUỲNH ÁI TÔNG

Viện Đại Học Vạn Hạnh đã xây cất hoàn tất phần cơ sở chính, toàn bộ Văn phòng Viện Trưởng, các Phân Khoa và các lớp học đều ở tại cơ sở Viện Đại Học Vạn Hạnh, tọa lạc tại 222 Trương Minh Giảng, Quận 3, Sài Gòn. Lúc đó ngoài hai Phân Khoa chính đã thành lập ban đầu là Phật Khoa, Văn Học và Khoa Học Nhân Văn, Viện đang xây cất thêm cơ sở gồm một dãy nhà ngang ngó mặt ra đường Trương Minh Giảng và một dải cấp theo đường hẻm, song song kinh Nhiêu Lộc để đủ cho các lớp học của Trung Tâm Ngôn Ngữ, Phân Khoa Giáo Dục, Phân Khoa Khoa Học Xã Hội, Thư Viện, Câu Lạc Bộ Sinh Viên và đến năm 1974, mở thêm Phân Khoa Khoa Học tại địa điểm sau này là Thiền Viện Vạn Hạnh.

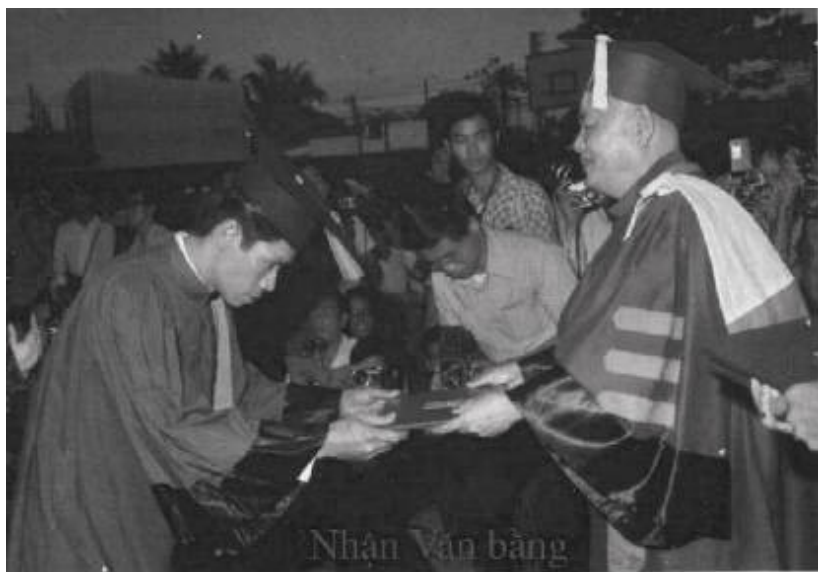


Hàng đứng: sv. Huỳnh Ái Tông, Lý Trương Quang, Bùi Văn Sớm, Nguyễn Văn Trung, Lê Thị Mai, Nguyễn Thị Bích Vân, gia chủ, KTS Vinh. Hàng ngồi: gs Thuần Phong Ngô Văn Phát, Nguyễn Văn Xung, Đinh Quang Kim, Nguyễn Đăng Thục, Doãn Quốc Sỹ, Huỳnh Minh Đức

## TRUYỆN CỦA TÔI

Giáo sư dạy ở Văn Học và Khoa Học Nhân Văn có giáo sư Nguyễn Đăng Thục, Tiến sĩ Trần Cửu Chấn (Cổ Văn Việt Nam), giáo sư Doãn Quốc Sỹ (Tiểu thuyết), Nguyễn Sỹ Tế (Phê bình văn học), Vũ Khắc Khoan (Phê bình văn học), Trần Đức Rật (Hán văn), Trần Trọng San (Bạch thoại), Bà Khuru Thị Huệ (Đàm thoại Phổ thông), Thuần Phong Ngô Văn Phát (Văn chương bình dân), Hiếu Chân Nguyễn Hoạt (Hán văn), Huỳnh Minh Đức (Hán văn),

Tôi đã hoàn tất học trình Cử nhân Văn học Việt Nam, lấy một chứng chỉ Cao học Văn Chương Việt Nam chờ Viện mở thêm chứng chỉ Cao học 2 để hoàn tất học trình Cao học thì Cộng sản chiếm Miền Nam, cuộc đời đã bắt đầu từ đó.



Viện Trưởng Viện Đại Học VẠN HẠNH  
Hòa Thượng Thích Minh Châu Ph.D.  
phát bằng tốt nghiệp Cử Nhân Văn Chương năm 1973

Đi làm, đi học mãi lo sinh kế, tôi không có thì giờ tham gia vào các sinh hoạt của Sinh Viên, tôi nghĩ mỗi thời sinh hoạt thích hợp cho một lứa tuổi, thời của tôi đã bước qua rồi, những năm học ở Đại Học Vạn Hạnh đã đem lại cho tôi một kiến thức đủ để thưởng thức những áng văn hay của Văn học nước nhà và sưu tầm được những tài liệu để viết nên một tác phẩm **Văn Học Miền Nam**.



## Trường Tôi (4)

# Ngôi Trường đầu tiên tôi dạy



Mặc dù chưa đến ngày khai Trường, nhưng sau khi nhận Sự Vụ Lệnh, vé máy bay tôi liền lên đường nhận nhiệm sở, trước ngày khai trường cả tuần lễ.

Theo Sự Vụ Lệnh, trường tôi đến dạy là Trường Kỹ Thuật Ban Mê Thuột, khi chọn nhiệm sở, tôi không hề biết qua trường này, tôi cũng không quen biết bất kỳ ai ở vùng đất đó, tôi chỉ biết sơ Ban Mê Thuột ở trên Cao nguyên Trung Phần, nơi có nhiều đồn điền Cao su của người Pháp.

Hỏi thăm người khác, từ Sài Gòn đi Ban Mê Thuột bằng cách nào? Có người nói một là đi máy bay, còn đường bộ trước đó vài năm đi theo quốc lộ 13, qua Bình Dương, Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp rồi đến Ban Mê Thuột, nhưng lúc đó đường này không còn đi được nữa vì không an ninh, muốn đi đường bộ phải ra Nha Trang, từ Nha Trang qua ngã Khánh Dương lên Ban Mê Thuột.

Khi nhận Sự Vụ Lệnh, có kèm theo giấy Trung dụng hàng không, đem giấy Trung dụng ấy ra Air Việt Nam để lấy vé máy bay đi Ban Mê Thuột ngày 10-9-1966. Tôi nhớ hồi đó Hàng Không Việt Nam có trụ sở trên đường Phan Đình Phùng, có quầy bán vé ở nhà ga Xe lửa Sài Gòn, trên đường Lê Lai, nơi đây có Bưu Điện, Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín và quầy vé Air Việt Nam.

Khi đi, hành khách Air Việt Nam đến trạm trung chuyển ở đầu đường Phạm Ngũ Lão, địa chỉ là số 10 hay 12 Phạm Ngũ Lão, nay tôi không thể nhớ, và nơi đó cũng như chỗ bán vé đã làm thành công viên 2 tháng 9. Nơi đây làm thủ tục cân gửi hành lý ... rồi có xe buýt của Air Việt Nam đưa lên Tân Sơn Nhất. Hành khách không được đi thẳng vào phi trường Tân Sơn Nhất. Trên xe buýt chỉ có người có vé mới được lên xe, lại có một cảnh sát theo xe hộ tống, để không cho bất cứ ai lên xe ở dọc đường. Tôi không nhớ được vì có gì phi trường Tân Sơn Nhất lại được bảo vệ an ninh rất chặt chẽ như thế, trước đó khoảng năm 1964 hay 65, ai muốn ra vào xem máy bay lên xuống, đưa đón thân nhân đều được vào ra phi trường Tân Sơn Nhất tự do.

Tôi nhớ hôm đó, tôi đi chuyến bay sớm, cất cánh vào lúc 6 giờ 30, giấy hẹn có mặt ở trạm trung chuyển lúc 4 giờ sáng, trước khi ngủ, tôi để đồng hồ reo lúc 4 giờ, nhưng không hiểu sao tôi không nghe đồng hồ reo, khi giật mình thức dậy đã 4 giờ 30, hấp tấp đánh răng, rửa mặt, mặc áo quần ra đường gọi Cyclo

## TRUYỆN CỦA TÔI

máy đi đến trạm trung chuyển Phạm Ngũ Lão. Có người đợi tôi để chúc thượng lộ bình an, tôi cũng chỉ nói mấy lời rồi lên xe cho kịp chuyến, nhờ đó tránh được cảnh “chia tay sau mà buồn quá vậy!” ở sân ga.

Thuở đó Air Việt Nam chỉ có máy bay hai động cơ DC3, DC46 về sau mới có 2 chiếc Boeing 727, đến 1975, chỉ còn sử dụng một chiếc, chiếc kia nằm ở Hồng Kông. Hầu hết các chuyến bay đi Ban Mê thuật là DC3 chở được 28 hành khách. Đường bay Ban Mê Thuộc lúc đó mỗi ngày một chuyến, và chỉ mất 45 phút để bay từ Tân Sơn Nhất đến Ban Mê Thuật.

Khi phi cơ bay chừng 15 phút, nhìn ra cửa sổ, thấy rừng cây um tùm, phi cơ không bay cao lắm nên có thể nhìn thấy những tàng cây to, khi phi cơ hạ thấp cao độ, nhìn xuống thấy rừng, đồi núi và những hàng cây cao su, rồi phi cơ hạ cánh trên phi đạo ngắn, phi trường nhỏ ở một chỗ hoang vắng. Sau này tôi mới biết đó là phi trường Phụng Dục.

Từ phi trường, lên xe buýt Air Việt Nam để về trung tâm phố chợ, xe chạy băng qua một khu lâm viên chừng 20 mẫu của chánh phủ trồng cây sao và cây giá tị, rồi xe chạy qua hậu cứ của Trung đoàn 45 thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh, rồi xe chạy qua đồn điền cao su CHPI hay CHPN ? lâu quá tôi không nhớ rõ. Dưới tàng cây cao su, người ta lại trồng cà phê, vì cây cà phê thích hợp sống như thế, xe vượt qua phi trường nhỏ, chỉ dừng cho L19, nên còn được gọi là Phi Trường L19. Phi trường này chỉ cách trung tâm thị xã không đầy 500 thước, xe chạy hết phi trường này là một bùng binh, nơi đây có nhà thờ Chánh tòa của Ban Mê Thuật, trước nhà thờ có một tượng đức chúa lộ thiên.

Qua khỏi bùng binh, đến một ngã tư, xe quẹo phải, đó là đường Lý Thường Kiệt, xe dừng lại trước trụ sở Hàng Không Việt Nam tại Ban Mê Thuật. Đặt chân xuống một thành phố xa lạ, tôi gọi một chiếc Cyclo đạp để đi về trường kỹ thuật Ban Mê

Thuật, xe Cyclo chạy ngược trở lại bùng binh rồi quẹo phải, tôi thấy xe chạy qua Ty Điện Lực, Buru Điện bên tay phải, còn bên tay trái là Tiểu khu, tòa hành chánh tỉnh Đarlac, Ty Ngân khố, trước mặt Ty là một công viên, Cyclo quẹo phải, tôi nhìn thấy bên tay trái là Ty Y tế, Bệnh viện, còn bên tay phải là một khu kín cổng cao tường, cách một con đường là Ty Tiểu học, tiếp theo là trường Tiểu Học xây gạch, lợp ngói, tọa lạc trên khu đất rất rộng, kế tiếp là khu xây cất mới, khang trang, cyclo dừng lại trước một căn nhà gỗ lợp fibro xi-măng, cửa khóa, người đạp cyclo cho biết đã tới nơi.

Tôi theo con đường đất đi vào trường, chừng 50 thước thì đến dải lớp học, ngoài sân dải lớp học còn in những vết hằn của xe tải, nhìn lại đôi giày dính đầy đất bùn đỏ, đó là hậu quả sau cơn mưa buổi tối hay mới sang hôm đó, tôi phải chà giày mấy lượt trên mấy tấm đan, bùn vẫn còn dính, nhưng đành vậy tôi theo hành lang dải lớp học, tìm vào văn phòng Hiệu Trưởng để trình Sự Vụ Lệnh.

Gặp Hiệu Trưởng, tôi mới biết đó là giáo sư Đồng Văn Quang, khi tôi còn học Cao Thắng, có biết ông dạy tại đó môn Lý Hóa, nhưng tôi không có học với ông ta, sau khi hỏi biết tôi không có quen biết ai ở Ban Mê Thuật, ông ta bảo tôi ở luôn tại trường với hai người khác, sau đó ông Quang đưa tôi sang phòng hành chánh giới thiệu, rồi đưa tôi sang giới thiệu với ông Nguyễn Văn Huệ, Phụ Tá Học Vụ và Học Sinh Vụ của Trường. Ông Huệ tự giới thiệu tôi mới biết ông ta học khóa đầu tiên của Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật năm 1962, khi ông ra trường thì tôi mới vào năm đầu tiên cho nên chúng tôi chẳng quen biết nhau, nhưng cả hai chúng tôi đều là học sinh Cao Thắng, lại là đồng nghiệp cùng dạy một môn, nên dễ thông cảm nhau và ông đã luôn giúp đỡ tôi trong sự nghiệp giáo dục kỹ thuật.



Ông Huệ đưa tôi đến phòng Học sinh vụ gặp ông Giám Thị kiêm Thủ kho Nguyễn Văn Anh, ông Anh cũng ở tại trường với vợ con, thấy đã trưa, ông mời tôi về nhà ông ăn bữa cơm đầu tiên trên đất lạ.

Gọi là nhà ông, thật ra đó là một phòng mỗi bề chừng 6 thước, chỉ đủ kê một cái giường đôi và một bàn tròn ăn cơm. Ngồi vào bàn ăn, tôi được giới thiệu với anh Nguyễn Văn Tuấn, thư ký của trường, tiện thể ông Huệ nói dùm, nhờ ông bà Anh nấu cơm tháng cho tôi ăn, còn ở thì ở chung phòng với ông Huệ và ông Tuấn.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trường Kỹ Thuật Ban Mê Thuột có tên chính thức là Trung Học Kỹ Thuật Y-Út, được Mỹ xây dựng qua chương trình viện trợ Mỹ, được cất trong khu đất của Trường Tiểu Học Ban Mê Thuột, trước kia nó có một lớp dạy nghề, từ cơ sở đó xây dựng lên. Tưởng cũng nên nói thêm đây là khu đất rộng, nên năm 1957 chánh phủ có mở cuộc triển lãm tại đây. Trong lễ khai mạc ngày 21-5-1957 Tổng Thống Ngô Đình Diệm đến chủ tọa, đã bị ám sát, ông Diệm thoát nạn, nhưng hình như ông Bộ Trưởng Canh Nông bị tử thương.

So với thành phố Ban Mê Thuột vào thời đó, Trường Kỹ Thuật Y Út là một công trình đẹp nhất tỉnh, những buổi lễ lớn có Tổng Thống chủ tọa, hoặc lễ của Quân Đoàn 2, hoặc của Tòa Tỉnh thường mượn Trường để tổ chức.



Mặt tiền Trường Kỹ Thuật Y-Út Banmêthuột

## TRUYỆN CỦA TÔI

Trường là một quần thể gồm ba phần: Trường lớp, Ký túc xá và Xưởng. Thật ra chỗ anh đạp Cyclo cho tôi xuống xe không phải là cổng trường, anh ta cho tôi xuống đó vì nơi ấy là lối đi phụ hay đi tắt có nhiều người sử dụng, người ta tránh đi cửa chính vì phải đi xa thêm khoảng chừng 50 thước nữa, lại phải đi ngang qua nhà xác của bệnh viện.

Từ lối chính đi vào, con đường rộng khoảng chừng 8 thước và thoải thoải xuống dốc để vào cửa, Trường không có cổng cũng không có bảng tên Trường, từ ngoài đường nhìn vào, thấy mặt chính giữa, có ba cửa ra vào, mỗi cửa có hai cánh, mỗi cánh là một miếng kiềng ngang khoảng 1 thước, cao chừng 3 thước, phần này chừng 6 thước bề ngang có mái hiên che bậc thềm, bên tay phải, hướng đông có một phòng nhỏ dài chừng 3 thước, bên tay trái một bức tường kín dài chừng 6 thước, phần này nóc bằng, bên tay phải tiếp theo phòng nhỏ, lùi vào trong chừng 2 thước là ba lớp học, có mái kiểu nhà rông đặc trưng nhà của người Thượng, lợp ngói đỏ.

Vào trường từ ba cửa chính, chúng ta gặp phải đại sảnh rất rộng và thoáng, vì phía sau cũng là cửa kính như phía trước, đại sảnh này chừng 12 thước sâu, ngang 16 thước, ở giữa có 4 cây cột tròn tô đá rửa, ngoài ra không bày biện chi hết.

Bên tay trái, hướng tây liền với đại sảnh có ba cửa đi, cửa sát tường trái đi vào phòng hành chánh, phòng này ngang chừng 2 thước rưỡi dài chừng 5 thước, qua khỏi phòng Hành chánh là phòng Hiệu Trưởng, phòng này mỗi cạnh chừng 3 thước, từ phòng này, có một cửa thông ra hai phòng khác, một là văn phòng của phụ tá Học Vụ và Học sinh vụ, hai là phòng Phụ tá kỹ thuật, hai phòng này đều có cửa mở ra đại sảnh, thông nhau và thông qua phòng Hiệu Trưởng. cạnh cửa phòng Phụ Tá Kỹ Thuật là dải cửa kính phía sau đại sảnh, phía sau đại sảnh là

một sân cỏ nhỏ, ở giữa là hồ nước mỗi cạnh chừng 3 thước, tiếp liền theo phòng Hiệu Trưởng và hai Phụ Tá là một phòng ngang chừng 5 thước, dài chừng 12 thước, có hành lang nối liền với đại sảnh, đây là Thư viện, nhưng sử dụng làm lớp Kỹ Nghệ Hoạ, có cầu thang đi lên tầng lửng ở phía trên phòng Hiệu Trưởng, nơi đây làm Phòng Y Tế, có thể dùng làm phòng ngủ cho khách của Trường.

Bên tay phải, hướng đông của đại sảnh có một phòng ấy là phòng Học Sinh Vụ, nơi đây các Giám Thị làm việc, lùi vào kế đó là một phòng nhỏ chừng 2 thước với 3 thước, có bộ sa-lông gỗ, để giáo sư ngồi nghỉ chờ giờ dạy, cũng là phòng khách.

Ở đại sảnh, kế tiếp phòng khách là cửa thông ra hành lang của 3 lớp học.

Theo hành lang này, bên tay phải trước khi đến bốn lớp học là một kho, có tầng lầu dùng để máy chiếu phim cho Hội Trường và chứa sách vở, dụng cụ, học cụ của Trường. bên tay trái hành lang là giảng đường, giảng đường này dài chừng 20 thước, ngang khoảng 16 thước, giảng đường xây có những bậc thang, cuối giảng đường là sân khấu. Phần dưới giảng đường không liền với kho, vì có hành lang, nhưng phần trên hành lang, xây thành kho nối liền với giảng đường, nơi đây để đặt máy chiếu phim vào giảng đường như trong rạp chiếu bóng.

Tiếp theo sân cỏ và lớp Kỹ Nghệ Hoạ là Ký túc xá, nhưng nó kéo dài ra hướng tây. Ký túc xá này xây cất hầu hết là gỗ, mái theo kiểu nhà rông, có sức chứa 200 học sinh. Tầng trệt là phòng ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh, tầng trên là phòng ngủ, nhà vệ sinh. Về phía cuối ở hướng tây, ngăn giữa nhà bếp với nhà vệ sinh cũng như phòng ngủ với nhà vệ sinh là một cầu thang, cầu thang này dẫn luôn lên tầng lầu hai chỉ có ba phòng, phần còn lại để trống, không có lót sàn. Một cầu thang nữa ở ngay đầu Ký túc xá, chỗ giáp với sân cỏ và giảng đường.

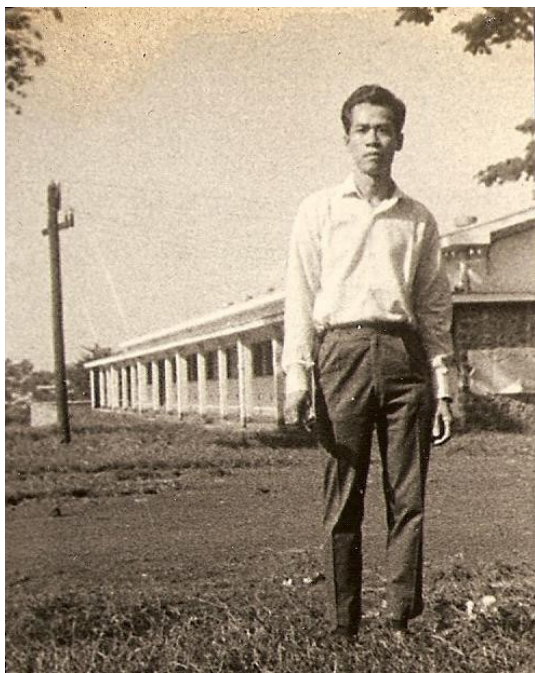




Giảng đường và Ký túc xá (nhìn từ phía hông Trường)

Chính 3 phòng trên lầu hai này, ông Huệ, ông Tuấn và tôi ở chung một phòng cuối ở phía tây nên có cửa kính nhìn ra chỉ thấy núi rừng. Hai phòng kia gia đình ông Hiệu Trường ở.

Về Xưởng thì có một dãy xưởng cũ có ba phòng, một phòng dành cho các giáo sư ở, hai phòng còn lại làm xưởng Kỹ Nghệ Gỗ. Trước xưởng này có cây cột cờ, mỗi buổi sáng học sinh chào cờ ở đây, có vài cây rừng to chùng một người ôm, trường để cho có cây xanh, bóng mát, xưởng này nằm dọc theo đường lộ, cách xa đường lộ trên 50 thước, như vậy nó cũng song song với Ký túc xá, nằm về hướng đông, cách xa Ký túc xá cũng chừng 50 thước, phía sau xưởng này là nhà ông Giám Thị Anh, sau nhà ông giám thị Anh là một con đường cũ, còn nhìn ra vì hai bên đường có hai hàng điệp tây gốc thật to. Mùa hè điệp trở đỏ và nhiều tiếng ve sầu ở đó.



Dãi Xưởng

Một dải xưởng mới cất nằm giữa xưởng cũ và Ký túc xá, thẳng góc và cách những nơi này cũng chừng 50 thước, nơi đây có Xưởng Kỹ Nghệ Sắt, Máy Dụng Cụ, Cơ Khí Ô Tô.

Trường mục đích ban đầu là xây cất dành riêng cho dân tộc thiểu số, các em học ở đây không đóng thứ tiền nào cả, ăn uống, quần áo, sách vở do chánh phủ cấp, cho nên học sinh của Trường gồm có các sắc dân vùng cao nguyên chủ yếu là Ra-đê, Chăm, Thái, H'mông, Ba-na, Cờ-ho, Sê-tiêng ...

Khi đi dạy một thời gian tôi mới biết là người Ra-đê chủ yếu ở vùng Darlac và người Chăm là hai sắc dân có thể có cùng nguồn gốc vì học sinh Chăm nói chuyện với nhau, học sinh Ra-đê nghe hiểu họ nói gì, cũng như học sinh Ra-đê nói chuyện

## TRUYỆN CỦA TÔI

với nhau học sinh Chăm nghe hiểu họ nói với nhau về chuyện gì, đó chính là các em nói cho tôi biết.

Tôi có mua một quyển sách Học tiếng Ê-đê do Bộ Giáo Dục ấn hành, tôi cũng có học với các em học sinh tiếng Chăm, nhưng nói chung tôi không có khiếu về ngôn ngữ, tôi học từ lớp đệ thất đến đệ nhị Pháp văn, nay đến Pháp chắc tôi chỉ còn nghe và nói được Bonjour với Merci mà thôi ! Tôi học Hán văn bốn, năm năm, học đàm thoại một năm với bà giáo sư Khuru Thị Huệ, nay tôi chỉ còn nhớ :- Nị hạo ma ? - Tổ xạo xền ? Wạ hện hạo. Và tiếng Chăm tôi học với các em nay chỉ còn nhớ: Tì nao ? (Đi đâu ?). Kao hóa ô ? (ăn cơm chưa?)

Giáo sư dạy lớp có Đồng Văn Quang, Nguyễn Văn Huệ, Nguyễn Văn Thiêm, Nguyễn Đức Lưu, Nguyễn Thị Lộc, dạy giờ có Trần Hữu Thời (Toán), Nguyễn Văn Huyền, Miss Diana Garnier, gs Ngọc (Anh Văn), gs Quang (Hội họa). Phụ tá Kỹ thuật: Kỹ sư Nguyễn Văn Hoán. Kỹ nghệ Sắt: gs Nguyễn Hữu Phòng, Lê Văn On, Đồng Văn Tập. Kỹ Nghệ Gỗ: gs Nguyễn Văn Hoanh, Nguyễn Văn Pháp, Nguyễn Văn Tâm, Y B'hram. Cơ Khí Ô Tô: gs Nguyễn Ngọc Xuân, Trương Anh, Quảng Đại Khẩn. Máy Dụng Cụ: gs Nguyễn Ngọc Yên, Lê Văn Hớn.

Giám thị: Ông Nguyễn Văn Anh, Y Huan Nié .

Phòng Hành chánh có: Ông Nguyễn Văn Tuấn Trưởng phòng, chị Tuyết, cô Dung, cô Liên.

Y tá: Bà Ngọc.

Hai người nấu bếp là: ông Hóa, ông Nghi và một lao công ông Nguyễn Văn Hội, cựu quân nhân.

Hầu hết giáo sư và nhân viên đều ở tại Trường, riêng các vị sau đây có nhà riêng hoặc ở trọ nhà ngoài: gs Nguyễn Đức Lưu,

## HUỲNH ÁI TÔNG

Nguyễn Văn Thiêm, Nguyễn Ngọc Xuân, Y B'hram, Y Huan Nié, cô Dung, bà y tá, ông Hóa, ông Nghi và ông Hội.



Huỳnh Ái Tông, Đống Văn Quang, Nguyễn Văn Anh

## TRUYỆN CỦA TÔI

Trường vào năm đó, có ba lớp Đệ Thất, Hai lớp Đệ Lục, Hai lớp Đệ Ngũ và hai lớp Đệ Tứ, trong đó có một số học sinh Việt Nam được theo học, chế độ ngoại trú. Năm sau Trường được phép tuyển 2 lớp học sinh người Kinh, nên có tổ chức thi tuyển.

Là giáo sư chuyên nghiệp đệ nhất cấp, nên phải dạy 20 giờ tuần, tôi được phân phối dạy một số giờ cho các lớp đệ thất, đệ lục về Kỹ Nghệ Họa và Việt Văn. Thật tình mà nói, mới ra trường, lại không có sách giáo khoa, bắt tay vào dạy môn chính của tôi là Kỹ Nghệ Họa mới thấy khó, tôi phải bắt đầu dịch từ sách Pháp văn ra để dạy, còn môn Việt Văn thì dễ vì đã có sách giáo khoa, tôi cũng có học Văn khoa hai năm, nên dạy môn này cũng không khó lắm.

Trường có một Cố vấn Mỹ ông Greeneway, cô Diana là Thiện Nguyên viên của tổ chức nào đó, cô dạy Anh văn cho Trường Kỹ Thuật Y Út và Trường Trung Học Tổng Hợp Ban Mê Thuột, có lúc cô dạy thêm Anh Văn buổi tối cho chúng tôi. Năm đó, sinh nhật cô, cô mời chúng tôi tới nhà trọ ăn Sinh Nhật, hôm đó cô mặc áo dài màu vàng vải nội hóa, dù cô yêu mến văn hóa Việt, nhưng chắc cô phải tập lâu ngày mới thấm nhuần, chứ không thể chỉ khoát chiếc áo mà thôi, trông cô với chiếc áo dài cũng hơi thô, như người Việt chúng ta mặc áo đầm, trường hợp đó tôi nhớ đến ông Hồ Hữu Tường bảo là lấy sở đoản chọi với sở trường. Chúng tôi đi dự có chị gs Ngọc, ông Hoán, Huệ, Pháp, Yên và tôi. Về sau cô Diana kết duyên với anh Quang giáo sư Anh Văn Trường Tổng Hợp Ban Mê Thuột.

Trước khi đi dạy, tôi đã hút thuốc, nhưng lúc ở chung trong một phòng ông Huệ và ông Tuấn không ai hút thuốc cả, ăn sáng xong, uống một ly cà phê sữa phỉ phà vài hơi thuốc ở một nơi lạnh lẽo thật là tuyệt, tuyệt hảo cho tôi nhưng trong căn phòng nhỏ, khói thuốc làm khó chịu hai người kia, tôi quyết

định bỏ thuốc và tôi dứt ngang, không có bỏ ừ từ, không có hút bớt lại, không có ngậm kẹo ..., chỉ cần một chút ý chí, bỏ là bỏ. Một hai hôm đầu có nhớ đến thuốc, nhưng không hút nó không làm cho tôi khó chịu, không gây cho tôi chút xáo trộn nào về thể chất. Sau đó tôi về Sài Gòn, bạn tôi nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu mời hút thuốc, tôi cho anh biết, tôi đã bỏ thuốc. Anh nói có một linh mục nói với anh, anh nói lại cho tôi để biết: *“Bỏ thuốc dễ, nhưng hút thuốc lại còn dễ hơn”*.

Những người bỏ thuốc, sau khi hút lại, có kinh nghiệm cho rằng lời nhận xét ấy đúng lắm và còn cho biết thêm, trước khi bỏ thuốc, hút một ngày nửa gói, sau khi hút lại, hút ngày một gói. Tôi hút thuốc hồi còn nhỏ, khi ở nhà quê, tôi cùng mấy anh chặn bò vào buổi trưa thường ghé xóm kia chơi, xóm ấy người ta trồng thuốc lá, họ sắt thuốc lá thành từng sợi nhỏ bằng cộng chân nhang, rồi rãi lên một tấm đệm phơi, sau đó đập lên thuốc đã phơi cho nó dẽ (xẹp) xuống, cuối cùng người ta phân ra từng miếng, rồi xếp lại thành một bánh thuốc.

Chúng tôi giúp họ, dầm đều thuốc lá trên chiếc đệm ở ngoài trời nắng chang chang, trả công chúng tôi, họ xé một nắm thuốc cho, các anh lớn lấy thuốc rồi ra sau hè tìm lá chuối non, xé một miếng, bỏ thuốc vào đó vắn hút. Vì những năm đó chiến tranh, không nhập cảng được vải vóc, nên phải dùng bông vải dệt vải ta, không có nhập cảng được giấy, không có giấy quỳên vắn thuốc, người ta phải xé giấy nhật trình, sách, giấy tập học cũ để vắn thuốc. Vì không có vải, có người phải lấy bao bố tời may quần áo mặc tạm, vì không có quần áo nên mặc hoài một bộ, do dơ bẩn nên sinh ra rận và rệp. Câu nói: *“Nghèo mạt rệp”*, có sống qua thời đó mới hiểu đầy đủ ý nghĩa của nó. Còn hút thuốc, xé cả sách vắn thuốc, nhiều quyển sách quý đã bị đốt vào tời kỳ này! Tôi biết hút thuốc từ đó. Hồi thời Hòa Hảo, mấy anh bộ đội Hòa Hảo nhờ tôi đi mua thuốc lẻ Capstain hay Ách Chuồn để mấy ảnh pha với Cần sa hút, mấy

## TRUYỆN CỦA TÔI

anh ấy cho tôi thử, cho tôi hút, khi quân đội quốc gia tấn công, mấy anh bỏ chạy, tôi cũng bỏ hút luôn từ đấy.

Những học sinh Thượng, ngày nay tôi còn nhớ như Y Tàlung Arul, sau em học Bách Khoa Trung Cấp Sài Gòn và nghe đâu về sau em về dạy tại Trường Y Út, em Nãi Văn Anh người Chăm cũng giống như Y Tàlung Arul, những học sinh khác như Ngô văn Ngym, Nguyễn Văn Nha, Đèo Văn Khang, Linh Ký Nam, Nãi Minh Tròn, Thạch Văn Mè, Nguyễn Hữu Trí.

Nãi Minh Tròn, người em tròn trịa và hơi lùn tương xứng với tên của em, đặc biệt em có đôi mắt sáng ngời, luôn luôn tươi cười. Linh Ký Nam rất lanh lợi, em cho biết, em là cháu của tướng Linh Quang Viên, nhà em có nhà máy xay lúa nhỏ, có lần em mời tôi về nhà em chơi, rồi em dẫn tôi ra suối, đi tìm cà phê cứ chồn.

Cà phê cứ chồn người ta khen ngon, thật ra thì con chồn khi ăn, nó lựa những trái cà phê chín đỏ, những trái thật ngon nó mới ăn, trái cà phê vào bụng chồn chỉ tiêu phần vỏ lụa, khi nó đi tiêu, phần nó thành một cục dài như trái chuối cao toàn là hạt cà phê tốt.

Nhưng cà phê ngon không phải chỉ là yếu tố giống cà phê ngon, mà nó còn yếu tố pha chế. Trước đó Linh Ký Nam có cho anh Lê Văn Hớn và tôi mỗi người nửa ký cà phê cứ chồn, đem về pha uống cũng chẳng ngon hơn cà phê ngoài tiệm “các chú”. Hồi còn nhỏ học ở Châu Đốc, bên cạnh nhà chú tôi là nhà bà Xẩm chủ tiệm nước Thái Bình, thỉnh thoảng tôi thấy một anh người làm, đem lò than và dụng cụ rang cà phê, ngồi sau nhà rang. Dụng cụ là một ống rang, ống làm bằng lưới kẽm, cộng kẽm bằng cộng chân nhang, ống đường kính chừng gang tay, dài độ hai gang tay, ở giữa xỏ một cây sắt tròn chừng ngón tay, một đầu ló ra khỏi ống chừng nửa gang, đầu kia ló ra khỏi ống dài chừng 2 gang tay, uốn thành một tay quay, người

ta hàn cho ống và tay quay dính chặt nhau, ở giữa thân ống làm một cái cửa chừng nửa bàn tay, có nắp đậy lại và được gài chặt, không thể tự động mở nắp. Lại có một cái giá cũng bằng cây sắt để nâng giữ tay quay ở hai đầu ống. Trước tiên người ta mở nắp đổ hột cà phê khô vào, đóng nắp gài cẩn thận, đặt ống lên giá, bên dưới ống là lò than cháy đỏ, người ta bắt đầu quay tay quay từ từ, đều tay, ống có cà phê bên trong tự trộn đều, đến lúc nào đó, người rang mở cửa sổ cho beurre vào, đến lúc nào đó người rang lại cho rượu Rum vào, những lúc đó cà phê bốc khói và lan tỏa mùi thơm.

Cho nên cà phê ngon phải là giống cà phê ngon, hạt cà phê tốt, với hương vị và bí quyết rang. Người ta có thể lựa cà phê lúc thu hoạch, cà phê trái có chùm như chum hạt tiêu, nhưng hạt nó to gấp ba bốn lần, nên chùm cà phê to hơn chùm tiêu gấp ba bốn lần, hái cà phê lựa chùm nào chín đều mới hái, sau khi chà sát bỏ vỏ lụa, người ta lại lựa những hạt cà phê tròn đều, cho nên các thương hiệu cà phê sẽ ghi thêm “Premier Choix”. Tôi nhớ có lúc theo ông Nguyễn Văn Anh, ra một nhà thầu người Hoa, cung cấp thức ăn và dụng cụ như chảo, búa cào, xén cho Trường, thường gặp người Hoa này ngồi lựa từng hạt cà phê trong một cái nia có khi là cái xàng.

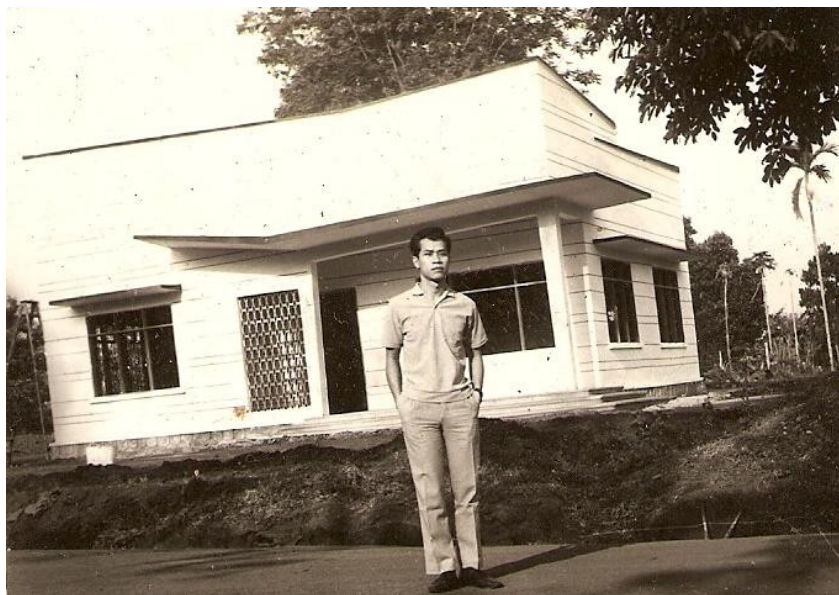
Có lần ông ta kể chuyện, ông là cháu của Thái Thạch, một cửa hàng bán rượu danh tiếng trên đường Catinat Sài Gòn, cửa hàng này ở ngã tư, xéo bên kia là rạp hát Majestic. Một hôm ông ta xuống hầm rượu, thấy một chai rượu chất lưu niên, không thấy khách mua uống, ông ta bèn lấy uống cho trống chỗ, ông ta không biết đó là chai rượu ngon lại để dưới hầm lâu năm, tuy dễ uống, nhưng ông ta đã bị say đến ba ngày. Sau này, tôi gặp phải trường hợp tương tự đáng thương tâm. Số là vào dịp hè đi gác thi, anh Nguyễn Hữu Chí giáo sư Kỹ Thuật Cao Thắng có đưa em thi Trung Học Đệ Nhất Cấp, gặp chúng tôi là đồng nghiệp, anh nhờ giúp đỡ, chắc cũng là nói hờ, suốt kỳ thi tôi không gác phòng em anh Chí thi, không biết các đồng nghiệp



khác có giúp đỡ không, kỳ thi ấy em anh Chí đỗ, kết quả rồi, anh mời chúng tôi đi ăn một bữa ở quán Thanh Tuyền trên đường Nguyễn Cư Trinh, khi ăn uống xong rồi, ăn tráng miệng rồi, nhưng anh em còn hứng thú chuyện trò vì sau khi ra trường mỗi người một nơi, lâu ngày mới gặp lại, chuyện xưa, chuyện nay, chuyện chánh trị, chánh em, chuyện thời cuộc trong, ngoài nước đủ cả. Thấy ngồi lại quán lâu mà không ăn uống gì bất tiện, sẵn năm đó Tổng Cục Tiếp Tế có nhập về rượu chát 5 lít một chai, anh nào đó gọi một chai uống chơi, nghĩ rằng nó dễ uống, ai cũng uống được, nên ai cũng nhâm nhi bù lại sau những ngày gác thi, chấm thi.

Sáng hôm sau, tôi đi xe đò về Long Xuyên, lên xe tôi vẫn “lắc lư con tàu đi”, cho đến khi về tới Long Xuyên 12 giờ trưa tôi mới tỉnh rượu, sau nghe lại anh Trần Phát Lạc, giáo sư Cao Thắng cùng với vợ là giáo sư Triệu Thị Chơi và đứa con trai nhỏ, anh lái xe Toyota đưa cả nhà về thăm gia đình ở Tây Ninh, dọc đường bị tai nạn, đứa con trai chết, anh bị thương cột sống, nằm bệnh viện ba tháng, rượu chát dễ uống nhưng sai ngầm, thật tai hại!

Các Trường Kỹ thuật hàng năm sử dụng một số tiền khá lớn của ngân sách quốc gia, vì các nguyên liệu trường phải mua sắm rồi phân phối cho học sinh thực hành, thực hành xong món thủ công, giáo sư chấm điểm xong rồi vất bỏ. Chẳng hạn như phát cho học sinh một thỏi sắt để tập dũa cho các mặt phải thật bằng phẳng, rồi mặt nọ phải thẳng góc với mặt kia, hoặc phát hai miếng sắt, tập cưa dũa đục một miếng thành mộng đục, miếng kia thành mộng cái, khi lắp lại phải khít khao, đưa lên ánh sáng, ánh sáng không lọt qua các mặt hai mộng tiếp xúc nhau, học sinh thực hành rất công phu, nhưng cuối cùng cũng vất bỏ, hao phí ngân sách. Cho nên Nha Kỹ Thuật Học Vụ lập ra Quỹ Sản Xuất, dùng tiền của quỹ này mua nguyên vật liệu, lấy nguyên vật liệu này cho học sinh làm thủ công, thực hành, nhưng thủ công bán được để lấy lại vốn cho Quỹ Sản Xuất.



### Nhà Hiệu Trưởng

Trường Ban Mê Thuật còn xin được ngân sách tiền, để mở các lớp dạy nghề, đào tạo công nhân ngắn hạn, lớp mở dạy mỗi khóa 3 tháng, học viên là những người trong tuổi lao động, nhân đó ông Đồng Văn Quang mở một lớp dạy Thợ Hò, Thợ Hàn, Thợ Mộc. Học viên thợ hàn làm khung cửa sổ, thợ mộc làm cửa sổ, cửa cái, thợ hò xây nhà. Riêng thợ hò, ông mời một kiến trúc sư dạy. Và cuối khóa học, Trường có một ngôi nhà gạch, nằm trước mặt trường, mặt nhìn ra đường đi vào trường, lợp Fibro, có 4 phòng: một phòng khách, hai phòng ngủ và một phòng dùng làm nhà bếp, vệ sinh. Sau này ngôi nhà đó dành cho Hiệu Trưởng ở.

Và xây một căn nhà gỗ, ngang, dài chừng 6 thước, nằm ở góc cuối đất Trường về hướng Đông Bắc, cách dài xường mới cất chừng 100 thước. Về sau gs Nguyễn Hữu Phòng và gia đình ở căn nhà này.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Về thành phố Ban Mê Thuột, vốn phát xuất từ Buôn tiếng Ê-đê là làng, Mê Thuột là đọc trại của Ama Thuot là tên của vị Tù trưởng, quyền uy, giàu có vùng này ngày xưa, cho nên người Ê-đê gọi Buôn Ama Thuot là Làng của ông Ama Thuot, người Pháp gọi là Buon Ma Thuot, người Việt chúng ta gọi là Buôn Ma Thuột hay Ban Mê Thuột, nó là Tỉnh lỵ của tỉnh Darlac. Chữ Ban Mê Thuột, người ta diễn dịch ra xứ Bụi Mịt Trời, Buôn Muôn Thuở, Bánh Mì Thịt...

Thành phố nhỏ chừng 4 cây số vuông, dân cư chừng 10 ngàn, Chợ không có nhà lồng như các chợ khác, chỉ là những Kios, nhưng đặc biệt có rất nhiều Kios bán vàng chen lẫn với những hàng thịt, cá, rau cải. Vàng thật bán ở chợ Ban Mê Thuột như vàng giả bán ở Sài Gòn!

Trước chợ có một rạp chiếu bóng, bên hông chợ là hai dải phố, trong đó dải phố phía đông có hiệu thuốc tây của cụ Tôn Thất Hối, thân phụ ông Tôn Thất Niệm, là nhạc phụ của ông Trần Quang Thuận, nhân sĩ Phật Giáo. Phía sau nhà thuốc Tây này là dải phố có quầy vé Hàng Không Việt Nam, khoảng năm 1970, quầy vé đã chuyển đi chỗ khác.

Đường trước chợ và rạp chiếu bóng là đường Phan Bội Châu, dẫn đi về hướng Tây, trên đường đi có chùa Sắc Tứ Khải Đoan, ghép tên vua Khải Định và Đoan Huy hoàng thái hậu, chùa xây cất năm 1951, là chùa Sắc Tứ cuối cùng của nhà Nguyễn, chùa cất bằng gỗ quý, lợp ngói, có một Chánh điện và một hậu liêu riêng biệt, cạnh đó có Trường Trung Học Bồ Đề, đi xa hơn một chút là một đơn vị pháo binh.

Từ phía sau Trường Kỹ Thuật có thể trông rõ Chùa Khải Đoan vì giữa chùa và Trường là một thung lũng, nên không bị cây cối che mắt, đêm đêm ở Trường nghe rõ tiếng đại hồng chung của Chùa những buổi công phu.

Có nhiều đêm nghe rõ tiếng súng đại bác, nghe được tiếng đạn bay và có khi tôi đếm tiếng bắn cho đến khi tiếng nổ từ một chốn xa xa.

Đường phía sau chợ là Quang Trung, đi về hướng tây là một thung lũng, có suối, gọi là Suối Đốc học, đi về hướng đông, qua khỏi hai ngã tư rất ngắn là bùng binh ngã sáu, nơi đây có nhà thờ Chánh toà, có rạp hát Thống nhất dành cho cải lương, có một đường đi ra phi trường, một đường khác đi đến Trung Học Tổng Hợp, đường trước mặt nhà thờ chánh tòa là đường đi về Sài Gòn. Từ ngã sáu theo đường này đi về nam, bên tay trái, trước tiên là Rạp hát Thống nhất, kế đó khuôn viên của cụ Tôn Thất Hối, tiếp đó là Tiểu Khu, cạnh Tiểu Khu là Toà Tỉnh, kế đó là con đường, tiếp theo con đường là Ty Ngân Khố. Con đường này đi xuống dốc, dưới dốc là con suối, cạnh suối có Hồ Tắm của Bảo Đại, lúc tôi đến đã hoang tàn vì không ai chăm sóc, đôi phiến đá đã mất, tuy nhiên vẫn có thể tắm, qua bên kia suối là xóm dân cư. Ty Ngân Khố Tết Mậu Thân đã bị san thành bình địa.

Bên tay phải từ ngã sáu xuôi nam trước tiên là Ty Điện Lực, qua khỏi đó là Bưu Điện, qua khỏi Bưu Điện là Sân Vận Động, qua khỏi Sân Vận Động là một dải tường dài bao bọc Biệt Điện của Bảo Đại, đối diện bên kia tường là Tiểu Khu và Toà Hành Chánh, đi đến hết tường biệt điện là một công viên, nằm trước mặt Biệt điện, qua khỏi công viên là công ốc của Tòa Đại Biểu Chánh Phủ Cao Nguyên Trung Phần, sau Mậu thân trở thành Ty Ngân Khố, mặt sau Ty Ngân Khố cũng là con đường có cổng chính đi vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh.

Con đường chạy ngang trước Biệt điện là đường Nguyễn Du, về hướng đông đi ngang qua hông toà tỉnh, đi xuống hồ tắm, về hướng tây đi qua Ty giáo Dục, Trường Tiểu Học và Trung Học Kỹ Thuật, bên kia đường là Ty Y Tế và Bệnh Viện.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Ở đầu chợ, nối liền dải phố có nhà thuốc Tây và Air Việt Nam, có hai cửa hàng lớn, tôi có quen với chủ nhân của một trong hai cửa hàng ấy, tên là Trúc Lâm.

Ở cuối chợ có hiệu may quần áo Hoàn Toàn, là nhà thầu hàng năm cung cấp quần áo đồng phục xanh dương cho học sinh Trường Kỹ Thuật, sau năm 1975, ông Hoàn Toàn về Ngã Sáu Sài Gòn, kinh doanh cửa hàng bán dụng cụ thể thao.

Ở góc ngã tư bên kia đường, về phía tay trái của hiệu may Hoàn Toàn, có một cửa hàng sách báo, có hai chị em Phượng, Phi. Chị Phượng hơi thấp người, cô Phi hơi tròn trịa một chút, cả hai đều trắng trẻo, dễ nhìn, mỗi chiều, ông Huệ và tôi thường ra đó mua sách báo, đứng lựa nói vài câu với Chị Phượng hay Cô Phi. Ông Huệ đã có fiancé, nếu không thì ông và chị Phượng cũng rất xứng đôi. Ông Huệ. Không dấu diếm gì chuyện ấy với tôi, theo lời ông nói: Gia đình chị Phượng ở vùng Phú Nhuận, nhà có xe hơi. Chị Phượng luôn tươi cười nên có duyên hơn cô Phi luôn luôn im im. Dĩ nhiên có nhiều chàng trai nhà lành, sĩ quan trẻ trồng cây si nơi quán báo này.

Hè năm 1967, tôi lập gia đình, và nghỉ Hè tại nhà nhạc gia tôi. Một hôm tôi đi chơi về, nghe nói có người đàn bà ẵm theo đứa con nhỏ mới sanh ngoài tháng tìm tôi. Tôi biết, tôi không liên can gì, nhưng chắc chắn đề sự nghi ngờ lớn cho bên nhà vợ. Đến khi về nhà, gặp chị ấy tôi không biết là ai, chị ấy nói cho tôi biết, chị là vợ anh Kỹ sư Hoán, ở Quảng Ngãi vào, xin ngủ nhờ nhà tôi một đêm để sáng mai đi Ban Mê Thuột. Vì nhà không có chỗ, không thể để chị ấy với đứa con nhỏ phải “ăn chay, nằm đất”, nên tôi chạy đến nhà gs Lê Văn Hớn ở trong hẻm cạnh rạp hát Thái Bình ở gần chợ Thái Bình, đường Phạm Ngũ Lão, vì nhà anh Hớn 3 tầng, chỉ sống có hai mẹ con. Chuyện này, đáng lý ra ông Hoán phải tin cho tôi biết trước, đảng này không, làm cho tôi hụt hẫng không biết chuyện chi. Sau đó, gặp lại nhau, chỉ biết cười xòa. Con gái ông Hoán năm

nay cũng đã ngoài 40, anh Hón cùng tuổi với tôi, anh cũng bị động viên khóa 27, cùng học Quân cụ, cùng xuống vùng 4, anh ở đơn vị Kho Đạn Bình Thủy, Cần Thơ, rồi được biệt phái Trường Kỹ Thuật Ban Mê Thuột như tôi, sau anh chuyển về Trường Kiểu Mẫu Thủ Đức, cưới con gái bà chủ nhà Bảo sanh Thái Bình, trên đường Phạm Ngũ Lão, sau anh vượt biên sang Đức, có gửi về cho tôi món quà, nay tôi mất liên lạc với anh.

Hết Hè, khi trở lại dạy thì ông Đồng Văn Quang đã chuyển về Sài Gòn, hình như ông Quang bị rắc rối chi đó về vấn đề học sinh. Kỹ sư Nguyễn Văn Hoán lên làm Hiệu Trưởng, gs Nguyễn Văn Hoanh làm Phụ tá Kỹ thuật.

Tình hình Ban Mê Thuột có vẻ bất an vì sự hoạt động của phong trào FULRO (chữ viết tắt của tiếng Pháp: *Front Uni de Lutte des Races Opprimées* gồm có người Chăm, người Thượng, người Campuchia Krom. Có một hôm tòa Tỉnh cho biết cần phải đề phòng, có thể Fulro sẽ quấy phá, đêm ấy ông Hoán, Huệ, Hón và tôi không dám ngủ trong trường, phải đi ra phố chơi tới khuya, rồi lặng lẽ về căn nhà gỗ chỗ im vắng để ngủ, một đêm chịu rét căm căm vì nhà ấy chưa có cửa kín then cài, nhưng cuối cùng có thể tin tức tình báo không chính xác, chuyện Fulro quấy phá không xảy ra.

Một lần khác, đêm khuya đang ngủ yên giấc, tôi bỗng bị gọi dậy, ông Huệ cho biết học sinh ồn ào ở dưới, chắc là có Fulro về, nên “dĩ đào vi thượng sách”, thế là ông Huệ, Tuấn mở cửa phòng, dọt lẹ qua tòa Tỉnh, tôi chậm chân nên không dám chạy theo, đành khóa cửa tử thủ, chừng một giờ sau mấy ông chạy lánh nạn quay về, cho biết bên tòa Tỉnh phái người qua dò thám, kết quả cho biết có vài học sinh uống rượu say, trong số đó có em Thạch Văn Mè, người Chăm.

Theo thỏa thuận của chánh phủ với phong trào Fulro thì ở Trung ương có ông Bộ Trưởng Sắc Tộc Paul Nur, những tỉnh

có dân tộc thiểu số, có thêm một Phó tỉnh trưởng sắc tộc, ông Phó tỉnh trưởng Đặc Lắc là người Ê-đê có học kỹ thuật thời Pháp, ông bị cụt một tay, vì là cựu học sinh kỹ thuật nên ông luôn quan tâm, giúp đỡ học sinh và Trường Kỹ Thuật Ban Mê Thuộc.

Tôi dạy được một niên khóa, niên khóa sau dạy nửa chừng, tôi bị gọi đi khóa 27, tưởng như lần trước, khóa 26 bị gọi đi vào Trung Tâm 3 Tuyển Mộ và Nhập Ngũ ở Quang Trung mấy hôm, ăn bánh mì kẹp chả lụa, dùng cà phê đen súc miệng, nghe Trịnh Công Sơn ngêu hát mỗi buổi trưa trên con đường nhựa, dưới những tàng cây bả đậu, chán ở lại được cho về, lần này mới vào hai hôm, nghe họ Trịnh hát chưa đã, một chiều 12-1-1968 được gọi tên, bỏ lại chiều mừng, leo lên GMC tài xế trực chỉ Trường Bộ Binh Thủ Đức.

Tôi đã trải qua khóa 27 Trường Bộ Binh Thủ Đức, Trường Quân Cụ Gò Vấp, nơi đây có lệnh làm đơn xin biệt phái, rồi tiếp tục ra đơn vị Đại Đội 21 Quân Cụ ở Sóc Trăng, làm Trung Đội Trưởng Lưu Động ở Cà Mau, lại chuyển về làm Trung Đội Trưởng Hậu Cú của Đại Đội Bảo Toàn, Tiểu Đoàn 21 Tiếp Vận. Ở đây tôi đã kết bè với giáo sư Hồ Ngọc Thu, ăn cơm quán, ngủ trong đơn vị, rảnh rang đi Bãi xào, uống bia. Đến đầu tháng 9 năm 1969 tôi được giấy biệt phái, Đại úy Đại Đội Trưởng Nguyễn Ngọc Sang nói với tôi: *“Anh ở chơi với anh em thêm vài ngày nữa, rồi tôi ký Giấy phép cho anh nghỉ thêm 10 ngày ở Sài Gòn với vợ con, sau đó anh sẽ đi trình diện Trung Tâm 3 Quản Trị”*. Vài ngày của Đại úy Sang, tôi phải ở lại đến nửa tháng để cùng Thiếu Úy Thu sáng, trưa, chiều, tối đi uống bia do bạn bè đãi, có khi do đàn em đãi, có khi chỉ có hai đứa với nhau, tôi sợ nhất những ngày này, vì nhiều trường hợp người ta được giấy giải ngũ mấy ngày chót phù du đó lại bị chết do lẩn tên mũi đạn vô tình, cho nên ngày chót tôi ra Air Việt Nam Sóc Trăng lên phi cơ về Sài Gòn.

Nghỉ hết 10 ngày phép ở Sài Gòn, tôi trở lại Trường vào cuối tháng 9 năm 1969, ông Nguyễn Văn Hoán vì một chuyện chi đó, bị chuyển về Sài Gòn, ông Nguyễn Văn Huệ lên làm Hiệu Trưởng. Tôi được ông Huệ đưa lên làm Phụ tá Học Vụ và Học Sinh Vụ, kiêm luôn Phát Ngân Viên thay thế ông Y B'Hram, một số các giáo sư mới ra Trường Sư Phạm Kỹ Thuật được phân bổ về Trường như giáo sư Hoàng Văn Thư dạy Kỹ Nghệ Họa, Lê Văn Quang dạy Kỹ Nghệ Gỗ, Nguyễn Quý Hảo, Nguyễn Văn Diệu, Trần Văn Long dạy Máy Dụng Cụ, giáo sư Phạm Thị Lài tốt nghiệp Sư Phạm Nữ Công Gia Chánh và Quảng Đại Hội tốt nghiệp Bách Khoa Trung Cấp dạy Kỹ Nghệ Gỗ.

Phòng hành chánh, ông Tuấn đã chuyển đi, ông Đoàn Ái Hảo, từ Trường Kỹ Thuật Huế chuyển vào làm Trưởng phòng hành chánh.

Nhưng Trường cũng có ông Đồng Văn Tập, bỏ dạy học đi theo phong trào Fulro.

Tôi có đưa nhà tôi và một đứa con gái lên ở trong Trường, tôi lấy một trong hai phòng, trước kia gia đình ông Quang sử dụng để ở, phòng còn lại anh Quang, anh Diệu và anh Long ở. Nhà tôi ở Ban Mê Thuộc được hai tháng, thấy không thích hợp nên quay về Sài Gòn, đi làm lại ở Tòa Đô Chánh.

Mặc dù ông Huệ muốn cột chân tôi lại, nhưng chồng đầu vợ đó chớ không thể sống “một kiềng hai què”, nên tôi chờ đợi hết niên khóa để xin đổi về Sài Gòn.

Giáo sư Nguyễn Ngọc Xuân dạy học, nhưng có nhà cửa tại Ban Mê Thuộc, có cơ sở sửa chữa xe, lại mua đất ở Buôn Hồ cách Ban Mê Thuộc chừng 40 km để trồng cà phê, một số giáo sư như Nguyễn Văn Hoanh, Nguyễn Quý Hảo, Lê Văn Quang ...



## TRUYỆN CỦA TÔI

theo chân gs Xuân cũng mua đất, mua máy bơm nước, trồng cà phê.

Ban Mê Thuộc là rừng, nên có nhiều bướm, nhiều màu sắc khác nhau, đến mùa, bướm bay khắp chốn, trước khi thành bướm, nó là sâu, ở Ban Mê Thuộc có một loại cây, lá nó bằng ngón tay, đến mùa sâu đầy cây, mỗi con lớn hơn cọng chân nhang, dài cỡ hai lóng tay, toàn thân màu xanh, hình như nó là loại sâu đo, vì khi di chuyển, nó cong mình lại rồi búng tới một cái, thân nó di chuyển một khúc, người Thượng bắt sâu đó bỏ vào miệng ăn tươi, nuốt sống nó trông có vẻ ngon lành lắm, sâu này ăn chừng ba ngày là sạch lá của cây.

Một hôm, sau khi ăn cơm từ nhà ông giám thị Anh đi về phòng nghỉ trưa, tôi thấy có một số học sinh và trẻ con Thượng chừng 10 em, có đứa leo lên cây, có đứa đứng ở dưới chỗ mấy cây gần cột cờ, chúng bắt sâu ăn.

Đến giờ học buổi chiều, tôi đang ở phòng làm việc, chợt thấy chị Nguyễn Thị Lộc vợ ông Huệ, hớt hơ hớt hải, chạy đến phòng tôi, chị nói:

- Anh mau đến lớp, xem học sinh nghịch ngợm quá quắc!

Tôi đi mau đến lớp Đệ lục của chị Lộc dạy, học sinh đã vào lớp, thấy tôi đến, các em đứng lên, từ ngoài cửa, nhìn trên bàn giáo sư, tôi thấy 6, 7 con sâu đang bò, tôi hiểu chị Lộc sợ sâu, tôi hỏi:

- Em nào đã bỏ sâu lên bàn, dơ tay lên, hoặc thấy ai bỏ sâu lên bàn, chỉ cho tôi biết.

Tôi hỏi đến ba lần, không em nào nhận mình đã bỏ sâu lên bàn giáo sư, tôi biết ít ra phải có ba bốn em làm việc đó, nhưng không em nào dám nhận, tôi cũng giận, nên phạt các em:

- Không em nào nhận cả, cũng không em nào cho biết đã thấy ai bỏ sâu lên bàn, như vậy có người làm lỗi, có người đồng lõa giống nhau, bây giờ tất cả lấy cây thước hay cây bút chì ngậm vào miệng, quỳ gối lên, giăng hai tay ra.

Các em răng rắc làm theo tôi, và tôi đứng đó đến 15 phút mới cho các em ngồi xuống, và nói với các em:

- Tôi phạt để các em nhớ, từ nay không nên có bất cứ hành động nào vô lễ với giáo sư, người Việt chúng ta tôn kính thầy, cô trên cha mẹ. Cha mẹ các em, các em không đùa nghịch phá phách như vậy, tại sao lại làm cho cô giáo sợ mấy con sâu đó?!

Còn một việc nữa, tôi muốn nói với các em, ra đường nhiều em gặp giáo sư không chào hỏi, đó là việc thiếu lễ độ của một học sinh đối với Thầy, Cô giáo. Từ đây về sau, tôi khuyên các em, gặp giáo sư của Trường bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào cũng phải chào, người ngoài nhìn vào sẽ khen học trò kỹ thuật lễ phép. Tôi biết, một số các em nội trú nghĩ rằng đi ra ngoài là phạm kỷ luật, tránh chúng tôi không chào, sợ chào giáo sư biết mặt sẽ bị phạt, nhưng các em thấy chúng tôi là chúng tôi đã thấy các em rồi, phạt hay không là chuyện khác, một học sinh lễ phép, giáo sư dễ tha thứ hơn là học sinh vô phép, hơn nữa các em nghĩ coi, các em cúi đầu chào chúng tôi, chúng tôi cũng phải cúi đầu chào lại, ai lỗi hơn ai ?

Từ lần tôi nói chuyện với các em đó, ra đường các em chào chúng tôi quá lễ phép, không phải chỉ cúi đầu mà thường các em đứng lại khoanh tay cúi đầu chào rồi mới đi, còn chuyện tôi phạt tập thể như vậy, đáng lẽ ra chỉ nên giảng cho các em hiểu về sự tôn kính các giáo sư, biết tự trọng và tự giác về những điều sai trái của mình, làm được vậy thì tốt hơn là phạt tập thể các em.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Tôi cũng thường đi chơi với các em học sinh, có hôm đưa 6, 7 em đi đến lâm viên quốc gia cắm trại, thầy trò cùng nhau đi tìm hái lá sâm, đem về tôi vò lá sâm, hôm sau giờ nghỉ, các em đến phòng tôi ăn lá Sâm.

Tôi cũng cùng vài học sinh khác, vào đồn điền của em Nguyễn Hữu Trí, hái ổi, đu đủ ăn, đất Ban Mê Thuật rất màu mỡ, trồng cây ăn trái cho trái to, khoai lang củ lớn nhưng ăn không ngọt.

Tôi có được ông Châu đạo xưa ở đất Bắc, nay vào định cư ở làng Hòa Bình toàn người Thái, ông có con học ở Trường, một ngày con ông bỏ học vô cớ, tôi phải mời phụ huynh đến để báo con, em vắng mặt, phụ huynh là ông Châu đạo cũ, đến gặp tôi, rồi ông mời khi nào có dịp ghé qua nhà ông chơi, sẵn đi mua cao hồ cốt, tôi đã ghé nhà ông, được ông tiếp đón niềm nở, Tùng Nghĩa ở Đà Lạt cũng là một làng Thái, vì cũng có học sinh từ Tùng Nghĩa lên Ban Mê Thuật học.

Cuối năm 1969 hay đầu năm 1970, lực lượng Fulro có làm lễ trở về với quốc gia, lễ chánh tổ chức tại Sân Vận Động Ban Mê Thuật. Một lễ khác tổ chức tại đại sảnh Trường Kỹ Thuật do Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chủ tọa với người Thủ Lĩnh FULRO trở về hợp tác với chính phủ. Trong buổi lễ có nghi lễ uống rượu Cần, sau đó yến tiệc do Tổng Thống Khoản đãi, trong thức ăn, có một con bò thui nguyên con, đứng thể hùng dũng, khi ăn lấy đĩa, dao, muỗng, nĩa, đến bên con bò, muốn ăn chỗ nào, dùng dao cắt chỗ đó.

Học trò của Trường được làm hàng rào danh dự đứng dài theo đường vào Trường, ông Nguyễn Văn Huệ đứng một đầu hàng, tôi đứng một đầu hàng, khoảng 11 giờ Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đến, Tổng Thống xuống xe, đến bắt tay ông Huệ rồi sang bắt tay tôi, hôm ấy Tổng Thống mặc nguyên bộ đồ trắng bốn túi, ông quay lưng đi rồi, tôi nhìn thấy tóc ông đen, nhưng ở phía sau có một chòm tóc bạc trắng cỡ chừng ngón tay.

Hôm ấy Thứ Bảy, ông Huệ và tôi có giờ dạy thêm ở Trường Tổng hợp, khoảng 1 giờ trưa chúng tôi đi dạy, lễ đang vào tiệc, buổi chiều dạy xong về, tôi hỏi ông Anh:

- Ché rượu cần còn đây không Bác Anh ? Tìm uống cho biết rượu cần!

Ông Anh cười trả lời:

- Ché rượu cần, các ông bên tòa Tỉnh mang về ngay sau khi Tổng Thống ra về, họ cho biết đổ vào đó toàn là Wichky, chứ có phải nước lã đâu.

Những năm ở Ban Mê Thuột, tôi không uống rượu cần, sau này năm 1972 hay 73 trở lại tổ chức thi tuyển vào Đề Thất, ông Mai Văn Tánh, Hiệu Trưởng Trung Học Kỹ Thuật Phước Tuy, chánh chủ khảo cùng tôi và vài giáo sư, đi vào Buôn Ê Ban, đến nhà ông Y B'Hram xin uống rượu cần, lúc đó ông đã về hưu, nhà không có rượu, ông nhờ người đi mượn hàng xóm, ông cho biết rượu làm từ cơm, khi uống lễ, người ta dùng một cái chén, một cái tô, một cái ly cối, đầu tiên người ta đổ nước vào đầy ché, kể đó người ta dùng bất cứ cái chén, cái ly, hay cái tô mức đầy nước, để khi chúng ta dùng cái cần uống tới đâu, người ta đổ nước vào đầy ché lại cho đến khi nào hết nước trong chén hay tô thì thôi. Nhưng hôm ấy ông Y B'Hram bảo, các anh cứ uống tự nhiên vì không phải lễ lộc, không bó buộc chi cả.

Năm 1969 hay 1970, có cuộc bầu cử, lần đó ông Huệ không có mặt để bốc thăm về địa điểm Trường phải giữ một đơn vị Bầu Phiếu, ông Phó tỉnh trưởng thượng vụ đại diện cho Trường, bốc thăm Trường phải giữ đơn vị Bầu Phiếu ở Nhà máy Thủy Điện, đây là một nhà máy do Pháp xây dựng từ trước, cung cấp điện cho toàn thành phố, mỗi tháng vào một ngày nhất định toàn bộ bị cúp điện ban ngày để nhân viên nhà máy tu bổ các

Turbine. Nơi đây gần thị xã, nhưng vào lúc đó đường bộ không an ninh, nên ông Phó tỉnh trưởng xin cho đơn vị chúng tôi đi bằng trực thăng, vào đó trước một ngày, hôm sau bầu cử theo quy định từ 6 giờ sáng đến 6 giờ chiều, nhưng tòa Tỉnh yêu cầu khoảng 3 hay 4 giờ sẽ có trực thăng vào bốc thùng phiếu về, nên phải chuẩn bị từ 3 giờ, có trực thăng đến, phải lên ngay để tránh bị pháo kích.

Trưa hôm trước, khoảng 1 giờ, chúng tôi có mặt ở phi trường L19, rồi trực thăng bốc vào Nhà máy thủy điện, trực thăng cất cánh khoảng 15 phút là đáp xuống. Chúng tôi ở đây có dịp đi tham quan nhà máy thủy điện, nhà máy này có 3 turbine, 2 cái chạy, một dự phòng, nước trên đập cao chừng 50 thước, có ống thép, đường kính chừng 1 thước, dẫn xuống turbine làm quay cánh quạt, turbine quay, thế là phát điện, đứng gần các turbine chỉ nghe tiếng quay vo vo rất nhỏ, sau khi quay turbine, nước đổ ra chảy thành dòng thác.

Xung quanh toàn là cây rừng, âm u, tĩnh mịch.

Hôm sau, đơn vị mở cửa, bắt đầu bỏ phiếu, chỉ có le que mấy nhân viên Nhà máy thủy điện, chờ đến 8 giờ mới tìm cách liên lạc hỏi về tòa tỉnh, không ai biết tin tức tại sao đồng bào chưa đi bầu phiếu, cho đến gần 9 giờ, trung tâm điều hành tỉnh mới cho biết, đồng bào tưởng thùng phiếu ở cầu 14, họ đã đi ra đó từ 5, 6 giờ sáng, nay biết thùng phiếu đã mang tận chỗ của cử tri, họ sẽ đi về để bầu phiếu, nhưng ít ra phải 11 hay 12 giờ họ mới về tới.

Biết vậy chúng tôi an tâm chờ, đến khoảng 11 giờ 15 lần lượt có đồng bào thiếu số đến bầu phiếu, chúng tôi mừng và cảm thấy thương cho họ phải vất vả lội đi 9, 10 cây số rồi phải lội lộn về, đàn ông đi rừng đã quen, nhưng đàn bà, có người còn phải đai con mọn theo mình. Ở vùng cao nguyên, mỗi người dân được mua 15 hay 16 ký gạo một tháng, không đi bầu

## HUỖNH ÁI TÔNG

không được mua gạo, cho nên dầu vượt suối, băng ngàn họ cũng phải đi, đi một chuyến để có gạo ăn hàng tháng, vài năm.



Nhà Rong Ban Mê Thuộc

Cho đến khoảng 2 giờ chiều thì đơn vị chúng tôi đã xong, anh em lo làm biên bản, thu dọn mọi thứ, sẵn sàng chờ trực thăng bốc về. Khoảng 3 giờ chiều, được trung tâm cho biết thực

## TRUYỆN CỦA TÔI

thăng sẽ đến trong vòng 5, 10 phút, chuẩn bị lên trực thăng. Rồi trực thăng đến, chúng tôi nhanh chóng lên trực thăng trở về thị xã, giao nộp thùng phiếu cho thùng phiếu trung tâm. Đến đó là hoàn tất nhiệm vụ, sau đó hơn một tuần, tòa tỉnh mời tất cả nhân viên các thùng phiếu vào trong Biệt điện ăn tiệc liên hoan, tổ chức thành công bầu cử. Đêm đó chúng tôi được vào bên trong khuôn viên Biệt điện, ăn uống self service. Trong biệt điện, cửa mở, đèn sáng trưng, nhưng chỉ dành cho một số ít các quan chức cao cấp mà thôi.

Vào gần cuối năm học, một buổi trưa có nhánh cây gãy đập vào cây cột cờ, cột cờ gãy theo. Sau khi ăn cơm ở nhà ông Anh ra, thấy vậy tôi báo cho ông Anh biết, ông ta nói với tôi:

- Đây là điềm! Anh nhớ truyện Tàu cột cờ các ông Tướng gãy là có chuyện vậy anh tiếp tôi, khiêng cây cột cờ gãy, đem ra sau nhà tôi để và khiêng nhánh cây gãy đem ra liệng gần mấy cây điệp, như vậy không ai biết cột cờ gãy, người ta khỏi dị nghị.

Đến Hè, tôi xin chuyển về Sài Gòn, ông Huệ bấm bụng cho tôi đi, ông dặn tôi về gặp Giám Đốc Nha vì ông đã giới thiệu tôi đi làm Hiệu Trưởng trường khác, cũng nên gặp ông Huỳnh Văn Năm chủ sự phòng Nhân Viên để theo dõi kết quả chuyển của tôi.

Khi tôi vào phòng Nhân viên, gặp ông chủ sự Huỳnh Văn Năm, ông Năm cho tôi biết:

- Thờì ông Nguyễn Văn Thơ làm Bộ Trưởng, ông Thơ có nói với tôi cho em đổi về Sài Gòn, nhưng em mới lên Ban Mê Thuật 1 năm, cho em về người khác sẽ phân bì, mặc dù tôi rất kính nể ông Bùi Văn Dương, nguyên Thanh Tra hàng tỉnh Bến Tre là người nhờ ông Thơ nói với tôi, nhưng không thể giúp em. Bây

giờ em đã ở trên ấy 4 năm, đôi về được rồi, để tôi sắp xếp cho em.

Ông ngưng nói, kéo học tử ra một tờ giấy, để trước mặt ông và hỏi tôi:

- Em có biết tại sao nhiều người cùng đứng đơn thưa ông Hiệu Trưởng Ban Mê Thuộc không?

Tôi nhìn vào tờ đơn, thấy tên của 12 giáo sư đã thưa ông Huệ về những chuyện chi đó, tôi trả lời cho ông Năm:

- Thưa ông chủ sự, ai lên Ban Mê Thuộc, nơi dè heo hút gió, mưa bùn, gió bụi đều nghĩ mình bị phạt, đều muốn đi về Sài Gòn, Hiệu Trưởng không chấp thuận vì chưa đủ thâm niên, họ đâm ra oán thán, nhiều người ở trong trường, không phải tốn tiền nhà, lại đòi hỏi Trường phải cung cấp cái nọ cái kia, không lấy tài sản của Trường cho họ xài họ đâm oán giận, Hè về Sài Gòn bỏ canh gác ở Trường, dịp lễ, Tết lên trễ, bỏ dạy. Hiệu Trưởng khuyên nhủ giáo sư làm cho đúng bổn phận, đừng đi trễ, nghĩ sớm, vì những lý do đó, họ vạch lá tìm sâu. Theo tôi, ông Huệ rất đàng hoàng với giáo sư mẫu mực.

Ông Năm trầm ngâm, hình như ông định hỏi thêm nhưng lại thôi, ông nói:

- Cám ơn em đã cho tôi biết tình hình như thế, tôi cũng nghĩ vậy.

Tôi chào ông rồi ra.

Khi về Ban Mê Thuộc, tôi cho ông Huệ biết, có 12 giáo sư đã thưa ông, thưa chuyện chi tôi không rõ, lúc đó ông Huệ mót bật ngựa ra, là mình đang bị các giáo sư thưa kiện, tôi không hiểu ông làm sao, chỉ trong vòng vài ngày, có sự vụ lệnh thuyền



## TRUYỆN CỦA TÔI

chuyển 12 giáo sư và tôi là người thứ 13. Ông Anh nhắc cho tôi nhớ:

- Anh thấy không ? Cột cờ gãy là có chuyện, may mà anh và tôi đã đẹp sớm.

Ông Huệ nói với tôi:

- Sự Vụ Lệnh đã có, tôi muốn mấy anh đó đi gấp cho tôi khỏi thấy mặt. Họ đâm sau lưng tôi mà giả nghĩa, giả nhân.

Tôi hỏi:

- Thật anh muốn họ đi sớm không ?

- Anh biết ! Về hành chánh, có Sự Vụ Lệnh là đi, nhưng 5 hôm, 10 bữa, nửa tháng hoặc một tháng, thiếu chi lý do để họ trình diện trễ, tức là ở lại lâu hơn.

- Không khó chi hết. Anh sang tòa Tỉnh xin lệnh trực xuất 12 ông ấy trong vòng 48 tiếng đồng hồ phải ra khỏi tỉnh, đồng thời anh lấy vé máy bay cho các ông ấy luôn. Để mọi người khỏi nghi ngờ, anh cũng cho tôi vào danh sách đó luôn và kèm theo giấy máy bay y như 12 ông kia, rồi giao cho phòng hành chánh làm thủ tục tổng đạt.

Phần tôi, còn một khó khăn vì tôi là phát ngân viên, tôi đi Trường chưa kịp đề cử người thay thế, khi ngân phiếu về, không có chữ ký của tôi, không có tôi, tiền lương không lãnh được. Do đó tôi phải ký giao cho ông Huệ một không chỉ (ký tên trên tờ giấy trắng), và khi về Sài Gòn, tôi đến phòng Tài chánh của Nha Kỹ Thuật gặp ông Hiền, chủ sự phòng, tìm Ngân phiếu của Trường kỹ thuật Ban Mê Thuộc ký vào đó. Khi Ngân phiếu về tới Trường có chữ ký của tôi, và trên không chỉ, ông Huệ sẽ ghi thêm xin Ty Ngân khố Tỉnh cho lãnh ra mỗi

## HUỲNH ÁI TÔNG

thứ mệnh giá bao nhiêu tiền, phải có tiền chẳng, tiền lẽ khi phát lương mới dễ dàng, mau chóng.

Năm 1974, ra Nha Trang tổ chức thi Tú Tài 2 Kỹ Thuật, nhà Trường có mời anh em trong Hội Đồng Giám thị từ Sài Gòn ra dự tiệc tiễn đưa ông Nguyễn Ngọc Xuân, được chuyển về Trường cũ Ban Mê Thuộc, và mừng ông Chuỗi đi nhậm chức Hiệu Trưởng Trung Học Ban Mê Thuộc. Vài tháng sau được tin ông Xuân đi cùng tải xế vào đồn điền cà phê của ông ở Buôn Hồ, dọc đường bị lực lượng Fulro chặn lại hỏi chi đó, ông Xuân phản đối, thế là họ bắn ông Xuân chết, đáng thương cho anh, chạy ngược chạy xuôi chạy để về mái ấm, chẳng được bao ngày rồi nằm xuống buông tay!



Sân Trường Kỹ Thuật Y-JÚT Banmethuot

Trường Ban Mê Thuộc là Trường tôi dạy đầu tiên, ghi nhiều dấu ấn trong tôi về nghề giáo, nơi đây tôi bắt đầu sự nghiệp của mình.

Đã trên 40 năm, nhiều khi nhớ trường cũ, nhớ những học sinh thân yêu của mình, tôi không hiểu nay các em sống ra sao, thành đạt thế nào, tôi nghĩ sẽ có ngày trở lại để tìm một chút dấu xưa.

**Ngày 15-2-2009**

## Trường Tôi (5)

# Tản Mạn Về Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ



Tôi được chuyển về Trung Học Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ năm 1970, cho đến nay nhìn lại những thăng trầm của vận nước nổi trôi, của đời người, đôi khi tôi nhớ tới ngôi trường cũ, tôi đã phục vụ dưới hai chế độ. Tôi muốn ghi lại một vài kỷ niệm, một vài dấu ấn, một khía cạnh cuộc đời.

Tưởng cũng nên nhắc lại, nơi Trường Nguyễn Trường Tộ tọa lạc hiện nay, tôi đã vào học lớp Đệ Thất với tên Trường là Kỹ Thuật Phan Đình Phùng, chi nhánh của Kỹ Thuật Cao Thắng vào năm 1956, vào năm 1957 tôi được ông Giám Đốc Nha Kỹ Thuật và Mỹ Thuật Học Vụ Kỹ sư Cầu cống Trần Văn Bạch cho tôi và một số học sinh khác tạm trú trong khuôn viên của Nha, lúc đó gồm có Trung Học Kỹ Thuật Phan Đình Phùng gồm 5 lớp học nằm dải lớp sát đường Phạm Đăng Hưng, một lớp Kỹ Sư Công Nghệ đầu tiên của Việt Nam, nằm cuối dải lớp và Trường Quốc Gia Âm Nhạc do nhạc sĩ Nguyễn Phụng làm Giám Đốc, sinh viên Kỹ sư và học sinh Phan Đình Phùng học ban ngày, sinh viên Quốc Gia Âm Nhạc học ban đêm.

Cho nên chuyển về Trường Nguyễn Trường Tộ đối với tôi, chỉ lạ người, nhưng cảnh không lạ. Trước đó tôi dạy ở Trường Kỹ Thuật Y-ÚT Banmêthuật từ năm 1966, đầu năm 1968 tôi bị động viên vào Thủ Đức khóa 27, sau 8 tháng học, ra trường lại vào học chuyên ngành ở Trường Quân Cụ Gò Vấp, gồm hai khóa, khóa Cơ Bản Quân Cụ và khóa Chuyên ngành Quân Xa. Tháng 5 năm 1969 ra trường, tôi chọn đơn vị vùng 4, được phân phối về Đại Đội 21 Quân Cụ, sau đó chuyển thành Đại Đội Bảo Toàn, Tiểu Đoàn 21 Tiếp Vận thuộc Sư Đoàn 21.

Nơi đây ngày đầu tiên trình diện đơn vị, tôi đã gặp một người bạn học cũ, anh với tôi vừa là bạn học, vừa là bạn đồng ngũ sau lại là đồng nghiệp tại Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ này, đó là giáo sư Hồ Ngọc Thu bạn tôi.

Năm mới về Trường, tôi được phân công dạy Kỹ Nghệ Họa các lớp 8 và hai lớp Sinh Công, năm sau trở đi tôi mới dạy lớp 9, lớp 10. Hồi đó, Trường Nguyễn Trường Tộ chỉ dạy hết lớp 9, lên lớp 10 các em được chuyển về Cao Thắng, những học sinh này, ngày nay tôi chỉ nhớ có Lê Văn Tuấn con của Tổng Giám Thị Cao Thắng Lê Văn Thống, Bùi Khắc Toàn cháu của Giám Thị Bùi Khắc Triệu.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Sau Trường coi thêm lâu, nâng lên Đệ Nhị Cấp, nên các em học sinh mang bảng đồ như Nguyễn Đình Đông, Nguyễn Tăng Cường Bảo, Vũ Ngọc Anh Thọ... là những học sinh Đệ Nhị Cấp Kỹ Thuật tiên phong của Trường.

Trường lúc tôi mới về do Ông Phan Kim Báu làm Hiệu Trưởng, Trưởng Phòng Học Vụ và Học Sinh Vụ, giáo sư Nguyễn Văn Phấn đảm nhiệm, Tổng Giám Thị ông Nguyễn Văn Ban, các Giám Thị gồm có các ông Bùi Khắc Triệu, Trần Văn Sáng, Võ Văn Mạo y tá Bà Chi. Tổng Giám Xưởng Ông Lâm Văn Trân, Ở phòng hành chánh, Ông Lê Bá Thanh, Trưởng phòng, có các cô thư ký Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Phích, Nguyễn Văn Tuấn, Lý Thanh Giảng và tùy phái ông Nguyễn Văn Tư (thân phụ cô Nga, thư ký sau này)

Xưởng Ô Tô có giáo sư Phạm Hữu Giỏi, kỹ sư Huỳnh Văn Hòa, Xưởng Nguội có giáo sư Bùi Văn Hanh, Tạ Quan Mùi, Lưu Minh Tuấn, Lâm quang Thuận. Xưởng Máy Dụng cụ có giáo sư Giảng Huệ Thắng, Nguyễn Ngọc Thượng, Trần Minh Châu, Mẫn, Duyệt, Xưởng Kỹ Nghệ Sắt có giáo sư Hồ Văn Vây, Hồ Ngọc Thu, Đặng Vĩnh Thanh, Xưởng Kỹ Nghệ Gỗ có giáo sư Lê Tha, Lý Thuận Thành, Võ Văn Thủ, Xưởng Điện có giáo sư Bùi Danh Dinh Nguyễn Tấn Ấn.

Nhân viên: các ông Đình, Báu, Kiều Văn Trọng, Long, các bà Giàu, chị Biết, chị Sen.

Về sau này, ở Xưởng có thêm các giáo sư Ngô Văn Chảnh (nguyên là Hiệu Trưởng Trường Tây Ninh), Lý Di Hằng, Nguyễn Quốc Hưng, Nguyễn Đình Lương. Tài xế ông Trần Văn Đức và gác cổng ông Nguyễn Văn Hòa.

Giáo sư dạy Toán, Lý Hóa gồm có: Lê Thái Hòa, Lê Trung Hoan, Trần Hữu Phụng, Vũ Duy Thuận, Phan Đình Du, Nguyễn Anh Đồng, Vũ Xuân Hanh. Việt Văn: Vũ Hữu Quyền,

Anh Văn: Hà Mộng Giao, Phùng Văn On, Vương Quang Tí.  
Pháp Văn: Nguyễn Tấn Lợi. Kỹ Nghệ Họa: Phạm Minh Phước,  
Nguyễn Mai Ninh. Về: Nguyễn Ngọc Quế. Sau này còn có  
thêm các giáo sư: Lê Văn Giệp (Kiến trúc sư), Hoàng Văn  
Việt, Vũ Hữu Vĩnh (Quốc Gia Thương Mại).

Về sau có những giáo sư dạy giờ như : Nguyễn Hữu Hồng,  
Huỳnh Đạt, Đỗ Minh Quân, Lý Trương Quang, Nguyễn Văn  
Quyền, Lê Tấn Hóa.

Nhớ lại, khi mới lên Sài Gòn học năm 1956, Trung Học Kỹ  
Thuật Nguyễn Trường Tộ tọa lạc tại 25 Bis Hồng Thập Tự có  
tên là COURS D'APPRENTISAGE, sau đó đổi thành Trường  
Thực Nghiệp và sau cùng được mang tên là Trung Học Kỹ  
Thuật Nguyễn Trường Tộ, đó là tên của một nhà ái quốc đã  
dâng điều trần lên vua Tự Đức đề đạt những cải cách để canh  
tân nước nhà. Cuộc đời của Nguyễn Trường Tộ hăm hui thì  
Trường mang tên nó cũng cùng chung số phận đó.

Xưa kia, trường được lập ra để đào tạo thợ có tay nghề, sửa  
chữa tàu bè của Hải quân Pháp, nên nó đã nằm gần những cơ  
sở của Pháp như bệnh viện Hải quân Pháp, sở Bason nhất là nó  
nằm cạnh Tòa Đại sứ Pháp, nguyên thủy khu vực bao quanh  
bởi các đường Hai Bà Trưng, Hồng Thập Tự, Mạc Đĩnh Chi,  
Thống Nhất, có ba phần, một phần chiếm phân nửa là Tòa Đại  
Sứ Pháp, một phần chiếm một phần tư sau này trở thành Tòa  
Đại sứ Hoa Kỳ và một phần tư còn lại là của Trường Nguyễn  
Trường Tộ. Năm 1945, Nhật lật đổ Pháp, chiếm Trường đóng  
quân, sau khi Pháp chiếm lại Sài Gòn, quân đội Pháp tiếp thu  
Trường một thời gian, rồi chia ra làm đôi, một phần để cho  
Cảnh sát sử dụng, đó là bốn Cảnh Sát Quận 1, Trường chỉ còn  
một phần tư còn lại, gồm một nhà hai tầng làm văn phòng, một  
dãy lớp học có một tầng lầu chạy dọc theo hàng rào Tòa Đại sứ  
Pháp, và một phần Xưởng với sân chơi.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Sau Mậu Thân (1968), Mỹ lấy toàn bộ nhà Trường, đổi lại xây cho Trường một cơ sở khang trang nằm trên miếng đất của Trường Y Khoa Quân Đội, nằm cạnh khu villa Chú Hòa, bao bọc bởi đường Hùng Vương, Trần Nhân Tôn, Lý Thái Tổ, nơi đây đã có gắn bảng ghi rõ địa điểm xây cất Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, nhưng Trần Mậu Thân, nhiều nhà đồng bào bị cháy ở khu Vườn Lài, Sư Vạn Hạnh, nên chánh phủ lấy khu đất đó làm nơi tạm trú cho đồng bào bị hỏa hoạn, sau này không giải tỏa được.

Sau đó, Trường dời tạm về trong khuôn viên Nha Kỹ Thuật Học Vụ, dùng công 65 C Tự Đức, trong khi chờ đợi chánh phủ cất trường mới. Chánh phủ đã giải tỏa khu nghĩa địa rộng lớn ở Thủ Đức để cất Trung Tâm Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, gồm có một giảng đường nối liền với phòng hành chánh, thư viện, bốn dãy lớp học, một số xưởng và bốn dãy ký túc xá với một nhà Hiệu Trường.

Cơ sở này do Mỹ viện trợ, Đại Hàn trúng thầu xây cất, khởi thủy Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ gồm Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật (Phú Thọ) và Trung Học Nguyễn Trường Tộ sáp nhập lại, ngày bàn giao cơ sở ông Phan Kim Báu đại diện nhận chia khóa Trường. Những ngày đầu, các giáo sư Nguyễn Trường Tộ ban đêm phải thay phiên nhau canh gác để giữ Trường, nhờ đó các giáo sư có kinh nghiệm dù đi Thủ Đức dạy, hay học sinh đi học có xe đưa đón, nhưng rất bất tiện, bởi vì có khi chỉ dạy vài, ba giờ mà phải ở lại Trường cả ngày cho nên sau mấy tháng giữ Trường, Hội Đồng Giáo sư họp lại quyết định không nhận cơ sở ở Thủ Đức, quyết định ở lại trong khuôn viên Nha, do đó năm 1974 Trường coi thêm lầu bốn, gồm bốn lớp học, có thể tháo vách ngăn biến thành hội trường dễ dàng. Nơi đây đã tổ chức Đại Hội Hội Phụ Huynh Học Sinh và Giáo Sư, còn những phiên họp của nhà Trường, như họp Hội Đồng Giáo sư, Hội Đồng Kỷ luật, Hội Đồng thi, thường họp ở Thư viện.

Nói đến Trung Tân Nguyễn Trường Tô Thủ Đức, tôi không quên một kỷ niệm. Toán trực đêm có tôi, gồm ông Lê Bá Thanh, trưởng phòng Hành Chánh, giáo sư Nguyễn Tân Lợi và vài người nữa, giáo sư Lợi là người Long An, chắc học giỏi, được một nhà giàu ở Long Xuyên chu cấp cho du học ở Pháp, về sau anh về nước rồi cưới con gái của gia đình đã cho anh du học, lúc tôi về Trường thì giáo sư Lợi và vợ đã ly hôn, gia đình bên vợ giáo sư Lợi có quốc tịch Pháp, nên sau năm 1975, giáo sư Lợi đã được đi Pháp nhờ bên vợ bảo bọc. Giáo sư Lợi biết tôi là người Long Xuyên nên rất có cảm tình, nhiều đêm đã khuya, anh đi uống rượu về còn mang theo một con cua luộc, một chai bia lớn, đánh thức tôi dậy bảo tôi hãy ăn và uống, cua ngduội, bia không lạnh rất khó ăn nhưng tình anh đối với tôi ấm cúng vô cùng, nên uống bia của anh phải nói là để nhớ đời, nhớ tình nhớ nghĩa với nhau.

Có một đêm đi gác Trường ở Thủ Đức, giáo sư Lợi rủ tôi ra quán Chiều Tím, bên kia đường trước cổng Trường, mỗi người uống vài chai bia 33 rồi vào ngủ, khi ngủ tôi nằm kê ông Lê Bá Thanh, ông cũng là đồng hương Long Xuyên của tôi, chúng tôi nằm ngoài hành lang giữa các dãy lớp học và giảng đường, giáo sư Lợi nằm ngủ trong dãy lớp khoa học áp dụng vì nó có nhiều dãy bàn dài, anh để đèn néon cháy khoảng 24 bóng 1thước 2 nên sáng trưng cả trong lớp cũng như ngoài hành lang, nửa đêm chúng tôi đã ngủ bỗng phải thức dậy vì giáo sư Lợi đi tới đi lui, luôn miệng cắn nhả, chửi thề, tôi không hiểu chuyện chỉ nên hỏi, ông ta trả lời :

- Tức quá mà !

- Cái gì mà anh tức, nói cho tôi nghe đi !

- Tôi muốn vô phòng lấy quần áo mà không dám vô !

- Sao vậy !



## TRUYỆN CỦA TÔI

- Tôi đang ngủ, nó kéo liệng tôi xuống đất !
- Ai chơi cật có vậy ? Đêm đã khuya rồi mà !
- Nó !
- Nó là ai ?
- Tôi có biết là ai ! Nó mặc nguyên bộ đồ trắng, bỏ tóc xõa.

Tôi hiểu, NÓ mà giáo sư Lợi ám chỉ là ma, nhìn kỹ, thấy giáo sư Lợi chỉ mặc độc chiếc quần xà-lỏn đen, tôi tuy cũng ón da gà nhưng làm gan đưa giáo sư Lợi vào phòng lấy quần áo, trong phòng đèn sáng trưng, quạt ba bốn cái chạy quay vù vù, giáo sư Lợi vốn là sĩ quan từng đi qua Mã Lai học khóa sinh lây, đi Biệt kích, vậy mà sợ đến nỗi không dám vào phòng sáng như ban ngày !

Tôi có nghe kể lại, khi Trường mới bắt đầu san bằng nghĩa địa, tất cả các cây phải đốn hết, nhưng có một cây khi người ta đem cưa máy đến để cưa thì cưa máy bị đứt chaine, người ta sử dụng một chiếc xe ủi, định chạy đến ủi cho cây ngã, chẳng dè trên đường đi xe bị sụp hầm, người ta dùng thuốc nổ để làm cho cây bị đứt thân rồi sẽ ngã xuống, nhưng ngòi nổ không cháy.

Thấy chuyện lạ, ông Giám Đốc Nha Kỹ Thuật về nhà kể lại cho thân mẫu nghe, bà cụ khuyên ông Giám Đốc là người chủ công trình, nếu có quyền nên yêu cầu đừng đốn cây ấy, vì theo bà ta, đã có những hiện tượng không thể hạ cây, nếu nhứt định làm biết đâu sẽ có hại cho người chủ công trình. Do vậy, sau khi Trường cất xong, toàn bộ trồng trờn trừ cái cây vừa kể nằm gần một dải lớp học. Nghe nói, Phan Kim Minh, con ông Phan Kim Báu, anh của Phan Kim Dững một đêm theo toán gác, mặc

áo mưa ra gốc cây đó ngủ, không rõ Phan Kim Minh nói gì sau đêm ngủ dưới gốc cây kia.

Năm 1985 hay 86, tôi có lên đó dạy mấy tháng, quên mất chuyện về cây kia, không rõ nó còn sống trơ gan cùng tuế nguyệt hay không ?

Nha cất nhắc ông Phan Kim Báu lên Thanh Tra, ông Phạm Văn Tài, giáo sư Cao Thắng về làm Hiệu Trưởng, hồi Trung Học, ông Tài hình như học sau tôi một lớp, nhưng tôi thi rớt Tú Tài Một, thế rồi ông Tài vượt qua tôi vào học Cao Đẳng Sư Phạm 4 năm, tốt nghiệp ngạch Giáo sư Đệ Nhị Cấp chuyên nghiệp, cùng khóa với ông Lê Kim Nghĩa, Lê Tấn Hóa ... hồi còn Sinh viên, ông Tài và tôi đối kháng nhau vì kẻ chống chánh phủ, người ủng hộ chánh phủ, ông Tài có được đi Nhật một chuyến để “Giải độc” phong trào phản chiến thời đó.

Ông Tài là người, đã tổ chức Trại Du ngoạn Nha Trang năm 1974 cho Học sinh Nguyễn Trường Tộ, ông rất tháo vát, vốn là một Hướng Đạo sinh, ông trực tánh cho nên không được lòng Nha, sẵn dịp Nha Kỹ Thuật Học Vụ bị giải thể để thành lập Nha Học Chánh, người ta “cất nhắc” ông Tài lên chức Chủ sự phòng vật liệu của Nha Học Chánh, một nơi dễ có xu rủng rỉnh trong túi, nhưng ông Tài không muốn chút nào. Dù vậy, ông nhứt định phải ra đi và phải tìm người thay thế. Tôi đã được ông Tài chiêu cố, mặc dù ở Trường tôi chỉ dạy tròn trách nhiệm của mình, không đi trễ, về sớm, nên nghĩ tôi không có gì xuất sắc, tôi làm Hiệu Trưởng cũng như đi dạy nhưng mất thêm thời giờ, thêm trách nhiệm, tôi đã từ chối chức vụ này hơn hai lần rồi.

Lần thứ nhất năm 1970, trước khi tôi rời Banmêthuôt, ông Nguyễn Văn Huệ Hiệu trưởng Trường Y-Út dặn dò tôi :

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Anh về nhớ ghé Nha, gặp ông Giám Đốc, tôi đã đề cử anh làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Kiến Hòa (Bến Tre), anh Nguyễn Văn Hoa Hiệu Trưởng (hiện định cư ở Úc) được học bổng đi du học ở Mỹ, cần người thay thế, Giám Đốc hỏi tôi, tôi giới thiệu anh.

Tôi về Sài Gòn, trước khi trình diện ông Phan Kim Báu, tôi đã trình diện ông Lý Kim Chân, Giám Đốc Nha Kỹ Thuật, lúc đó phòng ông ở trong dãy lớp phía ngoài đường, nằm cạnh phòng Khảo thí. Tôi đã từ chối với lý do thật cần thiết là tôi muốn về Sài Gòn để có điều kiện học thêm.

Đến năm 1973 hay 74, Nha sắp thay đổi Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Gia Định, ông Trần Minh Hoàng gọi tôi vào phòng, ông nói:

- Nha sắp thay đổi kỹ sư Thịnh, Trường Gia Định thiếu Hiệu Trưởng, tôi muốn anh lên thay thế chỗ đó.

Tưởng cũng nói qua về ông Trần Minh Hoàng, Phó Giám Đốc Nha Kỹ Thuật Học Vụ, ông Hoàng đi du học ở Mỹ, có bằng Master, sau khi về nước, năm đầu tiên ông dạy Kỹ Nghệ Gỗ ở Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, năm đó tôi học với ông, ông rủ tôi tới nhà chơi ở khu Ấp Đông Ba Gia Định (Gần Nhà Thờ Ba Chuông), có khi ông chở tôi đi thăm ông Trần Quang Diệu, Bộ Trưởng Bộ Y Tế ở Làng Đại Học Thủ Đức. Khi ông làm ở Trường Đại Học Y Dược (Chợ Lớn), ông cũng rủ tôi về đó làm với ông. Có thể nói trong đám sinh viên đầu tiên ông dạy, ông mến tôi. Nên ông muốn tiến cử tôi, tôi lại từ chối, vì tôi cần thì giờ để đi học thêm.

Ông Nguyễn Văn Huệ cũng muốn tôi trở lại Trường Y Út vì ông muốn rời chức vụ Hiệu Trưởng, đảm nhiệm chức vụ Tổng Thư Ký Đảng Dân Chủ tỉnh Darlac, và là Hội viên dự khuyết của Hội Đồng Kinh Tế Quốc Gia do Ông Trần Văn Hương Phó

Tổng Thống làm Chủ Tịch, tôi cũng từ chối không muốn đi xa Sài Gòn. Hè năm 1974, giáo sư Chuôi ở Trường Kỹ Thuật Nha Trang lên làm Hiệu Trưởng Trường này.

Vậy sao tôi lại nhận làm Hiệu Trưởng Trường Nguyễn Trường Tộ ? Đó là vì những lý do sau đây :

Tôi không nhớ rõ, hình như lúc tôi đi làm Chủ Tịch Hội Đồng Giám Thị Tú Tài 2 Kỹ Thuật kỳ hai ở Nha Trang về thì ông Tài đã đi nhậm chức Chủ sự Phòng Vật Liệu của Nha Học Chánh, khi tôi về mới hay ông Tài đã ra đi, nhưng chưa có người thay thế nên phải làm việc cả hai nơi, hôm tôi từ Nha Trang về, nộp hồ sơ thi cử cho Nha rồi về Trường, ông Tài mời tôi vào văn phòng nói với tôi:

- Tôi chưa muốn rời chức vụ này, nhưng tôi bị người ta đẩy tôi đi, tôi đã lên Bộ, khiếu nại với ông Thứ Trưởng Nguyễn Thanh Liêm, ông ta cho biết nghị định của Bộ đã ký, không thể thay đổi được, nên ông ta cho phép tôi 2 điều :

Một là tôi được đề cử một người thay thế..

Hai là sau một năm làm việc, tôi muốn chuyển ra đi dạy học bất cứ Trường nào, tôi sẽ được bổ nhiệm ngay.

Anh biết, tôi là cháu của ông Lưu Văn Tính, Tổng Trưởng Tài Chánh, cho nên tôi có chút quen biết. Vả lại, ông Thứ Trưởng đã hứa, tôi đề cử bất cứ ai, Bộ cũng chấp nhận. Theo ý kiến một số giáo sư ở Trường, họ đều mong muốn có một người Hiệu Trưởng là giáo sư của Trường lên làm, như vậy dễ thông cảm nhau hơn.

Rất nhiều người muốn làm Hiệu Trưởng Trường này sau khi biết tin tôi đã nhận nhiệm vụ mới, tôi biết anh không có thể lực bằng những người đó, nhưng nếu anh chịu nhận làm Hiệu

## TRUYỆN CỦA TÔI

Trường Trường này, tôi hứa và bảo đảm anh sẽ được làm Hiệu Trường. Sở dĩ tôi chọn anh cũng là theo ý kiến của một số anh em ở Trường.

Tôi không biết tính sao, vì ông Tài hỏi ý kiến đột ngột quá, tôi trả lời với ông Tài.

- Anh thông cảm, tôi từ Nha Trang về mới biết anh đã chuyển chuyên, nay anh muốn tôi thay anh, tôi chưa nghĩ tới chuyện này, xin anh cho tôi suy nghĩ trong ba ngày.

Ông Tài chấp nhận, nhắc nhở thêm khi tôi bước ra ngoài văn phòng Hiệu Trường:

- Tôi hy vọng anh suy nghĩ kỹ và sẽ nhận lời cho tôi đỡ áy náy sau khi ra đi.

Bước ra khỏi phòng Hiệu Trường, tôi nhớ mười năm trước, sau khi đỗ Tú Tài 2 Kỹ Thuật, có người đồng ý xuất tiền cho tôi đi du học ở Pháp. Tôi cũng xin cho tôi ba ngày để suy nghĩ rồi trả lời sau. Sau ba ngày suy nghĩ : Thọ ơn người rất dễ, nhưng trả ơn người mới khó. Tôi đã trả lời cảm ơn và không nhận đi du học. Lần này tôi cũng phải hoãn binh 3 ngày để vấn kế.

Về nhà, trong bữa ăn tôi nói lại chuyện được đề cử cho nhà tôi nghe, nhà tôi không ý kiến, con gái lớn tôi năm ấy 9 tuổi, nói:

- Chịu làm Hiệu Trường đi cha !

- Tại sao ?

- Vì con thấy ông Hiệu Trường Trường Bàn Cờ của con, ông ấy chỉ chấp tay sau lưng, đi tới đi lui tới ngày không có làm gì hết, sướng hơn mấy thầy, cô dạy học.

Tôi nhớ lại, vài năm trước con gái út của tôi chào đời, tôi không biết đặt tên chi, tôi gọi ba đứa con lại hỏi :

- Minh có em bé rồi, mấy con thích đặt tên chi ?

Cũng con gái lớn tôi nhanh nhẩu trả lời :

- Đặt tên Kim Ngọc đi cha !

- Sao lại đặt tên đó ? Mẹ con Kim Chi, con Ngọc Diệp, em con Ngọc Phượng, em trai Ái Quốc, sao đương không lại chọn Kim Ngọc mà không là Ngọc Diệp hay Ngọc gì gì đó ?

- Tại con thích đào Kim Ngọc điều có duyên.

Cho nên sau ba ngày, tôi nhận lời với ông Tài, để đáp lại tấm thanh tình của giáo sư Trường, để làm theo ý muốn trẻ con của các con tôi và cũng để thử coi ông Tài nói vậy mà phải vậy không ? Và nhất là tôi cũng muốn thử thời vận một chuyến xem sao ? Vì: Tại sao người ta cứ đem bả công danh ra như tôi hoài vậy ?!

Ông Bùi Khắc Triệu nghe tin hành làng tôi được đề cử làm Hiệu Trưởng, nên hôm sau đi uống cà phê sáng với ông Trần Văn Sáng, Tổng Giám Thị, chỉ có ba người, ông Triệu nói với tôi:

- Ông được đề cử làm Hiệu Trưởng, theo tôi biết có nhiều ứng viên chạy chọt chức vụ này, nếu ông đồng ý, tôi sẽ lên Bộ nhờ người quen giúp ông, đền ơn người ta một tiệc rượu, tôi chung, ông khỏi lo.

Tôi đáp lại với một chút suy nghĩ:

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Cảm ơn ông đã có lòng tốt muốn giúp tôi, thật ra tôi không cần, nhưng nề tình giáo sư Trường, nề lời ông Tài tôi phải nhận nhưng quyết không chạy chọt chi hết.

Đúng là tôi cảm ơn ông Triệu, ông tốt với tôi, nhưng nếu ông tốt hơn một chút, ông tự đi làm âm thầm và sau đó nói lại cho tôi biết cũng được, đảng này hình như có hậu ý. Thật tình tôi cũng muốn cứ để mặc thử coi ra sao, như tôi đã quyết định từ đầu.

Một hôm tôi đi ngang qua phòng thanh tra, ông Chánh Thanh Tra Văn Văn Đây, từ trong phòng nói vọng ra cho tôi nghe:

- Chào ông Xử lý!

Tôi đáp lễ:

- Dạ không dám! Chào ông Thanh Tra.

Ông Đây với tôi không quen biết nhiều, chỉ quan hệ chút đỉnh, ông là Chủ Tịch Hợp Tác Xã Kiến Thiết Nha Kỹ Thuật, tôi là hội viên mua đất để cất nhà, khu đất này trên Gò Vấp, gần chỗ máy bay chở trẻ em di tản đi Mỹ bị tai nạn tháng 4 năm 1975. Về miếng đất này, tôi bỏ ra cũng mấy chục ngàn lúc đó, nhưng tôi không hề biết đất tôi tròn hay méo, nay thì tôi biết chắc là tôi không có gì!

Qua lời ông Đây chào hỏi tôi, tôi biết Nha đã đề cử tôi làm Xử Lý Thường Vụ Hiệu Trưởng, để Bộ chọn lựa Hiệu Trưởng. Tôi lại nghĩ thầm, để xem đề cử của Nha với ông Tài, bên nào nặng ký hơn.

Tại sao Nha không đề cử tôi làm Hiệu Trưởng mà chỉ đề cử xử lý, đây là trường hợp tế nhị về Hành chánh, lúc đó Nha đang giải thể, Nha Học chánh đã hoạt động, nên Nha Kỹ thuật Học

## HUỖNH ÁI TÔNG

Vụ không muốn dẫm chân lên Nha Học Chánh, đề cử Xử Lý trong lúc Nha không còn quyền nữa thì cũng như là một lời gửi gắm. Dầu sao trong thâm tâm tôi cũng cảm ơn ông Giám Đốc Lý Kim Chân về việc này.

Về ông Lý Kim Chân, tôi luôn kính trọng ông là người có đạo đức, tư cách, khi tôi vào học Cao Thắng, ông là giáo sư dạy Điện, sau đó làm Giám Học Trường Cao Thắng, rồi làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Vĩnh Long, sau đổi về làm Phó Giám Đốc Nha, cuối cùng làm Giám Đốc.

Nghe nói Bộ đã có ý định bỏ Nha Kỹ Thuật Học Vụ từ lâu, nhưng ngại ông Lý Kim Chân, vì mỗi lần hội họp, hay đón đưa Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đi công du, Tổng Thống gặp ông Chân đều chấp tay chào Thầy rất cung kính, cho nên Bộ Giáo Dục phải đợi tới lúc ông Lý Kim Chân về hưu, mới xóa sổ Nha Kỹ Thuật Học Vụ .



Ông Nguyễn Văn Phần, Lý Kim Chân, Phạm Văn Sự



## TRUYỆN CỦA TÔI

Trước 1975, ở Việt Nam có “Hội Cựu Sinh Viên Các Trường Kỹ Thuật Việt Nam”, hội này Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu là Hội viên danh dự, Đô Đốc Trần Văn Chơn là Hội Trưởng Danh Dự, Hội Trưởng cuối cùng, nếu tôi nhớ không lầm là Đại Tá Hải Quân Trần Văn Lịch, hàng năm thường họp ở Câu Lạc Bộ Hải Quân, là một chiếc xà lan nằm ở bến Bạch Đằng, những năm họp như vật tôi thường thấy có ông Lý Kim Chân, ông Phan Văn Mão, ông Nguyễn Hùng Trương, giám đốc nhà sách Khai Trí, ông Phan Kim Báu ... Mỗi lần họp luôn luôn vinh danh những thầy giáo đã về hưu, có Thầy Thanh gần 80 tuổi ở Cần Thơ năm nào cũng lên dự, mọi người đều rất kính trọng ông. Cho nên không lạ gì Tổng Thống Thiệu kính trọng ông Lý Kim Chân.

Chẳng mấy hôm ông Tài báo cho biết, tôi đã được Bộ cử làm Hiệu Trưởng Chính thức của Trường, ông thúc hỏi tôi chuẩn bị bàn giao để ông rảnh tay lo tổ chức, thật sự ra mọi thủ tục bàn giao các phòng, các Xưởng đều đã tiến hành, kiểm kê, lập biên bản, chỉ chờ tổ chức lễ bàn giao mà thôi.

Ông Lưu Minh Tuấn nghe nói tôi đã được cử làm Hiệu Trưởng, liền gặp riêng tôi nói:

- Tôi nghe nói mừng cho ông được lên chức Hiệu Trưởng, nhưng cũng phải chọn ngày giờ cho tốt để làm lễ Bàn giao, không phải chỉ tốt xấu cho ông mà nó có ảnh hưởng cho cả Trường, nếu ông không nghĩ cho ông thì cũng nên nghĩ dùm cho người khác.

Tôi giả bộ không quan tâm, hỏi lại:

- Vậy ngày lễ Bàn Giao nó quan trọng lắm sao ?

- Quan trọng lắm chứ, sau đó ông là người đầu tàu, ông cũng như Tướng cầm binh ra trận, cho nên chọn ngày giờ tốt để

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trường được yên ỏn, anh em thuận hoà vui vẻ với nhau. Hay là để tôi chờ ông đi đến ông Nhuận, nhờ ông xem dùm.

- Ừ, vậy thì đi!

Thế là ông Tuấn lấy xe gắn máy chờ tôi đến nhà thầy Nguyễn Khánh Nhuận, ở trong con hẻm xẻ chợ Tân Định.

Thầy Nguyễn Khánh Nhuận, tôi có học với ông nhiều năm về Sử Địa, ông dạy chỉ cốt giảng cho học sinh hiểu, nhớ, không bắt trả bài. Theo lời ông kể, xưa kia ông học Sư Phạm dạy Mẫu giáo cho trẻ con Pháp ở Đông Dương, do đó giọng đọc phải thật chuẩn để dạy con nít Pháp nói tiếng Pháp, đại sứ Lào ở Sài Gòn là bạn của ông, bà Souvana Phouma là bạn học với ông, ông dạy học ở Lào, đệ nhị thế chiến xảy ra, ông trôi nổi qua Thái làm nghề thầy bói, sau chiến tranh mới về Việt Nam dạy học lại.



ÔÔ. Phạm Văn Sự, Phạm Văn Tài, Nguyễn Văn Phấn

## TRUYỆN CỦA TÔI

Ông Tuấn cùng tôi vào gặp Thầy Nhuận, chính ông Tuấn giới thiệu tôi sắp làm Hiệu Trưởng và nhờ Thầy coi ngày giờ để làm lễ bàn giao. Thầy nghe xong vui vẻ chúc mừng tôi rồi sốt sắn bấm bay tính ngày giờ nói với tôi và ông Tuấn. Vì ông Tài muốn đi gấp, nên Thầy Nhuận chọn ngày giờ tương đối tốt mà thôi.



Ôô. Trần Ngọc Thái, Lê Văn Kiệt, Phạm Văn Tài, Huỳnh Ái Tông

Lễ bàn giao được tổ chức tại Trường, ông Phạm Văn Tài không mời ai ở Nha Kỹ Thuật Học Vụ, chỉ mời ông Trần Ngọc Thái, Giám Đốc Nha Học Chánh chủ tọa, ông Nguyễn Hữu Ty Chánh Sự Vụ, ông Lê Văn Kiệt Chủ Sự Phòng của Nha Học Chánh.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Tổng kết lại, dưới thời ông Phạm Văn Tài làm Hiệu Trưởng, ông có tổ chức cho học sinh một tuần lễ du ngoạn ở Nha Trang bằng tàu Hải quân, tổ chức lễ rước tượng của ông Nguyễn Trường Tộ, do giáo sư Trường Mỹ Thuật Biên Hòa tặng, lễ rước tượng này chỉ đi từ Nha Kỹ Thuật, 48 Phan Đình Phùng, qua Phạm Đăng Hưng rồi vào cổng Tự Đức của Trường. Ông có xin được một số máy xe hơi của Quân Đội từ Căn Cứ Long Bình và tổ chức lại các Xưởng.



Giáo sư & Nhân viên THKT Nguyễn Trường Tộ.  
(ảnh chụp tháng 10/1974)

Một tiệc “Tổng cựu nghinh tân”, tức là tiễn chân ông Phạm Văn Tài, rời nhiệm sở và mừng tôi mới nhậm chức đã được tổ chức tại một quán ăn bên kia cầu Phan Thanh Giản, quán này ngày nay tôi quên tên, đây là một quán ăn có món “cua rang muối” ngon đặc biệt, anh em cũng thường hay đi ăn ở đây, buổi tiệc gồm đông đủ các giáo sư ở Xưởng cũng như ở lớp và nhân viên văn phòng, cũng có mời ông Hội Trưởng Phạm Văn Sự tham dự.

Nha Kỹ Thuật giải tán, cơ sở bàn giao cho Sở Thể Dục Thể Thao, phân phối về Trường ông Lê Văn Tuất, ông Nguyễn quang Trăn, ông Tuất tôi đưa vào phòng Hành chánh vì ông là Thư ký của ông Giám Đốc Lý Kim Chân, am tường về hành chánh, cũng chuẩn bị thay cho ông Lê Bá Thanh sắp về hưu sớm để bành trướng việc kinh doanh của gia đình. Anh chị Thanh có cơ sở thêu hàng xuất khẩu Cẩm Tú, chị Lê Bá Thanh tốt nghiệp Trường Nữ Công Gia Chánh, khóa đầu tiên. Ông Trăn được cử làm Giám Thị, Trường cũng tuyển thêm Giám thị Nguyễn Văn Thành, nguyên là cựu quân nhân.

Khi ông Lý Kim Chân về hưu, nhà Trường tổ chức một bữa tiệc cũng tại nhà hàng bên kia cầu Phan Thanh Giản, cũng đồng đủ các giáo sư của Trường, tôi thay mặt Ban Giám Đốc Trường cùng toàn thể giáo sư và nhân viên, phát biểu nói lời cảm ơn ông Giám Đốc đã tận tụy trong ngành giáo dục kỹ thuật và chúc ông vui hưởng tuổi già, sức khỏe dồi dào và trao cho ông món quà kỷ niệm. Ông Giám Đốc đáp từ cảm ơn nhà Trường đã tổ chức tiễn ông về hưu, nói lên mối chân tình giữa những nhà giáo, những người vì sự nghiệp giáo dục kỹ thuật và ông cũng cảm ơn về món quà đã tặng cho ông.

Tôi làm Hiệu Trưởng chừng nửa tháng thì tiếp nhận dãi lâu bốn, dãi lâu này do Nha đứng chủ đầu tư, Trường chỉ tiếp nhận sau khi nhà thầu xây cất xong và vài tháng sau, Trường nhận được hai máy tiện của Đài Loan, ông Tài nói với tôi :

- Tôi không biết vì sao Nha nhập về một số máy cho các Trường, mà Nguyễn Trường Tộ không có cái nào, tôi bắt nhà thầu phải giao cho Nguyễn Trường Tộ 2 cái, Trường nào thiếu tính sau. Ông Tài tức cũng phải, vì khi ông làm Hiệu Trưởng, Nha mua sắm máy cho các Trường mà không phân bổ cho Nguyễn Trường Tộ, nay ông là Chủ Sự Phòng Vật Liệu, ông có quyền bắt nhà thầu phải nghe theo, nhờ vậy Trường có thêm 2 máy Tiện.

Nhà tôi ở là Cư Xá của chánh phủ thuộc Toà Đô Chánh, Cư Xá Đô Thành, xây cất đầu từ năm 1950, khi tôi về ở, cửa đã mục, tôi mua cửa mới, nhờ Thầy Thủ giúp thay dùm, thay xong Thầy Thủ lấy một cây thước ra đo, tôi thấy cây thước ngắn hỏi:

- Thước chi mà ngắn vậy Thầy.

- Thước Lỗ Ban.

Ông giải thích luôn:

- Thước này của ông Phan Văn Mão, Thầy nhớ không, mấy năm trước Xưởng Kỹ Nghệ Sắt mỗi năm chết một ông, chết lãng nhách, không đau bệnh, tối ngủ sáng ra chết như Thầy Vầy đó, ông Mão cho mượn thước này đo, Xưởng có hai cửa, cửa nào cũng cửa Tử, nên mấy ông thay phiên nhau chết, tui tui bèn thay cửa khác, mấy năm nay Thầy thấy không còn ai chết nữa hết. Nhà của Thầy cửa cũng xấu, để tui làm cho nó tốt không bệnh hoạn, có tiền vô ra uống cà phê mỗi sáng Thầy !

- Vậy thì ông làm sao, nói thử tôi nghe với ?

- Có hai cách, một là mình làm lớn ra, hai là làm nhỏ lại, làm sao khi mở cả hai cửa cho nó nằm vô chữ tốt của cây thước, còn nữa nếu mình làm mà tâm cửa không thay đổi thì một năm mới có kết quả, còn mình làm cho tâm cửa thay đổi thì nhanh chóng hơn, chỉ chừng ba tháng là có kết quả. Cho nên để về Trường, tôi làm cho Thầy 2 cây nẹp, một cây lớn một cây nhỏ, đóng mỗi bên một cây, cửa sẽ bị hẹp lại một chút chừng 5 phân, nhưng tâm cửa không còn ở chính giữa nữa.

Cho nên ai đến nhà chơi, để ý thấy cửa có đóng 2 tấm nẹp ở hai bên khung không bằng nhau, ông Trần Văn Sáng tình ý một hôm tới chơi nhìn cửa rồi nói:

## TRUYỆN CỦA TÔI

- À! Có ngón nghề hế!

Tôi đáp:

- Sản phẩm của ông Thủ đó !

Tôi nhớ năm đó nhà Trường bầu cử lại Hội Phụ Huynh Học Sinh và Giáo Sư, Ban Chấp Hành có Thiếu Tá Phạm Văn Sự, Chỉ Huy Phó Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận Gia Định. Hội Trường, Trọng Tài Đậu Văn Du, Phó Hội Trường, Bà Chi Thủ Quỹ ....

Còn về Hiệu Đoàn, do giáo sư Phùng Văn On phụ trách.

Tôi có nhờ giáo sư Lê Văn Giệp thiết kế cổng trường và xây thêm một số lớp học, thoát tiên giáo sư Giệp từ chối nhưng không hiểu sao, về sau ông lại gặp tôi xin nhận thiết kế giúp cho Trường. Ông Giệp là Kiến Trúc Sư, ông hiểu luật lệ, nếu vẽ một công trình trị giá bao nhiêu thì phí thiết kế ít nhất là 10%, bây giờ ông vẽ do tôi nhờ vẽ giúp tức là ông vẽ chùa, không có đồng nào, nhưng ông cũng biết Trường lấy đâu ra tiền trả cho ông 10% trị giá xây dựng, còn ông muốn hành nghề Kiến Trúc Sư trong khi là giáo sư chính thức của Trường, ông phải được Hiệu Trường đồng ý, chắc ông nhớ, tôi đã ký cho ông được phép hành nghề trước đó không lâu, cho nên chắc ông thấy mình phải làm cái gì đó góp công cho Trường. Bảng thiết kế của ông Giệp khá đẹp, tân thời, tận dụng không gian nhưng tiếc rằng chúng ta không có thời gian để thực hiện.

Ông Giệp có người em gái, nhờ tôi dạy kèm Kỹ Nghệ Họa, năm đó cô thi đậu vào Trường Đại Học Kiến Trúc, năm sau người em họ của ông, chị của em Nghĩa học sinh của Trường cũng nhờ tôi dạy kèm, nhưng em này không đậu vào Kiến Trúc.

Trường có con của hai ông Tướng theo học, em Trần Thiện Toàn con của Thiếu Tướng Trần Bá Di Chỉ Huy Trường Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung và em Lê Quốc Nam, con của Chuẩn Tướng Lê Quang Lưỡng Tư Lệnh Binh Chung Dù.

Em Toàn thi đậu vào Trường Kỹ Thuật Phong Dinh (Cần Thơ), do vì Tướng Trần Bá Di Tư Lệnh Sư Đoàn 9, thuyên chuyển về Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung nên xin cho em chuyển Trường, Còn Lê Quốc Nam, có bằng Trung Học Kỹ Thuật nên xin vào học ở Trường qua trung gian của Thiếu Tá Trực, Trưởng Phòng An Ninh của Sư Đoàn Dù, là bạn học của giáo sư Nguyễn Anh Đồng.

Sau khi em Toàn đã vào học một thời gian, Thiếu Tướng Trần Bá Di có vào thăm Trường, tôi có hướng dẫn Thiếu Tướng đi thăm lớp học và các Xưởng, sau đó Thiếu Tướng có tặng cho Trường 50 ngàn đồng, Vào dịp Tết năm đó, Trung Úy Hoàng, chánh văn phòng của Thiếu Tướng có đem tới Trường biếu tôi 2 chai rượu Rémy Martin VSOP, một chai tôi đã uống với ông Lâm Văn Trân, Phùng Văn On ở quán ven đường Hai Bà Trưng vào những ngày dầu sôi lửa bỏng, chai còn lại tôi uống với Thiếu Tá Chỉ Huy Phó Cảnh Sát Quận 5, vài hôm sau khi Sài Gòn đã mất, nhà chúng tôi vách liền vách, ông ta buồn mà tôi cũng buồn nên uống rượu để giải sầu vong quốc!

Qua Thiếu Tá Trực, thỉnh thoảng báo Tướng Lê Quang Lưỡng ở vùng một về, Chuẩn Tướng mời chúng tôi đi ăn cơm. Thế là giáo sư Đồng đưa tôi đi, có lần ở Đại La Thiên Chợ Lớn, lần sau cùng có cả giáo sư Phùng Văn On, ăn ở Đệ Nhất Khách Sạn, lần nào cũng vậy, đến nơi Thiếu Tá Trực cho biết ông Tướng gửi lời xin lỗi chúng tôi, vì bận việc không đến được. Cho đến nay, tôi nghĩ hình như Thiếu Tá Trực chịu khó mời và chịu khó xin lỗi để giữ cho nhà Trường và ông Tướng một mối giao hảo tốt đẹp. Ông Bà Lê Quang Lưỡng cũng có tặng cho Trường 50 ngàn đồng.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Tôi có đến Phòng An Ninh Sư Đoàn Dù, thăm Thiếu Tá Trục một lần, ông tiếp đãi tôi rất thân mật, bởi vì ông cũng là học sinh Cao Thắng, bậc đàn anh của tôi.

Chẳng những vậy, giáo sư Đồng sắp xếp giúp ông Nguyễn Chánh Lý Tổng Giám Đốc Mê-Kông ngân hàng, trụ sở đường Hàm Nghi, là phụ huynh của em Đức, ông mời chúng tôi đi ăn ở nhà hàng nổi Ngân Đình, chỗ Cột Cờ Thủ Ngũ, có cả giáo sư Nguyễn Văn Phán, Vũ Duy Thuận, Phan Đình Du ..., về gia đình thì ông Nguyễn Chánh Lý thứ tư, ông Đồng đến thứ mười. Ông Lý trước kia là Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Kỹ Thương, là Ngân hàng của Quân Đội, mỗi tháng từ Sĩ quan cho đến anh binh nhì đều đóng góp 100 đồng làm vốn, Ngân hàng có trụ sở gần cuối đường Nguyễn Huệ, sáng kiến này hình như của Trung Tướng Nguyễn Văn Vỹ, Tổng Trưởng Quốc Phòng thời đó, nhưng người Mỹ không muốn Quân đội có tài sản riêng, bắt buộc Ngân hàng phải giải thể, tiền đóng góp bị khấu trừ lương, khi Ngân hàng giải thể nghe đâu hoàn lại tiền vốn, nhưng riêng tôi không nhận được đồng nào !!! Cái đó không đau bằng, nếu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa có tài sản riêng, sau Hiệp Định Paris năm 1972, người Mỹ cắt dần Viện trợ, cuối cùng đến năm 1975, gần như không viện trợ nữa, chúng ta không có tiền mua súng, mua đạn. Đánh nhau mà không có súng đạn thì chỉ còn nước đầu hàng. Giả dụ như, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa có Ngân Hàng, có tiền mua súng, mua đạn cuộc chiến chưa biết ra sao ? Người Mỹ đã biết trước cho nên họ đã khóa chân, cột tay Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, làm sẵn cỗ bàn để mời anh Cộng sản ngồi vào.

Chúng ta biết hãng hàng không Eva là hãng hàng không dân sự của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, gọi nôm na là Đảo quốc Đài Loan, sao quân đội Đài Loan cũng chống Cộng mà họ được kinh doanh, còn chúng ta lại không được?

Về chuyện này, tôi nhớ tới em học sinh Nguyễn Văn Hoàng, con ông Giám Thị Nguyễn Văn Anh ở Trường Y-Út Ban Mê Thuột kể lại sau cuộc chiến:

Em Hoàng là tùy viên của Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến, trong con hập hồi của Vùng Một, Bộ Tư Lệnh TQLC đặt bản doanh ở Đà Nẵng, một hôm có người Mỹ mặc thường phục, vào Bộ Chỉ Huy gặp Tướng Lân, nói rằng:

Tôi nhân danh người Mỹ và quân đội Mỹ đến gặp Thiếu Tướng, báo cho Ngài biết vì chúng tôi rất quý mến binh chủng của Ngài, nên muốn giúp trong lúc nguy khốn này. Theo giải pháp hiện nay, chánh phủ của Ngài đã đồng ý giao cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam từ vĩ tuyến 17 vào đến Vĩ Tuyến 13, ai ở đâu ở đó, không được thay đổi nguyên trạng, cho nên đến giờ N, binh chủng của Ngài nếu vẫn ở đây thì sẽ nằm dưới quyền kiểm soát của Chánh Phủ Lâm Thời Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Cho nên vì mến mộ binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, nếu Ngài đồng ý trong vòng 2 tiếng đồng hồ, chúng tôi sẽ đưa tàu đến để chuyên chở toàn bộ binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến vào Nam. Quá 2 giờ đồng hồ chúng tôi không bảo đảm có thể điều động chiến hạm đến chuyên chở binh sĩ. Ngài cũng đừng chờ hỏi xin quyết định của Sài Gòn, vì họ đã quyết định rồi, và quyết định không thông báo cho các Ngài biết.

Tướng Lân liền cho họp khẩn cấp Bộ Chỉ Huy và quyết định nhờ người Mỹ kia can thiệp để Hải Quân Mỹ chuyên chở Thủy Quân Lục Chiến về Nam, bỏ ngõ Đà Nẵng.

Từ đó, Quân Đội chúng ta đã rút đi trước khi Cộng sản đến, như ở Đà Lạt, Trường Võ Bị rút đi, tình hình bất an, người dân phải đi kiếm Cộng Sản mồi vào.

Sau này vào khoảng năm 1978, Trung Quốc tiến đánh các tỉnh phía Bắc, mấy cán bộ cộng sản ngồi uống trà nói với nhau :

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Bởi vậy hồi năm 1975, Trung Quốc không cho chúng ta tiến quân vào tiếp thu Miền Nam !

Tướng Di, Tướng Lương đều bị đi học tập cải tạo, hình như con hai ông Tướng: Toàn cũng như Nam đều được sang Mỹ định cư từ năm 1975, riêng Tướng Di là một trong bốn ông Tướng được thả một lượt sau cùng, trong đó có Tướng Lê Minh Đảo, người đã Chỉ Huy đánh trận sau cùng với cộng quân ở Xuân Lộc. Tôi đã nhìn thấy hàng quân của Tướng Đảo, mặt tuy buồn thảm, trên thân còn chỉ chiếc quần, vẫn cùng đồng đội hiên ngang đi trên đường Phan Thanh Giản, tiến về Miền Tây. Hình ảnh đó gây xúc động hơn nhiều khi xem phim cầu sông Kwai, bởi vì tôi cũng là người trong cuộc, chịu nỗi đau thương buồn súng tan hàng, dẫu rằng lúc đó tôi chưa nghĩ đến cảnh tình nước mất nhà tan sau này.

Về sinh hoạt của Trường thì sau khi Nha Kỹ Thuật giải thể, Nha Học Chánh giao cho Trường tổ chức thi cấp bằng đánh máy chữ, mở thêm lớp Thương Mại do giáo sư Vũ Hữu Vĩnh phụ trách và Họa Viên Kiến Trúc do Kiến trúc sư Lê Văn Giệp phụ trách.

Ông Nhuận Huân Luyện Viên Thể dục Thể thao thường đi trễ về sớm, nhiều hôm bỏ lớp không thông báo, trước khi bàn giao cho Tôi, ông Tài muốn tôi chuyển ông Nhuận đi nơi khác, tôi nói với ông Tài:

- Về ông Nhuận, tôi không biết chi hết, vì tôi dạy ở Trường, ông ta tập các em học sinh ở sân Hoa Lư, anh nói tôi mới biết, nhưng tôi mới lên, tôi không muốn làm chuyện ấy, nếu anh thấy ông Nhuận không làm tròn trách nhiệm, anh chuyển ông đi trước khi tôi nhận việc thì tốt hơn.

Thế là ông Tài đã chuyển ông Nhuận đi. Sau khi nhận bàn giao, tôi xem lại nhân sự Trường, thấy có ông Khuru Văn Triệu,

Trường trả lương, nhưng ông ta làm việc ở CPS do ông Đỗ Ngọc Yên làm Giám Đốc, cơ quan đặt trong sân Hoa Lư, tôi bèn yêu cầu văn phòng mời ông Triệu đến gặp tôi có việc cần bàn.

Tôi đã tiếp ông Triệu tại văn phòng và cho biết ý kiến của tôi trong việc ông được biệt phái sang CPS, vì Trường đang mở Đề Nhị Cấp, cần giáo sư do đó ông Triệu chọn một trong hai đề nghị của tôi: Một là ông trở về Trường, nếu ông ta muốn dạy học. Hai là ông chuyển hẳn sang CPS. Ông Triệu không suy tính, vui vẻ trả lời ngay với tôi, để ông thu xếp, tuần sau trở về Trường.

Để chuẩn bị cho một Đội bóng đá của Trường có khả năng thi đấu, tôi đề nghị ông On tìm học sinh đá bóng giỏi, cho vài em cầu thủ xuất sắc vào học khởi thi. Có một em đã được chọn vào học, đội bóng bắt đầu tập luyện thường xuyên, em thủ môn nay tôi đã quên tên, tuy tròn trịa một chút, nhưng em bắt banh giỏi và cũng nhanh nhẹn, trong đội bóng có em Cao Công Bình, con của giáo sư Cao Văn Sửu, và có một em tên Hán.

Vào cuối năm đó, đội tuyển Thiếu Niên Việt Nam được sang Phi Luật Tân tham dự giải bóng đá Thiếu Niên Á Châu, trong đó có em Bình được tuyển trong Đội ban của một Trường Tư Thục, em đi học thêm ban đêm ở đó. Trường đó có ba bốn em được tuyển, Trọng Tài Dzu mới can thiệp với Hội Đồng tuyển chọn, chuyển em Bình sang là cầu thủ của Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ được tuyển chọn trong Đội Tuyển Thiếu Niên Việt Nam dự giải bóng đá Thiếu Niên Á Châu. Hình như lần đó chúng ta được vào bán kết. Sau khi dự giải về, Thầy Sửu thân phụ em Bình có mang biếu tôi một hộp thuốc Xi gà, loại hộp gỗ 10 điều to và dài không có cán.

Vào ngày thứ Hai 10 tháng 3 năm 1975, sau lễ chào Quốc kỳ, tôi vào bàn làm việc một lúc, có việc nên tôi bước ra ngoài

## TRUYỆN CỦA TÔI

định đi xuống Xưởng Máy Dụng Cụ, vừa bước ra cửa, tôi gặp ông Nguyễn Văn Huệ, mặc bộ Kaki bốn túi màu vàng, đang sẵn sải bước về hướng phòng của tôi. Thấy ông, tôi đứng lại trong hành lang, nhìn ông thấy rõ nét mặt lộ vẻ lo lắng, ông tiến đến gần, nói vừa đủ cho tôi nghe:

- Anh làm ơn cho tôi gọi nhờ điện thoại về Banmêthuật.

Tôi hướng dẫn ông Huệ vào bàn làm việc của tôi, để ông tự tiện gọi điện thoại, tôi đi ra hành lang đứng chờ.

Chưa đầy 5 phút, ông Huệ đi ra gặp tôi, nói :

- Anh có bận gì không ?

- Không tôi đang rảnh.

- Vậy ! Minh ra quán cà phê ngồi nói chuyện chơi.

Chúng tôi chọn quán cà phê Út Bạch Lan bán ở trong đình Tân Kiểng, ông Huệ uống cà phê đá, còn tôi uống cà phê đen, ông Huệ nói nhỏ, vừa đủ cho tôi nghe:

- Sáng nay tôi vào Hội Thượng Hội Đồng Kinh Tế Quốc Gia, mấy ông gặp tôi nói ngay: “Banmêthuật anh mất đêm hôm qua rồi, anh không hay hay sao, anh nên về lo việc nhà hơn là ở đây họp”. Tôi đến Bưu Điện gọi ề Trưởng Ban Mê Thuật không được, tôi lại đến anh để gọi coi có được không, nhưng lại cũng không được, quả Banmêthuật đã bị mất hôm qua, tôi lo quá, nhà tôi và con tôi.

- Vậy anh không biết tin tức gì trước khi anh về đây hay sao ? Anh về Sài Gòn hỏi nào?

- Tôi về từ hôm qua, lúc ở phi trường Phụng Dục chờ máy bay, tôi có gặp ông Đại Tá Luật Tỉnh trưởng vừa mới đi thị sát về, ông ta còn nói với tôi : “- Anh cứ yên tâm đi họp đi, tình hình rất yên tĩnh, không có gì đâu ?” Sau khi gặp ông Tỉnh Trưởng, tôi an tâm về đây, bây giờ thế sự như vậy. Xe tăng tiến đánh Banmethuot chớ bộ xe bò đâu mà mấy ông tướng tá không biết chi hết!

Từ đó tình hình bất an, sau là là cuộc tái bố trí lực lượng của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Quân Đoàn 2 bỏ Pleiku đem về Nha Trang. Trong khi đó thì Học sinh, Sinh viên lại biểu tình ở Sài Gòn trong phong trào phản chiến.

Một hôm, ông Đỗ Văn Bình vào phòng của tôi nói cho tôi biết trước đó vào khoảng nửa giờ, có một Đại Úy Cảnh Sát vào thăm ông, Đó là ại Ủy ban của ông đang làm Cảnh Sát Trưởng quận Nhứt cho biết học sinh Nguyễn Trường Tộ và Phan Đình Phùng tổ chức sắp sữ biểu tình, hỏi ông Bình có biết không ? Và tình hình trong Trường như thế nào ? Dĩ nhiên ông Bình cũng như tôi đều có biết, nhưng lúc nào thì chưa rõ.

Sau khi nói chuyện với ôn Bình một lúc, ông ra về, tôi vào phòng Giám Thị sai học sinh trực gọi Nguyễn Đình Đông, Trưởng Ban Đại Diện học sinh Trường đến gặp tôi.

Trong cuộc gặp này chỉ có Đông và tôi mà thôi, tôi nói cho Đông biết Cảnh Sát Quận Nhứt đã đến báo động cho ông Bình, như vậy việc của các em làm chưa chỉ đã bị lộ quá sớm. Tôi khuyên Đông báo cho các em trong Ban Đại Diện cẩn thận, coi chừng Cảnh Sát hốt trước khi các em hành động. Thử nửa là cần phải bảo mật, tin đáng nói cho ai thì chỉ nói cho người đó biết mà thôi.

Sau đó, nhiều việc dồn dập xảy đến, tôi không biết thêm về hành động của các em Ban Đại Diện Học Sinh của Trường.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Ông Nguyễn Minh Quân, giáo sư dạy giờ của Trường, ông là Kỹ sư Nông Lâm Súc, khi ông nộp đơn xin dạy, ông Phần đưa ông Quân vào giới thiệu với tôi, tôi tưởng ông Quân là bạn ông Phần, ngược lại ông Quân nói thế nào không biết, ông Phần lại nghĩ ông Quân là bạn của tôi, thế là cả hai chúng tôi chấp nhận ông Quân dạy giờ.

Nhìn nét mặt, nhìn bộ râu ông quân, không ai không nghĩ ông ta là tay chịu chơi, mà ông Quân chịu chơi thật, vì sau năm 1975, sau khi tôi đi học tập cải tạo về, ông Quân mò tìm đến thăm tôi, cho biết là vợ con đã vượt biên, ông còn ở lại với bà cụ. Một hôm ông ta gọi điện thoại báo cho biết, ông ta có chai rượu thuốc ngon, chiều sẽ ghé với một người bạn, uống vài chung cho bổ. Tôi đâu cách chi từ chối.

Chiều hôm đó, tôi đi làm về một lúc thì ông ta ghé nhà tôi với một người bạn và một người đàn bà, rồi ông bày thức ăn vịt quay ra với chai rượu thuốc, ba chúng tôi uống, còn chị kia xin uống nước trà, chuyện vãng một lúc, ông Quân hỏi tôi :

- Giả dụ bây giờ có ai tốt bụng, cho ông vượt biên không tốn tiền, ông nghĩ sao ?
- Thời buổi này có ai mà tốt vậy ?
- Cho nên tôi mới giả dụ và sự trả lời của ông mới thật tình. Chớ chuyện thật còn bị tính toán.

Như ông Quân đã nói, tôi nghĩ sao trả lời vậy:

- Thật ra thì tôi không tính vượt biên. Nếu đi thì cần cho thằng con trai của tôi, nếu đi tôi phải tính mang nó theo, chớ tôi đi làm gì ?!

Khi uống hết chai rượu thuốc đó, khách xin phép ra về. Chia tay nhau, tôi không nghĩ chi hết, chừng một tháng sau, tình cờ gặp lại ông Quân ở chùa Linh Sơn, cầu Ông Lãnh, ông Quân nói:

- Tôi đưa bà Cụ tôi đi chùa ở đây, định hôm nào đến thăm ông nói chuyện chơi, hôm nay chưa rảnh, nay sẵn gặp đây tôi nói cho ông nghe, hôm tôi đưa người đàn bà đó tới nhà ông, để cho tự nhiên tôi không nói trước, bà ta chủ tàu, tôi giới thiệu để bà ta tới tìm hiểu giúp ông, sau đó bà ta nói với tôi, vì ông không cần thiết lắm, trong khi có những người thật sự cần giúp đỡ hơn nên bà ta dành phần ưu tiên giúp đỡ cho người khác, tôi thật đáng tiếc không giúp được ông.

Tôi cảm ơn ông Quân có lòng tốt với tôi, quả ông là một người bạn tốt, từ dạo đó đến sau này tôi không gặp lại ông Quân, chắc là ông cũng đã đi nước ngoài vì vợ con của ông đã đi từ lâu.

Nhưng còn một chuyện dính tới ông Quân đã làm thay đổi đời tôi, nhiều lúc nghĩ giá ông đừng đưa tôi đọc quyển sách *Lối Thoát Cuối Cùng* của Gheorghiu, có thể đời tôi tốt đẹp hơn không?

Quyển sách ấy nói về Cộng sản, về những người chạy trốn Cộng sản xin tị nạn ở các nước Tự do. Có người đã đến Pháp, được phỏng vấn đi tị nạn ở nước thứ ba, sau gặp những trắc trở, không khác chi những người Việt vượt biên sau này, cuối cùng ông ta trở về để được chết tại quê hương mình.

Sách do Hằng Hà Sa và Bích Ty dịch từ bản Pháp Văn *La Second Chance*, Lá Bối Xuất bản năm 1968, sách dày tới 550 trang chữ nhỏ, xin chép lại trang chót của Nhà Xuất Bản Lá Bối :



## TRUYỆN CỦA TÔI

*Ngòi bút của Virgil Gheorghiu quả thật là chua chát và mỉa mai; bởi vì tác giả chống tất cả chủ trương phi nhân. Các nhân vật của V. Gheoprghiu sau những đày ải lần lượt chết đi dưới những vị kỷ khắc nghiệt được nguy trang rất khéo bằng những chủ nghĩa hoa mỹ. Nhưng tất cả phải chết đi để cho ý thức nhân bản trong mỗi người, mỗi xã hội được sống. Làm sao mà không chua chát mỉa mai cho được khi mà 20 năm sau cuộc thế chiến hải hùng, con người vẫn đang còn bơ vơ, lạc lõng, lo sợ trước những tranh chấp chủ nghĩa, trước những đe dọa đang đẩy họ vào những đường cùng không lối thoát.*

*Và phải chăng V. Gheorghiu cũng đang viết về sự bế tắc của con người đau đớn trên xứ sở Việt Nam thân yêu.*

*L.B.*

Tôi nhớ, ông Quân đưa cho tôi mượn đọc quyển sách này, khoảng 15-3-1975, quyển sách đã được nhiều người đọc bèo nhèo, bìa bao một tờ giấy trắng Bristol dày, loại giấy vẽ kỹ nghệ họa, giấy đã ngả màu vàng, sách long gáy nhưng may mắn còn nguyên vẹn các trang, tôi quên trả ông Quân, mà ông Quân quên đòi lại, cho tới nay tôi vẫn còn giữ trong tủ sách của mình, đây là cuốn sách duy nhất, không phải tôi mua nằm trong tủ sách của tôi. Tôi giữ sách để kỷ niệm, vì nó đã làm thay đổi đời tôi. Gần 10 năm sau, một anh cán bộ Cộng sản, nói với tôi:

- Tôi đọc Gheorghiu rất thích, như Giờ thứ 25, tôi nghe nói quyển Lối Thoát Cuối Cùng còn hay hơn, nhưng chưa được đọc. Nghe anh ta nói, tôi không dám để lời khen hay chê, cũng không dám cho anh ta mượn sách đọc, bởi vì trong đó tác giả tả chân, tả thực sự giả trá cực kỳ tinh vi nham hiểm, tàn nhẫn, và vô nhân đạo, đập lên tất cả những thứ đó để xây dựng một chế độ Cộng sản.

Tôi nói, sách ấy đã thay đổi đời tôi, bởi vì những ngày Sài Gòn hấp hối, nhà tôi là nhân viên Văn phòng Tòa Đô Chánh, ông Đô trưởng Đỗ Kiến Nhiều, người Long An, học trò của ông ngoại nhà tôi. Một hôm đi làm về, nhà tôi bảo:

- Ông Nhiều đi, cho phép gia đình mình đi theo, anh có muốn đi không.

Tôi đã quyết định:

- Đi để làm gì ?

Khoảng 25 hay 26, ông Nguyễn Văn Tuấn báo cho tôi biết:

- Ông Hiệu Trưởng, có người gọi điện thoại, báo cho biết sẽ lên đường ngày mai, muốn chào từ giả ông, và cho số điện thoại để ông gọi lại.

Ông Tuấn đưa cho tôi số điện thoại, ghi trên tờ giấy nhỏ, tôi biết người gọi muốn nói chuyện với tôi qua điện thoại để từ giả, bởi vì kẻ chân trời, người góc biển, có thể sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại. Tôi không muốn làm bịn rịn người đi.

Hôm sau, có giáo sư Nghĩa, giáo sư ở Trường Nông Lâm Sóc Sóc Trăng, cháu gái của người gọi điện thoại cho tôi, vào văn phòng gặp tôi:

- Thưa chú, mẹ cháu có việc cần và gấp nhấn chú xuống nhà, gặp mẹ cháu một chút.

Tôi đành phải trả lời:

- Ừ ! Để chú xuống thăm mẹ cháu.

- Cháu xin phép về, nhớ xuống nghe chú.

- Được rồi ! Chú nhớ !

Mẹ của cô giáo sư Nghĩa đó là chị Nhạn, vợ anh Vỹ làm gác-dan hay thủ kho, kho 5 bên cảng Sài Gòn, anh ấy được cấp nhà ở luôn trong kho 5. Anh Vỹ rất chất phát, nhưng chị Vỹ lanh lợi hơn, những năm đó, chị Vỹ làm nhà thầu đồ rác cho các cơ quan của Mỹ. Tôi không biết vì lý do gì vào giờ thứ 25 chị vẫn nhớ tới tôi, nhưng biết chắc là chị gọi tôi xuống để cho gia đình tôi đi Mỹ. Tôi đã chọn lựa, tôi không đến gặp chị ấy. Cô giáo sư Nghĩa hiện nay định cư ở Virginia, còn chị Vỹ đã mất năm 2008 vì tai nạn ô-tô ở Virginia, tôi vẫn còn chưa có dịp gặp lại, để xin lỗi và bày tỏ lòng cảm ơn chị Vỹ.

Ngày 30-3-1975 Đã Nẵng mất, tình hình Việt Nam hết sức rối ren, vài hôm sau đó giáo sư Lê Tha gặp tôi và xin cho nghỉ một tháng để đi về Đà Nẵng rước gia đình vào. Tôi trả lời với ông Tha, tôi không có quyền cho nghỉ quá 3 ngày, tôi lại không có quyền cho ông đi ra vùng Cộng sản đã chiếm đóng. Hôm sau ông Tha nghỉ việc và đi Đà Nẵng cho đến sau khi Sài Gòn rơi vào tay Cộng sản giáo sư Lê Tha mới trở về Trường, ngoài chuyện đó, giữa ông Tha và tôi còn một chuyện khác khá tế nhị, ông Lê Tha cho rằng tôi đã làm việc không đúng. Số là vào dịp lễ Quốc Khánh 1-11-1974, Nha có tham gia tổ chức triển lãm, Trường có tham dự cuộc triển lãm này, triển lãm xong, Trường dọn dẹp có mang về một số vật tư, trong lúc tôi làm Hiệu Trưởng, quỹ Sản Xuất của Trường phải mua vật tư cho học sinh, một ông giáo sư kia (nay đã mất) đem vật tư ấy đưa vào trong hóa đơn của nhà thầu, ông Tha là một trong những người thuộc Hội Đồng tiếp nhận vật tư, ông Tha không chịu ký thanh toán hóa đơn, vì cho rằng ông biết rõ nguồn gốc vật tư ấy không phải của nhà thầu cung cấp, mà vật tư ấy do Nha để lại. Tôi muốn giúp cho ông giáo sư kia, một là hoàn cảnh gia đình ông ta không được khá, mặc dù cả hai vợ chồng đều là giáo sư, hai vật tư đó không phải là tài sản của Trường. Tôi nài nỉ ông Tha ký để thanh toán tiền cho nhà thầu, nhà thầu sẽ trả cho ông

giáo sư kia vài ngàn bạc. ông Tha rất không đồng ý, nhưng buộc lòng phải ký vì tôi yêu cầu. Đó là chuyện giáo sư Lê Tha không vui về tôi, hai là ông xin nghỉ đi Đà Nẵng tôi không cho phép. Sau này, nghe nói giáo sư Lê Tha có cửa hang ở chợ Tân Bình, có đi du lịch ở Mỹ vài lần. Tôi có gặp lại ông năm 2008, chào hỏi xã giao, thấy ông vẫn khỏe mạnh như xưa.

Ngày 20-4-1975, ông Lê Bá Thanh đang nằm dưỡng bệnh ở Bệnh viện để làm hồ sơ xin về hưu trí sớm, ông vừa là Trưởng Phòng Hành chánh, vừa là Phát Ngân Viên, hành chánh đã có ông Lê Văn Tuất làm việc thay, còn Phát Ngân Viên ông Thanh phải đi lãnh và phát lương, tôi gọi điện thoại nhờ ông Thanh về Trường đi lãnh chi phiếu ở Nha Tài Chánh, Bộ Giáo Dục, so ra, ngày đó quá sớm để lãnh chi phiếu phát lương, nhưng tôi nghe có nhiều nơi đã phát lương vì tình hình không ổn định, nên tôi mới cho mời ông Thanh vào Trường. Gặp tôi ông Thanh nói:

- Hôm nay quá sớm, mình lên Bộ chưa chắc họ chịu phát Chi phiếu.

Tôi nói với ông Thanh:

- Tôi có quen với một ông Chủ sự phòng trên ấy, anh với tôi đi thử xem.

Thế là ông Thanh và tôi đi xe của Trường, lên Nha Tài Chánh nằm trước mặt Bộ giáo dục số 35 Lê Thánh Tôn. Về địa chỉ này, có ông Túy cự giáo sư của Trường, ông ấy nói tếu:

- Bộ Giáo Dục là một Bộ đứng đắn nhất, vậy mà Bộ ở 70 Lê Thánh Tôn chia làm 2, nên cái kia ở 35 Lê Thánh Tôn (ý ông ta nói 70 chia cho 2 cũng là 35: Con Dê trong số đề 40 con).

## TRUYỆN CỦA TÔI

Đến đây chúng tôi thấy có rất nhiều Trường đến xin lãnh chi phiếu sớm hơn thông lệ, thấy đông tôi phải vào phòng nhờ anh Nguyễn Văn Bình (nay định cư ở Dallas, Texas), tìm giúp cho chi phiếu của Nguyễn Trường Tộ, sau khi tìm xong, anh đem ra giao cho nhân viên để vào sổ làm thủ tục giao nhận, anh nói với tôi:

- À! Còn một chuyện nữa, tôi mới thấy anh có một chi phiếu truy lãnh phụ cấp chức vụ, vậy anh chờ tôi thêm một chút, để tìm xem nó ở đâu, giao cho anh cho rồi.

Nhờ vậy hôm đó, tôi ra ngay Tổng Nha Ngân Khố trên đường Nguyễn Huệ lãnh được năm, sáu ngàn. Ấy là cũng nhờ tôi sốt sắn lo việc Trường lại được việc mình. Một lần nữa cảm ơn anh Bình

Khi về Trường, hơn 10 giờ sáng, giáo sư Vương Quang Tí chạy chiếc xe gắn máy đỏ, phía sau có chở một thùng giấy bằng cỡ thùng sữa bò, ông Tí ăn mặc rất bình thường như vừa mới dạy người ta đánh quần vợt xong. Nên nói qua một chút, giáo sư Tí có du học ở Mỹ, ông lấy vợ Mỹ, khi về Việt Nam cô vợ Mỹ có theo ông sống ở Việt Nam, ngoài việc dạy học ở Nguyễn Trường Tộ, ông còn dạy cho mấy người Mỹ đánh quần vợt ở sân xê của Toà Đại Sứ Mỹ.

Gặp ông Tí, tôi biết chắc chắn ông sẽ đi Mỹ, nhưng không biết lúc nào? Tôi đứng trong hành lang trước phòng Hiệu Trưởng, giáo sư Tí dựng xe ở đó, tôi hỏi:

- Anh vào Trường có việc chi không ?

- Nghe nói có phát lương hôm nay, tôi ghé qua lãnh lương.

Tôi nói nửa thật, nửa đùa với ông Tí:

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Hôm nay Tổng Nha Ngân Khố đông người lãnh tiền quá, chắc anh Thanh về trễ, anh về lo thu xếp đi Mỹ đi, kéo trễ máy bay. Nhớ trước khi đi chào anh em nghe!

Ông Tí cười rất hả hê trả lời với tôi :

- Giỡn chơi hoài! Đi đâu mà đi.

- Thì đi Mỹ chứ còn đi đâu !

Ông Tí không nói thêm, lên xe đạp máy chạy.

Tôi đi ra ngoài uống cà-phê, chừng nửa giờ sau trở về. Mới ngồi vào ghế trong văn phòng mình, chuông điện thoại reo, tôi nhấc lên:

- Alô! Tôi Tông nghe đây !

- Chào anh Tông !

- Anh Tí đó hả ?

- Đúng rồi, tôi đang ở phi trường. Chào tạm biệt anh nghe! Và nhờ anh chuyển lời chào tạm biệt tất cả anh em!

- Chúc anh thượng lộ bình an và mọi điều may mắn.

Tôi mở cửa ngăn phòng hành chánh và nói với mọi người:

- Ông Vương Quang Tí, đang ở phi trường, gọi điện thoại cho tôi, nhờ chuyển lời chào tạm biệt tất cả anh chị em nghe!

Thời gian này, ông Phạm Văn Sự Hội Trưởng Hội Phụ Huynh Và Giáo Sư Nguyễn Trường Tộ có mời tôi đi ăn cơm tối ở nhà hàng trên đường Nguyễn Du, đối diện với vườn Tao Đàn, ông

## TRUYỆN CỦA TÔI

ta cho tôi biết, kho đạn của Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận Gia Định, chỉ cấp đạn đại bác cho các khẩu đại bác phòng thủ Sài Gòn đủ bắn trong vòng 30 phút ! Là Sĩ quan Quân cụ với nhau, nghe ông ta nói, tôi hiểu tình trạng thật là bi đát, dầu rằng kho đạn Cát Lái là tổng kho, gần sát Sài Gòn, nhưng số đạn được phải phân phối đều cho các đơn vị trên toàn quốc, nếu Cộng sản tấn công Sài Gòn với 60 ngàn quả pháo, Sài Gòn chỉ còn đóng tro tàn mà thôi.

Từ đó, Cộng quân tiến dần về Nam, tôi họp Ban Giám Đốc Trường để thông báo về quyền lãnh đạo Trường khi có tình huống xấu xảy ra, chẳng hạn như tôi bỏ nhiệm sở, tôi bị thương, chết vì chiến tranh, thứ tự ấy được công bố rõ bằng Thông báo của nhà Trường cho Giáo sư và nhân viên được biết, nội dung đại để như sau :

Trong trường hợp vắng mặt hay mệnh một, việc điều hành Trường theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- 1) Hiệu Trường.
- 2) Giám Học
- 3) Tổng Giám Xưởng
- 4) Trưởng Phòng Hành chánh
- 5) Tổng Giám Thị.

Và chúng tôi quyết định mua một bao gạo 100 kg để tại Trường, phòng khi có chiến sự xảy ra, có gia đình nào tới Trường, có thể có gạo để nấu ăn tạm.

Cho đến ngày 29-4-1975, ông Trần Minh Hoàng Phó Giám Đốc gặp tôi, ông xin cho gia đình ông tạm trú ở Trường, tôi giao chìa khóa phòng Hiệu Trường cho ông, chỉ chỗ để bao gạo và những thứ cần thiết khác.

Ngày 30-4-1975, tôi không đi đâu vì Cộng quân đã bắt đầu pháo vào Sài Gòn, đến 10 giờ sáng nghe hiệu lệnh của Tổng Thống Dương Văn Minh, yêu cầu binh sĩ ngưng bắn, ở đâu ở đó, chờ bàn giao chánh quyền.

Nhà tôi có con hẻm độc đạo, phía bên kia là bót Cảnh Sát, thỉnh thoảng lại nghe tiếng súng Carbine nổ, tôi tưởng Cộng quân đang vây bót Cảnh Sát, và bót Cảnh sát đang chống trả. Đến chiều ông nhạc tôi ghé nhà cho biết:

- Mấy con sao không đi chơi ? Thiên hạ đi rần rần ngoài đường.

Tuy biết vậy, tôi vẫn nằm nhà, lòng buồn vô hạn, cái buồn vong quốc thấm dần vào tôi và Qu'est sera sera!

Sáng hôm sau, Thầy Phấn chạy chiếc Lambretta đến nhà rủ tôi vào Trường, khi đi ngang qua Trường Gia Long, tôi thấy những ổ bánh mì, giấy báo rải rác, bên cạnh mấy vũng máu.

Đến đường Công Lý thấy hàng quân ta mặc trụ một chiếc quần, sẵn sải tiến về Bến Xa Cảng Miền Tây, họ buồn vì thua cuộc lại thêm nỗi lo cho gia đình, họ đi trong im lặng có trên 200 binh sĩ.

Đến Hội Việt Mỹ thấy giấy tờ tung tóe ngoài đường Mạc Đinh Chi, đến một bệnh viện gần Trường, thấy người ta còn đang hỏi của, một em bé chừng 13, 14 tuổi đang còng trên lưng chiếc nệm dày, trước cổng số 2 Phạm Đăng Hưng ngổn ngang những quần, áo, giày nón rần rỉ của binh sĩ côi bỏ lại.

vào Trường vắng ngắt, ông Hòa mở cửa cho chúng tôi vào, ông trao cho tôi chìa khóa của phòng Hiệu Trưởng do ông Trần Minh Hoàng gửi lại.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Ngày hôm sau, một số đông giáo sư và nhân viên tới Trường, tôi yêu cầu tất cả vào phòng học lớp Thương Mại để họp, tôi chỉ nói ngắn gọn mấy câu:

- Đất nước đã thay đổi, Trường cũng sẽ thay đổi, tôi không biết rồi ai sẽ điều khiển Trường này, từ trước đến nay, tất cả giáo sư và nhân viên Trường đều hòa thuận với nhau, nếu có điều chi đã không vừa lòng nhau, xin bỏ qua hết, để mọi người cùng hòa thuận sống yên vui với nhau như những năm tháng đã qua.

Tôi thấy ai cũng lo ngại, không hiểu rồi sẽ ra sao.

Vài ngày sau, các em học sinh của Trường ra chiếm bệnh viện bỏ trống, ghi Thông báo cơ sở đó thuộc về Trường Nguyễn Trường Tộ.

Ngày 8 tháng 5, tôi đi dự cuộc họp Hiệu Trưởng các Trường Trung Học Sài Gòn tại Nha Học Chánh, do mấy ông Cán bộ cấp cao từ Hà Nội vào, yêu cầu chúng tôi tiếp tục điều hành cho đến khi có người được phân công đến tiếp thu.

Mấy hôm sau có Sáu Thọ đến tiếp thu và giao cho một cô giáo nằm vùng Trần Hoàng Quỳnh còn được gọi là Tư Quỳnh điều hành Trường, tôi và anh Đỗ Văn Bình tiến hành bàn giao.

Đến 20-6-1975, giáo sư Phấn và tôi đi dự lớp Học Tập tại chỗ, được tổ chức tại Thư Viện Việt Đức góc Pasteur và Hồng Thập Tự, ngày 24-6-1975 được Thông báo các sĩ quan phải trình diện đi học tập 10 ngày. Hôm sau 25-6-1975 tôi đi trình diện ở Trường Tabert đường Nguyễn Du, sau đó chuyển lên Trảng lớn và Cà Tum ở Tây Ninh, đến 16-9-1977, tôi được “Giấy Ra Trại” Tạm hoãn học tập cải tạo. Tính ra tôi đã ở trong lao tù Cộng sản 2 năm 2 tháng 20 ngày.



Cán bộ Trần Hoàng Quỳnh, đại diện Ban Quân Quản  
tiếp thu Trường

Từ đó tôi nghĩ rằng mình không còn trở lại dạy học nữa. Hồi ở Trảng Lớn đa số chúng tôi là Thầy giáo ở chung, nào là giáo viên ở Nha Sinh Hoạt Học Đường, nào là giáo viên ở các Trường Thủ Đức, trong đó có anh Khanh con rể của ông Giám Thị Bùi Khắc Triệu, có anh Trần Mạnh Du Tổng Giám Thị Phan Đình Phùng, chúng tôi không còn đi dạy học, không còn được lãnh lương nữa, nên thường đùa với nhau là đám người “Mất dạy vô lương”.

Năm 1990, tôi đi Đà Lạt, có người mời tôi về nhà anh ta ngủ, lần đầu tiên chúng tôi biết nhau qua sự giới thiệu của một người quen biết khác, sau khi uống trà, chuyện vãng một lúc, chủ nhà nói với tôi:

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Để tôi coi cho anh một quẻ, anh cho tôi tiết tuổi của anh, của chị và anh muốn biết chuyện chi ?

Tôi nghĩ cũng là cách làm quen, tạo chuyện cho thêm đậm đà buổi sơ giao. Sau khi nói tuổi của tôi và tuổi của nhà tôi, tôi nói thêm:

- Tôi được chị ruột bảo lãnh năm 1984, năm ngoái, phái đoàn Mỹ gửi thư cho chị tôi, báo cho biết sẽ phỏng vấn tôi ngày gần đây. Vậy mà gần 2 năm rồi chẳng thấy chi, nhờ anh xem thử.

Sau khi trầm ngâm suy nghĩ một chút, anh ta nói:

Số anh không có làm Trưởng, nhưng anh làm phụ cho ai thì người ta tin cần anh lắm. anh không có số đi ngoại quốc, nếu người ta ký giấy cho anh rồi, người ta cũng xé bỏ. Anh không có số đi ngoại quốc, nhưng chị có. Trước đây tôi có giúp một người đã thành công, vậy anh làm thử theo tôi coi. Vậy anh về, đến ngày X, anh viết đơn khiếu nại rồi đưa cho chị ký, đến ngày Y anh đem thư ra Buu Điện gửi. Phần anh tôi cho anh ba tờ giấy này, anh về dán sau lưng, một tờ là 3 ngày, 3 tờ là 9 ngày, không được tắm, không được gần đàn bà.

Tôi không mấy tin tưởng, nhưng về Sài Gòn rồi, tôi cũng làm đúng y theo lời anh ta căn dặn, để thử xem sao. Gần hai tháng sau tôi được giấy báo ngày đi phỏng vấn ở Sở Ngoại Vụ nằm trên đường Pasteur. Khi phỏng vấn họ bắt đầu hỏi đưa con nhỏ nhất của tôi, rồi mọi người đều được hỏi gần giống nhau, chỉ có bốn câu:

- Thề nói sự thật.

- Muốn đi Mỹ không?

- Có gia đình chưa ?

- Muốn lập gia đình trước khi đi Mỹ không ?

Rồi người Mỹ Phỏng vấn nói với chúng tôi, ra ngoài lấy vé máy bay. Tôi đã đến Mỹ định cư từ năm 1991, mọi việc đều đã trễ với tôi, khi đã gần đi qua khỏi tuổi Tri Thiên Mệnh, nhưng đều đáng nói là các con tôi đã không được học hành cho đến nơi đến chốn, tôi yêu nước, đặt tên con mình là Ái Quốc, nhưng tôi ở lại là sự tai hại vô bờ, ân hận thì mọi việc đã quá muộn màng.

Năm 2008, tôi về Sài Gòn, định đến 25 bis Nguyễn Thị Minh Khai (Hồng Thập Tự cũ) chụp một tấm ảnh về ngôi trường cũ Nguyễn Trường Tộ, nhưng đến nơi người ta đang đập phá khu đó, xe cơ giới cùng gạch ngói ngổn ngang, bụi bay mịt mù, tôi đến đã quá trễ tràng, không còn chi để ghi lại dấu xưa.



ÔÔ. Phan Kim Báu và Trần Văn Chỉ cựu Hiệu Trưởng

## TRUYỆN CỦA TÔI

Nay nếu có ai thắc mắc hỏi: “- Nếu trở lại trước 1975, anh sẽ làm điều gì cho là có ý nghĩa ?”

- Tôi xin lỗi các em học sinh của tôi, tôi đã quá khó với các em, bởi vì tôi muốn các em luôn luôn cầu tiến, vượt lên và vượt lên hơn tôi.



Nguyễn Văn Phần và Huỳnh Ái Tông gặp lại các Học sinh cũ năm 2010 tại San José, California.

Tôi vừa viết xong bài này thì có điện thoại reo, nhắc điện thoại lên nghe mới biết giáo sư Hà Mộng Giao gọi tới chúc Tết. Tôi thật không ngờ, vì anh với tôi không thân không sơ, hồi còn ở Việt Nam, tôi có nghe giáo sư Tạ Quan Mùi nói đã làm mai cho anh lập gia đình, sau đó anh vượt biên, được định cư ở Đức, rồi được bên vợ bảo lãnh sang định cư ở Mỹ từ năm 1994. Từ năm 1975 tới nay tôi chưa gặp lại giáo sư Giao, vậy

## HUỖNH ÁI TÔNG

mà hôm nay anh gọi điện thoại cho tôi, ngoài chúc Tết, còn kể cho nhau nghe bao nỗi thăng trầm cuộc đời, nay anh định cư ở Nam Cali. Thật là ấm lòng, trong đêm trừ tịch còn có đồng nghiệp sau hơn 30 năm, tìm ra số điện thoại gọi tới.

25-1-2009

1-3-2009

# Trở Lại Trường Cũ.

Năm 1977, từ trại cải tạo về, nhớ bạn bè, nhớ học trò, nhớ bảng đen phấn trắng, một hôm tôi vào thăm Trường, tôi đã gặp lại nhiều người như ông Phan Kim Báu, Phạm Văn Tài, Lâm Văn Trân, Trần Văn Sáng, Nguyễn Văn Phấn, Lê Kim Nghĩa và một số giáo sư cũ vẫn còn dạy như Vũ Duy Thuận, Phan Đình Du, Nguyễn Anh Đồng, Giảng Huệ Thắng, Nguyễn Ngọc Thượng, Lê Tha, Bùi Danh Dinh ... một số giáo sư Trường Phan Đình Phùng nhập vào, ở Xưởng các giáo sư phân chia thành nhóm theo Xưởng như cũ, còn ở lớp giáo sư nay được gọi là giáo viên, chia thành ra Ban bộ, có Trưởng Ban để quản lý giáo viên dưới quyền, tổ chức điều hành có Ban Giám Hiệu gồm Hiệu Trưởng, Hiệu Phó, dưới có các Phòng, như Phòng Tổ chức, Phòng Hành Chánh, Phòng Giáo Vụ, Phòng Quản Lý Học Sinh, Phòng Y Tế, tất cả đặt dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Trường, lãnh đạo là Bí Thư Chi Bộ. Còn học sinh, sinh hoạt theo Đoàn Thanh Niên của Trường, lãnh đạo là Bí Thư Chi Đoàn.

Thầy Khuru Văn Triệu có anh đi Tập kết, nên được bảo lãnh về sớm, xin vào dạy lại tại Trường, thầy Hồ Ngọc Thu có chú họ là Hồ Ngọc Cứ, Dân Biểu Quốc hội, có biệt danh là ông Nghị Nhà Lá, đứng trong hàng ngũ Thành phần thứ ba, hoặc thiên

cộng như Ngô Công Đức, Lý Quý Chung... nên lãnh giáo sư Thu về sớm và cũng xin được dạy tại Trường.

Cũng còn nhiều Thầy giáo vẫn còn đang trong trại cải tạo như Thầy Vũ Hữu Quyến, Thầy Nguyễn Thái Hòa, Thầy Hà Mộng Giao, Thầy Đặng Vĩnh Thanh, Thầy Phạm Hữu Giới ...

Thầy Phấn là Trưởng phòng Giáo vụ, biết tôi đã về trước khi vào thăm Trường, chỗ thân tình anh nói với tôi:

- Anh nên tìm một chỗ nào khác, không nên xin vào Trường!

Đúng ra, tôi vẫn chưa biết mình sẽ xin việc ở đâu, tôi còn đang nghĩ: Nếu được nghỉ ngơi một vài tháng thì tốt hơn.

Nhớ lại, hồi trong trại Học Tập Cải Tạo, có những anh cao kiến, khuyên nhủ anh em:

- Tướng Trung Hoa Dân Quốc (Lư Hán ?), bị Trung Cộng cầm tù mấy chục năm chưa thả, nhiều người Việt Nam trước đây trong quân đội Pháp chỉ là Trung sĩ, vậy mà cho đến nay vẫn còn bị quản chế, cho nên chúng ta ai được về, ráng bám Sài Gòn mà sống, dầu sao nó cũng là “bộ mặt quốc tế”, Cộng sản sẽ phải nới tay một chút.

Vì lẽ đó, nếu Thầy Phấn không khuyên, có thể sau thời gian nghỉ ngơi lấy lại sức, tôi cũng xin vào dạy tại Trường, vì nơi đó tôi có bạn bè, bằng đèn phần trắng nghề tôi yêu thích.

Tôi cũng thuộc loại được về sớm, được bảo lãnh. Nếu không có mặt trận phía Tây của Pôn Pốt tấn công Việt Nam dọc theo biên giới từ Tây Ninh cho đến Châu Đốc, thì những ai cấp Ủy, học tập trong Nam như Cà Tum, Bù Gia Mập ... chưa chắc đã được về sớm hơn ba năm.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Tôi nói tôi được về sớm và được bảo lãnh, chuyện ấy như sau: Hồi đi học, tôi bị ảnh hưởng của Luật sư Phạm Tứ Cầu, ông ta dạy về Kinh tế học, bài giảng ông ta dùng bút Bic, tựa viết màu đỏ, mục viết màu xanh lá cây, tiêu mục màu đen và những dòng chữ thường viết màu xanh dương, nghe nói đi học 10 ngày, tôi cũng đem theo sổ, bút Bic xanh đỏ, vào Trảng Lớn mấy anh thấy vậy bầu tôi làm Thư ký Trung đội để ghi chép Lý Lịch Trích Ngang, ghi chép học tập ...

Đến khi lên Cà Tum, anh Đội Trưởng của tôi ở Trảng Lớn được Trại chỉ định làm Khối Trưởng, sau đó có một anh B Trưởng có giấy chứng nhận bị Hủi, nên Trại cho ra về chữa bệnh, tôi bị Trại chỉ định làm B Trưởng thay anh ấy, chắc chắn là do anh Khối Trưởng đề nghị. Làm B Trưởng thì cũng làm mọi việc giống như anh Trại viên, mỗi ngày cũng cuốc đất trồng khoai, trồng đậu, vào rừng đốn tre, cắt tranh lợp nhà ... nhưng thêm việc, phải báo cáo công tác đã hoàn tất trong ngày, nhận công tác từ Trại giao xuống rồi phân công cho anh em, làm sao cho công bằng thì được anh em thương, còn “thượng đội, hạ đập” lợi cho mình, hại cho anh em, chẳng ai kiêng nể. Tôi cứ thẳng thừng mà làm, làm thì hùng hục cho được việc. Bởi vì tôi nhớ hồi thụ huấn ở quân trường Thủ Đức, khóa tôi là khóa khá đặc biệt, nhiều giáo viên, công chức bị động viên đi khóa này. Trung đội tôi có Bửu Đào, Trưởng Ty Công Chánh Đà Nẵng, anh Tổng giáo sư Trường Sư Phạm Vĩnh Long và nhiều giáo viên khác, có anh Nhân, anh Còn giáo viên quê ở Cần Giuộc, anh Nhân là bạn học của Trung Úy Nguyễn Văn Thiệu, Trung đội Trưởng của chúng tôi.

Một hôm ở vọng gác 13 bis, Trung Úy Thiệu uống vài ngụm bia rồi cười nói to với anh Nhân, cũng để cho mọi người cùng nghe:

- Đ. M. mấy thằng cha thầy giáo, ngoài chuyện dạy học không biết làm chuyện gì hết !

Tôi ở nhà quê, năm 13 tuổi mới lên tỉnh học, vậy mà tôi chưa hề biết cầm cây, đi bừa, chưa hề biết chăn bò, mọi thứ có mẹ tôi, cô tôi, chị tôi, anh tôi làm tất cả. Suy lời Trung Úy Thiệu nói, đối chiếu với bản thân mình, đúng là ngoài đi dạy tôi không còn biết làm cái chi hết. Vả lại, trước kia làm Thầy giáo hay cô giáo nhà có kẻ ăn người ở. Thầy không đụng tới móng tay, Cô không cần vào bếp núc. Cho nên trong Trại tôi quyết làm cho được mọi việc, để sau này ra về dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa nếu không tìm được việc làm bằng trí óc, thì cũng sống được với đôi bàn tay và sức lực của mình. Cho nên trong Trại anh em còn đặt cho tôi biệt danh “Bê-tông”.

Lúc tôi ở Cà Tum được nửa năm, có một Trại khác giải tán, họ phân bổ về Trung đội tôi một anh bệnh nằm liệt giường, hàng ngày tôi đến bên giường hỏi thăm bệnh tình của anh, để báo cáo có người bệnh, chỉ tiêu được bớt đi. Tôi nhớ rõ, anh đó là Vũ Hữu Thuận, bệnh chừng ba tháng sau mới khỏi hẳn, sau khi lành bệnh, một hôm anh ta tâm sự với tôi:

- Anh tôi mới nói cho biết, Ba tôi vốn là Sư Trưởng của Sư Đoàn này, nay đã về hưu nhưng còn làm công tác Đảng ở Hà Nội, vài tháng trước Ba tôi có vào Trại thăm tôi, kêu tôi lên Trung Đoàn ngủ với Ba tôi một đêm. Ba tôi đã lãnh tôi về, bây giờ còn chờ giấy tờ, nhưng Ba tôi không thể ở đây lâu, nên đã về Hà Nội. Trước khi về, Ba tôi đưa cô Fiancé của tôi lên Đoàn 500 ở thành Ông Năm, giới thiệu với họ để nhắc nhở lo cho tôi mau về. Vậy anh muốn về sớm, anh nói với người nhà xin cho anh cái giấy đi Vùng Kinh Tế Mới hay Hồi Hương Lập Nghiệp, có giấy đó, người nhà anh đưa cho cô Fiancé của tôi lo dùm cho, còn tôi, tôi sẽ gửi thư dặn cô Fiancé của tôi ráng giúp dùm anh.

Do vậy, người nhà tôi đã làm giấy bảo lãnh cho tôi “Hồi Hương Lập Nghiệp” ở xã Phú Hòa Huyện Châu Thành Tỉnh Long Xuyên, cô Fiancé của Vũ Hữu Thuận đã giúp tôi, nên tôi

## TRUYỆN CỦA TÔI

được cho về y theo địa chỉ trên. Ra Trại, tôi tìm đến nhà Vũ Hữu Thuận ở đường Nguyễn Duy Dương, Chợ Lớn, người nhà cho biết anh đã vượt biên rồi. Đến thăm, cô fiancé của anh Thuận ở Lý Thái Tổ, cô là người thi ân bất cầu báo. Đó là trường hợp tôi được bảo lãnh về sớm, sau đó Trại Cà Tum bị Pôn Pốt đe dọa tấn công, Trại phải chuyển về Thành Ông Năm Hóc Môn, Trại viên được đi phép, rồi cũng được tha về chẳng bao lâu sau đó. Cho đến nay ba mươi năm qua rồi, tôi vẫn chưa gặp lại Vũ Hữu Thuận, chưa gặp lại bạn tù xưa để hỏi thăm Thuận, mong gặp anh để nói một lời cảm ơn.

Tôi không biết do đâu mà Nhạc gia tôi quen biết ông Lâm Tấn Lộc, Chánh văn phòng Sở Lao Động thành phố Hồ Chí Minh, tôi điền một lá Đơn Xin Việc Làm, Một Phiếu Lý Lịch, đưa cho ông nhạc tôi, vài hôm sau tôi nhận được giấy báo của Sở Lao Động gọi đi làm, tính ra từ khi ra Trại, đến khi tôi đi làm việc chỉ có 28 ngày.

Sau khi tôi đi làm một tuần, tôi không thấy ký kết giấy tờ gì, tôi vào phòng ông Lộc hỏi ông ta:

- Thưa Bác! Cháu đã đi làm một tuần mà không thấy có Hợp Đồng hay giấy tờ chi cả, những người khác đi làm đều có ký Hợp Đồng, cháu thắc mắc nên xin phép hỏi Bác.

Ông Lộc cười trả lời với tôi:

- Cháu biết không ? Người nào đi làm cũng phải ký Hợp Đồng để đem tới Sở Lao Động duyệt trong kế hoạch đã phân bổ, bây giờ cháu đã làm ngay tại sở Lao Động rồi, đâu cần lo chi, rồi nay mai văn phòng sẽ làm Hợp Đồng, đừng lo gì hết nghe.

Tuy ông Lộc nói vậy nhưng cả tuần sau, ông Phó văn phòng mới đem Hợp Đồng đưa cho tôi ký, chức danh Kỹ sư Cơ khí, lương tháng 63 đồng. phụ cấp mỗi đứa con là 5 đồng.

Tôi đi làm được 10 ngày hay nửa tháng, nhạc gia tôi mời ông Lâm Tấn Lộc, Kiến Trúc Sư Nguyễn Hữu Thiện đi ăn cơm chiều, ở quán ăn ngay bùng binh trước rạp hát Khải Hoàn, chợ Thái Bình, kiến trúc sư Thiện là Kiến Trúc sư trưởng thiết kế Thư Viện Quốc Gia, ông với kế mẫu của nhà tôi là anh em chú bác, cả hai đều có bà con gần với Lê Quang Chánh, Phó chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố, nên kiến trúc sư Thiện lúc đó là Phó Giám Đốc Sở Xây Dựng, kts Thiện và ông Lộc có bà con hay quen biết, nên kts Thiện tránh nhận tôi có liên hệ thân tộc, nhờ ông Lộc đưa tôi vào làm ở Sở Lao Động

Sau đó, năm 1978, Trung Quốc đánh 6 tỉnh phía Bắc, các cán bộ người Hoa hay có họ hàng gốc Hoa đều bị cho nghỉ hưu, Sở Lao Động có Giám Đốc Lâm Văn Sáu, Phó Giám Đốc Tư Kiên (người Hoa), Lâm Tấn Lộc đều được nghỉ hưu, cuối năm Bà Sáu Chương, người thuộc cục R làm Trưởng phòng tổ chức, chuyển tôi về Sở Công nghiệp.

Năm 1982, tôi làm Trưởng Phòng Công Nghệ của Phân Viện Thiết Kế thuộc Sở Công Nghiệp, một hôm ban Giám Đốc Sở mời tôi lên làm việc, trong buổi họp đó do Giám Đốc Lê Thành Phụng chủ tọa, có Đào Anh Vũ, Phạm Văn Bình Phó Giám Đốc, có các Trưởng Phòng Tổ Chức và Đào tạo, Kế Hoạch và Phân Viện Trưởng của tôi cùng họp, sau khi Giám Đốc Sở nói qua việc cần chấn chỉnh Trường thuộc Sở, yêu cầu tôi về đó đảm nhận chức vụ Hiệu Trưởng một thời gian. Ngay sau đó, Giám Đốc Sở hỏi tôi có ý kiến chi không ? Tôi đáp :

- Sở đã yêu cầu thì tôi thi hành, tôi xin cố gắng sắp xếp việc Trường ổn định trong 6 tháng đến một năm, sau đó cho tôi chuyển về lại Phân Viện Thiết Kế như cũ.

Giám Đốc Sở, thường được gọi là Sáu Phụng, cười và nói:

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Cũng như nàng Kiều, sau bao nhiêu năm lưu lạc, nay trở lại chốn cũ, người xưa, có khi anh lại xin ở luôn đó không chừng.

Sau buổi họp, trở về Phân Viện, Phân Viện Trưởng là người Bến Tre, xứ Đồng khởi, theo cha tập kết ra Bắc, có đi du học ở Liên Xô. Tuy không nói ra nhưng anh ta rất thích thu nhận những người Học Tập Cải Tạo như chúng tôi làm việc cho cơ quan anh, anh ta nói với tôi:

- Anh cũng biết, anh Sáu Phụng muốn anh xuống làm việc cho Trường, tôi muốn giữ anh lại cũng khó, tôi cũng muốn dĩ hòa vi quý, anh cứ đi một thời gian, tôi hứa sẽ kéo anh về sau.

Hôm sau, tôi tới Trường bên ngoài là để thăm bạn bè, bên trong tôi đi tìm hiểu tình hình, ông Nguyễn Hữu Quang làm Hiệu Trưởng, có vấn đề chi đó gây mâu thuẫn trong Ban Giám Đốc, ông Hiệu Phó Nguyễn Văn Được tố cáo với Sở. Thế là ông Quang và Được đều bị về hưu, ông Tài, ông Phấn đã nghỉ việc, Trường vẫn còn ông Phan Kim Báu, nguyên là Hiệu Trưởng, sao người ta không chọn ông Báu, lại chọn tôi vốn là một người Học Tập Cải Tạo ? Chắc chắn là ở Trường có người đề nghị tôi, cho đến giờ này tôi vẫn chưa hiểu là ai ?

Tôi có nói với Thầy Vũ Duy Thuận, Nguyễn Anh Đồng là tôi về Trường làm Hiệu Trưởng, ngoài ra những người khác tôi đều không nói việc này

Cuối cùng, thành phần Ban Giám Hiệu gồm có:

Quyền Hiệu Trưởng : Trần Minh Chánh (Bí Thư Chi Bộ)

Hiệu Phó Chuyên Môn: Huỳnh Ái Tông

Hiệu Phó Tổ chức và Chánh Trị : Vương Quốc Đạt.

Tôi không lấy làm lạ về việc Sáu Phụng đề cử tôi làm Hiệu Trưởng trước Ban Giám Đốc Sở, nay tôi chỉ là Hiệu Phó. Bởi vì một người “Nguy quân, nguy quyền” không thể nào làm được Thủ Trưởng một cơ quan, bởi vì dù cho Sáu Phụng muốn, Sáu Vũ (Phó Giám Đốc, phụ trách Tổ chức) cố gắng cũng không thể vượt qua được Ban Tổ Chức Chánh Quyền Thành Phố. Tôi thì Hiệu Trưởng, Hiệu Phó hay Giáo Viên cũng thể thôi.

Giai đoạn đầu khi tôi về Trường rất vất vả, bởi vì ông Trần Minh Chánh cũng như Vương Quốc Đạt đều chưa có nhiều kinh nghiệm về giáo dục về tổ chức một Trường dạy nghề, thi tuyển thì có nhiều, rất nhiều thí sinh nhưng trường ốc, phương tiện hạn hẹp lấy vào một số ít học sinh cho nên tổ chức thi cử quả thật là chật vật, có những giáo viên trẻ, có những nhân viên ở Trường đã nhúng tay vào việc gian lận, tôi tả xông hữu đột, dầu có bắt được gian lận nhưng tôi hiểu, số tôi không bắt được hay bị vượt khỏi tay không phải là không có.

Thông thường, tổ chức thi tuyển, khi nộp đơn, thí sinh kèm theo 2 tấm ảnh 4 X 6, một tấm Trường dán vào Phiếu báo danh, một tấm Trường dán vào một miếng bìa của Phòng thi, có ghi tên họ và số báo danh. Giám thị phòng thi có bốn phần nhận diện thí sinh qua thẻ học sinh có dán ảnh, phải giống với Phiếu báo danh, ảnh Phiếu báo danh phải giống với ảnh nhận diện trên tờ bìa của Phòng thi. Đó là để tránh trường hợp một người nộp đơn, một người khác thi dùm.

Năm đó, có một em thi đậu vào Trường, sau khi gọi nhập học, học sinh phải nộp ảnh để dán vào phiếu khám sức khỏe, ông Trần Văn Sáng báo cho tôi biết có một học sinh, ảnh bây giờ khác với ảnh đi thi, sau khi xem ảnh, tôi quyết chắc em học sinh này khác với em đi thi, có thể khi đi thi em thí sinh giả đã làm thẻ học sinh giả để ba tấm ảnh giống nhau, Giám thị không cách nào phát hiện được.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Biết chắc rằng em đó đã gian lận, tôi cho gọi em học sinh đó vào và nói với em đó:

- Bài của em làm được 8 điểm, tôi không hiểu vì sao bây giờ bài ấy bị mất, Trường không có bài lưu hồ sơ của em. Vậy bây giờ tôi đưa cho em bài của thí sinh 8 điểm và giấy thi đây, em ngồi chép y như vậy, để giáo sư chấm điểm sẽ ghi 8 điểm. chúng tôi lưu vào hồ sơ của em.

Thế là em đó nhận giấy thi, bài thi ngồi chép lại. Để cho em ấy chép xong, giao nộp lại cho tôi rồi, tôi mới mở học tử bản viết ra, lấy bài thi mang tên em ấy, cho em ấy xem và tôi nói cho em ấy biết;

- Nhà Trường phát hiện đây là trường hợp gian lận thi cử, bài thi không phải của em làm, nếu Trường làm ra lớn chuyện liên lụy tới người thi hộ em nữa. Vậy em về nhà mời phụ huynh em vào đây, để chúng tôi chỉ hướng cho gia đình em giải quyết việc này tốt đẹp, không ảnh hưởng tới tương lai của em.

Phụ Huynh của em đó tới Trường, tôi nói rõ việc thi cử gian lận, để tránh mọi chuyện không tốt xảy ra, tôi đề nghị phụ Huynh làm đơn xin cho con thôi học.

Việc này làm cho tôi nhớ lại năm 1974, cũng một vụ gian lận do Tây Trần Văn Sáng phanh phui ra. Năm đó, Trường Kỹ Thuật Gia Định chuyển về một lớp Đệ Tam, Thầy Sáng kiểm soát thấy trong danh sách có một em nhỏ tuổi hơn tuổi quy định là một tuổi, mà em đó là học sinh của Trường Gia Định tức nhiên là em đó đã có thi vào, xem danh sách trúng tuyển năm đó, có tên của em học sinh đó, như vậy thí sinh nhỏ hơn một tuổi bắt buộc được Giám Đốc Nha Kỹ Thuật chấp thuận, và gửi Thông báo này cho nhà trường, chúng tôi xem xét không thấy có Thông báo chấp thuận miễn tuổi, tôi nghĩ có thể có sai sót, nên lên Nha xin xem hồ sơ miễn tuổi cho các thí

sinh thi vào lớp 8 Trường Kỹ Thuật Gia định năm 1972, hoàn toàn không có tên miễn tuổi cho em đó khi thi tuyển. Trong tập hồ sơ của mỗi học sinh, đều có giấy khai sanh, văn bằng Tiểu Học. Chúng tôi suy luận rằng em học sinh đó có thi đậu vào học Trường Kỹ Thuật Gia Định với Khai sinh khác và bằng cấp khác, sau khi vào học ở Trường, gia đình em đó đã làm Khai sinh khác và bằng cấp khác nhờ Trường Kỹ Thuật Gia Định thay đổi hồ sơ.

Để giải quyết, tôi gọi em đó cho em biết rằng hồ sơ chuyển Trường của em giả mạo, vậy em mời phụ huynh đến, để chúng tôi hướng dẫn cách giải quyết. Hôm sau, có một giáo sư Trường Kỹ Thuật Gia Định đến gặp tôi, đề nhờ tôi giúp đỡ trong trường hợp này, tôi nói cho giáo sư ấy biết, đây là một trường hợp gian lận có liên lụy đến Trường Kỹ Thuật Gia Định tráo hồ sơ, Hiệu Trưởng của một Trường Tiểu Học làm giả mạo Văn Bằng Tiểu Học, cách giải quyết của tôi là phụ huynh đến Trường làm đơn xin rút hồ sơ để xin học ở trường khác. Và chuyện này kết thúc ở hướng giải quyết đó.

Năm 1974, tôi làm Chủ Tịch Hội Đồng Giám Thị Tú Tài Kỹ Thuật Phần Hai kỳ hai, ngoài việc mang đề thi, tôi còn mang theo một Thông Báo của Nha Kỹ Thuật, yêu cầu Trường Kỹ Thuật Nha Trang tổng đạt cho một học sinh của trường đã đậu khi thi kỳ một, nhưng Nha kiểm lại em học sinh đó đã bị đánh Rớt vì thiếu điểm, nay em học sinh đó phải dự thi kỳ hai. Nhà Trường làm Phiếu báo danh, làm Thông báo nhờ Đài Truyền Hình Nha Trang thông báo cho em đó biết để dự thi, và em đó đã có dự thi. Về sau, tôi không rõ kết quả thi kỳ 2 em đó đậu hay rớt, theo tôi chắc là Rớt, bởi vì em ấy đã thấy tên mình trên bảng vàng, nên đã nghi xả hơi, ai cũng vậy, đâu có cầm tới sách vở, làm sao nhớ được những công thức Toán, Lý, Hóa. Thi mà không được chuẩn bị thì cầm bằng cái rớt là chắc. Đáng trách các Giám khảo cộng điểm, đáng thương em học sinh kia,



## TRUYỆN CỦA TÔI

mừng hụt thật lớn! Con đường chiến binh đang chờ đón em trước mắt.

Do vô tình hay cố ý, nhưng Nha hậu kiểm dễ phát hiện, vì môn Kỹ Nghệ Họa hệ số 4, giả dụ thí sinh nào làm hoàn hảo, đạt điểm 20 nhân hệ số 4, em ấy chỉ được 80 điểm, đằng này em ấy có 84 điểm Kỹ Nghệ Họa, nhờ đó đủ điểm đậu, sau khi xem lại điểm thật môn Kỹ Nghệ Họa, nhân với hệ số rồi công các môn Toán, Lý, Hóa ... em ấy không đủ điểm đậu, không đủ điểm vớt, đành phải gọi em ấy đến Trường thi lại.

Để tránh mọi chuyện không tốt đẹp có thể xảy ra, tôi yêu cầu tất cả giáo viên cũng như nhân viên của Trường có con, em ruột thi vào học, cứ để các em thi tự nhiên, dù cho các em bị KHÔNG điểm nhà Trường cũng cho phép theo học.



ÔÔ. Võ Văn Thủ, Tuất, Võ Văn Khéo, Cô Nga, Khuru Văn Triệu, Lê Tha, Đặng Trần Nghĩa

Ông Quang về hưu, để lại cho Trường một số học sinh hệ Trung Học, theo phân cấp quản lý, hệ này do Trung Ương hay nói khác hơn là do Bộ Giáo Dục quản lý, Trường mở không được Bộ chấp thuận. Việc đang giằng co để giải quyết tình trạng học sinh ra Trường. Ngoài việc tổ chức cho các em thi tốt nghiệp, tôi phải chạy lên chạy xuống Văn Phòng Bộ Giáo Dục ở phía Nam, đặt tại Toà Viện Trường Viện Đại Học Sài Gòn cũ, ở “Hồ Con Rùa”, để xin được hợp thức hóa Văn Bằng tốt nghiệp Trung Học của các em. Cuối cùng Bộ chấp thuận, tôi phải đích thân tới đó, nộp Biên Bản Hội Đồng Thi, Nhận Văn Bằng Tốt Nghiệp, văn bằng giống y như Hộ Chiếu, bìa màu xanh lá cây, in chữ mạ vàng và quốc huy, tôi nhớ không chắc hình như tôi nhận 48 hay 49 văn bằng này.

Ông Lâm Văn Trân, trước 1975 là Tổng Giám Xưởng, sau này phụ trách về Xưởng, một đêm đi đường bị tai nạn rồi mất, trong tang lễ của ông Trân, tôi gặp lại Thầy Phấn đề nghị Thầy trở lại làm việc cho Trường, Thầy Phấn cho tôi biết là đề nghị của tôi đã quá trễ, đến giờ phút đó, tôi mới biết Thầy Phấn đã chuẩn bị một chuyến đi.

Ông Lâm Văn Trân mất, anh Trần Tứ Hải, giáo sư Trung Tâm Phan Đình Phùng cũ thay thế ông Trân từ đó.

Phòng Học Vụ trước kia Thầy Phấn đảm trách, nay tôi chọn ngôi đó, về Học Vụ thì giao cho Thầy Khưu Văn Triệu đảm trách Trưởng Phòng, có các Thầy Võ Văn Khéo là giáo viên án loát, Cô Tuyết, Cô Sánh, phụ trách về Quản lý Học sinh có Thầy Trần Văn Sáng, anh Lâm Quang Trân, anh Nguyễn Văn Thành.

Trường Nghiệp Vụ có cơ sở ở số 2 Cao Thắng và 2 phòng học ở một cao ốc đường Nguyễn Du, sáp nhập vào Trường Kỹ Thuật Công Nghiệp, có chị Hiệu Phó Nguyễn Thị Sáng, hai

## TRUYỆN CỦA TÔI

Trường được cải danh thành Trường Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Thành Phố Hồ Chí Minh.

Vào cuốn năm đó, ông Phan Kim Báu về hưu, sang năm sau, anh Võ Văn Khéo xin chuyển công tác sang Xí nghiệp Xuất Nhập Khẩu của Ba Toàn, sau này là Xí nghiệp Cầu Tre, anh Khuru Văn Triệu cũng chuyển công tác. Tôi đưa anh Nguyễn Trần Nghĩa, Bí Thư Chi Đoàn Trường lên làm Trưởng Phòng Giáo Vụ, anh Nghĩa tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật, vợ là cô Loan, nhân viên của Trường, nguyên là học sinh Phan Đình Phùng, học sinh Phan Đình Phùng trước 1975, cô nào nhỏ nhất, trông khá xinh xắn, đó là cô Loan này.



Phan Đình Du, Lê Tha, Vũ Duy Thuận, Huỳnh Ái Tông,  
Nguyễn Trần Nghĩa (1983)

Trong năm 1983, Sở Lao Động hướng dẫn sang Trường một phái đoàn Cao Ủy Tị Nạn của Liên Hiệp Quốc, họ muốn tìm hiểu về dạy nghề, về khả năng của Trường để huấn nghệ cho

## HUỖNH ÁI TÔNG

một số người Campuchia đang tị nạn Pon Pốt tại Việt Nam, nhưng cho đến khi tôi rời khỏi Trường, vẫn không nghe thấy gì về chuyện này.

Ngày Nhà Giáo Việt Nam 20-11-1983, nhà Trường tổ chức long trọng như các Trường khác, mời các Thầy cũ đến Trường, đón các em cựu Học sinh trở về thăm Trường, một dịp để các em thăm lại Thầy, Cô. Ngày ấy Thầy, Cô giáo đến Trường dự lễ, vinh danh những Giáo viên tiên tiến, tất cả được nghỉ, không dạy lớp, được các em biếu quà, phụ Huỳnh cũng như cựu học sinh mời đi ăn. Một ngày vui của Nhà giáo, là một ngày thật ấm cúng cho những ai được học sinh cũ còn nhớ tới mình, đem tặng cho một món quà, một cành hoa hay một cây bút.

Anh Trần Văn Sáng về sau xin được một chân tài xế cho một công ty xuất khẩu.



Ông Nguyễn Hữu Quang

## TRUYỆN CỦA TÔI

Hình như trước khi tôi về Trường, dưới thời ông Nguyễn Hữu Quang làm Hiệu Trưởng, nhiều người xin chuyển công tác rất khó khăn, tôi nghĩ rằng, nếu ai không thích nghề dạy học, hay trong thời buổi khó khăn, tìm được chỗ lương hướng khá hơn, nên giúp đỡ họ.

Có những người đi, thì cũng có những giáo viên khác đến, chẳng hạn như từ Trường Đại Học Sư Phạm Thủ Đức phân bổ cho Trường có các giáo sư: Nguyễn Trần Nghĩa, Nguyễn Văn Chiến, Năng, Khải. Ở nơi khác chuyển đến như Cô Nga dạy điện, Cô Lan dạy Hóa, nghe đâu thân phụ cô Lan là một ông Tướng Cộng Sản, cô du học nước ngoài về, một giáo viên nữa dạy ở Xưởng Nguyện hình như du học ở Đức về, Thầy Hưng dạy Kỹ Nghệ Họa ở Long Xuyên cũng được chuyển về Trường.

Trong thời gian tôi làm Hiệu Phó Chuyên Môn, có một Hội Nghị Chuyên Đề Về Giáo Dục Chuyên Nghiệp ở các tỉnh phía Nam, tổ chức tại Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh, nói khác hơn là tổ chức tại Tòa Đô Chánh, tôi phải tham dự, trong Hội nghị này, tôi gặp một em cựu học sinh của Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, nói như vậy có nghĩa là em đó học trước 1975.

Trường có hai anh em ruột cùng một tên, đó là Bùi Nghệ, người Quảng Nam, học sinh mang bảng tên màu đỏ, một gọi là Nghệ anh và một gọi là Nghệ em. Hình như hai em này từ đâu chuyển về chớ không phải thi vào Trường Nguyễn Trường Tộ, Nghệ anh học một thời gian rồi nghỉ học, hình như có lần tôi hỏi, Nghệ em cho biết vì gia cảnh khó khăn nên Nghệ anh nghỉ học về quê giúp gia đình. Nhưng sau này biết ra không phải vậy, em nghỉ vì hoạt động cho Cộng sản.

Gặp lại tôi trong Hội Nghị, Nghệ anh nói:

- Bây giờ em mới biết Thầy !

Tôi đoán em Nghê hiểu lắm, tưởng rằng tôi cũng hoạt động Cộng sản như em, nên nay tôi mới được làm Hiệu Phó và tham dự Hội Nghị này.

Cũng trong Hội Nghị này, ban tổ chức đã đưa đi tham quan một trại cải tạo tù hình sự ở đồn Tổng Lê Chân cũ, vào thăm lán trại của họ, tôi nhớ đến thân phận mình ngày trước, gọi tôi nhớ tới những bạn tù, những gian nan cùng khổ, đói ăn, rét mặc.

Gần hai năm ở Trường Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Công Nghiệp, tôi luôn bị vắn vặt, tự hỏi giáo dục rồi sẽ đi về đâu ? Có lần một Thầy giáo nói với tôi:

- Anh nghĩ coi, ai cũng muốn dạy cho học trò của mình giỏi tay nghề, hữu dụng cho xã hội, giáo dục hiện nay thì lúc nào cũng đặt ra thi đua, tiên tiến, nhưng mà đồng lương chết đói, người có lương tâm cũng không thể làm. Theo chỉ đạo, trong lớp, học sinh dở mình phải dạy, kèm cặp cho nó giỏi, học sinh trung bình mình cũng phải dạy cho nó giỏi và học sinh giỏi mình cũng phải dạy cho nó giỏi hơn. Như vậy, học sinh cỡ nào mình cũng phải dạy thêm hết, làm cho tròn nhiệm vụ này mình cũng ráng làm được, nhưng ăn uống không đủ, làm xong một năm thì thi được thành thoi ra nghĩa địa mà nằm an dưỡng!

Cho nên, học sinh giỏi dở gì mình cũng cho điểm khá hết, để một là khỏi phải kèm cặp dạy thêm, hai là đáp ứng được thi đua để đạt danh hiệu Thầy giỏi, Trò giỏi, tiên tiến, đều đều, nhưng thực chất không ra gì !

Có những giáo viên, tôi muốn động viên họ dạy tốt hơn, nhưng nhìn lại cái ăn, cái mặc, họ cũng như tôi bị ăn “bo bo” là một thứ cho ngựa, cho bò ăn, mà người ta khéo đặt cho nó cái tên “cao lương”, để con người đã bị hóa thành súc vật, ăn thức ăn

của súc vật mà phải nói, phải nghĩ rằng tôi ăn “cao lương mỹ vị”. Cho nên tôi đành im lặng, cúi mặt làm ngơ.

Năm 1984, Phân viện tôi làm việc trước kia, nâng lên thành Công Ty, tôi được Giám Đốc xin về làm Trưởng Phòng Kinh Tế Kế Hoạch, tôi rời khỏi Trường lần này cũng như khi tôi đến lòng rất thanh thản, vì tôi không mong cầu, không được, không mất.

Người xưa có dạy “Nhân vô thập toàn”, tôi hy vọng, hai lần ở hai chế độ tôi không làm một điều chỉ có hại cho đồng nghiệp, nếu có vì vô ý, vô tư của tôi thì xin người trong cuộc tha thứ cho. Tôi nhớ có một lần họp cuối năm về phê bình và tự phê, một chi đồng nghiệp, phát biểu: “Có lúc, anh nói, anh xem chúng tôi như cháu Diệp của anh!”. Quả thật là tôi bị bất ngờ, cho tới nay tôi vẫn nghĩ đối với đồng nghiệp chưa bao giờ, tôi dám bất kính. Tại tôi hống hách hay là tại các chị Tuyết, chị Sánh thấy sao nói vậy!? Thế thì lỗi ở tôi.

Về học sinh, nay các em đã nên người đã đến tuổi “Tri Thiên Mệnh”, chắc nhiều em, đôi lúc cũng nhớ lại những Thầy, Cô giáo của mình. Giáo dục của Á Đông chúng ta đề cao “Quân, Sư, Phụ”, trên có quân vương, thứ đến có Thầy, sau mới đến cha mẹ. Những câu học sinh nằm lòng như “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, về phong tục Tết nhất thì “Mồng một ngày Cha, mồng hai ngày Mẹ, mồng ba ngày Thầy”. Chưa hết đâu, còn nữa “Không Thầy đồ mầy làm nên”, cho nên hồi nhỏ, sáu tuổi đi học lớp “Đồng Ấu”, làm lỗi, bị ông Thầy, bắt chửi 5 ngón tay lại, Thầy cầm cây thước bằng dài trên một thước, thẳng tay khê vào 5 đầu ngón tay, đau đến tận óc. Hai năm trước, tìm thăm Thầy dạy vỡ lòng cho tôi, Thầy ở Tân Quy Đông, gặp Thầy còn khỏe rất mừng, Thầy đã thọ, như tên Thọ của Thầy, đã ngoài 90, chuyện nhớ, chuyện quên nên cảm thấy buồn vì lần này Thầy còn đó, lần sau thăm Thầy có còn nữa hay không?

Dạy các em, tôi luôn luôn tìm cách dễ cho các em dễ hiểu, dễ nhớ để thực hành, nhưng điểm thì cho đến cuối đời, tôi không cho em nào quá 16 điểm, bởi vì tôi có quan niệm, cho điểm cao, các em tự mãn, không cố gắng thêm nữa.

Có một em học sinh tên là Hà Trọng Dũng, không hiểu vì có gì, tôi lại gọi đùa em ấy là Hà Bá, đáng lẽ tôi không nên gọi đùa như vậy. Những năm 1985 cho đến 1990 thỉnh thoảng tôi gặp Dũng, Thầy trò có dịp ngồi uống cà phê, nhắc lại chuyện xưa, lúc đó Dũng ở chung cư trong con hẻm, bên cạnh khách sạn Continental. Phía trước là Building Brink, nay Building này xây khách sạn Hyatt, không rõ em Hà Trọng Dũng còn ở đó hay không?

Một lần, trong giờ học, các em đang vẽ, tôi vô ý hỏi:

- Nhà em nào có chó để không ?

Các em cười một cái rần! Tôi mới biết rằng mình lỡ lời, nên phải nói lại ngay:

- Tôi muốn hỏi nhà em nào có nuôi chó, có chó con, cho tôi xin một con về nuôi.

Sau khi Trường đã bị Ban Quân Quản Sài Gòn-Gia Định tiếp thu, có người cho biết, tôi đã bị một em học sinh tố cáo về việc chi đó. Chuyện đó không làm tôi lo nghĩ chi hết, vì tôi biết mình không làm điều chi có hại cho Trường, cho Giáo sư, Nhân viên cũng như học sinh.

Năm 2007 về Việt Nam, tôi có đi thăm Thầy Khuru Văn Triệu, anh vẫn ở đường Võ Tánh cũ, nay là Nguyễn Trãi, nói chung anh vẫn như xưa, nhưng theo anh cho biết, anh bị ung thư hàm mấy năm trước, phải chữa xạ trị, lúc tôi đến thăm thì việc chữa trị đã xong, mỗi ngày anh vẫn đi làm một buổi, anh đang tập sự



## TRUYỆN CỦA TÔI

cho một người đề về hưu. Anh gọi cho tôi nhớ tới những ngày đầu sau 1975, Trường đã đặt dưới quyền của Quân Quản. Một đêm đi trực gác, có Tư Quỳnh, chị cán bộ R tiếp quản Trường, anh với tôi và một bộ đội bảo vệ, cùng ăn bò nẻ, trong bữa ăn, anh Triệu hỏi về quê quán anh bảo vệ, anh ta cho biết người Thủ Thừa, Long An, chỉ có vậy, nhưng hôm sau, cậu ta bị chuyển công tác và thay một cậu bảo vệ khác. Anh Triệu nói với tôi : "- Chỉ có vậy mà cũng bảo mật !", anh Triệu có người anh đi tập kết, nên anh được về sớm và làm việc lại tại Trường, cho đến khi tôi trở lại Trường, anh được chuyển sang làm quản lý cho một khách sạn khu Nhà Thờ Cứu Thế.

\*

Năm 2008, về Việt Nam, tôi có vào Trường nhưng không có ai quen ở đó cả, vì vào dịp Hè, có cô Thu thư ký ngày trước, cô cũng đi khỏi, tìm đến nhà Thầy Lê Đình Viện, nguyên là Hiệu Trưởng trường Nguyễn Trường Tộ để tìm chút tài liệu của Trường, người ta cho biết nhà Thầy đã đổi chủ, tìm đến khu cư xá giáo sư và nhân viên kỹ thuật ở gần cầu sắt, gặp được Thầy Lưu Minh Tuấn, nhà hai căn xây cao hai ba tầng lầu, trong phòng khách bày bộ xa long gỗ chạm trổ nạm đồ chứng tỏ Thầy đang an hưởng tuổi già. Sang thăm nhà Thầy Phạm Mạnh Tùng, thầy đang chuẩn bị đi ăn sinh nhật của Thầy do vài giáo sư cũ mời, trong đó có Thầy Giảng Huệ Thắng, Thầy Tùng có mời tôi cùng đi, tôi cũng muốn tới để gặp anh em cũ, nhưng trong người chưa khỏe sau khi nằm viện, tôi xin phép đi tìm Thầy Lê Đình Viện. Nhờ Thầy Tùng chỉ, tìm đến địa chỉ 282/68 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 2 Quận Bình Thạnh, nhà cao hai ba tầng, cửa khóa kín, tôi đành ra về, tiếc đã bỏ công đi thăm, nhưng không gặp được Thầy.

Mấy hôm rồi, các em cựu học sinh Nguyễn Trường Tộ và Phan Đình Phùng có báo tin Thầy Trần Mạnh Du ở Mỹ về Việt Nam, tôi nhờ các em xin cho tôi địa chỉ và số Phone, các em

## HUỖNH ÁI TÔNG

gửi cho tôi số Phone của Du. Du với tôi đã từng ăn chung một mâm ngũ chung một sạp trong chôn cải tạo Trăng lớn hơn một năm. Nhớ lại, ngày mới đến Trăng lớn tôi nghĩ chỉ đi học tập 10 ngày như Thông cáo của Ủy Ban Quân Quản, nhưng đến nơi lại thấy họ sắp đặt hình như tính chuyện lâu dài! Trần Mạnh Du một hôm tâm sự với tôi: "- Khi ra đi, tôi đã nói với nhà tôi: 'Anh đi không hẹn ngày về!' ". Ra tù tôi có gặp Du một lần, tại nhà anh gần khu chung cư Nguyễn Thiện Thuật, mới đó mà nay cũng trên dưới 30 năm rồi chưa gặp lại !

Mọi chuyện rồi cũng qua đi, chuyện vui, chuyện buồn gây cho chúng ta ít nhiều xúc cảm. nhưng nếu Ta có làm lỗi với Người thì nên xin lỗi cho mọi Người cùng ta vui vẻ, Người làm lỗi với Ta, Ta tha thứ hết. Được như vậy, đời sống của chúng ta mang nhiều ý nghĩa, người người được an vui, ấm lòng, tăng thêm tuổi thọ.

Louisville 1-2-2009

1-3-2009

# Thăm lại Trường xưa

Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Thủ Đức, tiền phong của nó là Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật được thành lập năm 1962 đặt tại Trường Bách Khoa Trung Cấp Phú Thọ.



Nguyễn Đức Lộc - Huỳnh Ái Tông đồng môn KNH

Năm 1969, Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ giao cho Tòa Đại Sứ Mỹ, dời về ở tạm trong khuôn viên Nha Kỹ Thuật Học Vụ. Năm 1970, từ Ban Mê Thuột tôi được đổi về dạy Trường

này, đến năm 1972 Trung Tâm Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ Thủ Đức khánh thành và bàn giao cho Trung Học Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, Trường rất đẹp, đầy đủ tiện nghi máy móc, nhưng xa trung tâm Sài Gòn nên các Giáo sư Nguyễn Trường Tộ đồng ý giao Trường cho Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật. Cho nên, Nguyễn Đức Lộc và Nguyễn Văn Quyền mời tôi lên Thủ Đức chơi, thăm lại trường cũ, tôi nhận lời và đi, cùng đi còn có Nguyễn Xuân Thới, Hồ Ngọc Điền và bạn của Điền.



Thới, Lộc, phu nhân Lộc, Kim Chi, Điền, bạn của Điền

Để tránh kẹt xe, tôi khởi hành lúc 7 giờ, còn Điền và Thới đi lúc 8 giờ, nên tôi đến nhà Lộc sớm vào khoảng 8 giờ, chúng tôi có thời gian nói chuyện nhắc đến bạn bè. Lộc gọi điện thoại cho Đỗ Hoàng Bá, đưa cho tôi nói chuyện với Bá, Bá nhắc tới Lý Thất và chị Dung phu nhân Lý Thất, rồi Bá cho chị Dung biết tôi đang ở nhà Lộc, chừng 5 phút sau chị Dung gọi tới thăm tôi, tôi được biết Lý thất có con gái ở Mỹ và một cô con gái khác sắp gả chồng về miền Trung, chị Dung được con gái báo lãnh cũng sắp đi Mỹ.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Đến hơn 9 giờ Thới và Lộc mới đến, chúng tôi nói chuyện về Lý Thất và Phạm Văn Tài, hai người bạn đều già từ anh em quá sớm. Chờ đến hơn 10 giờ Nguyễn Văn Quyền đi họp mới về, Quyền đưa chúng tôi vào thăm Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thủ Đức, Trường Việt Đức cũng đã xấp nhập vào Trường này từ lâu. Chúng tôi xem một Phân Khoa do Áo Viện Trợ 4 triệu Euro máy móc, còn cơ sở xây một building 4 tầng do vốn Việt Nam. Rồi Quyền hướng dẫn chúng tôi đi thăm một Phân Khoa Việt Đức, do Đức trang bị Dụng cụ máy móc khá hiện đại, khả năng đào tạo chuyên viên cho các công ty của Đức tại Việt Nam.



Phu nhân Lộc, Lộc, Thới, Tông, Nguyễn Văn Quyền

Đi ngang qua Hội Trường, dải nhà hành chánh làm cho tôi nhớ đến năm xưa, mới tiếp thu trường, hàng đêm chúng tôi phải từ Sài Gòn lên đó gác đêm, chuyện giáo sư Nguyễn Tấn Lợi cùng gác đêm với tôi bị một cô gái mặc áo dài trắng xõa tóc, kéo anh Lợi từ trên bàn rớt xuống đất, huyền thoại về cây sắn đá duy nhất còn lại trong trường, ngày nay nơi đó ngày Tết tất cả Ban Giám Đốc Trường ra đó đốt nhang, mùa thi Sinh Viên đốt nhang nghi ngút khói.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trưa chúng tôi kéo nhau ra quán cơm chay ở chợ Thủ Đức ăn, ăn xong lại quay về quán cà-phê Apple uống, quán nằm trong khu Làng Đại Học Thủ Đức, quán như vậy khoảng chừng 20 quán trong vùng đó, trang nhã nhưng chặt cũng đẹp.

Hơn 1 giờ chúng tôi chia tay nhau, tôi đi viếng mộ nhạc gia tôi trong Nghĩa trang Vĩnh Nghiêm ở Quận 12 (Hóc Môn).

Cuộc họp mặt rất đầm ấm, trên 20 năm tôi mới gặp lại Quyền, Quyền học Cao Thắng sau này, tốt nghiệp Kỹ Nghệ Họa Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, Lộc hình như ngoài 30 năm hay 40 năm mới gặp lại, nhìn lại đã già hết, cái chết sòng sọc đến rồi, nên tránh hiểu lầm nhau để tình bạn ngày càng đậm đà hơn.



Phu nhân Lộc, Lộc, Thới, Nguyễn Văn Quyền ở cà-phê Apple



# Nghiep Nhà Giáo Của Tôi



Ngày xưa, xa xưa rồi, Không Tử được tôn xưng là “Vạn Thế Sư Biểu”, vì ông và những truyền nhân sau này thiết lập định chế cho nền Quân chủ, trong đó đề cao: “Quân, Sư, Phụ”. Đến thời của tôi, nền quân chủ không còn, Mỹ đã đổ quân vào Việt Nam, nền kinh tế phát triển, nhiều người trở nên khá giả, lương Thầy Cô giáo kém, địa vị khiêm nhường. Tuy vậy, xã hội vẫn còn kính trọng nhà giáo, dù không được như xưa. Tết nhất không còn “Mồng Một ngày cha, chông hai ngày mẹ, mồng ba ngày Thầy”.

Khi tôi đi học thì không đến nổi tẹt, nhưng đi thi luôn luôn lận đận. Năm lớp Nhất ở Trường Tiểu Học Châu Đốc, tôi học với thầy Châu Văn Tính, là một thầy giáo danh tiếng, về sau thầy là Hiệu Trưởng Trường Nam, rồi Thanh Tra Hàng Tinh. Lớp của Thầy dạy, nào em ông tỉnh trưởng, nào con các thầy giáo cùng học với tôi, cuối năm tôi đứng hạng nhất lớp, hạng nhì là Trần Văn Bé, năm đó thi tuyển vào Đệ Thất Trung Học Thủ Khoa Nghĩa lấy 300 thí sinh, tôi làm trật hết hai bài toán, vậy mà đậu hạng 51, Trần Văn Bé là thủ khoa của năm 1956.

Cũng năm đó, tôi dự thi vào Trường Kỹ Thuật Cao Thắng, có 3 ngàn sĩ tử dự thi ở Nữ Trung học Gia Long, tôi chỉ làm trúng có một bài toán, vậy mà đậu hạng 132/250. Khi kỹ sư Cao

Thanh Đảnh làm Hiệu trưởng Trung học Kỹ thuật Cao Thắng, ông phân loại, xếp những học sinh giỏi học ở lớp A, rồi B, C ... năm Đệ Tứ tôi được xếp vào Tứ A, Tam A, Nhị A niên khóa 1961-1962, xếp hạng cuối năm 4/37 học sinh, năm này tôi thi rớt 2 lần Tú tài 1 kỹ thuật và 2 kỳ Tú tài 1 phổ thông vị chi là 4 lần thi trong 1 năm đều hỏng cả ! Năm đó hình như là năm thi cuối cùng, sau khi thi viết đậu rồi, còn phải thi vấn đáp, tức là giám khảo trực tiếp hỏi thí sinh. Năm 1963 tôi mới thi đậu nên không còn thi vấn đáp nữa.

Nói về thi vấn đáp cũng nên nói về huyền thoại “giáo sư Đặng Sĩ Hỷ”, thời đó có ông Đặng sĩ Hỷ, Cán sự Điện, ông chưa có bằng Tú Tài mà mở lớp luyện thi Tú Tài, lớp học của ông có kết quả, nhiều người thi đậu, ông cũng thi mà cứ rớt hàng năm, vì người ta bảo ông vào vấn đáp là gặp giáo sư Võ Thế Hào, năm nào cũng bị ông Hào đánh rớt. Chuyện thật hư chẳng rõ, nhưng năm 1975 đi Cải tạo chung với giáo sư Võ Thế Hào ở Trảng Lớn, anh em vui miệng hỏi giáo sư, ông chỉ cười đáp: “Huyền thoại mà”.

Cũng trong trại đó, anh Trần Mạnh Du Tổng Giám thị Trung Tâm Chuyên Nghiệp Phan Đình Phùng kể lại khi anh “vào vấn đáp” môn Vạn vật, bị một nữ giám khảo hỏi:

- Trong lá cây có một cái lỗ. Lỗ ấy là lỗ gì ?

Anh ta thấy cô giáo hỏi một câu, mà người không đứng đắn sẽ cho rằng hết sức tục tiểu, anh ta bí, cô giáo sư cho không điểm và trả lời câu hỏi:

- Đó là lỗ không.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Gần đây, tôi có đọc bài của giáo sư Cao Huy Thuần, khi ông ta vào vấn đáp ở Hội đồng thi tại Huế trong thập niên 50 thế kỷ 20, bị giáo sư Nguyễn Văn Hai hỏi

- Điện là gì ?

Ông ta không trả lời được, bị không điểm và trượt vô chuỗi kỳ thi đó.

Năm tôi học lại, nhà trường bỏ hai sinh ngữ, chỉ chọn một, ông Giám thị cũ thấy đến hết hạn mà tôi không biết, không nộp đơn, thương tình ông nộp đơn dùm và chọn cho tôi học Anh Văn, được xếp vào lớp Đề nhị E, theo sự sắp đặt của Trường lớp A giỏi nhất vậy E là dở nhất, thật ra không phải vậy vì là lớp duy nhất, không thể so sánh với các lớp kia, học sinh khiêu nại, nên Hiệu trưởng Cao Thanh Đảnh đồng ý với Giám Học Lê Thanh Vân xếp các giáo sư giỏi dạy lớp này như Cù An Hưng, kỹ sư Quyền tốt nghiệp ở Grenoble dạy ở Cao Đẳng Điện Học, ông Bùi Xiêm ... nhờ vậy năm đó tôi học hạng nhì toàn năm, thi đỗ Tú tài 1 hạng Bình thứ. Năm Đề nhất, tôi được xếp hạng 8/39 học sinh.

Đậu Tú tài toàn phần rồi, thi vào Trường kỹ sư Công nghệ năm 1964, các bài thi viết tôi đều dự thi đủ, đến môn thi Kỹ Nghệ Họa vào buổi chiều, sáng tôi đi ăn, đi chơi một chút rồi về nhà ăn cơm, đi nằm nghỉ còn 45 phút đến giờ thi, tôi lấy xe ra chạy, chiếc Vélo Solex sáng ngày tôi đi chơi, nó vẫn chạy bình thường nay không chịu nổ máy, đem lại tiệm sửa xe, họ loay quay cố sửa chữa tháo máy ra, ráp máy vào cũng không chạy, họ chịu thua, nhìn lại đồng hồ đã điểm đúng 1 giờ trưa, giờ mà thí sinh đã vào phòng thi, tôi nghĩ có đi đến cách nào cũng trễ từ 20 đến 30 phút, nên đành bỏ thi.

Mấy hôm sau tôi dự thi vào Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, Trường chỉ tuyển 10 thí sinh, đào tạo 2 năm, để trở thành Giáo sư Chuyên nghiệp Đệ nhất cấp, ra trường hưởng chỉ số lương 380, tôi đậu Dự bị thứ 2. Nhìn danh sách trúng tuyển có nhiều anh cũng đậu vào Kỹ sư Công nghệ, nên tôi làm đơn xin học với tư cách Dự thính, cuối cùng kể luôn cả tôi lớp học chỉ còn có 6 người, nên tôi trở thành sinh viên chính thức, trong đó có anh Nguyễn Văn Bài vừa đậu Kỹ sư Công nghệ vừa đậu Sư Phạm Kỹ Thuật, anh chọn theo học Sư Phạm Kỹ Thuật vì theo Sư Phạm có học bổng một ngàn đồng mỗi tháng. Nếu để đào tạo Giáo sư chuyên nghiệp Đệ Nhị Cấp, sinh viên phải theo học trình 4 năm, ra Trường hưởng chỉ số lương 480.

Trong chương trình, chúng tôi phải học cho ngành chính mình sẽ dạy sau này là 20 giờ tuần, xưởng 8 giờ tuần, Anh Văn 2 giờ, Toán 2 giờ, Cơ học 2 giờ, Thể dục thể thao 1 giờ. Năm cuối cùng chúng tôi học một số giờ về hành chánh, về quyền lợi và bổn phận của giáo chức. Đáng lý ra phải học về Tâm lý giáo dục, nhưng vì lý do gì đó không thấy có dạy.

Trường đặt cơ sở tạm trong Trường Bách Khoa Trung Cấp Phú Thọ, do ông Trần Lưu Cung Giám đốc Nha Kỹ thuật Học vụ làm Giám Đốc Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật được thành lập từ năm 1962, cho đến khi ông làm Thứ trưởng Bộ Giáo dục mới thôi chức Giám đốc Nha và Ban Cao đẳng Sư Phạm Kỹ thuật. Năm 1972, Ban Sư Phạm Kỹ Thuật dời lên Thủ Đức, trở thành Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật.

Năm 1966, mãn khóa học, có lẽ vì không có nhu cầu nên Trường giữ lại 2 sinh viên để học tiếp chương trình 4 năm. Chúng tôi ra Trường được phân bổ như sau: Anh Nguyễn Văn

## TRUYỆN CỦA TÔI

Bài về Trung học Kỹ Thuật An Giang, anh Lương Văn Nhơn về Trung học Kỹ thuật Vĩnh Long, anh Trịnh Như Tích về Trung học Kỹ thuật Đà Nẵng, tôi đi Trung học Kỹ thuật Y-Út tại Banmêthuôt.

Thời đó, các Trường Kỹ thuật đều do viện trợ Mỹ đài thọ như Trường Bách Khoa Trung Cấp Phú Thọ, Trường Kỹ thuật Vĩnh Long, An Giang, Đà Nẵng, Nha Trang ... Trường Kỹ thuật Y-Út đặc biệt dành riêng cho dân tộc thiểu số, có các Xưởng Nguội, Kỹ nghệ sắt, Kỹ nghệ gỗ, Máy dụng cụ, Cơ khí Ô-tô, có một ký túc xá 200 giuờng dành cho 200 em học sinh theo học gồm người Chăm ở Ninh Thuận, Rhadé ở Đắc-lắc, Thái ở Tùng Nghĩa Đà Lạt, các sắc dân Thượng khác ở Công-Tum, Plei-ku ...

Các em học sinh được cấp phát đồng phục, 3 bộ/năm, chăn, màn, tiền tàu xe về quê ăn Tết, bãi trường ... Ăn uống hàng ngày 3 bữa: sáng, trưa, chiều. Việc tuyển sinh hàng năm do Bộ Sắc Tộc tuyển chọn, lập danh sách gửi tới trường. Về sau khoảng năm 1970, trường có tuyển mỗi năm 50 học sinh người Kinh, chỉ được theo học chế độ như học sinh các trường công lập, nhằm mục đích giúp cho dân địa phương được hưởng nền giáo dục kỹ thuật và phân bổ học sinh Kinh, thiểu số học chung, để nâng cao sự học của các học sinh trong lớp.

Tôi dạy Trường Y-Út bốn năm, trong đó có gần 2 năm đi lính, Trường thay đổi ba ông Hiệu trưởng, trước tiên ông Đồng Văn Quang, hình như là giáo viên bổ túc, dạy ở Cao Thắng, tôi không có học với ông nên không rõ ông dạy môn chi, tôi dạy ở đó 1 năm thì ông Quang chuyển về Sài Gòn, năm học sau ông Nguyễn Văn Quán Kỹ sư Công nghệ khóa 10 hay 11,

là Phụ tá Hiệu trưởng lên thay, khi tôi biệt phái về tháng 10 năm 1969, thì ông Nguyễn Văn Huệ tốt nghiệp khóa đầu tiên Sư phạm Kỹ thuật đã làm Hiệu trưởng, ông là khóa đàn anh của tôi cùng môn dạy, yêu cầu tôi làm Phụ tá Học vụ kiêm Học sinh vụ, tức là Giám Học kiêm Tổng giám thị, vì tổ chức các trường Kỹ thuật Đệ nhất cấp như vậy, kiêm luôn Phát ngân viên, vì tin cậy, mến mộ nhau, hay muốn cột chân tôi nơi đó, chức Phụ tá chỉ có Sự Vụ Lệnh của Hiệu trưởng mà thôi, còn Phát ngân viên phải có Nghị Định của Bộ Giáo dục, với chức vụ này, tôi được hưởng 0,04% tổng số tiền phát trong năm, tuy vậy cho đến ngày tôi được thôi giữ chức vụ này, tôi không có được hưởng xu ten nào, có lẽ vì tôi không yêu cầu thanh toán, do nghĩ rằng cũng không là bao.

Một giáo sư Trung Học Đệ Nhất Cấp phải dạy 20 giờ một tuần, môn tôi dạy là Kỹ Nghệ Họa, sau 1975 môn này chia ra làm 3 phần Vẽ Kỹ Thuật, Hình học họa hình và Chế tạo máy.

Lúc đi học, biết các giáo sư dạy theo sách Pháp là Dessin Technique et construction mécanique tác giả ông Norbert, gồm 3 tập. Khi ra dạy thì không có sách cũng đành phải lấy sách Pháp tự dịch ra để dạy. Nhờ khi chúng tôi học hai sinh ngữ Anh, Pháp từ Đệ thất (lớp 6 ngày nay) đến Đệ nhị (lớp 11) và trong thời gian học ở Sư Phạm, mỗi tuần đều phải dịch một bài từ sách, báo khoa học rồi viết ra giấy, in Ditto nộp cho Thầy và các bạn cùng lớp mỗi người một bản. In Ditto cũng gần giống như in thạch hay in bột nhưng khác đi là nó dùng alcohol.

Vì dạy môn Kỹ Nghệ Học không đủ giờ, tôi phải dạy Việt văn, Công dân những môn này có sách giáo khoa nên ít mất thời giờ soạn bài.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Hè năm 1967, lần đầu tiên tôi tham gia vào Hội Đồng Giám Thị kỳ thi Trung học Đệ nhất cấp Kỹ thuật tại Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ. Đó là Trung Học Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ ở tại 25 bis Hồng Thập Tự (Nay là Nguyễn Thị Minh Khai), trường ngày xưa gồm luôn cả bót Cảnh sát Quận Nhứt, sau bị Nhật chiếm đóng, rồi Pháp trở lại, cắt phân nửa cho Cảnh sát, trường còn lại một nửa, gồm một căn nhà Hiệu Trưởng 2 tầng, một dãy lớp học 2 tầng, xây dọc theo tường của Tòa Đại Sứ Pháp, một sân chơi, một xưởng nằm gần rào Tòa Đại sứ Mỹ.

Lúc đó tôi mới được biết rằng, thuở đó thi cử tổ chức như sau: Có một Hội Đồng Giám Thị gồm Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch, Thư ký và những Giám thị, Hội đồng này có nhiệm vụ tổ chức cho thí sinh dự thi, nếu thí sinh đông, phải tổ chức hai, ba địa điểm thi mỗi địa điểm là một Trung Tâm, do một Phó Chủ tịch trách nhiệm. Mỗi phòng thi có 2 Giám thị, ngoài phòng thi có thêm Giám thị hành lang, để tiện liên lạc giữa phòng Hội đồng và các phòng thi, cũng như trông nom về an toàn thi cử.

Trước ngày thi Hội Đồng Giám Thị phải họp để phổ biến chương trình thi, phân công, đánh số Phòng, số ký danh chỗ ngồi của thí sinh. Mỗi buổi thi xong Hội Đồng Giám Thị phải niêm phong các bài thi, từng phòng của thí sinh. Sau khi thi xong, Hội Đồng cũng phải họp, ghi nhận ý kiến, nhận xét của Giám Thị để chuyển về Hội Đồng Giám Khảo.

Hội Đồng Giám Khảo, gồm có Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và các Giám khảo. Hội Đồng tổ chức buổi họp trước khi Giám khảo chấm bài, để phổ biến những điều cần thiết, sau đó Hội Đồng đánh số phách và cắt phách các bài thi, Giám khảo họp

theo từng môn đề định thang điểm cho bài thi. Mỗi bài thi đều phải qua 2 Giám khảo chấm, điểm cho căn cứ thang điểm đã định. Sau khi bài chấm xong, ráp phách lại, ghi điểm từng môn cho thí sinh vào danh sách điểm của từng Phòng, sau đó cộng điểm lại.

Sau cùng Hội Đồng Giám Khảo họp lại quyết định số điểm thí sinh đậu, thông thường là thí sinh đạt điểm trung bình là đậu, nhưng nếu năm đó đề thi khó, thí sinh đậu ít, Hội Đồng có thể quyết định lấy thấp xuống để cho số đậu tăng thêm. Hội Đồng cũng xem xét những trường hợp gian lận, có thể đi đến đề nghị cấm thi...

Điểm số Trung học thưở đó là 20, khoảng cách của điểm số là  $\frac{1}{4}$ , nghĩa là 0,  $\frac{1}{4}$ ,  $\frac{1}{2}$ ,  $\frac{3}{4}$ , 1 ... 20, vị chi có tất cả 80, nghĩa là giáo sư có thể cho điểm rất là chi ly.

Hè năm đó, có khoảng 300 giáo chức kỹ thuật, dự một khóa Hội thảo từ 28-7 đến 26-8-1967 tại Trường Kỹ thuật Cao Thắng để soạn chương trình học cho tất cả các môn học trong trường kỹ thuật, từ lớp 8 cho đến lớp 12 từ bài học cho đến bài tập thực hành, cũng trong khóa Hội thảo này đã phân công cho một số giáo chức soạn bài giảng dạy để làm tài liệu giáo khoa sau này. Lúc đó, tôi sắp sửa đi dạy nên cũng được tham dự khóa Hội Thảo này. Nhờ khóa Hội Thảo đó mà giáo dục Kỹ thuật Việt Nam có nền tảng, kết quả chất lượng đào tạo khả quan.

Từ trường Y-Út Ban Mê thuật đổi về Sài Gòn năm 1970, năm sau tôi có xin đi gác thi ở trường Y-Út, đó là kỳ thi tuyển lấy 70 học sinh vào 2 lớp Đệ Thất, trong khi đó các Trường kỹ thuật trên toàn quốc đều chỉ tuyển vào lớp Đệ ngũ mà thôi. Hội

## TRUYỆN CỦA TÔI

đồng thi do anh Mai Văn Tánh, Hiệu trưởng Trung Học Kỹ Thuật Phước Tuy làm Chủ tịch, tôi làm Thư ký.

Do thầy dạy vỡ lòng của tôi là thầy Lê Văn Thọ, làm việc ở Phòng Khảo Thí của Nha Kỹ Thuật Học Vụ, nên mỗi năm vào dịp Hè tôi nhờ thầy Thọ cho tôi đi gác thi ở Long Xuyên, để nhân tiện về thăm nhà, hoặc ở tại Sài Gòn để dạy các lớp học Hè.

Năm nào đó, tôi đi tham gia Hội Đồng Giám Thị kỳ thi Trung Học Kỹ Thuật ở Trường Kỹ Thuật An Giang, năm đó có một đứa em họ dự kỳ thi này, em này lúc thi vào Đề ngữ rớt, tôi làm đơn xin Giám Đốc Nha cho em được học, cũng nhờ thầy Thọ cho Hội đồng cứu xét biết, đó là em họ của tôi, ông Giám Đốc Lý Kim Chân chấp thuận. Kỳ thi này tôi cũng làm Thư ký, trong giờ thi Kỹ Nghệ Họa có hệ số 4, tôi xuống phòng thi, thấy cậu em họ cũng như cả phòng vẽ sai, tôi mới chỉ cho em đó bỏ bài sai, tôi vẽ nháp bảo vẽ theo đó, nhưng gần cuối giờ tôi trở lại, tôi thấy cậu ta vẽ hình vẽ cũ, tôi đành bó tay, năm đó em này rớt.

Sau này, có khi tôi muốn tìm hiểu tại sao em ấy lại vẽ bài cũ ? tôi tự tìm câu trả lời cho thỏa đáng: Một là cậu ta không tin tôi mà tôi là giáo sư dạy môn đó. Hai là Giám thị để tôi giúp, nhưng sau khi tôi đi khỏi, Giám thị tịch thu bài tôi chỉ và cho em ấy vẽ lại bài cũ.

Cũng một lần thi Trung học, hình như năm 1972, tôi tham gia Hội Đồng Giám Thị tại Trường Kỹ thuật Cao Thắng và Hội Đồng Giám Khảo cũng đặt tại trường này, kỳ thi đó có em của giáo sư P.C. thi, anh gặp bạn đồng nghiệp, đều gửi gắm nếu

gác Phòng có em của anh thi, giúp đỡ dùm. Mặc dù suốt kỳ thi tôi không hề được gác Phòng đó.

Trong kỳ thi này có một chuyện đáng nhớ, đó là phần câu hỏi của môn thi Kỹ Nghệ Họa, đề thi ghi rõ cho phép thí sinh dùng sách “Cẩm Nang” để tra cứu. Sách **Cẩm Nang Kỹ Nghệ Họa** của ông Bùi Văn Lễ dịch từ quyển **Aide Mémoire** của Norbert, sách này học sinh dùng để tra cứu các thông số kỹ thuật khi vẽ (thực hành), thí sinh được tham khảo nó để trả lời chẳng khác nào cho phép thí sinh lấy sách ra chép. Sau khi phát đề thi cho thí sinh, tôi lên ngay Phòng Hội Đồng hỏi ông Chủ tịch Nguyễn Hữu Ty, ông ta gọi điện về Nha, Nha trả lời: “Đề thi như thế nào, cứ thế cho Thí sinh làm!”

Lúc các Thí sinh làm bài, tôi chỉ nghĩ đơn giản, đề thi cho như vậy, thí sinh muốn lật sách ra xem, phải xin phép Giám thị đi lấy sách, lật sách sẽ mất thì giờ, chép không kịp, trả lời không hết sẽ ít điểm. Nhưng đến khi chấm thi tôi mới biết, không phải vậy, trong 10 câu hỏi, người ta chọn 6 câu sách in sai, Thí sinh không thuộc bài, chép y chang sách, tức là trả lời sai, câu đó không điểm! Phòng Khảo Thí Nha Kỹ Thuật đã giăng một cái bẫy lớn hại biết bao thí sinh học dốt năm đó.

Kết quả em của anh P.C. thi đậu, anh mời hết anh em đồng nghiệp mà anh đã nhờ giúp, đãi một tiệc ở quán Thanh Tuyền, trên đường Nguyễn Cư Trinh, tất cả đều là đồng môn, nhưng sau khi ra trường dạy tứ tán ở các trường kỹ thuật toàn quốc, nhờ Hè đi gác, chấm thi mới gặp nhau.

Lâu ngày gặp lại nhau, ăn thì ít mà nói chuyện thì nhiều, nói mãi không thôi, có người ngai ngời lâu mới kêu một chai rượu chát độ thứ 5 lít cùng nhau uống. Rượu chát dễ uống nhưng khi



## TRUYỆN CỦA TÔI

say thì kéo dài, rồi chúng tôi chia tay, khuya đó tôi ra xe đò về Long Xuyên, tới bến xe Long Xuyên 12 giờ trưa, tôi mới tỉnh hẳn. Còn anh Trần Phác Lạc lái xe cùng vợ con về Tây Ninh, dọc đường tai nạn xảy ra, con trai anh chết, anh bị gãy xương sườn nằm viện cả tháng.

Cũng hình như năm 1972 này, tôi tham gia Hội Đồng Giám Thị kỳ thi Tú Tài ở Trường Kỹ Thuật An Giang, năm đó rất đáng ghi vì là mùa “Hè đỏ lửa”, thí sinh thi rớt, cầm bằng như *“vắt bút nghiên theo việc đao cung”*, cho nên thí sinh nỗ lực thi, Giám thị bận rộn ngăn ngừa “bùa phép”.

Họp Hội Đồng Giám Thị xong thì được ông Hiệu Trưởng Trần Văn Nên cho biết, ông Phó Tỉnh Trưởng mời tối đi ăn ở quán ăn tôi không nhớ tên, chỉ nhớ địa điểm là trong khuôn viên nhà ông Trường Tiền Sơn, một viên chức thời Pháp thuộc. Tôi nghe phong thanh, ông Phó có con dự kỳ thi này.

Đến dự hôm đó có ba bàn, bàn của ông Phó Tỉnh Trưởng có anh Nguyễn Văn Hội, Chủ tịch, anh Trần Văn Nên Hiệu Trưởng, và vài anh giáo sư khác, một anh Phó Chủ tịch ngồi một bàn và tôi ngồi một bàn khác để cho Hội Đồng Thi san xẻ hòa đồng.

Khi vào tiệc, anh em thấy trên bàn ông Phó Tỉnh trưởng có chai rượu ngoại, 2 bàn còn lại chỉ có bia 33, anh em đã hội ý, nên khi hầu bàn hỏi dùng thức uống gì, anh em mỗi người tùy thích, chỉ uống nước ngọt mà thôi.

Sáng sớm hôm sau, anh Chủ tịch Nguyễn Văn Hội tuyên bố trong phòng Hội Đồng Thi:

- Đây là kỳ thi rất quan trọng, để bảo đảm được kết quả tốt, việc cất đặt Giám thị các Phòng thi do chính tôi phân công mỗi buổi thi.

Tôi hiểu và học được bài học để áp dụng sau này, đáng lẽ ra, là Thư ký tôi có phần vụ phân công các giáo sư làm Giám thị các Phòng, nhưng Chủ tịch muốn phe ta phải gác ở Phòng con ông Phó, không tiện bàn bạc với tôi, anh ta phải tự làm.

Đến ngày thi cuối cùng, họp Hội Đồng Giám Thị, ký biên bản, niêm phong bài thi và hồ sơ xong, tối hôm ấy anh em trong Hội Đồng, cùng nhau đi ăn uống ở một quán nhậu khoảng giữa đường từ thị xã đi bắc Vàm Cống. Lâu ngày tôi quên, nhưng Long Xuyên lúc ấy có vài món đặc sản nổi tiếng ở những quán này.

Đêm ấy, Trường Kỹ Thuật An Giang lấy mấy phòng ở Khách sạn gần đầu cầu Hoàng Diệu, đây là khách sạn lâu đời nhất ở Long Xuyên, nay mới sửa lại đến 3, 4 tầng lầu, mỗi tầng 6, 7 phòng, là một khách sạn sang bậc nhất ở Long Xuyên thời bấy giờ.

Mỗi lần gác thi, anh em ở khách sạn thường tụ tập nhau lại đánh bài, mua vui, một anh ở địa phương đi Chắc Cà Đao tìm hoa hồng về cắm ở phòng, ai đánh bài cứ đánh, ai thưởng hoa, ngắm nguyệt cứ tự nhiên, nghe nói anh Chủ tịch ngắt được một đoá hồng từ quán ăn đem về phòng mình, nên không thấy anh lai vãng chỗ binh “Xập xám”. Tôi thuở nhỏ có người cô dạy đủ cả các-tê, xì-dách, bài cào, tứ sắc, xếp xám nhưng tôi không có máu mê cờ bạc, sau này đi Las Vegas ngủ qua đêm mấy lần, chỉ thả bộ ngoài đường xem đèn, vào xòng bài xem qua, chưa hề kéo máy, chưa đóng xu ten nào để thấp sáng ánh đèn nơi đó.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Thi xong khi về, ông Hiệu Trưởng có nhà ở Sài Gòn, nên ông lấy xe Trường đưa chúng tôi về, lúc xe xuống bến Vàm Cống, mấy trẻ bán vé số cứ mời mọc, anh Hội mua 2 vé, tôi cũng mua 2 vé, chúng tôi nhập chung thành công ty cho vui, chẳng ngờ mấy hôm sau tôi dò trúng một vé 20 ngàn và một vé an ủi 500 đồng, tôi hẹn anh Hội ra Tổng Ngân Khố lãnh tiền, rồi ra ngay góc Tổng Ngân Khố có Bia hơi, hai chúng tôi uống hết số tiền lẻ, chia đôi số tiền trúng giải. Bị quấy rầy phải mua vé số chẳng may nó trúng, đó là số trúng lớn nhất của tôi về vé số Kiến Thiết Quốc Gia. Phải nói là bia hơi lúc đó thật ngon, vì vừa vui trúng số, vừa uống bia, ăn hột vịt lộn!

Năm 1974, Nha thiếu người, Thầy tôi trình Giám Đốc ký Sự Vụ Lệnh cử tôi làm Chủ tịch Hội Đồng Giám Thị Tú Tài 2 kỳ 2 tại Nha Trang, gặp tôi Thầy nói:

- Tao biết mấy bận dạy, mấy ông kia ai cũng đi một lần trong Hè này hết rồi, nên tao trình ông Giám Đốc, mấy chịu khó đi Nha Trang cũng như nghỉ Hè luôn nghe!

Đến nước như vậy, tôi cũng đành phải:

- Dạ!

Một ngày trước khi lên đường, các Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký của các Hội Đồng Giám Thị đều phải tới Nha dự phiên họp, nghe chỉ thị cần thiết trước khi nhận các phong bì niêm phong đề thi, khuôn dấu Hội Đồng Thi và giấy tờ khác. Trước đó chúng tôi nhận Phiếu Trung Vận, đã lấy vé máy bay của Hàng Không Việt Nam. Hội Đồng Thi từ Sài Gòn ra Nha Trang gồm có anh Nhân Phó Chủ tịch, anh Hảo Thư ký, là giáo sư Trường Kỹ thuật Việt Đức, anh có du học ở Cộng Hòa Liên

Bang Đức. Tôi đã trẻ, Nhân cũng tuổi khoảng tuổi tôi còn Hào thì rất trẻ.

Sáng sớm chúng tôi ra phi trường Tân Sơn Nhất, trong phòng chờ ra sân bay thì lại thấy Thầy Dung dạy ở Xưởng Điện trường Bách Khoa Trung Cấp cũng ngồi trong phòng chờ đó, hỏi ra Thầy cho biết đi nghỉ Hè ở Nha Trang. Tôi không học với Thầy Dung, nhưng những năm học ở Ban Cao Đẳng Sư Phạm, Ban này nằm trong trường Bách Khoa Trung Cấp nên biết thầy, Nhân cũng như tôi, còn Hào thì không biết Thầy. Nghe nói thầy Dung là thợ có tay nghề, giúp giáo sư dạy các sinh viên thực tập, nên các sinh viên tôn trọng “nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, gọi là Thầy.

Những chuyến bay C30 hay C46 tôi từng đi đường Sài Gòn Banmethuot hay Huế, đây là lần đầu tiên tôi đi Boeing 727 của HKVN, nó bay từ Sài Gòn ra Nha Trang chỉ mất chừng 20 phút. Ra tới Nha Trang chúng tôi đi ngay về Trường Kỹ Thuật Nha Trang gặp ông Hiệu Trưởng Lại Kim Ty nhờ ông cho mượn một cái tủ để đề thi và các hồ sơ niêm phong lại, sau đó nhà Trường hướng dẫn chúng tôi đến một cái phòng ở tạm và Thư viện, nơi đặt phòng Hội Đồng Thi.

Lần này, có một sự kiện hết sức đặc biệt, Nha giao cho tôi một Công điện khẩn, cầm tay, mang ra trao cho ông Hiệu Trưởng trường, để thông báo cho 1 thí sinh của Trường phải có mặt dự thi, vì thí sinh đó không đủ điểm đậu ở kỳ thi lần 1 sau khi Nha hậu kiểm. Trường có trách nhiệm thông báo cho thí sinh, làm phiếu báo danh, bổ túc danh sách thí sinh.

Khi mọi việc đã xong, chúng tôi ra phố ăn trưa rồi trở lại Trường, kiểm tra các phòng ốc để biết chắc việc tổ chức thi đã

## TRUYỆN CỦA TÔI

được tiến hành tốt đẹp. Cho đến buổi chiều vào khoảng 5 giờ, giờ thầy Dung vào trường thăm chúng tôi, ông mời ba anh em chúng tôi đi ăn cơm chiều, đến nơi xa lạ có người quen mời đi ăn còn gì bằng, thế là chúng tôi ba anh em đi với thầy Dung trên chiếc xe Honda N360.

Thầy Dung đưa chúng tôi ra khách sạn, hình như tên là Hương Giang, đó là khách sạn nằm trên con đường kè và song song với đường ven bờ biển. Trong khi chọn, gọi thức ăn thì thầy Dung cho biết, để gọi thêm bạn tới dùng bữa cho vui, thức ăn vừa mới dọn ra, bữa ăn vừa mới bắt đầu thì một người khách lạ tới, thầy Dung giới thiệu:

- Đây là anh Nguyễn Hoàng Minh giáo sư Điện trường Kỹ thuật Nha Trang.

Trong khi nghe giới thiệu, bắt tay chào hỏi nhau, tôi biết rằng từ trước tới nay, tôi chưa hề quen biết Minh, trong Hội Đồng Thi kỳ này cũng không có Minh, trong khi ăn uống chuyện trò vui vẻ, không khí thân mật Minh mới cho biết, anh có người bác ở Đà Lạt có con thi kỳ này, nhờ anh em giúp đỡ.

Tôi hỏi Minh:

- Trước mặt đông đủ anh em, tôi xin hỏi Minh đây là người nhà thật hay thế nào?

- Với anh em, xin hãy tin tôi đây là người nhà, con của bác tôi, vì tôi không có trong Hội Đồng, không quen biết ai trong ba anh, nên tôi phải nhờ đến thầy Dung ra đây để giúp việc này.

Thầy Dung nói thêm vào:

- Tôi cũng không quen biết nhiều về các anh, nhưng Minh nhờ, tôi phải ra đây giúp Minh, bây giờ chúng ta quen biết nhau cả, việc của tôi đã xong, vậy mai tôi về Sài Gòn nghe.

Sau khi ăn xong, thầy Dung ở lại khách sạn nghỉ, chúng tôi kéo nhau ra bãi biển thuê ghế bố nằm nghỉ. Tôi nói cho Minh biết:

- Tôi không trực tiếp giúp anh, người giúp anh là các giáo sư Giám thị, anh hãy nhờ họ.

Sáng hôm sau họp Hội Đồng Thi, trước khi kỳ thi bắt đầu mọi việc tiến hành tốt đẹp bước đầu, tôi cũng được biết em thí sinh thi rớt khóa 1 đã được thông báo trên đài Truyền hình Nha Trang. Tôi nhớ tới trường hợp anh Nguyễn Văn Hội ở Hội Đồng Thi Tú Tài Kỹ Thuật tại Long Xuyên nên nói với anh Hảo Thư ký Hội Đồng:

- Mọi việc cắt cử Giám thị chánh, phụ, hành lang để tôi đích thân làm.

Mặc dù là thi khóa 2 nhưng có nhiều thí sinh đã rớt khóa 1, nên lần này có tới 6, 7 phòng thi, cho nên khóa thi cũng rất nhộn nhịp.

Trong khi tổ chức thi, chúng tôi được Trường mời dự tiệc tiễn đưa 2 giáo sư, anh Nguyễn Ngọc Xuân và anh Chuỗi thuyền chuyển đến trường Kỹ thuật Y-Út, anh Chuỗi được đề cử làm Hiệu Trưởng, còn anh Xuân năm 1970 bị thuyền chuyển cùng lượt với nhiều anh em khác, trong một vụ cùng đứng đơn thưa Hiệu Trưởng Nguyễn Văn Huệ, bị Hiệu Trưởng quật lại, anh Xuân bị thuyền chuyển đi Nha Trang, trong khi ở Banmêthuôt

## TRUYỆN CỦA TÔI

anh có garage sửa xe, có đồn điền cà-phê ở Buôn Hồ, tôi cũng được chuyển về Sài Gòn cùng lượt với các anh.

Lần đó, tôi mừng anh Xuân được trở về nhà, nhưng vài tháng sau lại nghe tin anh đi xe nhà với tài xế, dọc đường đến đồn điền ở Buôn Hồ, bị lực lượng Fulro sát hại, đáng tội nghiệp cho anh, bôn ba để trở về nhà, không ngờ lại bị mất mạng.

Những ngày ở Nha Trang, có khi tôi đi một mình ra phố lúc ăn ở hiệu cơm Tây, lúc ở nhà hàng Tàu, hôm ở nhà hàng Tàu gặp Đại Úy Nguyễn Văn Lâm ngành Công Binh, sau này không gặp lại, cũng không nghe anh em Công binh nhắc tới.

Một đêm vào buổi tối, sau khi ăn xong, chúng tôi ra bãi biển nằm nghỉ mát, nghe sóng biển vỗ rì rào, thì anh Minh đi tìm chúng tôi, anh nói cho tôi biết:

- Nguy quá! Mấy hôm nay có vài giáo sư canh chừng thằng nhỏ dữ tợn để bắt bùa phép, quan trọng ngày mai thi toán, anh có cách chi, chỉ bảo giúp cho?

Đưa cho tôi tên 3 giáo sư mà anh có thể tin tưởng.

- Họ canh chừng dữ quá thì làm sao?

- Chỉ còn cách là Giám thị Phòng, bắt thằng nhỏ lên bàn giáo sư ngồi làm bài.

Giữa thi viết và thực hành có nghỉ, Minh lấy chiếc Honda đưa chúng tôi đi tắm biển ở Đại Lãnh, biển thật yên lặng và lòi ra xa, không như ở Nha Trang bờ biển dốc quá, tiếc rằng cách Nha Trang đến 60 cây số, vì ít du khách nên cũng không có hàng quán. Tôi cho anh em biết hôm sau tôi sẽ đi Cam Ranh

thăm gia đình người bạn thân, Minh bảo tôi lấy xe đi, tôi từ chối vì bạn tôi sẽ từ Cam Ranh ra đón.

Sau này về Sài Gòn có gặp lại Minh, sau năm 1975 vẫn còn gặp Minh ở Sài Gòn vẫn vui vẻ chào hỏi nhau, nhưng chưa lần nào Minh nói cho tôi biết thắng nhỏ thi đậu hay rớt, tôi cũng không tiện hỏi. Năm kia về Sài Gòn, có người đã cho tôi số phân của Minh đang ở Vĩnh Long, tôi có gọi thăm, Minh hẹn lên Sài Gòn thăm tôi, tôi không đợi có lẽ vì vậy nên không gặp lại.

Trong mấy ngày gác thi, tôi có người bạn cũng ở gần Trường, hình như anh dạy ở Đại học Duyên Hải, đã có hôm mời tôi về nhà dùng bữa cơm tối, món đặc biệt là mực ống dồn thịt chiên giòn, đặc sản Nha Trang, tôi nhớ hàng đêm ra nằm bãi biển thấy có hàng trăm ngọn đèn nhấp nhô trên mặt biển ngoài xa, đó là những người câu mực ban đêm.

Trước đó vào kỳ thi Trung Học Kỹ thuật, có người nhờ tôi giúp cho một em, con của một ông chủ nhà in, trên đường Lê Thánh Tôn gần gần hiệu dầu cù là Matsu, tôi không làm việc này nên không biết, do đó giới thiệu cho anh bạn đồng nghiệp, Lúc ở Nha Trang về gặp anh ở quán cà-phê anh nói:

- Mấy ngày ông đi gác thi, chúng tôi có bữa nhậu để mừng thắng nhỏ thi đậu Trung Học, thiếu có mỗi mình ông. Vậy! Tôi còn nợ ông một chầu, xin hẹn dịp khác nghe.

Nhưng món nợ đó anh không giờ trả được, vì không bao lâu sau miền Nam đã mất, nợ bao nhiêu người ta cũng xóa, huống hồ chỉ nợ một tiệc rượu uống cho vui.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Sau đó, tôi được cử làm Hiệu Trưởng Trung học Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ, Sài Gòn.

Ông Hiệu trưởng nói với tôi:

- Tôi cử, anh đồng ý nhận, nhất định anh sẽ làm Hiệu trưởng!

Một ông giám thị nói với tôi ở bàn cà phê:

- Chúc Hiệu Trưởng trường này có nhiều người chạy chọt, ông đồng ý tôi sẽ chạy trên Bộ cho ông, trả ơn người ta một tiệc rượu tôi đãi thọ.

Tôi cảm ơn, từ chối sự giúp đỡ. Trong khi đó Nha Kỹ thuật đề nghị Bộ cử tôi làm Xử lý Hiệu Trưởng.

Cuối cùng tôi được Bộ ra Sự Vụ lệnh cử tôi làm Hiệu Trưởng.

Trường đã khai giảng từ trước khi tôi nhận bàn giao, niên học đó ở Trường kỹ thuật Gia Định có gửi về một số học sinh để theo học lớp 10, thuộc Đề nhị cấp. Anh Tổng Giám thị Trần Văn Sáng, kiểm tra hồ sơ phát hiện có một học sinh nhỏ hơn tuổi qui định.

Trường hợp nhỏ tuổi hơn mà được vào học thì khi thi tuyển vào phải được Nha Kỹ Thuật chấp thuận, hàng năm trước kỳ thi nhập học Đề ngũ, Nha có một thông báo cho các Trường, những thí sinh nào được chấp thuận miễn tuổi.

Anh Tổng Giám thị đã trình cho tôi xem những chứng từ như: - Thẻ vì Khai sinh, Văn bằng tiểu học, Thông báo miễn tuổi của Nha, không có tên em này. Để biết chắc hơn, tôi vào phòng Khảo thí của Nha nhờ tìm Thông báo miễn tuổi năm ấy ở

Trường Kỹ Thuật Gia Định tuyển sinh vào Đệ ngũ, cũng chỉ thấy có Thông báo miễn tuổi mà Trường chúng tôi cũng có.

Từ đó, tôi suy luận ra, em học sinh đó thi vào với Khai sinh thật, Văn bằng thật, sau khi đậu rồi làm Thế vì khai sanh, làm Văn bằng giả, có sự giúp đỡ của Trường để tráo đổi hồ sơ.

Tôi gọi em học sinh đó vào văn phòng và báo cho biết như vậy, yêu cầu phụ huynh làm đơn xin nghỉ học, rút hồ sơ về. Xem trong hồ sơ cá nhân em này, tôi thấy thân phụ em làm Phó một Ty của Tỉnh Gia Định.

Sau đó, Trường hay người nhà của em ấy có nhờ một anh giáo sư Trường Kỹ Thuật Gia Định đến gặp tôi, anh này tôi có biết là giáo sư, nhưng tôi chẳng quen biết gì. Tôi cho anh ta biết rằng, tôi đã quyết định làm lơ đi, để tránh cho Trường Kỹ Thuật Gia Định đã tráo hồ sơ, tránh cho Bà Hiệu Trường trường Tiểu Học ở Cư Xá Sĩ Quan kia đã ký một Văn bằng giả. Cuối cùng người nhà em này rút hồ sơ.

Năm 1977, đi học tập cải tạo về, muốn tìm một chỗ làm để khởi đi “kinh tế mới”, muốn vào Trường thăm anh em, anh Nguyễn Văn Phấn nguyên Giám Học, nay là Trưởng Phòng Học Vụ nói với tôi ráng tìm một chỗ khác làm, đừng xin dạy lại trường cũ khó thở lắm. May thay! Nhạc gia tôi là anh rể của Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện, người thiết kế Thư Viện Quốc Gia, trên miếng đất khám đường Sài Gòn cũ, Kiến trúc sư Thiện giới thiệu cho tôi làm ở Sở Lao Động, nơi đây có lúc tôi dạy môn An toàn lao động, cho Trường Lao Động Tiền Lương của Sở Lao Động, nằm trên đường Đinh Tiên Hoàng.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Cuối năm 1979, tôi bị chuyển sang Phân Viện Thiết Kế của Sở Công Nghiệp, đến năm 1982, tôi đang làm Trưởng Phòng Thiết Kế, một hôm tôi được mời lên dự một buổi họp của Sở. Giám Đốc Sở Lê Thành Phụng cho tôi biết, Sở quyết định điều tôi về làm Hiệu Trưởng Trường Công Nghiệp của Sở, nó chính là Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ cũ, mấy ngày sau có quyết định chính thức, sau khi được sự chấp thuận của Ban Tổ Chức Chánh Quyền, Quyền Hiệu Trưởng, ông Trần Minh Chánh, Bí thư Chi Bộ Đảng Trường, tôi Hiệu Phó chuyên môn. Vương Quốc Đạt Hiệu phó chánh trị. Tôi có thể hiểu Lê Thành Phụng muốn nhưng không qua được Ban TCCQ. Dẫu sao một anh học tập cải tạo về, được giữ chức vụ đó cũng chỉ vì họ không có người chuyên môn, cả họ và tôi cũng đành phải vậy, tôi chỉ muốn yên thân có chỗ làm, để khỏi đi kinh tế mới.

Trường có sự mâu thuẫn giữa Hiệu Trưởng Quang và Hiệu Phó Được, nên cả hai bị cho về hưu.

Tôi về Trường trong thời gian ngắn thì Trường Nghiệp vụ của Sở cũng thiếu cán bộ, sáp nhập chung với Trường Công Nghiệp cải danh thành Trường Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Thành phố, thêm chị Nguyễn Thị Sáng Hiệu phó nghiệp vụ.

Vài tháng sau, ông Phan Kim Báu nguyên Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ cũ, nay là giáo viên của Trường về hưu, nhà Trường có một tiệc tiễn ông về hưu, tôi mời ông ly rượu và nói:

- Thầy vốn là Hiệu Trưởng của tôi, kính thầy một ly, chúc thầy nhiều sức khỏe.

Ông đáp lại:

- Cảm ơn, chúc ông thành công, luôn luôn giúp đỡ anh em.

Từ khi được nghe Giám Đốc Sở, có quyết định điều tôi về Trường, tôi có điều thắc mắc, Trường còn nhiều người khác chẳng hạn như ông Phan Kim Báu cựu Hiệu Trưởng, Phan Đình Du có họ hàng rất gần với ông Mai Chí Thọ và những giáo sư tốt nghiệp Sư Phạm Kỹ thuật như Trần Hưng Bá, Vũ Duy Thuận ... sao lại chọn tôi, phải có người đề cử, người đó không phải là Thủ trưởng cơ quan tôi, vì anh ta không muốn tôi đi, gần 30 năm sau, có người nói đó là do ông Phan Kim Báu đề cử, tôi không rõ nhưng tin chắc là như vậy.

Lần thứ nhất, cũng một ông Hiệu Trưởng, lần này cũng một ông cựu Hiệu Trưởng, đẩy tôi vào một chức vụ, tôi không muốn cũng không lựa chọn. Thật ra nếu tôi muốn làm Hiệu Trưởng, năm 1970 khi ở Banmêthuột đổi về Sài Gòn, tôi đã gặp ông Lý Kim Chân, ông Chân cho biết Nha muốn chỉ định tôi làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ thuật Kiến Hòa thay cho ông Nguyễn Văn Hoa đi du học ở Hoa kỳ, tôi từ chối. Năm 1973, ông Nguyễn Minh Hoàng Phó Giám Đốc Nha, gọi tôi lên bảo tôi làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ thuật Gia Định ở An Nhơn, thay ông Thịnh, tôi cũng đã từ chối, vì tôi muốn có thì giờ đi học thêm.

Tôi về Trường gần tới ngày thi tuyển sinh, tổ chức thi tốt nghiệp cho hệ Trung Học Kỹ thuật.

Thi tuyển sinh dễ xảy ra chuyện gian lận, nhất là thời kỳ đó các em cần một chỗ học chuyên nghiệp để tránh “Nghĩa vụ quân sự”, nào là mặt trận Tây Nam, nào là mặt trận biên giới phía Bắc. Cho nên không thể nào tránh khỏi được chuyện gian lận

## TRUYỆN CỦA TÔI

trong thi cử. Lần thi đó phải mượn thêm Trường nữ Trung học Lê Văn Duyệt cũ mới có đủ Phòng để tổ chức thi.

Sau khi thi có kết quả, gọi học sinh khám sức khỏe, yêu cầu nộp ảnh để dán vào phiếu khám sức khỏe, làm thẻ học sinh, bấy giờ ở Phòng học sinh vụ phát hiện một thí sinh thi và học sinh đi học không phải là một.

Các kỳ thi tuyển sinh hay lấy văn bằng, trong hồ sơ dự thi, thí sinh phải nộp 2 tấm ảnh bán thân, một tấm người ta dán vào Phiếu Báo Danh, một tấm dán hình của thí sinh vào tờ bì theo thứ tự số ký danh, họ tên thí sinh của thí sinh trong Phòng thi, gọi nôm na là Tập Bìa Nhận Diện.

Trong phòng thi Giám thị phải nhận diện thí sinh qua Phiếu Báo Danh, hình ở Tập Bìa Nhận Diện và Thẻ Học Sinh, người ta có thể gian lận là làm Thẻ Học Sinh giả hay bóc hình ra dán hình khác vào Thẻ Học Sinh, như vậy 3 tấm ảnh trùng hợp nhau, Giám thị không phát hiện được.

Nhưng khi nhập học phải nộp ảnh thật của người đi học, cho nên so với ảnh người dự thi ở Tập Bìa Nhận Diện sẽ khác nhau, năm đó có trường hợp xảy ra như vậy, khi Phòng Học sinh vụ phát hiện giao cho tôi, tôi gọi em học sinh ấy vào Thư viện, cho em chép một bài thi, xong rồi đưa bài của người thi hộ cho em ấy thấy ngay hai nét chữ khác nhau. Tôi nói cho em ấy biết đây là trường hợp gian lận, nhà Trường không muốn làm ra chuyện, yêu cầu người nhà đến làm Đơn xin nghỉ học, rút hồ sơ.

Việc thi tốt nghiệp hệ Trung Học của các em học sinh tiến hành tốt đẹp, nhưng các em thi xong, vẫn đề trở nên rắc rối, vì

Trường không có chức năng dạy hệ Trung Học, không được phép của Bộ Giáo dục mà mở ra dạy 2 lớp. Bộ phận Phía Nam của Bộ Giáo Dục, đặt tại Viện Đại Học cũ ở hồ Con Rùa, không chịu thừa nhận, tôi phải chạy lên Sở lên Bộ, xuống xề ca bài ca “con cá nó sống nhờ nước”. Cuối cùng họ chấp thuận danh sách 49 em tốt nghiệp, họ giao cho tôi 49 Văn Bằng, yêu cầu viết sai cái nào, mang lại “một đổi một”.

Sau một năm rưỡi làm việc ở Trường, tôi nhận thấy về giáo dục, người ta đòi hỏi ở một giáo viên, dạy học sinh yếu kém phải đạt trung bình, em trung bình phải đạt giỏi, em giỏi phải giỏi hơn, thầy cô giáo phải đứng lớp, phải dạy theo giáo trình, phải có giáo án ... nhưng đồng lương “khiêm tốn”, dạy cho đạt yêu cầu, thầy giáo chỉ có nước đi nằm nghỉ địa, vì bệnh viện luôn luôn có thần dược “xuyên tâm liên” trị bá bệnh.

Nhân cơ quan cũ được nâng cấp thành Công ty, Công ty đề nghị Sở điều tôi về để đáp ứng nhu cầu phát triển. Tôi rất yêu nghề nhưng không cam lòng nhìn thấy học sinh không chăm chỉ, thầy cô giáo không thể uống nước lã, cơm độn “cao lương”, tôi đành trở lại Công ty.

Năm 1984, tại Công ty tôi được Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thủ Đức mời, hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp. Sau đó, Trường mời tôi dạy một số giờ môn Vẽ Kỹ Thuật, mỗi tuần một ngày tôi theo xe lên Trường ở Thủ Đức dạy, chiều theo xe của Trường đưa về. Tôi có giảng dạy một lớp giáo viên tu nghiệp hay học để thăng tiến, họ rất lễ phép, có khi vào lớp trễ phải đứng ngoài cửa, chờ tôi cho phép họ mới vào lớp.

Do tôi có công tác, đem máy ép dừa của nhà máy Trương Văn Bền ở Chợ Lớn xuống lắp cho Xí Nghiệp ép dừa 1 tháng 5 ở

Bến Tre, phải đi đi, về về mất thì giờ, tôi phải bỏ dạy, có thể Trường nghĩ rằng tôi đã vượt biên nên bỏ dạy, đó là chuyện bình thường của giáo viên, cũng như những công nhân viên khác thời bấy giờ.

Sang Mỹ định cư, Catholic Charity bảo trợ cho người tị nạn, biết tôi đã dạy học ở Việt Nam, họ tìm cho một công việc làm ở trường Trung học, giúp các em học sinh Việt Nam ở trong lớp học của Thầy, Cô giáo Mỹ, lúc thì ở lớp Nhạc, lúc ở lớp Toán, lúc ở lớp Sử, Địa tùy nhu cầu. Một thời gian lại chuyển tới trường Tiểu học, nơi đây có phòng riêng, hai ba người dạy kèm một số học sinh Việt Nam, một số dạy cho các em biết đọc, viết chữ Việt, dạy làm Toán, dạy làm bài vở của Trường. Làm việc ở Trường lương giờ tuy cao hơn các nơi khác, nhưng so ra, họ tính mỗi ngày chỉ có 6 giờ rưỡi, mỗi năm chỉ có khoảng 180 ngày lương, cho nên tôi đi tìm việc làm khác. Từ hè năm 1992, tôi không còn vướng vào nghiệp nhà giáo nữa, mặc dù tôi rất yêu nghề, bởi vì dạy học được sống gần với tuổi trẻ hồn nhiên.

Tôi khởi nghiệp nhà giáo vào năm 1962, mở một lớp luyện thi đệ thất miễn phí tại chùa Vạn Thọ, Tân Định với các Trường GDPT là chị Hồng Loan, Nguyễn Thị Ngân. Năm sau, tôi dạy lớp Tiếp Liên của Trường Quốc Việt, do cô Tôn nữ Thanh Lan làm Hiệu Trưởng, trường nằm ở dốc cầu Hậu Giang, gần chợ Cây Gõ, dạy được vài tháng, Sinh viên, học sinh biểu tình, các trường bị đóng cửa lên, đóng cửa xuống tôi nghỉ dạy. Sang Mỹ, tôi cũng nghỉ dạy từ một trường tiểu học, chấm dứt nghiệp nhà giáo của mình.

Có một điều lạ, Trường Kỹ thuật Banmêthuôt, cũng như Trường Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ, tôi phải đến và đi hai lần, chức vụ Hiệu trưởng gần như tôi phải làm đến hai lần, như là nợ chưa xong phải tiếp tục phải tiếp tục trả.

Tôi cũng có hợp tác với vài giáo sư mở lớp Hè. dạy Toán, Lý Hóa, Kỹ Nghệ Họa. Cũng có dạy ở các lớp luyện thi ở Trường Kiến Thiết, Tân Thịnh, Nhân Chủ, nhiều lúc phải dạy kèm cho các em vào cả ngày Chủ nhật.

Trước 1975, Trường Nguyễn Trường Tộ có một lớp học có một số nữ sinh, sau này Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ cũng có nữ sinh, tôi không dạy lớp các em, nên nhiều năm tôi quên bẵng đi, sau này gặp lại ngỡ ngàng vì các em dành cho tôi tình cảm đặc biệt, chân thành và kính trọng.

Cuối đời nhìn lại sự nghiệp nhà giáo của mình, vài quyển sách được in bán, vài cô cậu đã nên danh, cho thấy kết quả chưa có gì để hãnh diện với đời về sự nghiệp nhà giáo của mình. Đôi khi nghe tin một em nghèo khó, lòng thấy băng khuâng, nghe tin một em lìa đời, thêm một nỗi cô đơn. Điều ước mong lớn nhất của tôi là thấy các em thành đạt, gia đình được hạnh phúc yên vui, tham gia từ thiện xã hội.

Ngày 2 tháng 8 năm 2011



# Tôi đi lính



*Có người hỏi sao không thấy tôi viết về cuộc đời lính tráng của mình, có gì đáng đâu để viết, thoảng qua một năm tám tháng ba ngày, “một ngày lính, chín ngày tù”, tôi phải đền lại 2 năm 2 tháng 22 ngày trong tù cải tạo. Thôi thì cũng ghi lại để nhớ mình là quân nhân, “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”. Niềm đau nào hơn khi bị mất màu cờ sắc áo, người dân tưởng có Độc Lập nào ngờ nay mất hết Tự Do xin đừng trách người lính, đài BBC Luân Đôn sau 30 tháng 4 đã bình luận “Là một đạo binh hùng mạnh hàng thứ ba Đông Nam Á, sao lại phải thua Cộng sản?!!”.*

Tôi đi lính, cấp bậc sau cùng đến Trung Úy, nhưng ở quê tôi cũng như những năm 70 tôi ở Sài Gòn và ngay cả ở cái thị xã nhỏ bé Ban Mê Thuật, người ta đều không thấy tôi mặc bộ quân phục, mặc dù ở đâu tôi cũng mang nó theo bên mình, cho đến ngày miền Nam bị rơi vào tay Cộng sản, binh sĩ phải cởi bỏ áo quần, rã ngũ, tôi cũng phải ném mấy bộ binh phục của mình, nào là đại lễ, nào là mặc ở văn phòng, nào là tác chiến. Tôi nghĩ mình đã, thôi nghiệp binh, “giã từ vũ khí” từ hôm “ba mươi tháng tư bảy lăm”.

Năm 1966, tôi đi dạy ở Trung Học Kỹ Thuật Ban Mê Thuật, năm 1967 vào kỳ hè tôi cùng với anh bạn đồng nghiệp Lê Văn Hón đi vào Trung Tâm Nhập Ngũ Quan Trung, trình diện khóa 26 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức.

Sau khi trình diện, họ chia thành đội ngũ rồi phát mỗi anh một cái màn và một chiếc chiếu, đó là vật tùy thân, ngủ nghỉ thì mỗi anh một chiếc giường, nằm đâu tùy ý trong căn nhà gạch lợp fibro.

Sáng sớm có nhà thầu đem tới một thùng cà phê đen có đường và bánh mì chả lụa, có người đưa tay trái lấy một khúc bánh mì, đưa tay phải lấy thêm khúc khác, có người lấy cà phê đầy một ca nhựa lớn, vừa để uống vừa để đánh răng, trưa chiều ăn cơm ở nhà bàn, nhưng tôi không ăn bữa nào nên không biết, trong sân trại có con đường tráng nhựa cũ, dọc theo đường trồng những cây bả đậu cho có bóng mát, buổi trưa buồn Trịnh Công Sơn ra bóng mát, trải chiếu trên con đường tráng nhựa vừa đánh đàn vừa hát giải khuây, cũng có vài anh ngồi nghe, số khác có lẽ buồn quá cũng chẳng muốn nghe.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Ở đó, người ta đã cho hưởng chế độ của Sĩ Quan rồi, nghĩa là cứ ăn rồi rong rong đi chơi, còn việc dọn dẹp vệ sinh bắt mấy anh “Tân binh quân dịch” quét dọn, mấy anh này đi làm mà phải xách theo kè kè bên mình cái túi vải đựng vật dụng cá nhân, trông mà thương cho mấy anh dân quê, bị bắt đi quân dịch.

Thường thì Trung Tâm cho đi phép đôi ngày, lần đó tôi được đi phép đến 2 lần rồi cuối cùng cầm giấy hoãn dịch trở về xứ Buồn Muôn Thuở (Ban Mê Thuột cũng gọi là Bánh Mì Thịt, Bụi Mịt Trời) dạy học lại.

Cho đến ngày 10 tháng 1 năm 1968, hai chúng tôi lại được giấy đi trình diện lần nữa, lần này vào cũng quay quần lấy cà phê, bánh mì chả lụa. Nghe Trịnh Công Sơn hát, rồi cũng đi phép.

Vẫn nghĩ rằng cũng như lần trước, chiều ngày 12 hết phép vào trình diện, đến 4 giờ chiều ngày 13-1-1968, được lệnh tập hợp, điểm danh rồi lên xe GMC, xe chạy rời khỏi Trung Tâm Nhập Ngũ Quan Trung thẳng tiến đến Thủ Đức.

Vào đến quân trường, xe dừng lại đổ anh em xuống, đã có những Sĩ quan đứng đợi sẵn, tôi trông thấy trong đám sĩ quan ấy có một người bạn học cũ của tôi là Trung Úy Thi Thái Thành, anh và tôi học chung Đề ngữ D Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng,

Rồi họ gọi tên, chia thành từng nhóm, lựa lúc chia nhóm xong, anh Thành đến bên tôi nói:

- Tôi thấy trong danh sách có tên anh, tôi sợ chúng nó đưa anh vào Trung đội, gặp phải thằng cà chớn, cực thân anh,

nên tôi bóc anh vào Trung đội tương đối đảng hoàng. Trước tôi ở Đại Đội này, nay tôi phục trách Câu lạc bộ, khi nào rảnh anh lên đó tìm tôi.

Tôi cảm ơn Thành rồi theo người Sĩ quan dẫn đi lãnh quân trang quân dụng, xong dẫn về trại chỉ bên kia là khu Dân sinh, sang đó cắt tóc, tắm rửa mặc quân phục vào, tôi trở nên người lính từ ngày đó, thuộc Tiểu đội 1, Trung đội 39, Đại Đội 10, Tiểu Đoàn 3 khóa 27, Sinh Viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ngay những ngày đầu đó, có một Huỳnh trưởng đàn anh thuộc khóa 26, hướng dẫn chúng tôi từng bước một, nào là xếp hàng, đếm số, bắt súng lên vai, bồng súng chào, chào tay, ăn, mặc, đi, đứng, trình diện với cấp trên phải xưng danh đọc số quân .....

Người bạn đồng nghiệp của tôi anh Lê Văn Hớn được phân sang Tiểu Đoàn 4, suốt thời gian huấn luyện Thủ Đức, anh và tôi không hề gặp nhau, vì hai Tiểu Đoàn ở hai khu riêng biệt.

Tôi nhớ Đại Đội tôi có 5 Sĩ quan, Đại Đội Trưởng Đại Úy Nghiêm, Trung đội trưởng Trung đội 37, Thiếu Úy Long, 38 Trung Úy Quang, 39 Trung úy Nguyễn Văn Thiệu, 40 chuẩn Úy Minh.

Đại Úy Nghiêm sau xin đi tác chiến, Đại Úy Cự đến thay thế, một thời gian sau thấy Đại Úy Nghiêm lại trở lại làm Đại Đội trưởng ở khóa sau. Các Trung đội Trưởng thì Thiếu úy Long còn trẻ hơi bốc đồng, Trung Úy Quang nghiêm khắc, Chuẩn Úy Minh cũng như Thiếu Úy Long, chỉ có Trung Úy Thiệu tánh điềm đạm, xuề xòa, bản tánh của người miền Nam, quê ông ở Cần Giuộc.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Khóa 26 Thủ Đức nhiều thầy giáo bị động viên khoá này, tôi còn nhớ có anh giáo sư Tông dạy Trường Sư Phạm hay Tổng Phước Hiệp ở Vĩnh Long, anh Còn với anh Nhân, giáo viên cùng quê với Trung Úy Thiệu, anh Nhi người dong dong cao, nước da ngăm ngăm và một anh nữa thấp người mặt rỗ, giáo viên ở Chợ Mới, Long Xuyên, anh Nguyễn Văn Thi hình như giáo sư Đại Học Sài Gòn, anh Vĩnh Đào trưởng ty Công chánh Đà Nẵng, trung đội này có nhiều anh thuộc hoàng phái ngoài Vĩnh Đào còn có Bửu Cầm, Biên, Vĩnh Cường, một số là Sinh viên học sinh bị động viên.

Trước Tết đại đội tôi được ra bãi thực tập bắn mỗi người một viên đạn với súng trường Garant, rồi nghỉ Tết, mỗi Trung đội chia làm 2, phân nửa nghỉ trước Tết, phân nửa nghỉ từ 30 đến mùng 3 Tết, tôi thuộc về toán nghỉ sau.

Về nhà vào chiều 30 Tết, tôi đi chợ Tết, ăn giao thừa ở nhà, người ta đốt pháo nổ đi đùng suốt đêm, sáng mùng một Tết pháo vẫn nổ ngoài đường phố, chừng 10 giờ đi vào Trường đua, đến ngã Sáu Lý Thái Tổ thấy thiên hạ hót ha, hót hải từ Chợ lớn chạy ra, hồi mới biết Việt Cộng đột nhập, tấn công vào Sài Gòn. Trận Tết Mậu Thân xảy ra như vậy.

Thế là tôi phải nằm nhà, chờ nghe Radio, cho đến mùng Năm mới nghe thông báo Sinh Viên Sĩ Quan Thủ Đức trình diện tại Bộ Tổng Tham Mưu từ 10 giờ sáng ngày mùng 6 Tết. Từ Bộ Tổng Tham Mưu khoảng 3 giờ chiều, mấy chục chiếc GMC có thiết vận xa hộ tống, đưa Sinh viên Sĩ Quan đi phép vào Trường Bộ Binh, số các anh ở tỉnh mấy ngày sau mới về tới Trường.

Trường Bộ Binh cũng bị pháo kích, mấy anh khóa 26 thiệt mạng, từ đó đêm ngày chia nhau ra phòng tuyến nằm phòng thủ, việc học tạm gác lại một thời gian.

Chừng tháng sau mới ổn định học lại, khi thi bắn đổ quân xuống bãi, mỗi người bắn 3 viên rồi hấp tấp lên xe về trại. Ngày gần Alpha, hình như chỉ có 1 đại đội đại diện lên Hội trường làm lễ, Alpha gần xong, anh em vẫn không được đi phép, chỉ được nghỉ 1 ngày ở Trại vì tình hình bên ngoài chưa ổn định.

Sau đó mấy lần, tôi anh em đem giày da ra đánh láng o, nhìn thấy bóng, tôi nghe đạn pháo của VC sáng ra được thông báo cúp phép, có hôm mặc quân phục vàng đi phép, thắt cà vạt đen, đầu đội kết, với huy hiệu màu xanh nước biển, ngọn lửa đỏ, thanh kiếm và phương châm Cur An, Tư Ngụy của Trường, mọi người lòng mừng hơn hờ, vai sánh vai tiến bước ra quảng trường, chờ lên xe. Nhưng sĩ quan xé phép, tuyên bố hủy bỏ ngày phép, vì tình hình Thủ đô vẫn chưa được an ninh. Mọi người đều cảm phẫn nguyên rủa VC, vì đã đốt cháy hy vọng được thăm gia đình, cha mẹ, vợ con, bạn bè và người yêu.

Thời gian đó, tôi có đứa con gái đầu lòng, tôi không được phép về thăm, lòng buồn vô hạn, thấy anh Tông viết bài, gửi đăng báo Công Luận của ông Tôn Thất Đính chủ nhiệm, tôi cũng viết một bài **Những viên đạn đồng** nói lên tâm trạng mình, ước mơ hết chiến tranh, ước mong những viên đạn đồng trở thành những viên kẹo ngọt cho trẻ thơ, tôi không đọc được bài đăng, vài tháng sau đi phép, nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu chúc mừng tôi có con đầu lòng, tôi hỏi sao anh biết, anh trả lời, tôi mới biết anh có đọc bài của tôi trên báo Công Luận. Bài ấy cũng là đứa

con tinh thần luân lạc vì chiến tranh cho đến nay tôi vẫn chưa biết mặt mũi nó ra sao cả !! Tôi mong có ngày sẽ tìm đọc lại.

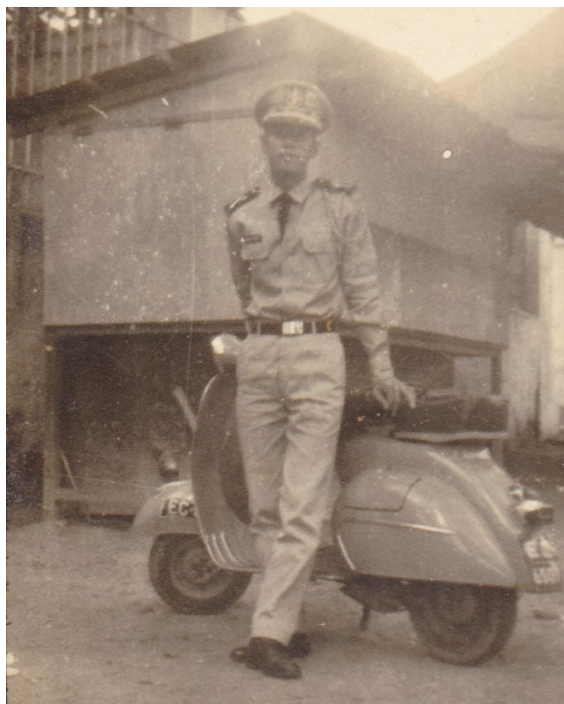
Thời gian thụ huấn bị phạt Hít đất 100 cái cũng là chuyện nhẹ, nặng nhất là Dã Chiến. Một hôm tôi thấy anh Tòng và vài anh khác bị phạt Dã chiến, thấy mà thương, vì anh đã gầy, sức chịu đựng yếu hơn những người khác. Nhưng một hôm toàn Đại Đội bị kiểm tra, bốn Trung đội đều có người bị phạt Dã Chiến, nhìn lại đa số đều là thầy giáo trong đó có tôi. Đó là vào buổi tối, trước tiên mặc y phục tác chiến, mang hết đồ cá nhân, nào là “gà-men”, “bi-đông” đầy nước, “pông-sô”, giày, bàn chải đánh giày, xén cá, súng Garant, lên sân Đại Đội trình diện, sau đó trải “pông-sô” xuống đất, bày tất cả vật dụng lên đó, anh nào thiếu một món cũng bị hít đất vài chục cái, xong chạy về phòng lấy thêm cho đủ, xong lại bỏ vào “ba-lô”, vác lên vai, tay cầm súng chạy quanh sân trại mấy chục vòng, có anh mệt quá xỉu luôn. Xong màn này lại cho lệnh chạy về phòng trong vòng 3 phút, mặc đồng phục đi phép trình diện, thường ra những anh bị phạt đều có đồng đội giúp, có anh đứng sẵn nghe thay đổi cái chi, anh ta chạy nhanh về phòng báo cho bạn bè chuẩn bị, khi nghe mặc quần áo đi phép là anh em đã chuẩn bị sẵn, người bị phạt chạy về tới phòng là có vài anh xúm lại, người cởi giày, kẻ cởi áo người cởi quần, rồi cũng xúm nhau mặc quần áo, mang giày, thắt cà vạt, lau mặt mũi, đội kết lên chạy đi trình diện cho kịp giờ. Bị phạt Dã chiến xong, nằm nghỉ một hai tiếng sau chưa hết mệt. Khóa sinh thâm nhuần lời trong bài hát quân hành: “... *thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu ..*” Lần đó cả Nhân và Còn bạn của Trung Úy Thiệu cũng bị phạt, hình như đó là chương trình giúp cho khóa sinh có sức chịu đựng, biết tinh thần đồng đội. Để sau này sống chết có nhau.

Tôi nhớ trong khóa trình học tập có sinh hoạt Chiến Tranh Chánh Trị, một lần kỷ niệm sinh nhật tập thể, lần khác bình bầu Chiến sĩ Giương mẫu, mỗi Trung Đội bầu lấy 1 Chiến sĩ gương mẫu, Trung đội 8 có anh Đơ được bầu, Trung đội 7, tôi được bầu, mỗi Chiến sĩ gương mẫu được trao tặng một cây bút Parker nguyên tử, cho đến nay tôi vẫn còn giữ làm kỷ niệm, trên thân bút có khắc 2 dòng chữ “Chiến Sĩ Giương Mẫu” và “ĐĐ 2/27”.

Hàng ngày mỗi Tiểu Đoàn có một Sinh Viên Sĩ Quan đại diện trong Ban Kiểm Thực, người này thuộc Trung đội Trục Tiểu Đoàn hôm đó, có bốn phận kiểm soát thực phẩm có đủ, đúng tiêu chuẩn, nấu nướng có vệ sinh không, dọn bàn ăn có đủ phần cho Sinh viên ở trong quân trường hay không. Trục Nhà Bàn này, sáng sớm phải theo xe GMC đi xuống chợ An Đông, kiểm tra nhà thầu giao thực phẩm tươi như thịt, rau, hành ....., đi phải mang súng theo, lên xe thì Sinh viên Sĩ quan dàn xếp với nhau, chỉ cần 1 hay 2 anh theo xe, còn vài anh khác, xe dừng tại Công Trường Dân Chủ khoảng 10 giờ sáng, xuống xe về thăm nhà, đến đúng 1 giờ trưa, xe sẽ rước tại ngã tư Phan Thanh Giản, Hai Bà Trưng. Anh nào theo xe, sẽ được ăn hủ tiếu, bánh bao xiu mại, uống cà phê khỏi tốn tiền. Một lần tôi được Trục Nhà Bàn, tôi không theo xe, về nhà ăn cơm gia đình.

Gia đình thân nhân được thăm khoá sinh, vào ngày chủ nhật. Thân nhân vào khu thăm viếng, đến Ban Tiếp Tân sẽ ghi tên và đơn vị, từ đây gọi điện thoại vào Trại, Trại báo cho Khóa sinh biết và cho phép ra khu Thăm viếng. Gia đình bên vợ tôi có họ hàng với Đại Úy Trần Văn Lộc, thuộc khối giảng huấn địa hình, có nhà trong khu gia binh, nên gia đình tôi có lên thăm, tôi được đến nhà Đại Úy Lộc.





Sinh Viên Sĩ Quan Thủ Đức K 27 (1968)

Khóa 27 là một khóa rất đặc biệt vì nó chấm dứt sự tiếp nối từ khóa 1, nghĩa là không có khóa 28, các khóa sau lấy theo năm, nên khóa kế tiếp là khóa 1/68, tiếp theo nữa là 2/68.. Năm sau 1/69 ... Thời gian học rút ngắn lại, và phải học cho hết khóa tốt nghiệp Chuẩn Ủy mới đi ngành chuyên môn.

Một hôm vào buổi tối, ở khu Dân sinh, tôi gặp Khoa là sinh viên Đại học Vạn Hạnh trước kia, anh cho tôi biết chị Nhất Chi Mai đã tự thiêu ở chùa Từ Nghiêm để cầu nguyện cho Hòa Bình. Đó là lần đầu tiên tôi biết tin tức về Sinh viên Đại Học Vạn Hạnh, sau khi chúng tôi chia tay nhau tại quán chay Tịnh Tâm Trai và chị Mai đưa tôi về Ngã sáu Sài Gòn.

Trong khi chúng tôi thụ huấn thì khóa 26 ra trường, Đơn vị chúng tôi thay đổi là Trung đội 7, Đại Đội 2, Tiểu Đoàn 1, khóa tiếp theo vào, họ đã học ở Quang Trung 3 tháng cơ bản quân sự, tôi đi làm Huynh Trưởng cho một Trung đội của khóa 1/68 và được gặp anh Nguyễn Đắc Thận kỹ sư cơ khí, anh cũng như Thi Thái Thành cùng tôi học chung lớp Ngũ D Cao Thắng, nhưng Thận và tôi cùng học chung tới Đề nghị A năm 1962, vào giờ nghỉ, tôi đưa Thận xuống Cầu Lạc Bộ thăm Thi Thái Thành.

Ngày 21-8-1968, cũng chỉ vài đơn vị đại diện ra Quảng Trường làm lễ mãn khóa, đặt vòng hoa ở Trung Nghĩa Đài, tưởng niệm những Sinh Viên Sĩ Quan khóa đàn anh, đã hy sinh vì chính nghĩa, cho Tổ Quốc Việt Nam, rồi tôi và anh Lê Văn Hớn cùng một số tân Sĩ quan khác được xe đón, đưa về Trường Quân Cự ở Hạnh Thông Tây, Gò Vấp học hai khóa Quân Cự Cơ Bản và Sửa Chữa Quân Xa.

Trường Quân Cự lúc đó do Trung Tá Từ Nguyên Quang làm Chỉ huy trưởng, nghe nói bà Quang là bác sĩ Mai có phòng mạch trên đường Trần Quốc Toản, về sau ông lên Đại Tá làm Cục Trưởng Cục Quân Cự, Thiếu Tá Đoàn Chỉ huy phó, các khóa sinh đặt dưới sự điều khiển của một Liên Đoàn Trưởng khóa sinh, giữa khóa một Liên Đoàn Trưởng mới từ vùng IV về, đó là Thiếu Tá Vũ Văn Trung, năm sau ông và tôi trở thành bạn học, sau này ông có biệt danh là nhà phong thủy Cao Trung.

Trung Tá Quang và nhiều sĩ quan buổi trưa ăn cơm ở nhà bàn, buổi chiều họ về ăn cơm nhà. Các khóa sinh sĩ quan và sĩ quan Trường ngồi chung trong một nhà ăn, bàn ăn xếp hình chữ U,

sĩ quan Trường ngồi ở dãy giữa, dãy 2 bên là sĩ quan khóa sinh, mỗi mâm 4 người, thức ăn như nhau, riêng mâm của Chỉ Huy trưởng, mỗi bữa ăn có một khóa sinh thay phiên nhau ngồi ăn với Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó, Liên đoàn trưởng, trong bữa ăn Chỉ huy trưởng thăm hỏi gia đình, tâm tư của khóa sinh.

Không như Trường Bộ Binh Thủ Đức có nhiều khóa sinh, nên những quân nhân từ Hạ Sĩ quan học lên Sĩ quan, Thủ Đức có những khóa Đặc Biệt và khóa sinh thuộc các Đại Đội Đặc Biệt viết tắt là ĐB, có nhiều anh gọi là Đầu Bò, còn ở đây những sĩ quan từ hạ sĩ quan lên muốn chuyển ngành, được học chung với các sĩ quan chúng tôi từ Thủ Đức sang, trong đó có Trung Úy Nguyễn Văn Châu, Chuẩn Úy Tiên... đặc biệt có Đại Úy Để nhà ở ngay trước cửa rạp Cao Đồng Hưng, cũng được gửi theo thụ huấn khóa này.

Những khóa sinh ngày học tập, đêm phải canh gác, riêng anh Long và anh Nhơn mỗi tuần 1 đêm, đi theo toán tuần tiểu hỗn hợp, gồm có quân đội, cảnh sát và Quân cảnh. Tại Trường đêm Hạ sĩ quan hay binh sĩ phải canh gác ở các vọng gác chung quanh trường, sĩ quan chịu trách nhiệm tuần tra, cứ 2 giờ thay phiên một lần. Trường Quân cụ ở vào vị trí gần như tiền đồn của thành phố Sài Gòn-Gia Định, nó gần với Xóm Mới, thông với An Phú Đông là một địa danh kháng Pháp, mới Tết Mậu Thân ở mấy vọng gác cũng bị Việt công tấn công, phá sập một vọng gác, hai bên đều có người tử trận, cho nên chúng tôi phải tuần tra, canh gác nghiêm ngặt.

Một đêm sau khi đi một vòng tuần tra các vọng gác trở về, tôi ngồi ở tam cấp phòng ngủ mặt hướng về phía trước đó là nhà ăn, giữa nhà ăn và dãy trại của chúng tôi là những bụi chuối,

những cây và lá chuối che ánh trăng, tạo thành những bóng đen, đêm thật yên tĩnh làm cho nổi thất vọng trong tôi tận cùng, tôi thất vọng về chuyện nhà, chuyện danh dự cá nhân tôi, tôi đã để cây súng Carbine giữa hai bắp chân, để súng trên bậc cấp cuối cùng, mũi súng chia vào yết hầu, nhẹ tay mở chốt an toàn, tôi định kết liễu cuộc đời trong đêm đó, tôi chỉ cần đưa ngón trỏ vào bóp cò, một tràng trung liên sẽ nổ, phá tan cảnh tịch mịch đêm trường, hồn tôi thoát khỏi xác, sẽ nhẹ nhàng vào cõi hư vô.

Giữa sự sống chết bằng sợi tóc, tôi bỗng chợt nhớ đến kinh sách, nghiệp của mình, mình phải trả, nếu trốn tránh, kiếp sau cũng phải trả, hơn nữa mình tự bóp chết sự sống của mình, linh hồn sẽ không có xác thân nương tựa, sẽ vất vưởng trầm luân còn chịu nhiều khổ ải hơn, người ta sinh ra để học những bài học ở trần gian, mỗi kiếp sẽ trải nghiệm để tiến hóa cao hơn. Nhờ nghĩ được vậy, tôi chấp nhận phải sống tiếp, vượt qua các thử thách của cuộc đời.

Mãn khóa vào trung tuần tháng 4 năm 1969. Đêm cuối cùng khóa sinh chúng tôi tổ chức Dạ vũ. Tôi không biết những khóa khác ra sao riêng khóa tôi có nhiều nhà giáo dạy phổ thông các Trường Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi ... nào là anh Chương, anh Thái, Quang, Danh ..., trong đó có anh Nguyễn Văn Chương nhà có xe du lịch, Kỹ thuật có anh Khoái, Long, Nhân, Lân, Hón và Tôi, có 3 anh Không quân, có anh Long Không quân đẹp trai hơn cả, tánh hay đùa giỡn, miệng luôn luôn nở nụ cười, dễ gây cảm tình với người khác, còn anh Quang, khi tập lái Xe Tăng, huấn luyện viên bảo thắng, anh ta lính quỳnh không kéo thắng ở hai tay mà đạp ga, xe phóng ngay cầu tiêu ủa tới, nhiều anh ngồi trên xe sợ quá nhảy xuống té bò càng!

## TRUYỆN CỦA TÔI

Kết quả sập hết hai cầu tiêu trong doanh trại, quân ta trải sơ sịa. Trong số nhà giáo chúng tôi, có anh từng kinh nghiệm tổ chức, nên đêm Dạ vũ ấy có cô Phăng Si Lao, một vũ công chuyên nghiệp, có màn trình diễn đặc biệt thoát y vũ, tôi tưởng chỉ có phái đàn ông mới háo hức xem màn trình diễn thoát y, không ngờ các bà tới màn ấy kéo ghế ra ngồi sát sàn nhảy, để xem cho tận mắt hay các bà muốn che bớt, cho mấy ông không thấy hết những điều nóng bỏng, kêu gọi đầy dục cảm. Cũng có vài ca sĩ trình diễn, Dạ vũ nguyên đêm, nhiều người cho là đáng đồng tiền bát gạo.

Ngày 15-4-1969, anh Hớn và tôi trình diện tại Liên Đoàn 4 Quân Cụ ở Cần Thơ, bên vợ của giáo sư Lưu Khôn và anh Hớn cùng họ hàng nên anh Hớn và tôi trú ngụ tại nhà giáo sư Lưu Khôn. Trong khi chờ đợi phân bổ, chúng tôi được đi phép, tôi về Sài Gòn, đến ngày trình diện, tôi đi đến Vĩnh Long trời đã về chiều, không còn xe chạy đi Cần Thơ, tôi đáp chuyến xe Lam cuối cùng, trên xe chỉ có tôi là quân nhân mặc quân phục, sau này mỗi lần nghĩ lại mới thấy mình “điếc không sợ súng”, bởi vì đường đi không an ninh. Từ Cần Thơ đi Sóc Trăng, Sóc Trăng đi Bạc Liêu, Bạc Liêu đi Cà Mau quân đội phải đi theo đoàn Convoy.

Lần sau này, tôi không ở nhà giáo sư Lưu Khôn, mà ở nhà ông Trương Ty Kiến Thơ vì có họ hàng bên vợ tôi.

Khi được phân bổ, anh Hớn về kho đạn Bình Thủy, Cần Thơ, có một anh về ngay Đại Đội Quân Cụ 401 đóng ngay tại thị xã Cần Thơ, tôi về Đại Đội 21 Quân Cụ, đóng tại Thị xã Sóc Trăng là Đại Đội Yểm trợ Sư Đoàn 21 Bộ Binh, Bộ Chỉ Huy

Sư Đoàn đặt tại Thị xã Bạc Liêu, do Tướng Vĩnh Nghi làm tư lệnh.

Khi đã phân bổ rồi, tôi ra chỗ tập trung xe, chờ đến hai ngày sau mới có đoàn Convoy đi từ Cần Thơ về Sóc Trăng, đó là xe của Đại Đội Quân Cụ 403 cũng đóng ở Sóc Trăng. Trưa đoàn xe khởi hành, chiều mới tới Sóc Trăng.

Tôi tìm được đơn vị, vừa mới trình diện với Đại Đội Trưởng Nguyễn Ngọc Sang thì có anh Trung sĩ đứng chờ sẵn mời tôi đi gặp bạn.

Bạn tôi đó là Chuẩn Úy Hồ Ngọc Thu, con của giáo sư Hồ Văn Vầy có dạy tôi ở Trường Cao Thắng, Thu và tôi cùng học chung lớp Đề ngũ D, từ đó Thu đã kèm cặp tôi uống rượu.

Đại Úy Đại Đội Trưởng Nguyễn Ngọc Sang, cũng học ở Kỹ Thuật Cao Thắng trước chúng tôi nhiều năm, là đàn anh, nên ông thông cảm với Thu và tôi, ông nói với tôi:

- Chuẩn Úy Thu cũng như anh đều có đơn xin biệt phái, vậy anh cứ ở chơi cho vui vẻ rồi sẽ về !

Lúc đó là lúc đơn vị đang di chuyển sang chỗ trú mới, là một nơi huấn luyện địa phương quân, nó nằm ngoài châu thành, trên đường đi Bãi Xàu, cách đài phát thanh Ba xuyên chừng 2 cây số, cách thị xã chừng 1 cây số. Đây chắc là ngôi nhà giàu xưa, nhà lợp ngói móc, tường xây tô, nhà bếp, nhà kho cũng đều xây tô lợp ngói móc, đơn vị cũ xây thêm những dãy nhà tiền chế, sườn sắt, lợp phíp-brô, tường xi măng ống, chung quanh có giao thông hào, có mô đất phòng thủ, và hàng rào kẽm gai kiên cố, không sợ bị địch tấn công, chỉ sợ bị pháo kích

mà thôi. Ở đó nhìn qua bãi xe phế thải bên kia đường, xa hơn một chút có vườn cây, thấy doi đậu trên những cành cây ở Chùa Dơi.

Ngôi nhà lớn dành cho gia đình Trung Tá Điều ở, chúng tôi được ở trong nhà kho chỉ có một cửa ra vào và một cửa sổ, cách nhà lớn một lối đi chừng thước rưỡi, thiếu tiện nghi nhưng chúng tôi chỉ dung chỗ đó để ngả lưng xuống ngủ mà thôi, về điểm này nó là chỗ an toàn. Nói chung khu doanh trại của Tiểu Đoàn khá an ninh.

Trong những ngày chuyển trại, một buổi trưa tôi ra ngồi quán uống bia, cũng là cái quán đã uống hôm mới đặt chân đến, tôi gặp một người quen cũ, đó là chú Chín Hồ, chú mặt rỗ lại nói ngọng, nhà chú trước kia sát cạnh nhà cũ của tôi, khi tôi lên 4, 5 tuổi, lúc đó chú theo chị của chú sinh sống ở quê tôi, chú thím có 2 đứa con gái, tôi chỉ nhớ đứa lớn tên Liễu, sau chú dọn về quê chú là đây. Chị của chú là vợ kế của một người ở xóm tôi, đó là một tiên ông, nên bà ta đã ăn nằm với ông thân tôi lúc còn trai trẻ, sanh ra một chị gái vẫn là con ông tiên. Chị ấy khá xinh, có chồng con rồi chết. Chú Chín Hồ nói với tôi:

- Ê! Bữa nào rảnh rồi mày xuống tao chơi, thím mày với mấy em chắc mừng lắm!

Khi chú đi rồi, anh Trung sĩ Liêm cười nói với tôi:

- Ông ấy quen với Thiếu Úy, nhưng dưới đó Việt cộng không đó! Không nên đi nghe ông.

Sĩ quan Đại Đội còn có Đại Đội Phó Trung Úy Phương, Sĩ quan Văn Phòng Cơ Xưởng Trung Úy Tâm, Sĩ Quan Tiếp Liệu

Trung Úy Long, Trung Úy Ráng trung Đội Sửa Chữa, Thiếu Úy Danh (lúc đó Danh đang chuẩn bị thuyền chuyển về Sài Gòn), Chuẩn Úy Cảnh Trung Đội Trưởng Sửa Chữa ở Chương Thiện, Thiếu Úy Huệ Trung Đội Trưởng Sửa Chữa ở Bạc Liêu và Chuẩn Úy Thu. Chừng tháng sau hình thành Tiểu Đoàn Tiếp Vận, Trung Tá Ngô Văn Điều Tiểu Đoàn Trưởng, Thiếu Tá Đơn Tiểu Đoàn Phó, Trung Úy Châu Đội Đội Trưởng Đại Đội Công Vụ, ông này theo học cùng khóa Quân Cụ với tôi, Chuẩn Úy Lụa Sĩ Quan Quân Số, Thiếu Úy Vinh, Thiếu Úy Khanh Sĩ quan tài chánh, các đơn vị Truyền Tin, Quân Vận, Quân Nhu nhập vào có Thiếu Úy Tuấn ở Truyền Tin, Thiếu Úy Kính Quân Vận, anh Kính nguyên là giáo sư Trường Kỹ Thuật An Giang. Đại Đội 21 Quân Cụ trở thành Đại Đội Bảo Toàn thuộc Tiểu Đoàn 21 Tiếp Vận.

Các Thượng sĩ có Tường quê ngoại ở Năng Gù, Long Xuyên, Thượng sĩ Công, Thượng sĩ Nửa, Thượng sĩ Tôn Thất Thiện, Thượng sĩ Truyện, Thượng sĩ Thượ, Thượng sĩ Tiền, Trung sĩ như Trung sĩ Võ, Trung sĩ Liêm, Trung sĩ Tháo ...

Trong đơn vị Truyền Tin, có anh Trung sĩ Kính, ở cùng quê với tôi, anh nhận biết tôi, tôi cũng nhận ra anh, tôi nhớ mang máng hình như có họ hàng xa từ đời ông Cố, anh Kính cho tôi biết có người cùng quê là Lao Công Đào Bình, hỏi kỹ ra nó là thằng Còn, gọi tôi bằng Cậu, mẹ nó với mẹ tôi là bà con họ hàng, tôi đi thăm nó trong trại tù, mua cho một ổ bánh mì thịt. Kính cho biết tôi có thể lãnh nó ra, nhưng thật tình bà con xa, tôi không có nhà cửa ở đó, vả lại lãnh nó ra tôi phải trông nom nó là tù, chẳng may nó trốn, tôi lãnh đủ. Thương nó, tôi chỉ biết thương và đi thăm mà thôi.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Trong thời gian này, một hôm hạ sĩ quan trực báo cho tôi biết:

- Thừa Thiếu Úy có Đại Úy Phương Quân Vận ở Cần Thơ báo cho biết vợ ông đã sanh con gái.

Lại một đứa con nữa sanh mà tôi không có nhà, tôi mới đơn vị, cũng chưa được phân công làm gì, tôi có thể xin đi phép, nhưng đường xá không an ninh, đi phải có Convoy về cũng phải Convoy. Thôi thì đành chờ lúc thuận tiện.

Trung Úy Tâm chuyển làm Đại Đội Trưởng 401 ở Cần Thơ, Trung Úy Ráng lên làm Sĩ Quan Văn Phòng Cơ Xưởng, Chuẩn Úy Thu Trung Đội Trưởng Hậu Cứ, tôi Trung Đội Trưởng Sửa Chữa yểm trợ Trung Đoàn 32 đóng tại Thị xã Cà Mau.

Tôi đi nhận bàn giao đơn vị phải quá giang đoàn Convoy của Trung Đoàn 32. Thượng sĩ Tôn Thất Thiện nghe đầu trước anh thuộc ngành an ninh quân đội, dính liểu vào biến động Miền Trung năm 1966 nên bị chuyển vào Nam, khi anh biết tôi sẽ thay anh, biết tôi là Phật tử anh tận tình hướng dẫn giúp đỡ tôi. Anh đưa tôi sang chào xã giao Trung Tá Chung Văn Bông, tôi đã được Tường cho biết ông ta cũng ở Năng Gù, nhưng tôi nghĩ mình đâu có gì nhờ vả, nên trong lần gặp duy nhất này, tôi không nói gì về ông và tôi người đồng hương.

Anh Thiện có xin cho tôi một giấy chứng nhận huy chương tập thể Anh Dũng Bội Tinh của Trung Đoàn 32. Đó cũng là huy chương duy nhất tôi có trong cuộc đời binh nghiệp của mình.

Anh Thiện năm đó chừng 40, Thượng sĩ nhiều kinh nghiệm, nên sau khi bàn giao, anh ở lại chơi với tôi gần hai tuần mới trở về trình diện đơn vị.

Đơn vị tôi lấy cái sân quần vợt của Ty Tiểu Học đồn trú, gồm có một chiếc xe có dụng cụ để sửa chữa nhẹ, một xe Dodge và một Citerne để lấy và chứa nước, cạnh đó có một Mobile home của Mỹ, thỉnh thoảng tôi thấy có người dân quê vào ra lặng lẽ, anh Thiện nói với tôi, nơi đó mấy người nhà quê bán tin cho Mỹ.

Ngoài Thượng sĩ Truyện là Trung Đội Phó còn có mấy lính thợ như Nguyễn Văn Be, Trần Văn Bé, Nguyễn Văn Hòa, Lê Văn Nhon, Trương Văn Nam và Nguyễn Văn Tiến. Be thường ngày đi sửa xe cho một garage nào đó, Hòa đôi khi lãnh sửa xe tại nhà của người ta, Bé có vợ, nhà cất bên bờ kinh, còn lại mấy tay khác chẳng làm chi, ngày tối ở trong trại lá ba gian, hai gian ngủ nghỉ, một gian làm bếp giao cho Nam quản lý, nấu ăn.

Có lần Bé mời chúng tôi đi ăn giỗ, hôm ấy có ông già vợ Bé và vài người khách khách, Thượng sĩ Truyện biết tôi yếu rượu đế, ông kể tai nói nhỏ:

- Thiếu Úy đừng từ chối, có tôi phụ cho!

Thế là ly tôi người ta rót ra tôi nhấp môi một chút, Thượng sĩ Truyện len lén uống hết.

Chuyện khác, mấy cậu lính tôi dẫn dò:

- Thiếu Úy đừng có tìm gái Thái Bình nghe! Có huông cụt giò đó ông!

## TRUYỆN CỦA TÔI

Một lần Thượng sĩ Truyện đi phép về thăm gia đình ở Sài Gòn, có Chị Hai quen với Thượng sĩ Truyện, thường lui tới, chị ấy chuyên hút thuốc lá Rubby Queen, lính tôi gọi là bà Hai Rubby, hôm ấy tôi chị ghé chơi, không biết chị có biết Thượng sĩ Truyện về Sài Gòn hay không, tôi tin rằng chị biết, nhưng quen tạt ngang, mấy anh lính rũ chị ấy đánh bài tứ sắc, đến hơn 10 giờ, mọi người chán đi ngủ, chúng tôi nói với chị:

- Giờ này bà Hai cũng không có xe về, ông Thượng sĩ không nhà, thôi bà ngủ tạm với ông Thiếu Úy vậy!

Chị tự nhiên vào nằm bên tôi, nó là cái giường nhỏ làm sao đủ hai người, tôi phải mở cửa xe vào trong ấy ngủ cho được rộng rãi, xa vợ con, mèo nào tha mỡ, tôi lại nghĩ coi chừng chị ấy chê mình không phải đàn ông con trai, tôi được một đêm chịu đựng.

Khi Thượng sĩ Truyện về, tôi nói với ông cho mọi người cùng nghe:

- Chị Hai Rubby tới, không có ông ở nhà, tôi thay thế ông tiếp đãi đằng hoàng đó nghe!

Thượng sĩ Truyện nghe xong cười vui vẻ ra mặt.

Tôi có quen với một anh Biên Tập Viên Cảnh Sát, anh làm Trưởng Phòng Hành Chánh, anh có lấy vợ người địa phương, anh xin cấp nhà ở trong Ty, mỗi lần đi thăm anh, thấy nhiều người tù tội nằm ngổ la liệt, trông thật đáng thương, nhiều khi muốn đi thăm anh, ngại nhìn thấy cảnh ấy lại thôi.

Ngoài chợ có một tiệm ăn đêm tâm Đông Viên, sáng có hủ tiếu, bánh bao, xiu mại, có một chú nhỏ chừng 13, 14 tuổi chạy

bàn, không biết quen ai trong đám lính của tôi, cứ mỗi sáng thứ ba, chừng 10 giờ nó bung vào một thau xiu quách, một chai xá xị pha đá, để cho lính tôi và nó cùng ăn uống.

Biết tôi chưa biết lái xe, Thượng sĩ Truyện sang Trung Đoàn mượn cho tôi một chiếc Jeep lùn, cậu Hòa với Tiến lái ra phi trường lót ghi sắt rộng thênh thang, cho tôi tha hồ tập lái, nơi đó thỉnh thoảng có trục thẳng lên xuống. Hòa dặn tôi: “Khi ông lái xe trên đường, gặp xe nhà binh Mỹ đừng tránh vội chờ nó tới gần hẳn tránh, ông tránh sớm nó cho là ông nhát gan, nó ép ông”. Tôi biết lái xe từ đó.

Tôi ở Cà Mau chưa đầy hai tháng thì một hôm Chuẩn Úy Thu đến đơn vị tôi với hai xe Jeep lùn, một Wrecker và một xe tải, gặp tôi anh ta nói:

- Ê! Tao thay mầy cầm Trung Đội này, mầy về Hậu cứ.

Hai hôm sau, tôi đi chiếc Jeep lùn về với một tài xế, cho cậu Hòa quá giang về đơn vị điều chỉnh hồ sơ cá nhân.

Đọc đường khoảng giữa Cà Mau đến Bạc Liêu, xe chạy gần tới một cái cầu, đương nhiên là có lính địa phương quân giữ cầu, vậy mà bên tay phải con lộ phía sau một cái nhà vừa là quánm cạnh đó có con đường đê nhỏ, có một cây sào tre, trên đó nổi một cán cò, lá cò màu xanh lá cây chữ trắng, cò cũng lớn dài chừng một thước, ngang sáu bảy tấc, vì không có gió, cò không bay nên tôi không đọc được chữ gì, tài xế nhìn thấy trước nói to:

- Cờ Việt Cộng kia!

Hoà hấp tấp nói nhanh:

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Ngừng lại! Ngừng lại !

Xe ngừng, Hòa nhảy xuống định đi lấy cờ, tôi nhìn vào quán thấy có mấy người chừng 50 đến 60 tuổi ngồi, điềm nhiên uống trà hay rượu. tôi ngại cờ ở đó nhưng có thể là có bầy mình, tôi bảo Hòa.

- Đùng vào đó Hòa!

Có một người, trong đám mấy người trong quán nghe, thấy thế nói ra:

- Mấy anh cứ để đó, một chút nữa chúng tôi sẽ hạ xuống.

Tôi bảo Hòa lên xe và ra lệnh cho tài xế chạy, tôi nghĩ chắc mấy ông đó cấm cờ chớ chẳng ai, cái Đồn địa phương quân cách xa ngọn cờ chừng 50 thước, tại sao Việt cộng cấm cờ được, tại sao từ sáng sớm Đồn Địa Phương Quân đã không dẹp nó đi ?

Xe chạy rồi, Hòa vẫn còn âm ức:

- Phải Thiếu Úy cho tôi lấy cờ, bán cho lính Mỹ có tiền xài chơi! Bọn Mỹ thích mua cờ, vũ khí của Việt cộng để làm kỷ niệm.

Đó là lần thứ hai tôi thấy cờ Việt cộng, lần thứ nhất vào năm 1964, chừng 10 giờ đêm tôi đi xe đò từ bắc Mỹ Thuận về Sài Gòn, xe mới rời bến một lúc, còn trong địa phận Mỹ Đức Tây, thấy nửa đường bên trái bị đắp mô, giữa mô cắm một cây cờ cũng màu xanh lá mạ, chữ trắng, xe chạy ngang cờ không căng gió nên tôi không đọc được chữ gì.

Về lại đơn vị, tôi được phân công làm Trung Đội Trưởng Hậu Cứ, Thượng sĩ Công là Trung Đội Phó của tôi, có anh lính tên Lệnh người Miên thường trực nhận giao phiếu hệ, trình cho tôi ký các phiếu sửa chữa. Tôi được cấp một chiếc xe Jeep lùn mới toanh, một tài xế tên Linh và một can xăng mỗi tuần.

Một hôm, trong bàn nhậu, Trung sĩ Võ nói tôi chưa có bằng lái, có một anh nói: “Để em lo cho ông Thầy”, anh ta hỏi họ tên và số quân, tuần sau Trung sĩ Võ đưa cho tôi bằng lái Quân Đội do Quân Vận vùng 4 ký. Từ đó, hết giờ làm việc, tôi lái xe đi ăn cơm, đi ra phố mua sách báo.

Lần này tôi không ăn cơm ở Hỏa đầu vụ nữa, cùng Chuẩn Úy Lụa, Thiếu Úy Tuấn sang Đại Đội 401 ăn với Thiếu Úy Long, có người nấu ăn riêng bên ấy. Lần trước ăn ở Hỏa đầu vụ, thỉnh thoảng xuống trước bảo anh Trung sĩ xếp Hỏa đầu quân: “Hôm nay tôi muốn ăn cơm cháy”, anh ta lấy cho tôi miếng cơm cháy vàng lươm, trên rưới mỡ hành, ngon hết xẩy, tôi không hiểu tại sao người Hoa không ăn cơm cháy, nghe nói họ cho rằng “Ăn cơm cháy sẽ không được về Tàu”. Ông Cổ tôi người Tàu, chắc không ăn cơm cháy, nhưng nào có được về Tàu đâu ?!

Một hôm ăn cơm chiều xong, Thiếu Úy Tuấn rủ tôi đi thăm một cô bạn, cô ta giáo sư Trường Nông Lâm Sóc Trăng, đến căn nhà cô ấy ở trọ tôi mới biết bạn của Tuấn là Nghĩa, cháu gọi tôi bằng chú, Tuấn lấy làm lạ lúc ra về hỏi, tôi mới giải thích, đáng lẽ tôi lập gia đình với người di ruột của cô ấy, nhưng không có duyên. Về sau không thấy Tuấn rủ tôi đi thăm Nghĩa mà cũng không nghe Tuấn nói tới Nghĩa nữa.

Một hôm vào sáng Chủ nhật, tôi đi ra chợ, tiện ghé qua chơi với Thiếu Úy Long, gặp tôi anh ta nói:

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Ê! Hôm nay mình đi Vũng Thơm chơi.

Tôi đi Mỹ Tú mấy lần, thấy có bảng chỉ đường đi Vũng Thơm, nhưng chưa tới lần nào, nghe Thiếu Úy Long rủ tôi bằng lòng ngay, Thiếu Úy Long nói thêm:

- Đề tôi mời cô Cán bộ xã hội đi chơi luôn cho vui!

Thiếu Úy Long đi một chút quay lại nói:

- Chờ cô ta sửa soạn một chút !

Một chút đi qua, một cô mặc đồng phục Jupe xanh, áo sơ mi trắng, ra đi với chúng tôi, tôi lái xe, cô ta ngồi băng sau, Thiếu Úy Long ngồi băng trước, xe chạy qua cầu Bon, Thiếu Úy Long nói hấp tấp:

- Ngừng lại! Ngừng lại! Quên tôi phải ghé đây ngay bây giờ có chuyện quan trọng, thôi Chuẩn Úy Tông đi với cô Xuân nghe, tôi phải xuống đây !

Tôi ngừng xe lại, mời cô Xuân ra băng trước ngồi, tôi đạp ga cho xe chạy qua cầu rồi hướng về đường đi Cần Thơ, chạy một lúc có ngã ba bên tay phải đi Vũng Thơm, tôi bẻ lái theo mũi tên chỉ hướng tới Vũng Thơm, đường đi vắng vẻ, lại trống trải hai bên đường không có cây, tôi gọi chuyện:

- Cô Xuân đã đi Vũng Thơm lần nào chưa ?

Cô vui vẻ trả lời giọng ngọt ngào:

- Dạ em chưa đi, Thiếu Úy Long mời nên em đi ngay, vì ở đây buồn quá!

- Thì có Thiếu Úy Long và tôi cũng thấy có mấy cô khác nữa !

- Đâu phải ai cũng là bạn, tâm đầu ý hợp Chuẩn Úy!

Tôi dừng xe lại, hỏi:

- Bây giờ Thiếu Úy Long không đi, cả cô và tôi đều không biết Vũng Thơm vậy chúng ta có nên đi không ?

Cô Xuân trả lời:

- Tùy Chuẩn Úy.

Tôi không hiểu tại sao Thiếu Úy Long bỏ dở cuộc đi chơi do chính anh ta đề nghị, trên xe chỉ có cô Xuân và tôi, giữa chốn vắng vẻ hữu tình. Tôi nhìn sang Xuân, nàng làm như không để ý, mắt vẫn nhìn kính trước. Nhìn kỹ Xuân đẹp nét thù mị, chiếc áo sơ mi trắng làm tăng thêm làn da mịn màng của đôi cánh tay, nhìn xuống, qua khỏi chiếc jupe, đôi chân thon đều, bỗng dung Xuân quay sang tôi nở nụ cười.

Sáng hôm ấy chúng tôi không đi Vũng Thơm, nhưng cùng với người đẹp dường như đã tới.

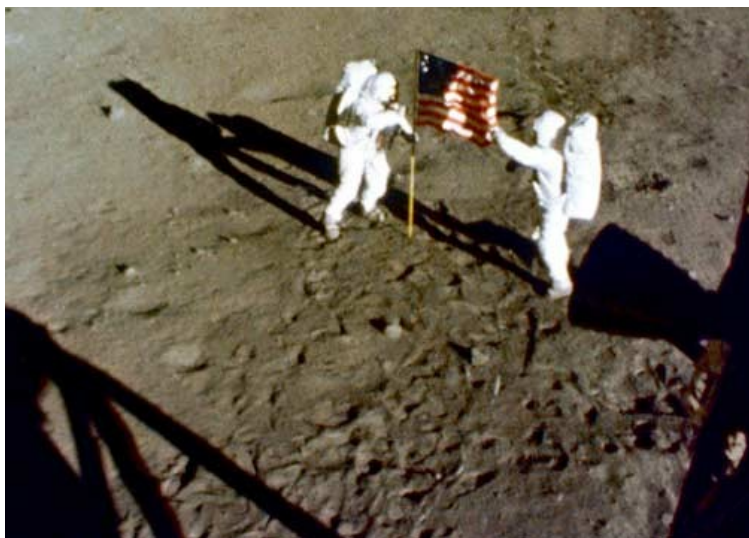
Một hôm chúng tôi đi thanh tra Trung Đoàn 31, đóng ngay tại Sóc Trăng và cũng hôm ấy thanh tra Trung Tâm Huấn Luyện ở Dầu Tho, đơn vị Trung Đoàn 31 vì tác chiến nên quân xa, vũ khí bảo quản không tốt bằng ở đơn vị huấn luyện, Thượng sĩ Tiền chỉ cho tôi thấy những chiếc xe của họ rửa sạch, đánh bong dầu mở láng bóng, mặc dù vùng đó sinh lầy.

Trong doanh trại ở Câu Lạc Bộ, một hôm chúng tôi được xem TV về Appolo 11 đã đáp xuống mặt trăng vào ngày 16-7-1969,



## TRUYỆN CỦA TÔI

mặt chị Hằng đã bị phi hành gia Neil Armstrong, ghi dấu chân đầu tiên. Đánh dấu một chặng đường lịch sử cuộc chạy đua chinh phục không gian giữa Liên Xô và Mỹ.



Hai phi hành gia tàu Apollo 11 - Neil Armstrong và Edwin E. Aldrin - đang cắm quốc kỳ Mỹ lên bề mặt Mặt trăng ngày 20-7-1969 (Ảnh: NASA)

Có lần Trung Đội tôi phải đi theo một cuộc hành quân ở làng Hòa Tú, tôi nhớ ông nội tôi có người em thứ ba, ông ấy tha phương lập nghiệp ở Hòa Tú, có tham gia Ban Hội Tề về sau có người con trai là chú Thông theo gánh hát bội, gánh hát đến hát ở Đình làng, chú đến nhà bác gái là bà nội tôi, bà tôi khuyên chú ấy đừng theo nghề “xướng ca vô loại”, từ đó chú không ghé thăm nữa. Tôi muốn theo cuộc hành quân để tìm bà con. Mấy anh lính già khuyên tôi:

- Thiếu Úy không nên đi, mặc dù mình yểm trợ, ở sau tiền tuyến nhưng dân chúng tản lạc, ở đó nhiều Việt cộng mới hành quân, không có chút an ninh. Thôi để dịp khác đi ông.

Nghe họ khuyên có lý, tự an ủi thôi thì đành để dịp khác vậy.

Một lần, em của Trung Úy Đại Đội Phó Phương tử trận, anh nhờ tôi về Sài Gòn, lên Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa chôn cất người em, tôi đi với một Trung sĩ và một tài xế, ở Sài Gòn, tôi mượn xe rờ-mot của Đại Đội Quân Cụ ở Gò Vấp lên Thủ Đức mua đá, cát, xi măng. Đến Nghĩa trang lãnh quan tài ra, chúng tôi trộn hồ với đá, cát, xi-măng, trải ở dưới huyệt một lớp chừng 1 tấc, để cái hòm xuống lại đổ hồ xung quanh, rồi ở trên cùng một lớp hồ nữa, sau cùng mới lấp đất và đắp nấm mồ, tôi nghĩ xác thân anh ấy sẽ bị lớp hồ bao bọc kín như bưng. Đó là lần nhân đi chôn cất, tôi được về thăm nhà ở Sài Gòn.

Một lần tôi đi phép về quê, lúc lấy giấy phép ở văn phòng, thấy tôi ăn mặc sơ-vinh Đại Đội Trưởng ngạc nhiên hỏi:

- Ủa! Tôi tưởng anh lấy xe đi.

Tôi đáp:

- Dạ không! Đi xe đồ cho tiện.

Lần đó, tôi về Long Xuyên khoảng tháng 7 hay 8 năm 1969, người em con chú tôi làm Trung Đội Trưởng Địa Phương Quân, chịu trách nhiệm gác ở khách sạn Kim Tinh, hẳn lấy một phòng cho tôi nghỉ, tối đó anh em đi uống bia, lại thêm người em rể. Trong khi uống, người em rể hỏi tôi:

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Anh có biết anh Hoài chủ nhà thuốc Bình Sanh không? Tôi có cơ sở đang làm nước mắm trong đất anh ta.

Nhớ ra anh Hoài cùng anh lớn của tôi, năm 1946 hay 1947 lấy trường làng mở lớp học tư, dạy vỡ lòng và tập đọc, thấy anh ấy đang uống bia, tôi cầm ly sang bàn của anh, tự giới thiệu rồi mời anh cùng cạn ly để nhớ những năm ly loạn trước.

Chuẩn Úy Thu đi xuống đơn vị ở Cà Mau chừng ba tuần sau lại quay về Hậu cứ, một hôm thân phụ anh từ Sài Gòn xuống thăm, hỏi thăm được biết anh đi chơi ở Mỹ Tú, tôi phải lái xe đi tìm, khi tôi lái xe lên dốc chiếc cầu đúc nhỏ, tôi thấy một chiếc xe truck Mỹ đang chờ cột điện chạy ngược chiều, nhớ lời Hòa dặn tôi khi tập lái ở Cà Mau, tôi không lách trước, chờ xe tới gần tôi mới lách vào lề, chiếc xe truck nhanh chóng lướt tới, tôi nghe bên tai một cái “vù”, tai nạn đã tránh tôi trong đường tơ kẻ tóc! Nhớ lại cũng khoảng đường đó, Chuẩn Úy Thu đã bị lật xe do chính anh cầm tay lái, xe jeep của anh bẹp, anh không sao tôi ngại không hỏi chuyện gì đã xảy ra.

Tim gặp Thu chở về doanh trại, rồi chở Thầy Hồ Văn Vây, Thu đi ra bờ sông, đêm ấy cả ba ngồi uống hết chai Johnny Walker đỏ. Thầy Vây nói chí tình:

- Ba má thấy con lâu không về, nên dục Ba đi thăm, tiện thể xách theo “Ông già đi bộ”, uống cho ấm lòng.

Sáng tôi theo Thu cùng Thầy ra quán Chú Sáu Cây Dương, ăn bánh bao, uống cà phê rồi đưa Thầy ra bến xe về Sài Gòn.

Ở Sóc Trăng có rạp chiếu bóng Hòa An, có một anh người Hoa tên Nô, trông coi kỹ thuật máy chiếu phim, anh thường giao

cho đệ tử túc trực, còn anh thì theo chúng tôi đi nhậu, lúc ở Bãi Xàu, lúc ở quán chú Sáu Cây Dương, Nô là bạn cột chèo với Thiếu Úy Vinh.

Một hôm vào buổi tối, chúng tôi chất đầy một xe đi chơi, Thiếu Úy Vinh lái, bên cạnh là Thiếu Úy Khanh, Thu, Nô và tôi, chạy ra bến xe rồi lái vào con đường đi vào một Tỉnh Xá, hai bên đường là hai hàng dương rợp bóng mát nên có nhiều người đi hóng gió, Vinh nói đùa:

- Mình đi vào đây bắt bò lạc nghe.

Nhưng hôm ấy chẳng có ai lai vãng, nên Vinh lái xe đi ra, bỗng Khanh thấy có con rùa bò ngang đường, Khanh nói:

- Ngừng lại! Ngừng lại! Mình vào đây bắt bò lạc mà không có, vậy bắt con rùa về nấu cháo ăn khuya.

Nô nói:

- Phải đó! Đã mười giờ bụng cũng đói rồi, ăn cháo chí lý!

Xe dừng lại, Khanh xuống xe bắt con rùa chừng bằng cái tô bỏ xuống sàn xe, rồi xe trực chỉ chạy xuống Bãi Xàu là nhà bên vợ của Vinh và Nô. Chúng tôi ngồi phòng khách xem TV, còn Nô và người nhà nấu ăn.

Khi nấu cháo xong, Nô dọn lên bàn, cười bí mật:

- Xin mời các anh “húp cháo rùa”!

Chúng tôi ngồi vào bàn, xì xụp húp cháo. Bấy giờ mọi người mới hiểu “Húp Cháo Rùa”, có nghĩa cháo là cháo, thịt rùa là

thịt rùa, không như cháo gà, cháo vịt hay cháo cá. Cũng là bài học.

Tướng Vĩnh Nghi Tư Lệnh Sư Đoàn 21, xin được xác một Rờ-mọt của Mỹ, nhưng chỉ có khung trên mà không có cầu xe, ông muốn biến nó thành Mobile-home, giao cho Quân Nhu, cải tiến trang bị bên trong thành 4 phòng: Vệ sinh, nhà bếp, phòng khách, phòng ngủ. Giao cho Quân cụ làm cầu xe, để di chuyển.

Tôi được chỉ định làm phần này, tôi phải đi đến tư dinh Tư Lệnh để đo đạc, về nghiên cứu thấy sườn của Rờ-mọt khoảng cách bề ngang lớn hơn xe GMC, lớn hơn xe Dodge, lớn hơn rờ-mọt thường, do vậy không dùng các cầu xe này được, Trên xe hơi, ở cầu xe có bộ phận phân tốc (boite differentiale), bên này quay nhanh, bên kia phải quay chậm, nếu không cả hai bánh chạy cùng nhau sẽ không thể quẹo cua, cũng phải có hệ thống thắng, để khi xe kéo thắng thì Rờ-mọt phải thắng theo mới an toàn, đề nghị cho đi Long Bình sẵn nhật.

Tôi không hiểu ra sao, tuần sau tôi được lệnh theo Đại Đội Trưởng xuống Bạc Liêu thuyết trình cho ông Tướng nghe, để cho được việc, chúng tôi đi trước ngủ khách sạn một đêm, hôm sau tôi một mình vào gặp Chánh Văn Phòng, ông ấy không chịu, bắt buộc chính Đại Đội Trưởng vào, tôi cũng không được tháp tùng theo. Sau này tôi mới biết, Đại Úy Đại Đội Trưởng của tôi hình như có “Phốt” nên né tránh gặp mặt Tư Lệnh.

Khi ra về, Đại Đội Trưởng bảo tôi lái xe, tôi cho ông biết:

- Thừa Đại Úy, hôm trước tôi bị xe “Lô-Bồi” của Mỹ ép, suýt bị tai nạn, nên từ đó tôi nhát lái đường trường, đi đâu tài xế Linh lái cho tôi đi.

- Anh cũng phải tập lái đường trường cho quen chớ!

Nói xong ông bảo tài xế Thành ra sau, ông lái, tôi ngồi bên cạnh.

Xác xe để trong sân tư dinh Tư lệnh, có lần tôi đến để ráp mấy cái giá đỡ và nhíp xe, Tướng Vĩnh Nghi đi ra xem tôi và mấy anh lính làm việc. Khi ông vào rồi, lát sau tôi lại gặp Chuẩn Ủy Lân đi ngang qua đó, anh cũng không ngờ là tôi, tôi gọi anh lại, mới biết anh là “quản gia” của ông Tướng, tôi nghĩ chắc có họ hàng, vì Lân cùng khóa Quân Cụ với tôi, anh cũng là giáo sư Trường Kỹ Thuật Bình Dương.

Có lần lính của Trung đội tôi uống rượu say bỏ gác, bị phạt nhốt chuồng cạp (nhốt trong cái lồng kẽm gai, phơi nắng), hôm sau anh ta cạo đầu trọc lóc. Thấy thế, tôi bảo Lệnh gọi anh ta vào trình diện với tôi. Sau khi anh ta trình diện rồi, tôi hỏi:

- Ai cho phép anh cạo trọc đầu ?

- Dạ ! Thưa Thiếu Ủy em đâu muốn bỏ gác, tại mấy thằng đó ép em uống quá chén, say không biết gì cả, nên bị phạt, em muốn cạo đầu để xả xui.

- Anh phải biết giữ quân phong, quân kỷ, tóc không được để dài mà cũng không được cạo trọc. Chủ nhật này tôi trực, phạt anh đi làm vệ sinh doanh trại buổi sáng.

- Tuân lệnh!

Anh lính dập chân nghiêm, chào tay rồi đi ra. Tôi nhớ trong quân đội, khi còn là Sinh viên Sĩ quan, lúc đi phép Sĩ quan trực nhắc nhở, người Sĩ quan không được bế con, không được xách

## TRUYỆN CỦA TÔI

giỏ cho vợ khi đi chợ, sau này lấy vợ phải xin phép, hình như giấy tờ phải chạy đến Bộ Tổng Tham Mưu.

Theo tổ chức, ở Văn Phòng Cơ Xưởng, giám định quân xa vũ khí hư hỏng cần sửa chữa, nơi đây lập lệnh sửa chữa kèm theo phiếu lãnh vật liệu để sửa chữa, khi sửa chữa xong, tôi phải ký đề xuất xưởng, do vậy hàng ngày tôi phải ký một chồng phiếu, do Lệnh kiểm tra trước, ngoài ra còn có những giấy tờ lặt vặt khác như đơn xin nghỉ phép ....

Một hôm vào buổi trưa, tôi đang làm việc tại văn phòng, thì Chuẩn Úy Thu mặc làm làm lý lý có hơi men, anh ta đến gần, hỏi tôi:

- Đi uống rượu với tao không?

Tôi cũng hơi bực mình vì giờ làm việc, anh ta lại rủ đi uống rượu, đi cũng được nhưng công việc nhiều, tôi phải xem sơ qua để ký cho xong, nên trả lời:

- Phiếu sửa chữa nhiều quá, tao bận nên không đi !

- Mày không đi tao bắn!

Tôi nghĩ Chuẩn Úy Thu dọa cho vui, nên đáp:

- Bắn thì cứ bắn!

Anh ta móc súng ra bắn liền, tiếng nổ cái “rầm”, đạn bay “véo” lủng mái nhà, may mà ngay trước văn phòng tôi có chiếc máy đèn đang chạy, nên mấy người ở gần mới được nghe, họ chạy lại xem chuyện gì xảy ra. Trước mắt họ thấy tôi đang cặp vai cùng Chuẩn Úy Thu, bước ra cửa văn phòng, đi dọc theo hành lang ra xe. Chuyện như không có gì ! Bốn chục năm sau gặp

lại, Thu hỏi tôi trước mặt học trò cũ của chúng tôi: “- Ê! Mày còn nhớ hồi ở đơn vị, tao bắn mầy không? Mày mà chết tao nào có yên thân!”

Những lần chúng tôi đi uống bia, cứ hễ trong quán có Mỹ là Thu tới bên mời cụng ly vui vẻ, có đêm lính Mỹ đi rồi, thấy còn bỏ sót mấy cái két, biêt của họ, chúng tôi chạy vào phi trường tìm trả lại, MP Mỹ gác ở cổng phi trường cho biêt, bọn phi công vào ra như đi chợ, biêt của thằng nào là thằng nào, đưa cho chúng, chúng OK nhận xong, lại ném ngay vào thùng rác bên cạnh.

Lại có hôm một anh Mỹ cố vấn cho đơn vị đồn trú ở Sóc Trăng, có vợ Việt, anh ta mời Thu và tôi tới nhà uống bia, chị vợ chịu khó nấu nướng mấy món, khi đã ăn no, uống say, Thu cao hứng hát nhạc Trịnh Công Sơn: “ ... *Người con gái Việt Nam da vàng, yêu đô-la hơn yêu nòi giống...* ”. Người vợ anh cố vấn nói từ trong phòng vọng ra:

- Mấy anh ơi! Thời buổi chiến tranh, ai cũng mưu tìm cái sống, ai có phận nấy, thương nhau không hết, cay đắng làm gì! Xin cứ dùng bữa, mượn rượu làm vui cho qua ngày, đoạn tháng đi mấy anh!

Ở sát đơn vị có quán thằng Cường, có vợ chưa con, vợ Cường không đẹp nhưng cô Vân em vợ thì da trắng, khuôn mặt trái xoan, mắt bồ câu, mũi dọc dừa, hàm răng trắng và đều, miệng cười có duyên. Tôi có vợ rồi, nên nghĩ Thu trông cây si ở đó cũng được, ngắt nổi cứ sáng Chủ Nhật thì Thiếu Tá Đơn đón nàng đi lễ nhà thờ, chúng tôi vẫn ăn nhậu và chẳng ngại ngừng chi mà chẳng “à-la-ghi” ở quán đó.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Khi tôi có giấy tờ biệt phái, Đại Úy Sang thân mật vỗ vai tôi nói:

- Chú ở lại chơi với anh em vài ngày, khi chú rời đây tôi sẽ ký cho chú mười ngày phép ở nhà, hết phép sẽ đi trình diện ở Trung Tâm 3 Quản Trị Saigon.

Vài ngày đó tôi phải ở lại gần hai tuần, chỉ để sáng trưa chiều tôi đi ăn uống với anh em binh sĩ, hạ sĩ quan, và mấy ông quan cùng lứa cá mè như tôi.

Có nhiều hôm, ngủ dậy thấy mà sợ rượu, bụng đói ra hàng bánh canh gọi hai tô, Thu một, tôi một chỉ gấp vài đũa rồi húp nước chớ không thể ăn bánh canh, vậy mà rồi cũng nể tình anh em mời, đi uống tiếp.

Món ăn mà tôi thích là vịt nấu chao, nhưng món đặc biệt nhất phải nói, đó là Rùa nấu thuốc bắc.

Mấy anh vừa nói đùa vừa nói thật:

- Món đặc sản này, ông về rồi chắc gì được ăn lại, mà có được ăn thì chắc gì ngon như tụi tôi nấu!

Thật như vậy! Sau khi tôi rời khỏi đơn vị cả hai món kia, tôi chưa hề được nếm trở lại, thêm vào đó, từ năm 1980 tôi đã ăn chay.

Những ngày sắp rời đơn vị, người ta sợ nhất, nhiều sự rủi ro xảy ra, như bị pháo kích, tai nạn trên đường về`... tôi cũng sợ, cũng lo nhưng phải chấp hành lệnh của Đại Đội Trưởng, xuất phát từ tấm lòng tốt của ông ta.

Đến ngày ra về, tôi lãnh lương ra mua vé Hàng Không Việt Nam đi từ Sóc Trăng về Sài Gòn cho cho chắc ăn, dành một phần tiền uống với anh em bữa nhậu sau cùng, phần còn lại thanh toán cho quán thắng Cường. Chuẩn Ủy Thu đề nghị tiền quán thắng Cường giao cho anh ta vì anh ta hết tiền rồi, nhưng muốn đãi tôi một bữa cho ra trò, phần nợ của tôi anh ta sẽ trả cho thắng Cường sau. “Tiền lính tính liền” là vậy.

Hôm về ngày 15-9-1969, tôi chào Đại Đội Trưởng, trở lại văn phòng nhìn nó lần chót, bắt tay từ già Thượng sĩ Công với thắng Lệnh, ra vọng gác, anh lính gác tự dung bông súng chào, tôi chào lại rồi nặng nề bước lên xe, tài xế Linh đưa tôi ra trạm Hàng Không Việt Nam ở ngoài chợ.

Trên đường đi nhìn hai bên đường hàng quán quen thuộc, tôi nghĩ từ nay “vắng mợ thì chợ cũng đông”. Thật là trái ngược, mấy ngày trước mong ngày tháng qua mau để về với gia đình, nay thì muốn thời gian chậm lại để được ở thêm với anh em đồng đội.

Tôi đi lính, không tham dự trận chiến nào, không làm được cái chi hết, nhưng mà cũng là những ngày lính. Cho nên trong màu cờ, sắc áo của quân lực Việt Nam Cộng Hòa vẫn có tôi, đã bị đầu hàng rã ngũ tức tưởi, dưới sự đỏi chác của những thế lực cường quốc, và chủ nghĩa Cộng sản phi nhân, dối dân hại nước.

**Ngày 20-7-2011**

# Những Ngày Tù Tội

*Nhất nhật tại tù,  
Thiên thu tại ngoại.*

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Cộng sản gọi là ngày chiến thắng, ngày giải phóng Miền Nam khỏi sự kềm kẹp của Ngụy quân, Ngụy quyền, *nói vậy mà không phải vậy* vì hàng trăm ngàn Quân, Cán, Chính phải bị đi ở tù Cộng sản. Cộng sản nói phá nhà tù để xây trường học, nói vậy mà không phải vậy, vì Cộng sản tiếp thu nhà tù từ thực dân Pháp, họ giữ nguyên rồi xây thêm nhiều nhà tù mới.

Tôi bị gọi đi tù ngày 25 tháng 6 năm 1975 thuộc thành phần “Ngụy quân, Ngụy quyền”, cấp bậc Trung Úy biệt phái và được tha về ngày 16 tháng 9 năm 1977 để đi “Hồi hương lập nghiệp”. Như vậy, tôi ở trong nhà tù Cộng sản được 2 năm 2 tháng 22 ngày, trong các Trại Trắng Lớn 1975-1976, Trại Cà-Tum 1976-1977. Ở Cà-Tum, tôi bị chỉ định làm B trưởng B11, Khối 3 Tiểu Đoàn 2.

Trước đó hoặc sau này, tôi có đọc được những quyển sách, tác giả ghi lại những ngày tù đầy gian khổ. Những sách tôi được đọc, không phải tôi sưu tầm, do vô tình tôi mua được trong đồng sách cũ, do người khác đưa cho đọc, cũng có quyển người ta gửi Email tới, gặp lúc không có chuyện chi làm nên đọc tới. Chỉ có một quyển sách của Hồ Hữu Tường, ngày đó tôi học với ông về Xã hội học nhập môn, nên mua để đọc bên cạnh những quyển như Thăng Thuộc Con Nhà Nông, Nói Chuyện Tại Phú Xuân do nhà xuất bản Lá Bối ấn hành. Thời thượng mà mỗi sinh viên ra đường cầm trên tay một quyển sách như Triết Hiện Sinh của nhà xuất bản Thời Mới, Hồ Thắm Tư Tưởng hoặc Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học của Phạm Công Thiện của Lá Bối. Đó là quyển **Trầm Tư Của Một Tên Tội Tử Hình**.

Hình như trước tiên tôi được đọc **Ngồi Tù Khám Lớn** của Phan Văn Hùm (1902-1946), sách do nhà xuất bản Dân Tộc của ký giả Nguyễn Ang Ca tái bản lần 1 năm 1957 tại Sài Gòn. Sách in lần đầu năm 1929. Đọc để biết Khám Lớn ngày xưa nó nằm bên cạnh tòa án, chỉ cách một con đường Gia Long (nay là Lý Tự Trọng).

Phan Văn Hùm đã ghi lại những sinh hoạt trong tù, điểm danh, ăn, tắm rửa ... Ông cũng ghi lại một mẫu chuyện của người tù sắp phơ (chauffeur) Nguyễn Văn Khuê bên cạnh những chuyện trái oan khác, xin trích:

*Người ta hỏi anh ta làm cách nào thương người. Anh ta chậm rãi nói:*

## TRUYỆN CỦA TÔI

- Tôi làm đơn cho Phó soái, biết không? Tôi xin bao vườn thú lại, ai vô phải mua một cái giấy một đồng bạc. Rồi thời mở cửa tôi vô chuồng cạp cho họ coi. Cạp làm gì tôi, thầy kệ tôi. Tiền thu được đó, để phát cho nhà nghèo. Nhưng mà Phó soái không trả lời.

Có một lần tôi rờ đại đầu cạp, mà không biết sao nó không cắn. Người ta nói tôi có phép tiên nên họ ghét ghen.

Có một lần trong Lăng Ông (Bà Chiểu) biết không? Biết chớ há? Tôi làm thần sống. Tôi cắt nghĩa cho ông từ hiểu trước, tôi lấy áo mảo trông vô, leo lên bàn thờ ngồi, chờ thiên hạ đồn có thần sống. Họ đến cúng lạy đông lắm. Ông Phủ ở đó cũng đến, vừa sụp xuống lạy, tôi la lên: Ờ, mà tôi làm “sóp phư”. Ông Phủ nói: mày có điên mày nói chớ; rồi kêu lính bắt tôi đem nhốt “bót” hai mươi bốn giờ. Khi thả ra tôi nói: người ta không có giấy thuê thân mà không phạt. Tôi lại bị nhốt nữa.

Cách ít lâu, tôi mặc đồ kaki, mang giày Tây, như mấy thầy. Tôi cỡi xe máy đi khắp châu thành Sài Gòn, gặp ăn mày đâu, đều kêu dọn lại trước dinh xã tây, ngồi chờ tôi về phát tiền. Ăn mày thấy tôi ăn mặc ra bộ thầy bà nên tin rằng rắc. Kẻ què, người cùi, kẻ đui, người tật khác tựu lại trước dinh xã tây đâu được vài chục người. Tôi còn đi gom thêm. Khi tôi đi gom về đó, thời thấy ăn mày cà chót chạy tứ tán. Tôi hỏi tại sao mà chạy. Họ trả lời: “Thôi đi tổ, báo hại tụi tôi bị đòn, tiền bạc gì đâu không thấy”. Tôi nói: ai dám đuổi mấy người? Họ nói mấy người lính trong xã tây ra đuổi. Tôi vô gây với lính.

Lính có người nhìn ra tôi, bèn nói: “Trúng cha nội điên trong Bà Chiểu rồi đây”.

- Anh góp ăn mày lại tiền đâu cho?
- Tôi vô xin xã tây, biết không? Xã tây thiếu gì tiền.

*Biết đem cái tình cảnh thống khổ của những người tàn tật trong xã hội, mà bày ra trước công thự lộng lẫy; biết dẫn hai cái cảnh tương phản cho đối diện nhau, đụng đầu nhau, Nguyễn Văn Khuê dấu tình thần cuồng loạn mà còn cái bụng “thương người” lạ thường.*

*Tội nghiệp Nguyễn Văn Khuê thương người mà không ai thương mình. Tòa kêu án anh ta một tháng tù về tội “Không sở làm ăn” và hai ngày tù về tội “không giấy thuế thân”. Những người đi nghe xử một phiên tòa với anh, thuật lại như sau đây. Tòa hỏi anh ta:*

- Làm nghề nghiệp gì ?
- Làm sếp phư mà mười ba năm nay không sở làm ăn.
- Lấy gì ăn?
- Xin.

*Khi tòa lên án phạt anh ta phản kháng kịch liệt: “mà tôi muốn ở nhiều kia. Tôi ra lấy gì ăn? Tòa chưa xử vụ đôi bụng”.*

Truyện **Tôi Bị Đày Đi Bà Rá** của Việt Tha Lê Văn Thử (1906-1969), sách khổ nhỏ, in làm 2 quyển, mỗi quyển chừng 100 trang, sách này tôi mua ở chợ trời sau 1975, có thể là chợ ở đường Đặng Thị Nhu, gần bùng binh Sài Gòn, tác giả tả đời sống người tù khổ sai ở Bà Rá (Phước Long ngày nay), ông ghi lại những gian khổ của người tù đi đốn cây, đẽo gỗ trên rừng, những buổi chiều về đi tắm sông và trốn tù. Tiếc rằng ngày nay sách ấy tôi không còn giữ được sau những năm tháng “Chống văn hóa đồi trụy”.

Năm 2003 hay 2004, một ông giáo sư đại học đã về hưu, đưa cho tôi đọc quyển **Đêm Giữa Ban Ngày** của Vũ Thư Hiên, tác giả là con của ông Vũ Đình Huỳnh, thư ký riêng của Hồ Chí Minh, ông Huỳnh cũng như con bị bắt trong Vụ Án Xét Lại Chống Đảng năm 1967, ông Hiên cho biết ông không phải là

đảng viên, ông bị tù 9 năm qua các nhà tù, trại giam: Hỏa Lò, Đất Bạt (Sơn Tây), Tân Lập (Phú Thọ).

Đọc sách này lần đầu tiên tôi biết đến nhà tù Hỏa Lò, tù trên đất Bắc, chuyện đáng nguyên rủa là chuyện Nông Thị Xuân được Bộ Chánh Trị bố trí phục dịch cho Hồ Chí Minh, ăn nằm với cô ta có con là Nguyễn Tất Trung, bỏ cô ta cho Trần Quốc Hoàn, Bộ Trưởng Công An hãm hiếp, rồi giết chết qua sự dàn cảnh bị tai nạn xe hơi.

Mới đây, có người bạn gửi Email ra cho đọc **Thép Đen** của Đặng Chí Bình, tác giả là một điệp viên, viết hồi ký ghi lại thuở thiếu thời từ Bắc di cư vào Nam, được thử thách, huấn luyện và thi hành một điệp vụ một thân một mình ra Hà Nội, anh ta thành công chuyển được một mật thư cho một bác sĩ ở bệnh viện Việt Đức, nhưng sau ba ngày ở Hà Nội tiếp xúc với hai người theo kế hoạch, biết mình đã bị theo dõi, nhưng còn phải trao một mật thư cho một người khác chưa rõ danh tánh, chưa tới ngày nên anh ta phải chờ mấy ngày sau mới trao được mật thư cuối cùng, sau đó anh ta giả bộ đi Vinh, rồi quay trở lại Hà Nội để bị bị phản gián Hà Nội bắt, anh ta khai là nhận nhiệm vụ ra Hà Nội là để theo dõi một Sư Đoàn Cộng Sản, nhưng anh ta thích chế độ Cộng sản nên không hoạt động gì cả, chỉ long nhong đi thăm lại Hà Nội.

Anh ta bị tổng vào Hỏa Lò, bị cho vào khu Xà Lim, một lần đánh gục tên Công An tinh lẻ đến thăm vấn anh, để tìm chum vàng do bố anh chôn dấu trước khi vào Nam, anh ta lấy y phục tên Công An, lấy xe đạp của hắn đi ra cửa, qua được trạm gác nhưng chẳng may bị tên cán bộ Hỏa Lò phát hiện, anh ta chạy ra ngoài nhằm giờ tan tầm xe cộ đông, anh ta bị công an bắt lại, may mà vẫn còn sống sau khi bị một tên vệ binh chọt lưỡi lê gãy ba răng cửa, một nhát khác vào mũi xuyt đui con mắt, ngay sau đó bị nhốt vào “cát xô”. Địa ngục là đây, chân tay bị xiềng, mỗi tuần đổ phân và nước tiểu một lần.

Sau 18 năm bị giam cầm, ở Hỏa Lò hết sáu năm còn lại ở các trại tập trung khác, anh được thả về, lấy vợ có một con, rồi vượt biên sang Mỹ.

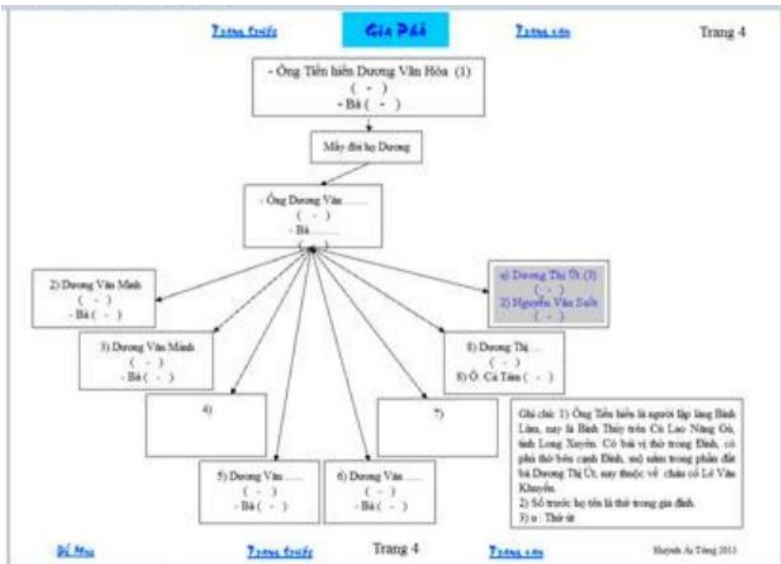
Độc **Thép Đen** của Đặng Chí Bình, anh vạch cho người ta thấy rõ những điều ngoa, gian ác của chế độ Cộng sản, tình yêu của anh với cô Vân xúc động lòng người, trên hết anh cho người ta thấy tình người bằng bạc khắp nơi. Hình như anh ta luôn luôn có được một cái cơ may thoát chết nhiều lần trong đường tơ, kẻ tóc, một người yêu nước, vững lập trường, theo chính nghĩa. Một tập Hồi ký 4 quyển đáng đọc hay nghe Audio.

Năm 1983, tôi dự một *Khóa hội thảo về Giáo dục chuyên nghiệp tại các tỉnh phía Nam*, cuối khóa được đưa đi tham quan ở một Trại cải tạo tập trung Bù Gia Mập, tôi được đi vào các lán thăm những người tù hình sự, lòng tôi chạnh nổi xót xa nhớ đến thân phận tù của mình sáu, bảy năm trước, khi làm hết chỉ tiêu phá rừng làm rẫy, trồng khoai, đậu, bắp, cấy lúa, anh em tù chúng tôi được đi cải thiện tìm măng le, nấm, nhiều khi gặp nấm độc không biết, ăn vào cho đỡ đói nhưng chết nấm, bảy người, nằm viện ba, bốn tháng, trưa hay chiều ra hồ bôm tắm lội, tuy có chút tự do hơn họ, nhưng “*Không Có Gì Quý Hơn Độc Lập Tự Do*”, chín chữ đó ai bày đặt ra, có biết chăng ? Nó đắng cay trào nước mắt.

15-7-2011



# Gia Phả của tôi.



Năm 1974, về thăm nhà, chú tôi đưa cho một tập giấy, nói:

- Cho con tập Gia phả này, gìn giữ để biết họ hàng gia tộc của mình.

Tôi lật ra, lướt xem nhanh qua, đây là một tập giấy khổ 21x33 cm đánh máy, tôi xếp lại rồi hai chú cháu nói chuyện khác, chú

tôi không nói gì thêm về quyền gia phả, tôi không hỏi chi với chú về nó, nhưng tự nghĩ sao chú lại cho mình.

Về nhà, có thì giờ giờ lật từng trang đọc, tôi mới biết quyền gia phả này do Bác tôi ghi chép về dòng họ Phan, dòng họ Dương, dòng họ Quách, chú tôi ghi dòng họ Huỳnh và người chú họ ghi dòng họ Nguyễn của chú ấy.

Năm 1981 hay 1982, cô tôi lên Sài Gòn mồ mắt cườm, cô chỉ cho tôi biết một số người, nhờ đó tôi nhận biết thêm những quyền thuộc của mình.

Quyền gia phả này ghi chính yếu là dòng họ Phan, từ đó sang chi họ Huỳnh của tôi và sang chi họ Nguyễn là chú Nguyễn Văn Sáu. Chú người gốc ở Nhà Bàn làm thầy giáo, sau dời lên Sài Gòn dạy ở Trường Tiểu Học Cầu Kho, khoảng thập niên 80 đi định cư ở Pháp, chú này gọi bà Phan Thị Lợi là bà Nội.

Bà nội của cha tôi là bà Phan Thị Thông, chị ruột của bà Phan Thị Lợi. Do đó gia phả này có dòng họ Phan và chi họ Nguyễn.

Ông nội của cha tôi là người Tàu, gốc họ Tạ xin đọc bài Ô Y Hạng (ngõ áo đen). Nguyên văn bài thơ của Lưu Vũ Tích như sau:

*Chu Tước kiêu biên dã thảo hoa  
Ô y hạng khẩu tịch dương tà  
Cựu thời Vương, Tạ đường tiền yển  
Phi nhập tâm thường bách tính gia*

**Dịch nghĩa:**

Bên cầu Chu Tước, cỏ dại và hoa chen nhau  
Đầu ngõ Ô y, ánh mặt trời về chiều  
Cánh én xưa trước nhà họ Vương họ Tạ

## TRUYỆN CỦA TÔI

Nay đã bay vào nhà bách tính bình thường

### **Dịch thơ**

*Bên cầu Chu Tước cỏ chen hoa  
Ngõ vắng Ô y bóng ác tà  
Én gác Tạ Vương xưa giờ đã  
Lạc chốn dân gian đến trăm nhà*

Sang Việt Nam nhánh họ Tạ ấy đổi thành họ Huỳnh ở Đình cũ, xã Mỹ Hội Đông, Long Xuyên, tên ông ấy là Huỳnh Quới cưới bà cố tôi là Phan Thị Thông, sanh ra ba người con trai là Huỳnh Văn Thảo, Huỳnh Văn Nghi lập nghiệp ở làng Hòa Tú, tỉnh Sóc Trăng và Huỳnh Văn Đắc theo dì Phan Thị Lợi ở Nhà Bàn lập nghiệp.

Bà ngoại của cha tôi là Dương Thị Út, là dòng dõi của một ông họ Dương, ngày xưa đến cù lao Năng Gù lập nên làng Bình Lâm, thời Pháp thuộc đổi ra là làng Bình Thủy, ông họ Dương này được dân làng tôn kính gọi là ông Tiền Hiền, có bài vị thờ trong Đình làng, con cháu cũng có lập một phủ thờ, mộ của ông Tiền Hiền nằm trong đất bà cố tôi Dương Thị Út.

Ông ngoại của cha tôi là Nguyễn Văn Suốt, tôi gọi là ông cố, sau này gia đình không rõ ông họ chi, nguyên do ngày xưa, bà sơ của tôi có mang ông cố, ông sơ đi xuống miệt dưới là Cần Thơ, Sa Đéc làm ăn, khi bà sơ sanh con, ông sơ không có ở nhà, khi ông sơ về thân sinh của bà sơ tôi đuổi ông sơ tôi không nhận là con rể, vì không làm tròn bổn phận người chồng, ông sơ tôi nhận tội năn nỉ khóc suốt đêm bên vách nhà, đến gần sáng đành bỏ đi biệt tâm mất tích.

Sau, bà sơ tôi cho con làm con nuôi quan phủ Nguyễn Bá Thanh, nên được cải tên họ thành Nguyễn Văn Suốt. Nhờ là

con nuôi của quan phủ nên mới cưới được con út của nhà họ Dương là bà Dương Thị Út nói trên.

Bà sơ của tôi bước thêm một bước nữa, lấy chồng họ Quách. Do vậy, trong quyền gia phả này có thêm họ Quách.

Ông bà ngoại của cha tôi sanh ba người con gái là Nguyễn Thị Thoi, Nguyễn Thị Thiềm có chồng ở ngoại vi thị xã Long Xuyên và Nguyễn Thị Kim lập gia đình với họ Lê ở cùng thôn.

Ông nội tôi là trưởng nam Huỳnh Văn Thảo, cưới bà nội tôi là Trưởng nữ Nguyễn Thị Thoi, đúng là môn đăng hộ đối, một bên toàn là nam, một bên toàn là nữ hai bên đều có ruộng vườn tuy không nhiều nhưng cũng có phần chia cho con cháu.

Năm 1945, cha tôi mua một miếng đất, cất nhà trên miếng đất này, đất bên cạnh nhà tôi bên tay trái là của anh Xã trưởng Lý Quốc Chênh, bên phải nhà tôi là nhà Bác Quách Văn Đê.

Giữa nhà tôi và nhà anh xã trưởng có một cái nhà nhỏ, gọi là cái chòi cũng được, có một bà già sống ở đó, tôi gọi là Bà Cố Chín, thỉnh thoảng mẹ tôi hoặc cô tôi bảo bưng sang cho bà một tô canh hoặc tô nước cơm, đĩa thức ăn cá hay thịt kho.

Bác Bảy gọi Bà Cố Chín ấy bằng cô, nhà bác có che một cái chái, để một cái hòm, đó là cái hòm của Bà Cố Chín mua sẵn để dành trăm tuổi của bà.

Trong nhà tôi có cái tủ gỗ mun, cha tôi để một cái hộp sắt có khóa, trong ấy để những giấy tờ quan trọng. Hồi còn nhỏ, có lần tôi mở hộp sắt ấy, đọc một tờ giấy thấy ghi: “Một đảng là Quách Thị Lợi chủ đất bán cho người mua tên Huỳnh Văn Đoan một miếng đất gồm thổ cư và thổ canh, diện tích 0 mẫu 3 sào. Tứ cận bắc giáp đất Quách Văn Tiền, đông giáp rạch

Chanh, nam giáp đất Lý Quốc Chênh, tây giáp xép Năng Gù...”

Sau này, nhờ xem gia phả, tôi mới biết Bà Cố Chín Quách Thị Lợi là em cùng mẹ khác cha với ông cố Nguyễn Văn Suốt của tôi, cũng căn cứ theo gia phả Bác Quách Văn Đề gọi Bà Cố Chín là cô ruột. Vậy sao tôi gọi bằng bác mà không phải bằng ông?

Cũng xem trong gia phả thấy thân phụ của bác Quách Văn Đề là ông Quách Văn Tiền cưới bà Dương Thị Các, con của một ông họ Dương anh ruột bà cố tôi Dương Thị Út. Đó là hai anh em ruột cưới hai cô cháu ruột. Tôi gọi bác ấy bằng ông cũng đúng mà bằng bác cũng đúng, nhưng trong họ hàng đã thống nhất cách xưng hô như trên từ lâu.

Lại còn trường hợp nữa, cũng là em của ông cố Nguyễn Văn Suốt của tôi là ông Quách Văn Nên có người con gái là Quách Thị Trữ. Anh của bà cố tôi Phan Thị Thông là ông Phan Văn Hội (vì làm Cai đội thời chúa Nguyễn, có công trận chi đó, nên được đổi ra họ Nguyễn là Nguyễn Văn Hội). Cháu nội ông này là Nguyễn Văn Toán, tôi gọi bằng Bác, ông cưới bà Quách Thị Trữ tôi gọi bằng Bà.

Có một chi họ Dương là Dương Văn Cừ, ông ấy cùng làm làng với cha tôi. Cha tôi thứ Ba giữ chức Hương Sư, ông ta thứ chín giữ chức Hương Trưởng, ông ta gọi cha tôi bằng Anh Ba, anh hai tôi gọi ông ta bằng Chú Chín, Cô tôi, chú tôi gọi ông ta bằng Cậu Chín, tôi gọi ông ta bằng Ông Chín. Hồi còn nhỏ xưng hô cứ quen miệng gọi không thấy có chi lạ, đến lớn lên mới thấy có chi không ổn, vì cùng ông ấy sao anh tôi gọi bằng Chú mà tôi gọi tới bằng Ông. Hỏi, Cô tôi mới cắt nghĩa vì bà con cả hai bên, nên có quy định chi họ Huỳnh nhà tôi thứ hai, thứ ba chi họ Dương đó phải gọi bằng Anh, Chị theo họ cha, từ thứ tư trở đi phải gọi lại bên kia bằng Cậu, Dì theo họ mẹ.

## HUỲNH ÁI TÔNG

Nhờ có Gia phả tôi mới hiểu bà con dòng họ của mình, có những người khác họ nhưng có chung một dòng máu ruột thịt, không biết thì xa lạ nhưng biết rồi thấy thân thiết thương mến nhau nhiều hơn. Cho nên mấy năm trước, tôi đã bắt đầu ghi chép tiếp đến thế hệ của tôi, để sau này con cháu tôi còn biết họ hàng của mình, gốc gác của mình từ đâu đến chốn này.

**Louisville, ngày 11-01-2011**

## **Bảy mươi năm nhìn lại cuộc đời**



Còn vài hôm nữa đến Tết Canh Dần, Tết mọi người Việt Nam đều được tăng thêm một tuổi, tôi sẽ được 70, không phải như nhà thơ Đỗ Phủ (712-770) nói: Thất thập cổ lai hy (七十古來希: xưa nay 70 tuổi rất hiếm có), mà phải nói theo đức Khổng Tử (551-479 TCN): Thất thập nhi tòng tâm dục, bất du củ (七十而從心欲, 不踰矩 : Bảy mươi tuổi làm theo tâm, không ra ngoài lẽ lối), hơn nữa trong năm nay cũng vừa mới về hưu, cho nên ắt hẳn là lúc thích hợp để nhìn lại cuộc đời của

mình, giống như ta đi qua một đoạn đường, nhìn lại để thấy những chông gai và phong cảnh đẹp.

Tôi sinh ra ở Cù lao Năng Gù, làng Bình Thủy, nơi không có danh lam thắng cảnh, không có chứng tích lịch sử nào, khốn nỗi mấy anh lơ xe ít học, dốt địa lý nên mới nhầm lẫn đặt tên cho bến Bắc Năng Gù, là bến Bắc chạy từ làng Bình Mỹ trên đường Long Xuyên Châu Đốc, băng qua sông Hậu để xe chạy đến Thánh địa Hòa Hảo, nó không dính líu chi hết đến Cù lao Năng gù. Do vậy mà tên Năng Gù đó được nhiều người biết đến.

Ngày xưa, cù lao ấy nào là tre gai, để sậy có cọp sinh sống ở đó, một ông họ Dương, người Việt đầu tiên đặt chân lên đó khẩn hoang lập nghiệp, rồi nhiều người khác đến sinh sống, họ nhớ ơn ông họ Dương ấy, kiêng tên chỉ gọi là ông Tiên Hiền, ông Tiên Hiền có bãi vị thờ trong đình làng. Bà cố tôi họ Dương, cháu chắt ông Tiên Hiền, trong phần đất của bà, có ngôi mộ của ông này. Ông cố tôi là con nuôi của quan phủ hồi hưu Nguyễn Hà Thanh, nhờ vậy mới cưới được con gái nhà họ Dương này.

Đó là bên ngoại của ông thân tôi; còn bên nội, ông nội ông thân tôi, tôi gọi là ông cố, ông vốn là người Hoa, tên ông là Tạ Quới, không hiểu vì sao ông cải họ Huỳnh, quê ở Mỹ Hội Đông, bên kia sông Hậu, sang cù lao Năng Gù lập nghiệp, ông có ba người con trai, ông nội tôi con trưởng nam làm làng chức Hương Quản, ông thứ ba đi lập nghiệp ở Hòa Tú Sóc Trăng cũng làm làng, ông thứ tư lập nghiệp ở Nhà Bàn. Cha tôi cũng làm Hương Quản, Hương sư rồi cách mạng mùa thu, năm đó tôi lên 5 tuổi. Một cuộc đời lớn mà còn lớn hơn năm 1975.

Làng tôi, dòng dõi tôi những cái đó người đời thường cho là do số mệnh hay định mệnh mà Phật giáo thì cho là Nghiệp, nó là như vậy tôi không có chọn lựa. Nếu có phải do những tác nhân



## TRUYỆN CỦA TÔI

sau này, thì nghiệp ấy dành cho tương lai mà thôi. Cho nên giáo lý đạo Phật dạy tu để chuyển nghiệp.

Hồi trước thời Pháp thuộc, trường học rất ít, trường làng chỉ dạy tới lớp ba, học hết trường làng, muốn học lên phải đến trường tỉnh, tuy nhiên có làng có trường học nhưng nhiều làng cũng không có trường. Người Pháp muốn đào tạo một số người Việt có học nên bắt các làng phải cho trẻ con đi học, nhiều làng không có người đi học, người ta phải mượn trẻ con nhà nghèo đi học, thay vì con nhà nghèo phải đi ở đợ, nhờ vậy một ít người con nhà nghèo được đi học, sau làm Thầy Thông, Ký Lục, gia đình trở nên giàu, có quyền, có thế. Do đó, khuyến khích được một số người đi học.

Đệ Nhị Thế Chiến đã xảy ra từ năm 1939, Ý Đức tung hoành ở Âu Châu, Nhật Bản ở Đông Nam Á. Năm Ất Dậu 1945, tại Việt Nam, Nhật đảo chánh Tây, Việt Minh cướp chánh quyền trên tay chánh phủ Trần Trọng Kim. Trong Nam có phong trào Thanh Niên Tiền Phong, các Thầy giáo bỏ trường, bỏ lớp gia nhập Thanh Niên Tiền Phong, thôn quê bất an, trường học đóng cửa, tôi bị thất học từ đó.

Đến năm 1950, dù làng tôi có Trường, nhưng chánh phủ vẫn chưa bỏ Thầy giáo về dạy, tôi học tư và năm đó đậu được bằng Sơ Đẳng Tiểu Học, Văn Bằng do ông Trần Bá Chức Giám Đốc Sở Học Chánh Nam Việt ký, như vậy nó có giá trị cỡ nào? Nhưng chỉ dùng nó để vào học lớp Nhì Trường Tỉnh mà thôi!

Vì Đệ Nhị Thế Chiến, nên Việt Nam không thể xuất khẩu gạo, từ năm 1945 đến 1950 ruộng đất, vườn tược bị bỏ hoang hóa, kinh tế sa sút, gia đình tôi cũng ảnh hưởng, tôi không được xuống Trường tỉnh Long xuyên học.

Năm 1954, cha mẹ tôi lần lượt qua đời, anh tôi mới gửi tôi ở nhà chú đi học, chú tôi là Thầy giáo dạy ở Trường Nữ Châu

## HUỖNH ÁI TÔNG

Độc. Năm đó, trường ở các làng vẫn chưa có nhiều, bạn học đồng lớp với tôi kể ở Bình Di, Bắc Nam, Cồn Tiên, Châu Giang, Núi Sam, Mỹ Đức phải đến Trường tỉnh Châu Đốc để học.



Năm đầu tiên đi học lại, tôi học Nhì F với Thầy Lê Quang Điện, lớp Nhất tôi học Nhất E với Thầy Châu Văn Tính, Thầy dạy giỏi, sau làm Hiệu Trưởng rồi Thanh Tra Hàng Tỉnh Châu Đốc.

Năm tôi học lớp Nhất niên khóa 1955-1956, cuối năm đứng hạng nhất, thi vào Trung Học Thủ Khoa Nghĩa làm trật hết hai bài toán, vậy mà vẫn đậu hạng 51/300 học sinh trúng tuyển.

Năm đó, tôi lại cũng thi tuyển vào Lycée Technique Cao Thắng về sau đổi thành Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng với 3 ngàn sĩ tử, tôi chỉ làm trúng một bài toán, tưởng là rớt nào ngờ đậu hạng 132/250 học sinh trúng tuyển.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Năm học 1961-1962, tôi đứng hạng nhì trên 36 học sinh lớp Đề Nhị A Cao Thắng, là lớp toàn học sinh giỏi trong 5 lớp Đề Nhị năm học đó, vậy mà tôi thi rớt luôn 4 kỳ thi tú tài một năm đó, gồm hai lần thi tú tài phổ thông và 2 lần thi tú tài kỹ thuật (trước 1975, nền giáo dục miền Nam đến lớp Đề Nhị phải thi lấy bằng Tú Tài 1 và sau đó lên Đề Nhất thi Tú Tài 2, còn gọi là Tú Tài toàn phần, hai bằng Tú Tài này trong một năm tổ chức 2 kỳ, kỳ 1 rớt, được thi lại kỳ hai, khoảng 1960 khi đi thậu đậu các bài viết rồi còn phải vào thi hạch miệng, là giám khảo hỏi trực tiếp thí sinh).

Vì tôi thi rớt, nên phải ở lại học thêm một năm, năm sau thi đậu hạng Bình Thứ, xưa đi thi Văn Bằng đều có xếp hạng: Ưu (18-20 điểm, Bình (16- dưới 18 điểm), Bình Thứ (14- dưới 16 điểm) và Thứ (10- dưới 14 điểm).

Năm học 1963-1964, tôi đỗ Tú tài toàn phần, đi thi vào Trường Kỹ Sư Công Nghệ Phú Thọ, những môn khó khăn như Toán, Lý Hóa, Sinh ngữ tôi đều dự đủ, đến hai môn chót khởi đầu là Kỹ Nghệ Họa một buổi chiều và sáng hôm sau Xưởng, hai môn này đối với học sinh kỹ thuật, là hai môn dễ ăn nhứt, vậy mà tôi bỏ thi vì khi đi thi xe Velo Solex của tôi không nổ máy, thợ sửa không được, trễ giờ thi, tôi đành bỏ cuộc!

Sau đó tôi dự thi vào Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, đến năm 1972 nâng lên thành Phân Khoa Giáo Dục Sư Phạm Kỹ Thuật Thủ Đức. Trường lấy 10 thí sinh, tôi đậu thứ 12 nên xin vào học Dự thính, tháng sau kể cả tôi chỉ có 6 anh theo học, vì số kia đậu vào Trường Kỹ Sư Công Nghệ nên bỏ ngành Sư Phạm. Tôi trở nên sinh viên chính thức.

Năm này anh tôi ở Pháp, định cho tôi du học Pháp, sau anh sợ không đủ lo cho tôi, yêu cầu tôi ở Việt Nam học, mỗi tháng anh cho một ngàn, có người nghe anh tôi không đủ sức cho tôi du học, người ta đồng ý bảo trợ cho tôi du học, tôi nghĩ “thọ ơn

người thì dễ, trả ơn mới khó”, đọc tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh thấy nhiều anh học sinh, được nhà giàu nuôi cho du học ở Pháp, sau về trả ơn bằng cách cưới con gái của họ, tôi suy nghĩ ba hôm sau trả lời cảm ơn lòng tốt của họ và quyết định ở Việt Nam học với một ngàn của anh tôi cho và một ngàn tiền học bổng.

Do thích cho nên tôi ghi danh học thêm ở Phân Khoa Khoa Học và Nhân Văn của Đại Học Vạn Hạnh vừa mới mở trong năm 1964.

Học cả hai nơi, tôi không chuyên tâm để học vì nghỉ Sư Phạm học hết năm tháng rồi cũng ra Trường, còn ở Vạn Hạnh học cho biết nên đâu cần phải học gạo, tôi lại sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, tham gia sinh hoạt thành lập Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh, Theo Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPT ra Huế, Quảng Trị họp, tham dự Đại Hội Tổng Hội Sinh Viên Quốc Gia tại Huế... Nhờ có hoạt động trong Tổng Hội Sinh Viên Vạn Hạnh như vậy tôi được sinh hoạt chung với Nhất Chi Mai, với Đại Đức Chơn Thiện, sau này lên Hòa Thượng giữ chức Viện Trưởng, Viện Phật Học Huế, Chị Cao Ngọc Phượng, giáo sư Đại Học Khoa Học sau này là Sư Cô Chân Không.

Vì hoạt động như vậy, cho nên khi ra Trường Sư Phạm Kỹ Thuật có 4 người, người thứ nhất chọn Trường Kỹ Thuật An Giang, vì có vị hôn thê làm ở Bệnh viện Long Xuyên, người thứ hai chọn Trường Kỹ Thuật Vĩnh Long, tôi thứ ba đành chọn xứ Cao nguyên Ban Mê Thuột, dành cho anh thứ tư Trường Kỹ Thuật Đà Nẵng, còn lại 2 anh được giữ lại học 4 năm. Chúng tôi ra Trường ngạch Giao sư Chuyên Nghiệp Đệ Nhất Cấp, chỉ số lương Tập sự 380.

Ngày 19-6-1967, tôi lập gia đình với nhà tôi hiện nay, Bùi Kim Chi, cựu học sinh Gia Long, nhân viên Tòa Đô Chánh Sài Gòn,

## TRUYỆN CỦA TÔI

năm 1968 chúng tôi có con gái đầu lòng, năm 1969 con gái kế, năm 1971, con trai và năm 1973 con gái út.

Khóa 25, 26 tôi đều bị gọi đi trình diện ở Trung Tâm 3 Tuyển Mộ và Nhập Ngủ ở Quang Trung, hai lần đó đều tạm hoãn cho về, lần nào vào cũng gặp Trịnh Công Sơn buổi trưa trải chiếu ngồi dưới hàng cây bả đậu hát nhạc phản chiến, đến khóa 27 cũng tưởng như vậy, nào ngờ đến chiều bị gọi tập trung lên GMC chờ thẳng lên Quân Trường Thủ Đức, xuống xe tại bãi của quân trường được phát ngay đầy đủ Quân trang , quân dụng trở thành quân nhân thực thụ kể từ ngày 12-1-1968.



Tám tháng sau ra Trường với cấp bậc Chuẩn Úy, ngày 10-8-1968, xe của quân Trường Quân cụ chờ thẳng về Trường Quân Cu ở Gò Vấp, để học một khóa Cơ bản Sĩ Quan Quân Cụ, Âm số chuyên nghiệp 552, sau đó lại học tiếp khóa chuyên ngành Sĩ Quan Quân Xa, Âm số chuyên nghiệp 572.

Giữa tháng 4-1969 ra Trường, tới phiên tôi chọn đơn vị, tôi không biết một Đại Đội Quân Cụ đóng ngay ở Ngã Năm

Chuồng Chó, tôi lại chọn vùng IV, rồi được phân bổ về Đại Đội 21 Quân Cụ, đóng tại Sóc Trăng, đúng lúc đó đang cải tổ ngành Tiếp Vận, nên các đơn vị Truyền Tin, Tiếp Vận, Quân Nhu, Quân Cụ xấp nhập lại thành Tiểu Đoàn Tiếp Vận, thuộc Sư Đoàn 21. Nơi đây tôi gặp người bạn học, anh ta có tài đàn, hội họa, nhưng thích uống rượu và tập cho tôi biết uống rượu từ đó.

Sau trận Mậu Thân, tình hình chiến sự vùng IV vẫn chưa yên, tôi được bổ nhiệm Trung đội Trưởng, Trung đội sửa chữa đóng ngay tại thị xã Cà Mau, để yểm trợ Trung Đoàn 32 Bộ Binh của Trung Tá Chung Văn Bông, nghe có người nói ông ta với tôi cùng quê, tôi có được đưa tới trình diện ra mắt ông, và sau đó người tiền nhiệm có xin cho tôi huy chương tập thể Anh Dũng Bội Tinh của Trung Đoàn. Đây là huy chương duy nhất, tôi có giấy chứng nhận, nhưng tôi chưa hề mua để mang huy chương này lần nào.

Thời gian ở đây không có việc chi làm, tôi tập lái xe, đem xe ra phi trường Cà Mau tập lái là dễ dàng nhất, phi trường nhỏ và tạm, đường bay lát bằng ghi sắt, thường dùng là trực thăng. Một hôm có một chiếc Cesna, một đại tá Mỹ sắp thuyền chuyển về Mỹ, mượn chiếc ấy bay đến Cà Mau để thăm lại chốn cũ, Chiếc Cesna đáp xuống sân banh, gần dinh Tỉnh trưởng, lúc về không khởi động được, họ phải chạy tới tôi nhờ chiếc Jeep lùn để câu bình 24 volts khởi động phi cơ.

Đơn vị này là cấp số Trung đội, nhưng chỉ có tôi, một Thượng sĩ và 6 anh lính thợ. Tháng sau cấp số Trung đội bổ sung thêm vài anh lính thợ với xe Wrecker (Xe cẩu) và một xe Jeep, bạn tôi được bổ xuống thay thế cho tôi, tôi được trở về làm Trung đội Trưởng Hậu cứ, có xe jeep với tài xế, nhưng tôi chỉ đi ăn cơm và uống bia ngoài đơn vị, nên anh em hạ sĩ quan xin cho tôi một bằng lái quân đội.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Đầu tháng 9 năm 1969, tôi được Sự Vụ Lệnh biệt phái về dạy học lại của Bộ Tổng Tham Mưu, bạn tôi từ Cà Mau lại trở về thay thế tôi. Ông Đại Úy Đại Đội Trưởng Nguyễn Ngọc Sang cũng là cựu học sinh Cao Thắng, nói với tôi: "- Anh ở chơi với anh em vài hôm rồi tôi sẽ ký cho anh nghỉ phép 10 ngày ở Sài Gòn với vợ con trước khi trình diện Đơn Vị 3 Quân Trị". Lệnh tôi phải chấp hành, nhưng sợ nhất những ngày cuối cùng đó nhiều người đã bỏ mạng! Những ngày đó bạn tôi Hồ Ngọc Thu và tôi sáng say, chiều xin, gần 10 ngày sau tôi mới được làm thủ tục chuyển về TT Quân Trị 3. Tính ra tôi mặc áo nhà binh 1 năm 9 tháng, ở quân trường 1 năm 4 tháng, ra đơn vị vồn vện chỉ có 5 tháng. Một năm 9 tháng đó, sau này tôi phải đi tù Cộng sản 2 năm 2 tháng 20 ngày.

Vào đầu tháng 10 năm 1969, tôi trở lại Trường Kỹ Thuật Y Út Ban Mê Thuột tỉnh Darlac. lần này tôi được bổ nhiệm làm Phụ Tá Học Vụ và Học Sinh Vụ, Trường Kỹ Thuật Đệ Nhất cấp chức vụ này tương đương với Giám Học kiêm Tổng Giám Thị, tôi cũng được đề cử Phát Ngân viên của Trường, chức vụ này có phụ cấp hình như là 0,04% cho tổng số tiền phát lương.

Niên học 1970-1971, tôi xin chuyển về Sài Gòn, được phân bổ về Trung Học Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, tôi vừa đi dạy, vừa đi học lại ở Đại Học Vạn Hạnh đến năm 1973, tôi lấy bằng Cử Nhân Văn Học Việt Nam, năm 1974 tôi lấy được Chứng chỉ I Cao Học Việt Nam hạng Bình Thứ, sau đó tình hình bất an tôi chưa được tiếp tục học thêm.

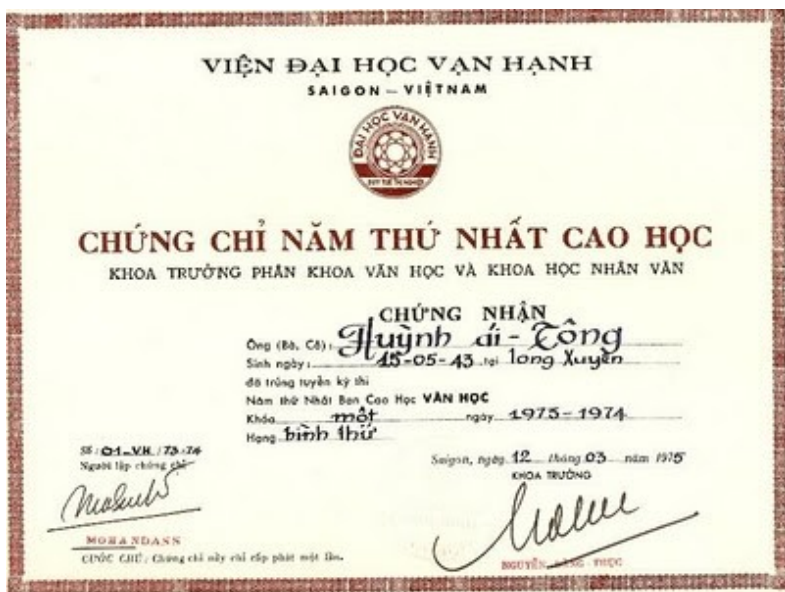
Khoảng năm 1970, tôi bắt đầu viết sách để dạy học, dịch từ sách Pháp Dessin Technique et Construction mécanique 2è et 3è Partie, La capitelle, UZÈS, 1964 của Norbert. Bắt đầu là quyển Kỹ Nghệ Họa lớp 9 do nhà sách Chiêu Dương của nhà văn Nhất Giang xuất bản, sau đó tôi soạn quyển Bài Tập Kỹ Nghệ Họa Lớp 9 do nhà sách Khai Trí xuất bản, tiếp theo tôi

## HUỖNH ÁI TÔNG

soạn quyển Kỹ Nghệ Họa lớp 10 bán bản quyền cho nhà sách Khai Trí (chưa in).

Trong thời gian này, tôi khởi sự khảo cứu viết về Văn Học Miền Nam, quyển sách viết về lịch sử cuộc Nam tiến cuối cùng, các văn nhân và tác phẩm của họ, sự hình thành chữ quốc ngữ ...

Ngày 10-02-1970, đủ thâm niên, tôi được thăng cấp bậc Thiếu Úy, theo Nghị định số 160/TTM/NĐ ngày 02-3-1970. Ngày 10-2-1972, đủ thâm niên đương nhiên tôi được thăng cấp bậc Trung Úy, nhưng từ khi biệt phái năm 1969, tôi chưa hề mặc lại quân phục, chưa hề sắm lon Thiếu Úy cũng như Trung Úy.



Niên học 1974-1975, tôi được đề cử làm Hiệu Trưởng Trung Học Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ.



## TRUYỆN CỦA TÔI

Ngày 30-4-1975, Miền Nam thay chủ đổi ngôi, đến 25-6-1975 tôi bị đi Học Tập Cải Tạo tại Trảng Lớn, năm sau chuyển lên rừng Cà Tum, trong địa phận tỉnh Tây Ninh. Tại đây tôi bị chỉ định làm B trưởng, cho đến 16-9-1977 tôi được tạm tha, có giấy ra trại cho về Phú Hòa An Giang.

Giữa tháng 10 năm 1977, tôi được tuyển vào làm nhân viên tại phòng Thanh tra An Toàn Lao Động thuộc Sở Lao Động, tính ra từ Trại Cải tạo về mới có 28 ngày, tôi đã có việc làm được tuyển vào Kỹ sư Cơ khí bậc 1, lương 63 đồng tháng, phụ cấp mỗi đứa con 5 đồng.

Khoảng cuối năm 1978, tôi bị chuyển về Phân Viện Thiết Kế, thuộc Sở Công Nghiệp.

Năm 1981, tôi được đề cử giữ chức Trưởng Phòng Công Nghệ, Phân Viện Thiết Kế, năm này tôi được Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thủ Đức mời giúp hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp, sau đó được mời làm giảng viên, mỗi tuần dạy 6 giờ, tôi dạy được 3 tháng, do công tác lắp đặt máy ép dừa ở Bến Tre, tôi không tiếp tục nữa.

Năm 1982, tôi được Giám Đốc Sở Công Nghiệp đề cử giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Thành phố, thời đó tôi là một anh chàng *nguy quân nguy quyền*, làm sao làm Thủ trưởng cơ quan cho được, cho nên Ban Tổ chức chánh quyền thành phố Hồ Chí Minh đồng ý để tôi làm Hiệu phó, đặt anh Bí thư Chi bộ Trường làm Quyền Hiệu Trưởng, đến năm 1984 tôi xin chuyển về cơ quan cũ, giữ chức vụ Trưởng Phòng Kinh Tế Kế Hoạch, khi cơ quan này nâng lên thành Công Ty. Tôi làm việc tại đây cho đến ngày được đi định cư ở Mỹ năm 1991.

Trước tiên tôi xin đi Pháp, cuối năm 1984 chuyển cảnh sang Mỹ, đi diện ODP (Đoàn tụ gia đình), chờ lâu năm 1990 tôi

## HUỖNH ÁI TÔNG

khieu nại là tôi có bị Cải tạo tập trung 2 năm 2 tháng 20 ngày, cộng thêm 2 năm bị quản chế, vị chỉ hơn 4 năm, nên cuối cùng phái đoàn Mỹ cho đi diện HO.



Đến Mỹ việc làm trước tiên của tôi là Bilingual Associate cho một trường Trung Học rồi Trường Tiểu Học, lương năm đó là \$7.20/giờ, dạy học thì ngày chỉ có 6 giờ 30 phút, năm chỉ chừng 180 ngày, cho nên  $\$7.20 \times 6.5 \times 180 = 8,424.00/\text{năm} = \$162.00/\text{tuần}$  (chưa trừ thuế)

Lúc mới qua, thu nhập thấp, tôi xin được tiền trợ cấp, đi học ở Trường Đại Học Cộng Đồng JCC được mấy mùa, học lại những môn như Toán, Lượng Giác không khó chi với người Việt Nam đã có Tú Tài. Tuy nhiên vừa đi làm toàn phần lại đi học nên cũng vất vả, tôi nghĩ có lấy bằng tuổi cũng cao, tìm việc khó thêm, thế là tôi bỏ học thêm.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Tôi tham gia các sinh hoạt Cộng Đồng, thành lập Hội Phật Giáo, Hội Cự Từ Nhân Chánh Trị, viết bài cho báo của Cộng Đồng, xuất bản một bản Nguyệt san Phật giáo, do bản tánh của người Việt, thấy kẻ khác hơn mình thì ganh ghét, tôi tự rời bỏ Hội Phật Giáo, còn Hội Cự Từ Nhân Chánh Trị, sau khi tôi từ chức Tổng Thư Ký, họ khai trừ tôi với lý do “viết bài có lợi cho Cộng sản”. Tôi cùng 8 anh chị em thành viên Gia Đình Phật Tử Miền Vĩnh Nghiê<sup>m</sup> thành lập Ái Hữu Gia Đình Phật Tử Vĩnh Nghiê<sup>m</sup> Hải Ngoại vào cuối năm 1991, thành viên đa phần ở Hoa Kỳ, Canada, Úc, Pháp, mục đích ban đầu giúp anh chị em GDPT Vĩnh Nghiê<sup>m</sup> mới định cư, tạo tương thân tương ái, hỗ trợ cho sinh hoạt ở quốc nội. Tôi có lập cho AHVN một Trang nhà từ năm 1998. Năm 2004, tôi soạn và anh Tuệ Linh tìm nguồn tài trợ, chúng tôi xuất bản **Tập Kỷ yếu Gia Đình Phật Tử Miền Vĩnh Nghiê<sup>m</sup>**.

Dạy học chỉ một năm, tôi bỏ việc, đi làm cho hãng Dobb là hãng làm thức ăn cho hành khách đi phi cơ, thời gian này tôi mua nhà. Sau đó kinh tế Mỹ xuống dốc, làm không có giờ phụ trội, tôi bỏ đi là cho hãng Nhựt, chuyên sản xuất Censor dùng cho xe hơi, tủ lạnh ..., chỗ làm xa nhà, tôi lại bỏ việc, đi làm cho hãng sản xuất sữa Dean Food, được mấy tháng vì không chịu nổi lạnh, tôi lại bỏ đi làm hãng sản xuất bánh tráng Mesa Food, thức ăn Mễ, làm gần một năm, có người giới thiệu đi làm cho Fabricated Metals, là công ty chuyên làm sản phẩm cung cấp cho các hãng xe lửa, tôi đầu quân cho hãng này từ 1-8-1994.

Năm 1995, nguyệt san Phật Học vừa in phát không cho độc giả nhiều Tiểu Bang Mỹ, Canada, Úc, Pháp ... vừa đưa lên Trang nhà, dùng Phần mềm Publisher, nên in và trên Mạng nội dung và hình thức giống y nhau.

Tại công ty Fabricated Metals, tôi được tuyển làm công nhân, sau lên văn phòng để vẽ AutoCAD, có khi ít việc lại xuống

## HUỖNH ÁI TÔNG

xưởng làm, tôi làm ở công ty này cho đến về hưu 15-5-2009, gần được 15 năm, là nơi tôi làm việc lâu nhất trong đời.



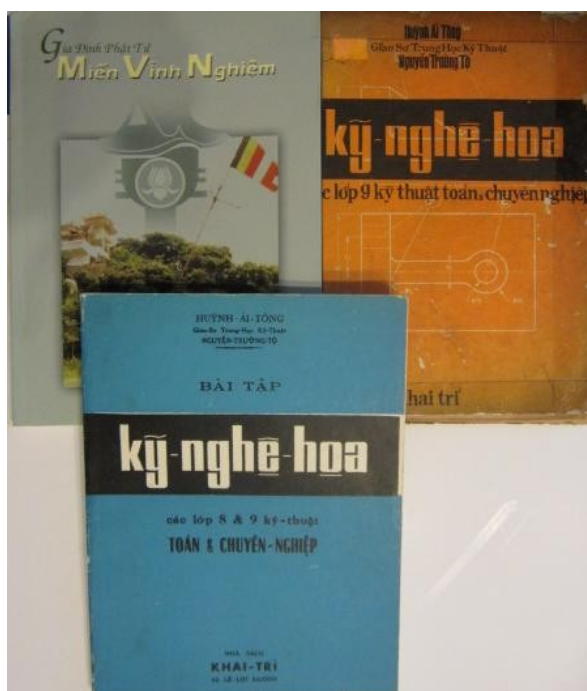
Tại Công Ty Fabricated Metals LLC  
(Larry Garven và Shawne)

Năm nay, về Sài Gòn tôi nhờ một người bạn dàn trang quyển **Văn Học Miền Nam** dày 600 trang, đây là tác phẩm đầu tay của tôi, tập hợp các bài viết từ năm 1972 cho đến 2009 mới hoàn tất, tôi có đưa lên Mạng sách này, nhiều Trang Web đã chọn ra đăng tải một số bài, tôi đang nhờ nhà văn Nhất Giang giới thiệu dùm một nhà xuất bản quen biết để xuất bản.

Đến nay, ba con lớn đều có gia đình, đời sống ổn định, con gái út chưa có gia đình công ăn việc làm cũng ổn, chúng tôi hiện sống với đứa con này.

## TRUYỆN CỦA TÔI

Nguyệt san Phật học không còn in nữa, nhưng hàng tháng vẫn còn trên Mạng <http://nsphathoc.org>, Trang nhà Ái Hữu Vĩnh Nghiêm vẫn được cập nhật hàng tuần <http://ahvinhnghiem.org>, thêm vào đó tôi còn chủ trương Trang nhà cho Trường Nguyễn Trường Tộ cũ <http://trunghockythuatnguoyentruongto.org> và Trang nhà của cựu học sinh Cao Thắng niên khóa 1956-1957 <http://sites.google.com/site/truongkythuatcaothang/home>



Nhìn lại quãng đời đã qua, tôi thấy tôi không có may mắn trong việc học hành và thi cử. không có khiếu về thể thao, văn nghệ, không có tài ăn nói. Đi làm thi luôn luôn bị người ta đặt đẽ vào các chức vụ, lần đầu tôi làm Hiệu Trưởng do ông Phạm Văn Tài đề cử và được chính ông Tổng Trưởng Giáo Dục ký Sự Vụ Lệnh theo đề nghị của ông Tài, trong khi Giám Đốc Nha Kỹ Thuật Học Vụ chỉ đề cử tôi Xử Lý Thường Vụ Hiệu Trưởng.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Lần thứ hai, tôi vẫn thắc mắc ai đã đề cử tôi, một nguy quân, nguy quyền lúc đó, Ban Giám Đốc Sở chưa hề biết tôi là ai, cho đến cuối năm nay 2009 sau hơn một phần tư thế kỷ, tôi mới khẳng định được, người đề cử tôi chính là ông Phan Kim Báu, nay đã mất, nguyên Hiệu Trưởng Trường trước ông Phạm Văn Tài.

Điều ước muốn của tôi, nhỏ đi học, lớn đi làm góp phần xây dựng xã hội lành mạnh, giai đoạn về hưu có thì giờ tu tâm dưỡng tánh chớ không phải hưởng thụ, những gì đã qua tôi nghĩ mình đã làm xong, nhưng chưa thể biết được sở nguyện tôi có thành đạt trong những ngày sắp tới không ? Và ước mong được như lời Khổng tử nói: “Thất thập nhi tông tâm dục, bất du cử” vậy.

Ngày 25 Tết Canh Dần

